BỘ 2 • SỐ 18 • THÁNG MƯỜI, 1990

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Các sáng tác mới nhất
của những nhà văn nữ hải ngoại

Vài ảo tưởng và mặc cảm
Vương Hữu Bột

LITTLE SAIGON

SUPERMARKET

小西貢超級市場

ĐANG ĐƯỢC ĐỒNG HƯỚNG ỦNG HỘ MẠNH NHẤT!

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT!

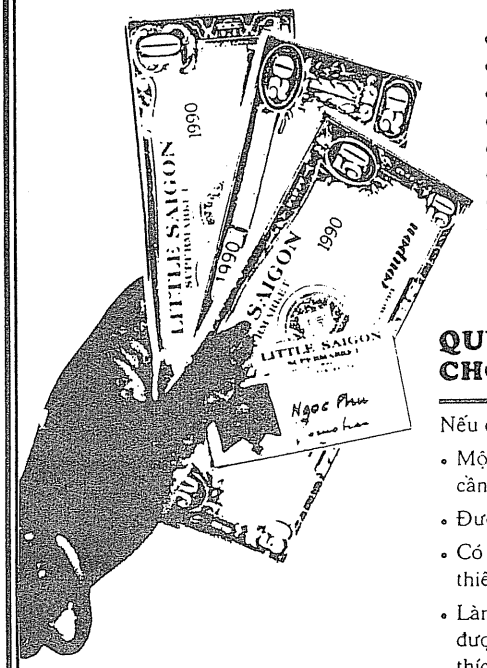

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt cá rau tươi NHẤT
- Đầy đủ các hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người thích NHẤT

QUÝ VỊ ĐÃ CÓ THẺ MEMBERSHIP CỦA CHỢ LITTLE SAIGON CHƯA?

Nếu có, thì quý vị được hưởng những quyền lợi sau đây:

- Một khi Cash Check hay trả tiền bằng Ngân phiếu, quý vị khỏi cần trình bằng lái xe hay thẻ Tín dụng.
- Được hưởng Coupons các loại hàng giá hạ, gởi tận nhà.
- Có xổ số mỗi tuần dành cho các Hội viên, với các tặng phẩm thiết dụng và đáng giá.
- Làm thẻ hội viên miễn phí. Có thẻ hội viên, quý vị sẽ tiết kiệm được một số tiền không nhỏ cho việc chi tiêu, và được nhiều thích thú bất ngờ.

Open: 9:00 AM to 9:00 PM.
7 Days A Week

Mua tận gốc, bán tận ngọn ⊛ Quý vị được mua hàng với giá hạ nhất, chỉ có tại Chợ Little Saigon

100 NGƯỜI NÓI, 1.000 NGƯỜI TIN, 10.000 NGƯỜI ĐẾN

MỘT SIÊU THỊ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI HẢI NGOẠI

9822 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 ★ Tel: (714) 531-7272

design by Ngoc Phu

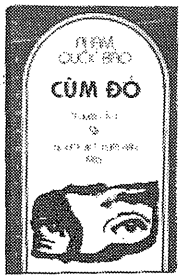

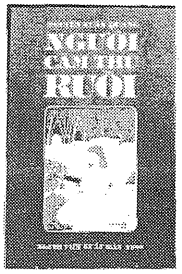

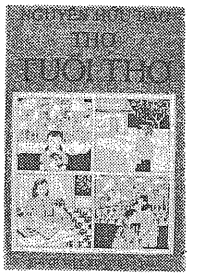

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT
14841 Moran Street
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

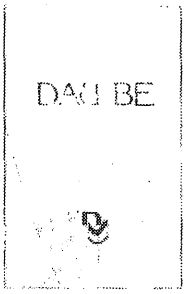

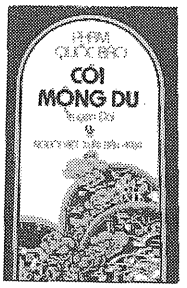

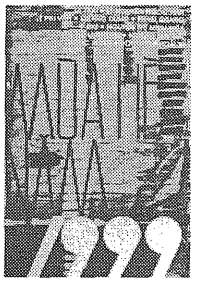

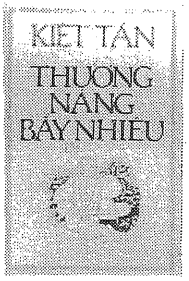

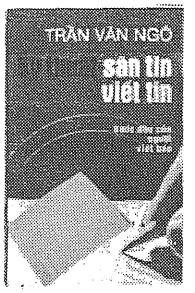

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

Tại **PHÁP:**

* Le Tai Dien
  21 Jean Racine
  95400 Villiers-Le-Bel
  Paris-France

* Nam Á
  44, Ave. D'Ivry
  Paris
  75013 France

Tại **TÂY ĐỨC:**

* Lê Vũ
  Flattichstr. 55
  7140 Ludwigsburg
  Hoheneck W. Germany

Tại **CANADA:**

* Nhà sách Trung Việt
  6520 Darlington - Montreal
  Qué H3S2J3
  Canada
  Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
  415 Spadina Ave.
  Toronto - Ont - M5T2G6
  Canada
  Tel. (416) 595-5199

* Âu Cơ
  10767 Street
  Edmonton - T5H2M2
  Canada
  Tel. (403) 428-7154

* Kim Sơn
  265 E. Hasting
  Vancouver B.C.
  V6R1P2 Canada
  Tel. (604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
  15 Rochdale Ave.
  Toronto
  M6E1W9 Canada

Tại **ÚC:**

* Tòa soạn báo Việt Luận
  P.O. Box 415
  Villawood, NSW 2163
  Australia

* Văn Lang Publishing
  1st Floor. 34 Old Town
  Plaza Bankstown
  NSW 2200 Australia

* Vietnam Lang & Cul. Pub.
  PO Box 133 Pascoe Vale
  South Vic. 3044 - Australia

* Saigon
  Shop 17, Penny Arcade
  Cabramatta góc Arthur St.
  và Railway trong khu siêu
  thị Franklin
  Tel. 727-2609

* Mỹ Hóa
  3710 Springvale Rd.
  Vic. 3171
  Tel. (03) 548-2216

Tại **NHẬT BẢN:**

* Mekong Center
  F140 Tokyo - To,
  Shinagawaku
  Yashio, 5-12-69-115
  Japan

* Thằng Bờm
  1 Shinowada 262
  Ichodanchi 72-918
  Yamatoshi Kanagawaken
  Japan

Tại **HOA KỲ:**

Minnesota:

* Saigon Bookstore
  2950 4th Ave. S.
  Minneapolis MN 55408
  Tel. (612) 722-4360

Washington State:

* Nam Phương
  1032 S. Jackson St. #B
  Seattle, WA 98104
  Tel. (206) 324-6364

Virginia:

* Nhà sách Alpha
  6771 Wilson Blvd.
  Falls Church, VA 22044
  Tel. (703) 536-4008

* Nhà sách Thế Hệ
  6763 Wilson Blvd. #9
  Falls Church, VA 22044
  Tel. (703) 532-7890

Florida:

* Tiến Hưng
  1108-1112 E. Colonial Dr.
  Orlando, FL 32803
  Tel. (305) 841-5677

* Đông Phương
  3638 Hendenson Blvd.
  Tampa, FL 33609
  Tel. (813) 874-0526

New York:

* Tú Quỳnh
  128 Hester St.
  New York, NY 10002

Massachusetts:

* Thăng Long
  201 Adams St.
  Dorchester, MA 02122

Louisiana:

* Về Nguồn
  1717 Caal St. Suite 12
  New Orleans, LA 70112

* Tiểu Nha Trang
  3709 G. West Bank
  Expressharvey, LA 70058

Tel. (504) 340-4626

Missouri:

* Saigon Center
424 Locus
Kansas, MO 64106
Tel. (816) 421-6838

Texas:

* Mỹ Linh
3512 Walnut
Garland, TX 75042
Tel. (214) 276-9852

* Liên Hương
8610 Lamar Blvd.
Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
6617 Aiport Blvd.
Austin, TX 78753

* Tinh Hoa Bookstore
2800 Travis #5
Houston, TX 77006

* Duyên Hải
2200 Jefferson St. #5
Houston, TX 77003
Tel. (713) 224-6615

* Ngày Nay
8200 Wilcrest #5
Houston, TX 77072
Tel. (713) 568-6400

* Thiên Nga
2929 A Milan St.
Houston, TX 77006
Tel. (713) 650-1770

* Văn Hóa
2117 K Chenevert
Houston, TX 77003
Tel. (713) 650-1770

California:

* Tòa soạn nhật báo
Người Việt Bắc Cali
71 E. William St.
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 297-3988

* Thư Quán
Asian Pacific Plaza
6511 N. Inglewood Ave. #7
Stockton, CA 95207

* Mây Hồng
115 N. Fourth St. #105
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 971-9808

* Văn Uyển
496 S. 2nd St.
San Jose, CA 95113

* Hồng Bàng
1692 Tully Rd #16
San Jose, CA 95129
Tel. (408) 270-0865

* Nhà sách Toàn Thư
79 S. 3rd #12
San Jose, CA 95133

* Tự Do
818 Tully Rd. #158 A
San Jose, CA 95112

* Thanh Thúy Bookstore
535 Eddy St.
San Francisco, CA 94109
Tel. (415) 775-6568

* Cửu Long
528 W. Alpine
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 620-9650

Little Saigon:

* Tự Lực
14138 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92543
Tel. (714) 531-5290

* Phượng Hoàng
14354 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel. 839-6481

* Tú Quỳnh
9581 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 531-4284

* Quê Mẹ
2339 W. First St.
Santa Ana, CA 92703
Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
9200 Bolsa Ave., Ste 123
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-0801

Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21 xin vui lòng liên lạc với chúng tôi. Hoa hồng cao.
Nhà xuất bản NGƯỜI VIỆT
14841 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14841 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Chủ biên văn học:
Nguyễn Xuân Hoàng
Chủ biên biên khảo:
Lê Đình Điểu
Giám đốc mỹ thuật:
Nguyễn Đồng
Giám đốc trị sự:
Tâm Quyên

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$15; 12 số US$28; 24 số $US54. First class trong nước Mỹ 6 số US$22; 12 số US$42; 24 số US$82. Canada: 6 số US$23; 12 số US$44; 24 số US$86. Các nơi khác: *Âu Châu:* 6 số US$32; 12 số US$62; 24 số US$122; *Á Úc, Phi:* 6 số US$37; 12 số US$72; 24 số US$142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14841 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21 xuất bản và phát hành bởi Công Ty Người Việt (Nguoi Viet Inc.) 14841 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

THƯ TÒA SOẠN

Bạn đọc thân mến,

Kỳ này báo đến tay bạn trễ. Những biến chuyển dồn dập liên quan đến tình hình Việt Nam và cộng đồng chúng ta ở hải ngoại luôn luôn vẫn là "căn nguyên" của sự kéo dài các trang cuối của tờ báo. Một yếu tố khác cũng khiến "sự chậm trễ có lý do" là phần văn học nghệ thuật đặc biệt cho số này: sáng tác mới của các nhà văn nữ Việt Nam hải ngoại. Một chủ đề như thế — tập hợp những bài viết của các nhà văn nữ "lưu vong" sáng tác dưới nhiều thể loại: thơ, truyện, tiểu luận, nhận định, biên khảo, phê bình văn học, ... — trong một số báo, đương nhiên phải cần có thời gian. Chính là qua số báo này và cả trong số tới (vì không đủ chỗ cho các sáng tác của các nhà văn nữ thân mến của chúng ta) Thế Kỷ 21 *muốn là diễn đàn ngợi ca những cây bút đa dạng đang góp phần làm giàu cho nền văn học Việt Nam.*

Các bạn sẽ thấy một "ngôn ngữ rất Túy Hồng" trong một bài viết của Túy Hồng, sự uyên bác trong biên khảo của Nguyễn Thị Chân Quỳnh, một kỹ thuật tân kỳ trong truyện của Trần Diệu Hằng, một thao thức trong vận động sáng tạo của Lê Thị Huệ, một "hư cấu rất thực" trong ngòi bút Vi Khuê, tinh tế trong việc đọc sách của Quỳnh Giao, sâu sắc giữa những dòng chữ của Trần Sa, phơi phới hân hoan trong sáng tác Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Phan Thị Trọng Tuyến, sức tưởng tượng vô cùng ... tận của Nguyễn Thị Hoàng Bắc, thông thái như Thụy Khuê và rất hiện thực như Nhã Ca ... Chúng tôi không nghĩ rằng mình đã nói quá đáng khi ngợi ca những cây bút phái nữ của chúng ta. Chúng tôi nghĩ rằng nói thế còn quá ít. Bởi vì chúng ta đang còn có hội họa Nguyễn Thị Hợp, Bé Ký những tác phẩm tràn đầy phong cách quê hương; chúng ta còn có văn của Trần Thị Kim Lan, Vũ Quỳnh Hương, Cao Bình Minh, Hàn Song Tường, thơ của Trần Mộng Tú, Nguyễn Thị Minh Thủy, Như Chi, Nguyễn Thị Thanh Bình ... Một bài đọc mới đây của cô Lê Ngoan trong Đại hội Cộng đồng cũng là một điều khiến chúng ta phải giật mình cảm phục.

Chính môi trường xã hội mới mẻ này đã cung cấp cho người cầm bút đề tài xây dựng tác phẩm. Và cũng chính những tác phẩm ấy tác động ngược lại trên xã hội, nên sáng tác kia chứa đựng được trong nó máu thịt của đời sống. Đọc các sáng tác của những nhà văn nữ Việt Nam hải ngoại, chúng ta thấy ngay cái ý niệm về biên giới của một quốc gia ngày nay đã không còn hạn hẹp nữa.

Các nhà văn nữ — cũng như những người cầm bút Việt Nam lưu vong nói chung — khi bỏ

nước ra đi đã không quên mang theo trái tim Việt Nam trong lồng ngực họ. Giờ đây những người Việt Nam ở Âu Châu, Úc Châu hay Mỹ Châu . . . họ đã tỏa ra nơi chốn ngụ cư ấy hương thơm Việt Nam.

Rồi đây các nhà phê bình văn học trong khi nghiên cứu văn học Việt Nam không thể bỏ qua sáng tác của những người cầm bút lưu vong. Cái làm thành văn học Việt Nam không phải là những chiếc bong bóng nhiều màu được thổi qua một cái ống đu đủ của một chú bé mơ mộng. Văn học Việt Nam là một vườn hoa mà trong đó cái đẹp của đóa hoa này không làm chìm mất vẻ đẹp của những đóa hoa kia. Tách bạch nó qua một bên, làm ồn ào lên, "cường điệu" quá đáng một đóa hoa, đôi khi sẽ làm cho nó mất đi những màu sắc thực của nó. Văn chương chẳng phải là ca hát. Đời sống của văn chương không nằm trên sân khấu. Đời sống của nó nằm trên những trang giấy . . .

Biện hộ như vậy là quá dài, nhưng chưa đủ. Chắc các bạn sẽ nói như vậy, phải không?

Vậy thì xin các bạn cho nói thêm một chút về một đề tài khác, một đề tài đang được nhiều tờ báo Việt ngữ ở hải ngoại thảo luận trong tháng qua. Đó là các lời kêu gọi tẩy chay những văn hóa phẩm sản xuất từ trong nước và ấn hành lại ở hải ngoại. Một số người lên án lời kêu gọi trên, vì đó là một hình thức kiểm duyệt; trên nguyên tắc, việc kiểm duyệt đi ngược lại với lý tưởng tự do dân chủ mà chúng ta đều theo đuổi. Tất nhiên, những tổ chức và cơ sở báo chí đưa ra lời kêu gọi trên biết rằng họ đang đòi hỏi một hình thức kiểm duyệt, dù chưa được nói rõ, là các tác giả của lời kêu gọi coi như cộng đồng Việt Nam hải ngoại "đang ở trong tình trạng chiến tranh" đối với chế độ Hànội. Trong tình trạng chiến tranh, nhiều quốc gia áp dụng chế độ kiểm duyệt đối với các văn hóa phẩm từ phe thù nghịch, và bao vây kinh tế, không mua sản phẩm của bên địch.

Một lý luận khác để chống lại các lời kêu gọi kiểm duyệt, là dù cộng đồng hải ngoại có "ở trong tình trạng chiến tranh" với chế độ Hànội, nhưng nếu các cuốn truyện, bài văn, thơ có tác dụng làm hại chế độ đó thì nên được khuyến khích phổ biến, chứ không nên cấm. Ngược lại, các tác giả đưa ra lời kêu gọi kiểm duyệt có thể biện minh rằng mức độ tác hại còn nhỏ và ngược lại, chế độ cộng sản Hànội có thể được lợi nếu người Việt ở ngoại quốc đọc các tác phẩm văn chương phê bình và đả phá chế độ.

Cuộc tranh luận, tới chỗ rốt ráo, chính là câu hỏi: các tác phẩm được in lại và phổ biến đó có giúp sớm lật đổ chế độ cộng sản và thiết lập tự do dân chủ ở Việt Nam hay không? Câu trả lời tùy thuộc chúng ta biết gì về tác dụng của các tác phẩm trên đối với đồng bào trong nước. Cuộc thảo luận hướng về câu hỏi đó, lấy mục tiêu tối hậu là việc xóa bỏ chế độ độc tài cộng sản và thiết lập tự do dân chủ làm căn bản thảo luận, lấy tin tức về tác dụng của các tác phẩm đó làm đề tài bàn cãi, cuộc thảo luận lúc đó sẽ nghiêm chỉnh hơn. Mặt khác, cuộc thảo luận cũng phải đề cập tới giá trị văn chương của các tác phẩm đang được bàn cãi. Nếu các tác phẩm đó có giá trị nhân bản, có nghệ thuật có làm giàu cho nền văn học tiếng Việt, thì chúng ta có quyền ngăn cản không cho đồng bào tự do đọc chăng? Cuốn Một ngày trong đời của Ivan Denisovich đã chính thức được Krutchev cho in, nhưng không vì thế mà Việt Nam Cộng Hòa không cho phép phổ biến bản dịch của Thạch Chương. Cuốn sách đó của Solzhenitsyn không chỉ trích chế độ cộng sản một cách trực tiếp, mạnh bạo và đầy đủ như nhiều tác phẩm mới xuất hiện ở Việt Nam.

Vì cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại là một cộng đồng tự do, đa dạng, và tin tức về tình hình trong nước không bao giờ được tiếp thu, nhận định một cách, một chiều, đồng loạt, cho nên cuộc thảo luận này sẽ còn kéo dài. Mức độ nghiêm chỉnh trong cuộc thảo luận sẽ cho thấy chúng ta đã trưởng thành như một tập thể dân chủ hay chưa?

Trong khi đó, vụ thảm sát nhà báo Lê Triết, tức Tú Rua, là một cái tang chung cho tất cả các báo chí và giới văn nghệ Việt Nam ở hải ngoại. Việc ám sát một người cầm bút là một hành động xâm phạm trầm trọng quyền tự do ngôn luận, chúng ta phải lên án triệt để. Trong quá khứ, cộng sản Việt Nam đã nhiều lần thi hành thủ đoạn tàn bạo, bất lương này, mà tiêu biểu là vụ ám sát Từ Chung, vụ bắt giam và đầy đọa tới chết Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Hoạt, Vũ Hoàng Chương, v.v.

Thư bất tận ngôn.

Chúc bạn đọc an khang.

THẾ KỶ 21

Bìa
và Minh họa:
Nguyễn Thị Hợp

TRONG SỐ NÀY

CHÍNH TRỊ VÀ BÌNH LUẬN

VƯƠNG HỮU BỘT
Vài mặc cảm và ảo tưởng / 8
NGUYỄN HỮU CHUNG
Hãy ngưng... chống Cộng / 13
TON THẤT THIÊN
Một vài nguyên tắc để xây dựng một nước Việt Nam mới / 14
LÊ MẠNH HÙNG
Hiện tình chính trị Việt Nam và triển vọng trong những năm tới / 16
BERNARD LEWIS / ĐẶNG HOÀNG dịch
Căn nguyên cơn cuồng nộ của người Hồi giáo / 20

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

VI KHUÊ
Dưới ánh mặt trời / 32
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
Thứ Bảy, Xóm Tàu, Xóm Việt / 36
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC
Truyện đùa hay nhất trong năm / 43
LÊ THỊ HUỆ
Phố mùa / 48
NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG
Gai Hồng / 52
TRẦN DIỆU HẰNG
Nhân vật X. / 58
TUY HỒNG
Nghệ thuật khai phá: Nhóm sáng tạo / 66
NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH
Khoa cử thời cải cách / 70
QUỲNH GIAO
Nhã Ca, trong nỗi buồn một mình / 73
THỤY KHUÊ
Viết cho ai đọc? / 76
VÕ PHIẾN
Giới thiệu hồi ký Ánh Sáng và Bóng Tối của Hoàng Liên / 82
LE THỤY
Thời sự tháng qua / 85
LAM SƠN
Phải lên án bạo lực / 88

THƠ

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH * VI KHUÊ * TRANSA * NGUYỄN THỊ MINH THỦY * TRẦN MỘNG TÚ

Phụ bản THÁI TUẤN * *Hí họa* GÚC, KÚM, VẸT

VÀI ẢO TƯỞNG VÀ MẶC CẢM Vương Hữu Bột / 8

Tác giả *Đổi Mới Kinh Tế* góp ý kiến về cái câu chuyện trong phạm vi văn hóa bằng cách trình bày với *các vị* đang sống ở trong nước *một cách nhìn khác* trong các vấn đề mà họ đang quan tâm suy nghĩ.

HÃY NGƯNG . . . CHỐNG CỘNG Nguyễn Hữu Chung / 13

Đọc cái "tít" ấy, các bạn nghe có ghê không? Cái gì đây? Sao vậy? Mời bạn. Bài viết ngắn. Chỉ một trang giấy. Nhưng vấn đề dài. Dài lắm.

CĂN NGUYÊN CƠN CUỒNG NỘ CỦA NGƯỜI HỒI GIÁO Bernard Lewis, Đặng Hoàng dịch / 20

Bài viết công phu của một giáo sư chuyên về Nghiên cứu Cận đông tại Đại học Princeton. Ông thử đưa ra một số câu trả lời cho câu hỏi tại sao Hoa Kỳ trở thành kẻ thù không đội trời chung của Hồi giáo.

THƠ VĂN, BIÊN KHẢO, NHẬN ĐỊNH PHÊ BÌNH, CỦA CÁC NHÀ VĂN NỮ VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Mấy lúc gần đây người ta thường nhắc tới hai tác giả nữ trong nước là Dương Thu Hương và Phạm Thị Hoài. Dương Thu Hương là một nhà văn can đảm. Phạm Thị Hoài là biểu tượng của một ngòi bút ngổ ngáo. Đặt qua một bên tính cách chính trị của tác phẩm, người ta thấy cả Dương Thu Hương lẫn Phạm Thị Hoài đang viết *cái cách* mà những nhà văn nữ của Sàigòn chúng ta từng viết. Ngổ ngáo của Hoài không qua nổi Trùng Dương và ở một mặt nào chỉ mấp mé con đường mà Trần Thị NgH đã đi. Còn Dương Thu Hương? Phải chăng giá trị của một tác phẩm văn học chỉ là vấn đề đề tài??
Chúng tôi yêu thích sự ngổ ngáo và chân thật, một cách tàn nhẫn của Phạm Thị Hoài, cũng như yêu mến thứ ngôn ngữ tiểu thuyết rất gần với chúng ta qua các tác phẩm của Dương Thu Hương, điều đó không có nghĩa là chúng ta chỉ thấy cây mà không thấy rừng. Các nhà văn nữ của chúng ta ở hải ngoại hiện nay — dù sống trong một hoàn cảnh khó khăn hơn những nhà văn trong nước (nhà văn nữ hải ngoại phải đương đầu với công ăn việc làm, gia đình, nhà cửa, xe cộ, con cái . . . trong khi nhà văn nữ trong nước lãnh lương nhà nước chỉ để viết, được vào trại sáng tác, ăn chỉ để viết, được tham quan chỗ này chỗ nọ để rồi viết . .)Thế nhưng... xin đọc các sáng tác của họ. Không phải chỉ trong số báo này. Mời bạn đọc đọc tiếp cả trong số tới.

VÀI ẢO TƯỞNG VÀ MẶC CẢM

VƯƠNG HỮU BỘT

Một độc giả *Thế Kỷ 21*, sau khi đọc cuốn *Đổi Mới Kinh Tế*, đã viết thư khuyến khích tác giả, và bày tỏ ý kiến rằng: Bàn chuyện kinh tế bây giờ chưa đúng lúc, việc thay đổi đất nước phải bắt đầu trong phạm vi văn hóa.

Tôi đồng ý hoàn toàn. Khi dựng lại đất nước, chuyện thay đổi nếp suy nghĩ, nếp sống, cách nhìn cuộc đời v.v. quan trọng hơn là chuyện đổi hệ thống ngân hàng, đổi cách tổ chức xí nghiệp v.v. Nếu độc giả để ý, sẽ thấy rằng trong cuốn *Đổi Mới Kinh Tế* tôi đã đề cập rất nhiều lần đến nếp suy nghĩ, cách nhìn cuộc đời, đến phương pháp khoa học, đến lịch sử, đến tinh thần dung hóa của dân tộc Việt v.v., đều thuộc phạm vi văn hóa cả. Điều tôi mong mỏi quý vị độc giả hiểu ngay cho là chúng ta không thể tách rời phạm vi sinh hoạt này với phạm vi sinh hoạt khác của xã hội được. Kinh tế, chính trị, văn hóa là các bộ mặt của cuộc biến chuyển trong xã hội, của đời sống cộng đồng dân tộc. Một sự thay đổi ở khía cạnh này sẽ thúc đẩy sự thay đổi ở khía cạnh khác.

Trong bài này chúng tôi xin góp ý kiến về vài câu chuyện trong phạm vi văn hóa. Một cách cụ thể, tôi sẽ thảo luận với một số vị đang sống ở trong nước Việt Nam, dựa trên các lời phát biểu của họ mà tôi được đọc. Chuyện này tôi đã làm một lần, trong *Thế Kỷ 21* số 2 (tháng Sáu 1989) khi tôi phê bình các ý kiến của những giáo sư Lý Chánh Trung, Trần Văn Giàu về khoa học xã hội ở Việt Nam. Mục đích của bài trước, cũng như bài này, là trình bày với các vị đang sống ở trong nước *một cách nhìn khác*, trên các vấn đề mà họ đang quan tâm suy nghĩ. Chúng ta nói các đề án khác nhau, nêu lên các giải pháp khác nhau; không những thế chúng ta còn có những cách nhìn, cách đặt vấn đề khác nhau nữa. Vì cách đặt câu hỏi dựa trên các giả định và tiền đề khác biệt, cho nên các cuộc thảo luận có thể trở thành vô ích. Tốt nhất, trước khi bàn đến giải pháp của những vấn đề, chúng ta nên hiểu nhau hơn về cách đặt vấn đề, cách nêu câu hỏi. Để giúp hiểu nhau hơn về các giả định và tiền đề của các câu hỏi, chúng ta cần xóa bỏ một số mặc cảm và ảo tưởng.

Mặc cảm về nhãn hiệu tư bản

Trên thế giới đã từng có một số người, một số nước theo một ý hệ gọi là chủ nghĩa Cộng sản, hay chủ nghĩa Xã hội. Gọi chung, họ thuộc về phe Cộng sản, hoặc khối Xã hội Chủ nghĩa.

Nhưng ở bên ngoài Phe và Khối đó ra, phần còn lại gọi là gì?

Không có tên gì đặc biệt hết. Đại khái, họ là những người sống bình thường, những nước sống

bình thường. Phần lớn họ theo thể chế dân chủ, kinh tế thị trường, ngoài ra họ khác nhau trên đủ mọi mặt.

Trong lịch sử đã có một thời một số nước coi việc chống Cộng là quốc sách. Nhưng họ cũng bỏ qua chuyện đó, khi thấy không bị đe dọa. Nhất là khi các nước XHCN ở Đông Âu thay đổi hàng loạt, Liên Xô cũng đang thay đổi, thì Đại Hàn, Đài Loan cũng đổi.

Chúng ta không sống trong một thế giới có phe Cộng và phe Chống Cộng nữa. Khi các nước Đông Âu và Liên Xô thay đổi, họ không từ bỏ phe này sang phe khác. Họ cũng không đầu hàng phe bên kia. Vì phe bên kia chỉ có khi phe Cộng sản còn ý định bành trướng, khuynh đảo.

Sự kiện Liên Xô và mấy nước Đông Âu thay đổi như vậy nên gọi là gì? Không thể nói rằng họ đầu hàng, họ thua cuộc. Lịch sử sẽ chỉ coi đó là sự chấm dứt cuộc thí nghiệm về chủ nghĩa Mác-Lênin, để cho các nước XHCN nhập vô dòng tiến hóa chung của loài người về mặt tổ chức đời sống kinh tế và chánh trị.

Không thể nói có một "chủ nghĩa" nào đó đã thắng chủ nghĩa Mác-Lênin. Sự thật là lương tri của con người đã thắng, lương tri của những người dân sống ở Đông Âu, ngay cả các đảng viên Cộng sản, và đôi khi các lãnh tụ Cộng sản ở các nước đó.

Tất cả những luận giải trên là để phá bỏ một mặc cảm nơi các anh chị em hoặc đã tin ở chủ nghĩa Mác Xít, hoặc đã vào đảng CSVN. Đó là mặc cảm mình đứng ở phe thua trận, và có một phe nó thắng mình.

Tôi xin lấy thí dụ trong một lá thư riêng. Một giáo sư kinh tế ở Việt Nam, từ nhỏ lớn lên trong chế độ Cộng sản, đã viết thư cho tôi sau khi đọc cuốn *Đổi Mới Kinh Tế*. Xin tạm gọi là giáo sư Nguyễn (và xin phép không tiết lộ ông Nguyễn đã có được cuốn sách trên bằng cách nào và gởi thư cho tôi qua ngả nào.) Khi đọc thư ông Nguyễn tôi thấy hầu hết các ý kiến của ông không khác gì ý kiến của tôi cả: phải thay đổi cách quản lý nền kinh tế, phải lập cơ cấu thị trường v.v. Nhưng ông Nguyễn không khỏi lúng túng khi nói đến sự kiện phe XHCN dùng cách quản trị của nền kinh tế thị trường. Trong lá thư gần đây ông viết: "Tôi cho rằng Cơ chế Thị trường mà Chủ nghĩa Xã hội đang áp dụng là sản phẩm của trí tuệ nhân loại . . . có khi lại sớm đạt được các mục tiêu mà CNXH đặt ra".

Lời phát biểu trên là lời biện minh rằng "phe XHCN" không thua "phe bên kia", mà họ chỉ dùng các kỹ thuật, kiến thức của nhân loại nói chung mà thôi.

Cũng theo lối tương tự, một số nhà trí thức Cộng sản năm ngoái qua Pháp về nói rằng các thể chế và luật lệ bảo đảm tự do, công bằng ở Pháp là thành quả của "nhân dân lao động" đấu tranh. Còn các kỹ thuật quản lý kinh tế đều là do "lao động trí óc" mà thành cả, chứ không phải là do tư bản làm thành.

Lối suy nghĩ như trên còn phân chia thế giới làm hai phe. Sự thật không còn như vậy nữa. Các nước ở bên ngoài khối vẫn gọi là khối XHCN, họ cũng chẳng cần giành phần thắng. Người dân nước họ chỉ lo làm ăn, khi quý vị mở cửa họ sẽ vô nếu có lời, nếu không lời họ sẽ cảm ơn đi chỗ khác. Họ chẳng vô để cắm cờ chiến thắng đâu, chỉ vô để mua bán mà thôi.

Những nhãn hiệu "phe XHCN, phe tư bản", cho đến "Cộng sản, chống Cộng" bây giờ đã là chuyện cũ rồi. Loài người bình thường vẫn lo sống, sống tự do và mưu cầu hạnh phúc. Dân Ba Lan, Tiệp Khắc đang bỏ cuộc thí nghiệm cũ, tìm trở lại cuộc sống bình thường như nhiều dân tộc khác. Loài người đã thí nghiệm nhiều hệ thống chính quyền, nhiều cách tổ chức nền kinh tế, và chắc trong tương lai sẽ còn các cuộc thí nghiệm khác.

Bỏ các nhãn hiệu. Không nên cho mình nằm dưới một bảng hiệu nào nữa. Chúng ta bàn cách dựng lại đất nước bằng các câu hỏi thực tế. Thí dụ: làm cách nào tạo ra nhiều của cải? Làm cách nào dân không sợ bị áp bức ? vân vân.

Lữ Phương đã đi tới kết luận trên trong bài "Chủ nghĩa Xã hội Việt Nam - Di sản và Đổi mới" (bài này đăng trong báo *Phát Triển Kinh Tế* ở Sàigòn tháng Ba 1990. Báo bị tịch thâu. Đăng lại trên báo khác sau khi đã bị cắt nhiều đoạn). Lữ Phương viết: ". . . phải từ bỏ hoàn toàn sự phân biệt một cách trừu tượng giữa cái gọi là 'tư bản chủ nghĩa' và 'xã hội chủ nghĩa' . . . kinh nghiệm cho chúng ta biết những cuộc tranh luận về vấn đề này . . . không có lợi cho thực tiễn".

Đó là một ý kiến rất sáng suốt. Nếu ta hiểu CNXH là một lý tưởng của các triết gia từ thế kỷ 18, 19 thì trên thế giới có nhiều người vẫn mong thực hiện lý tưởng đó. Còn nếu hiểu CNXH như một hệ thống kinh tế, tổ chức chính quyền mà Lênin, Stalin lập ra theo thuyết của Marx, thì nó hư rồi, nên bỏ đi. Hàng triệu, hàng tỷ người đã dùng thử hệ thống đó, thấy không tốt, đang bỏ đi. Không cần có mặc cảm nào về chuyện đó cả. Cụm từ "Chủ nghĩa Tư bản" thực sự không có một nội dung nhất định. Nó trở thành quan trọng trong ngôn từ chúng ta dùng vì các người chống nó, nhất là Karl Marx, gắn cho nó một nhãn hiệu với một nội dung nhất định. Bàn cãi về chủ nghĩa tư bản thì cũng trừu tượng như bàn về một bóng ma. Nên bàn chuyện thực tế thì hơn: làm cách nào dân mình đủ ăn, đủ mặc, có tự do, không sợ hãi, không hổ thẹn vì lạc hậu, chậm tiến. Khi bàn chuyện đó, không có ai thắng, ai thua cả.

Ảo tưởng về nhãn hiệu XHCN

Khi Lữ Phương nêu ý kiến không nên thảo

luận trừu tượng về CNXH và CNTB, tôi đoán rằng một trong các động cơ là ông không muốn bị quy chụp. Với các ý kiến nêu trong bài, ông có thể bị gán cho nhãn hiệu "xét lại", "đầu hàng" hoặc "tay sai của tư bản". Tôi hiểu người viết báo, viết văn ở trong nước phải giữ cái mũ CNXH trên đầu thì mới có dịp lên tiếng. Ngay như Nguyễn Đan Quế, trong chương trình của ông về kinh tế cũng nhuốm mùi mác xít: "xã hội hóa các lực lượng sản xuất" chẳng hạn.

Nhưng nếu cứ ôm lấy cụm từ Chủ nghĩa Xã hội như là mục tiêu cuối cùng thì đó là một ảo tưởng rất có hại. Nó sẽ làm người suy nghĩ tự trói mình, tự chặt mình, mất cả tự do suy nghĩ.

Thí dụ ta hãy coi vài "tiền đề căn bản" trong bài của Lữ Phương: 1) Từ bỏ chính sách đóng cửa, cô lập. 2) Từ bỏ những phương pháp cách mạng và bạo lực. 3) Xây dựng một nhà nước dân tộc, . . . từ bỏ khái niệm nhà nước giai cấp. 4) Bỏ chuyên chính vô sản, . . . thể hiện chuyên chính bằng hiến pháp và luật pháp. 5) Tập trung dân chủ với điều kiện tam quyền phân lập, công nhận quyền đối lập của thiểu số, xây dựng nhà nước theo luật pháp, hiến pháp, và 6) Đảng CS trả lại quyền cho Nhà nước, tự rút về địa vị như các tổ chức chánh trị, xã hội khác, đưa chương trình tranh cử. (Trang 18, 19. Điểm 6 bị cắt đi khi bài của Lữ Phương được phép đăng lại trên *Đất Quảng* số 2. Lý do rất dễ hiểu là TƯ Đảng mới ra lệnh cấm bàn về đa nguyên, đa đảng).

Nói chung, cả sáu điểm Lữ Phương đề ra tôi đều hoan nghênh. Nếu anh thực sự tìm cách thực hiện sáu điểm đó, tôi xin hết sức hỗ trợ. Giữa anh và chúng tôi không có gì phải đấu tranh (do đó không có gì phải hòa giải) trên sáu bước phát triển đất nước như trên.

Nếu có cái gì phải đặt câu hỏi, thì đó là điều này: Tại sao anh vẫn gọi tất cả chương trình đó là "tìm kiếm một mô hình mới về Chủ nghĩa Xã hội" và đó là "những cải cách mang tính chất cách mạng do những người Cộng sản một lần nữa tiến hành và lãnh đạo . . . để Đảng có thể giữ được ngọn cờ tiên phong của mình!" (trang 17, báo *Phát Triển Kinh Tế* tháng Ba 1990).

Câu hỏi là: mình đang nói về Chủ nghĩa Xã hội nào vậy? Giấc mơ của thế kỷ 18, 19 hay hệ thống cụ thể của Lênin, Stalin? Theo mộng tưởng của Marx? Nếu hiểu CNXH là hệ thống kinh tế, chánh trị thì cả chương trình sáu điểm của Lữ Phương sẽ lật đổ hệ thống đó. Như vậy thì Đảng CSVN làm cách nào phất ngọn cờ tiên phong khi mà ngọn cờ đó không còn nữa? Mặt khác, nếu hiểu CNXH là giấc mơ lý tưởng, thì có bao nhiêu người, bao nhiêu dân tộc không cần đến chiêu bài CNXH mà họ vẫn thực hiện sáu điểm trên, từ cả trăm năm nay rồi. Vậy đâu cần phải nói đi nói lại đến chuyện "đổi mới CNXH" và "trung thành hơn với Mác và Lênin" nữa?

Nếu việc đề cao CNXH trên chỉ là thủ đoạn nhắm làm vui lòng các người cầm quyền thì chúng ta hiểu được. Còn nếu đó là thực tâm thì rất có hại. Cái hại đầu tiên là những mâu thuẫn ngay trong bài của Lữ Phương, vì một bên là ảo tưởng về sự bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, một bên là nhu cầu thực tế của đổi mới, hai bên đi ngược với nhau.

Chúng ta đã biết rõ từ 60 năm nay hai chữ Nhân dân đã bị lạm dụng như thế nào, ở khắp thế giới. Nhà độc tài làm gì cũng tự nhận là vì nhân dân. Ai trái ý họ được gọi là kẻ thù của nhân dân. Người Việt Nam hiện nay nghe đến các tiếng đó sợ lắm rồi.

Một mặt Lữ Phương chủ trương phải có tam quyền, phân lập, tự do lập hội, tranh cử, bỏ chuyên chính của đảng CS, lập cơ chế thị trường như giai đoạn NEP của Lênin nhưng không coi đó là bước thụt lùi chiến thuật, mà coi là điểm khởi hành, thừa nhận cạnh tranh trong đời sống kinh tế. Mặt khác, Lữ Phương lại đề cao "tập trung dân chủ" (điểm 5) và "chuyên chính nhân dân" (điểm 4). Hai khẩu hiệu trên nghe xuôi tai đối với các người cầm quyền. Nhưng nó nghĩa là gì? Lữ Phương giải thích là: "tập trung ý chí nhân dân" và "thể hiện chuyên chính bằng hiến pháp và luật pháp". Nếu đã có tam quyền phân lập, có tự do tranh cử, có quyền lên tiếng của thiểu số, có xã hội công dân, kinh tế tự do, thì các chữ "tập trung" và "chuyên chế" còn có nghĩa gì nữa?

Chúng ta chỉ có thể giải thích rằng một số vị muốn đất nước tiến bộ theo cách chung của loài người ngoài khối CS, nhưng vẫn muốn ôm lấy nhãn hiệu CNXH với các thuộc từ của chế độ đó. Họ đã sửa đổi nội dung của các từ ngữ, để ai nấy hài lòng. Một cách thông minh và có kiến thức hơn, họ sẽ viết như Lữ Phương: "Chúng ta phải 'tạm gác' tất cả các kết luận về chủ nghĩa xã hội

mà Mác, Lênin, (nhất là Stalin) đã đưa ra . . . không phải là từ bỏ Mác và Lênin mà để trung thành hơn với Mác và Lênin, là dùng phương pháp phân tích hiện thực Mác Xít . . ." Về ý kiến trên của Lữ Phương, cũng là ý kiến của Lukacs cách đây hơn 20 năm, chúng tôi đã bàn trong cuốn *Đổi Mới Kinh Tế* (trang 239-240) nên khỏi bàn thêm. Nó chính là một ảo tưởng của những người Mác Xít khi họ muốn giữ nguyên nhãn hiệu cũ dù thực tế đã làm mất giá các tín điều của bảng hiệu đó từ lâu rồi.

Tôi thành thật nghĩ rằng những người như Lữ Phương là người can đảm. Dám đưa ra ý kiến đụng tới quyền lợi của bọn cầm quyền. Ngày xưa Chu An, Nguyễn Trãi đã làm, ngày nay rất nhiều người đang noi theo. Nhưng tôi cũng thiết tha nghĩ rằng các bạn trí thức đang suy nghĩ về việc dựng lại đất nước nên tự cởi bỏ cái ảo tưởng về CNXH như một hệ thống chính trị, kinh tế đi. Chỉ nên đặt các câu hỏi thực tế, đưa ra các giải đáp thực tế. Hãy làm như Lữ Phương dám đề nghị: không cần chủ nghĩa trừu tượng nào cả. Người trí thức không đổi ngay thì làm sao các cán bộ huyện, cán bộ tỉnh thay đổi theo?

Ảo tưởng về một "ấn bản mới" của CNXH tồn tại được là vì nhà trí thức còn tưởng rằng cứ thay đổi kinh tế đi, theo lối tư bản cũng được, nhưng các phần chánh trị, văn hóa thì khoan khoan. Ông bạn mới của tôi, giáo sư Nguyễn ở Hànội sau khi xác nhận việc đổi mới giờ này chỉ là do CNXH tự đổi, cũng viết rằng: "Về quản lý sản xuất kinh doanh phải học tập các nhà tư bản. Họ đã khai thác và sử dụng được kho tàng trí tuệ, kinh nghiệm quý giá của nhân loại, và đã được kiểm nghiệm." Ông Nguyễn là giáo sư kinh tế, nên chúng ta không thể trách ông chỉ chú ý đến chuyện quản lý kinh tế. Nhưng nếu nghĩ rằng một nước CS có thể nhập cảng các nghệ thuật và khoa học quản lý từ các nước theo kinh tế thị trường, mà không từ bỏ chủ nghĩa Xã hội, thì đó là một ảo tưởng. Nghệ thuật quản lý Mỹ, Nhật có khác nhau vì truyền thống văn hóa khác nhau. Nghệ thuật quản lý ở cả Mỹ lẫn Nhật chạy được là vì có quyền tư hữu các phương tiện sản xuất, chế độ dân chủ, cách tổ chức thị trường tài chánh v.v. liên hệ chặt chẽ với nhau. Cả xã hội là một khối sống động. Các bề mặt của khối đa diện đó không thể tách rời nhau được.

Huyền thoại về nhân dân

Trong số những tiếng nói từ trong nước mà tôi được nghe, có lẽ tỉnh táo nhất là Phan Đình Diệu. Gần đây, có những đoạn ý kiến của ông phát biểu trong một cuộc hội thảo về vấn đề dân chủ ở Hànội ngày 9 và 10 tháng Giêng, năm 1990, đã được lọt ra ngoài. Nếu các ý kiến của ông được phổ biến ở trong nước thì chắc sẽ được các thanh niên đón nhận nồng nhiệt. Vì tôi không có đầy đủ bài nói chuyện của Phan Đình Diệu cho nên xin dựa trên các đoạn trích dẫn mà tóm tắt như sau.

Mở đầu Phan Đình Diệu nhắc đến bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp 1789. Vì có các quyền căn bản trong đó mà người dân có quyền tự ứng cử, bầu cử, quyền kiểm tra, giám sát nhà cầm quyền, với phương tiện tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp. Tiếp theo, ông Diệu nói Dân chủ XHCN khác dân chủ tư sản ở một điểm là quyền sở hữu các tư liệu sản xuất. Người ta tưởng là DCXHCN cao hơn DCTS nhưng trong thực tế DCXHCN chuyển quyền sở hữu cho một lớp có đặc quyền, tiến đến chuyên chính cá nhân. Phan Đình Diệu nói tiếp rằng Dân chủ không phải chỉ là quyền chánh trị mà còn là "sự giải phóng và phát huy mọi năng lực làm giàu nguồn của cải, trí tuệ cho đất nước." Ở đây, Phan Đình Diệu đã nhìn thấy sự liên hệ mật thiết giữa chánh trị và kinh tế, chánh trị dân chủ thúc đẩy phát triển kinh tế.

Phan Đình Diệu nêu thẳng một vấn đề cấm kỵ là đề tài "đa nguyên". Ông cho sự cấm kỵ này là phản lôgic. Ông nói: *"Dân chủ tất yếu phải đa nguyên."* Dù chỉ có hai người khác ý kiến nhau thì muốn dân chủ họ phải có quyền lập hai tổ chức bình đẳng trước pháp luật để bảo vệ sự bình đẳng của hai ý kiến đó. Do đó, ông nói thẳng, khi còn một đảng độc quyền trong xã hội thì không có dân chủ. Điểm đặc sắc khác là Phan Đình Diệu bàn rằng nếu xã hội không có dân chủ thì ý định tạo dân chủ trong nội bộ đảng CS cũng không thành được. Chính vì đảng độc quyền (đối với Xã hội) nên trong đảng tất nhiên sinh ra quan liêu cường hào. (Nói như vậy tức là các khẩu hiệu "dân chủ hóa" đảng chỉ là ảo tưởng để mê hoặc đảng viên, để tự lừa dối.)

Bảng liệt kê các điều kiện thiết lập dân chủ của Phan Đình Diệu cũng gồm đủ: tôn trọng các quyền tự do căn bản của con người, tổ chức chánh trị với quyền tự do tư tưởng, ngôn luận, ứng cử, bầu cử, cấm các hành vi bạo động; nền kinh tế hàng hóa phát triển với cơ cấu thị trường v.v.

Những đoạn trong bài nói chuyện của Phan Đình Diệu có tính chất lý thuyết, không nói đến những bước cụ thể, nhưng cũng đủ dẫn tới hệ luận là đảng CS phải từ bỏ vai trò độc tôn, trả lại quyền cho dân. Điều làm chúng tôi suy nghĩ là tác giả vẫn còn phải gắn thêm những nhãn hiệu "hợp thời trang". Thí dụ khi nói đến mẫu hình mới cho "một xã hội XHCN dân chủ" ông dùng danh hiệu: "một nhà nước của nhân dân lao động." Nếu ông đồng ý với tiền đề "dân chủ tất nhiên là đa nguyên" thì nhà nước hoặc là của toàn dân, hoặc là của nhóm nào trong dân chúng chiếm được đa số phiếu nhất. Ngay cả khi thành phần "lao động" là đa số trong một nước, các cử tri thuộc thành phần đó cũng có thể bầu cho các

đảng khác nhau. Chuyện này ai đã sống ở một nước dân chủ sẽ có dịp nhìn thấy. Vậy tại sao một người tin rằng *dân chủ và đa nguyên chỉ là một* lại đặt điều kiện cho nhà nước đó như là công cụ của một thành phần dân chúng? Cả một bài nói chuyện rất sâu sắc, lý luận đanh thép, thái độ thẳng thắn rất đáng kính trọng của Phan Đình Diệu đã bị một nhãn hiệu đó làm người đọc nghi ngại. Thật sự tác giả muốn gì đây?

Tôi có cảm tưởng rằng Phan Đình Diệu, cũng như các tác giả đang đòi đổi mới ở trong nước, dù mạnh dạn, táo bạo cách nào, cũng vẫn nằm trong lối suy nghĩ cố hữu của người sống dưới chế độ Cộng sản. Trong nền nếp sống và nghĩ đó, hai chữ "Nhân dân", cụm từ "Nhân dân Lao động" đã được thần thoại hóa. Không khác gì nền quân chủ đời xưa nói đến thiên mệnh. Thực ra Nhân dân là một từ rất trừu tượng. Người ta có thể phục vụ nhóm người này hay nhóm người khác, chứ thật khó lòng yêu hay phục vụ Nhân dân nói chung. Ta có thể yêu Người. Nói yêu Nhân loại cũng là hàm hồ trừu tượng như nói yêu Nhân dân. Nhà chính trị đời nay, như vua chúa đời xưa, mang các từ trừu tượng đó để làm lóa mắt người theo mình cũng như đe dọa kẻ chống mình. Nhưng người trí thức, suy nghĩ độc lập và không vụ lợi, không cầu mong địa vị hay ơn huệ thì không nên tự đánh lừa mình bằng cách trừu tượng đó. Nhà khoa học càng nên thận trọng hơn, vì dùng các từ trừu tượng đó là biến mình thành cán bộ tuyên truyền hay thầy tu truyền đạo.

Chúng ta đã biết rõ từ 60 năm nay hai chữ Nhân dân đã bị lạm dụng như thế nào, ở khắp thế giới. Nhà độc tài làm gì cũng tự nhận là vì nhân dân. Ai trái ý họ được gọi là kẻ thù của nhân dân. Người Việt Nam hiện nay nghe đến các tiếng đó sợ lắm rồi.

Vậy một nhà nước dân chủ không phải của "nhân dân" thì của ai?

Nếu thể chế thật sự là dân chủ, thì ta có thể dự trù là nhà nước đó lúc thuộc về nhóm, (đảng, thành phần, giai cấp) này, lúc thuộc về nhóm khác. Người thắng cử thì sử dụng nhà nước, người thua thì nghỉ, nhưng ai cũng phải tôn trọng luật chơi dân chủ, không dùng bạo lực. Tôi chắc rằng Phan Đình Diệu cũng nghĩ như vậy, vì trong một đoạn khác ông nói: "trong xã hội dân chủ không thể có quy định một cách áp đặt từ trước quyền lãnh đạo của một đảng cụ thể." Như vậy khi ông Diệu nói đến nhà nước của nhân dân lao động chắc ông không quan tâm lắm đến từ "thời thượng" đó. Cũng vậy, ông Diệu còn nhắc đến "tinh thần hòa hợp và hòa giải dân tộc" khi bàn về tự do ứng cử và bầu cử. Theo như sự quan sát và kinh nghiệm của tôi, một xã hội dân chủ không dựa trên tinh thần hòa hợp, hòa giải. Dân chủ được xây dựng nhờ vào sự đấu tranh tư tưởng, nhấn mạnh vào sự khác biệt giữa các chủ trương, các chương trình tranh cử. Chỉ khi có chiến tranh, thù hận, người ta mới cần hòa giải. Đấu tranh dân chủ, bất bạo động không cần hòa giải. Sau cuộc tranh cử, những người thất cử vẫn tiếp tục chỉ trích, phê bình phe thắng cử, trong khi chờ đợi cuộc bầu cử sau. Đời sống dân chủ được duy trì nhờ diễn trình đấu tranh đó. Chỉ cần cuộc đấu tranh diễn ra trong sự tôn trọng luật chơi, không bạo động. Muốn được như vậy thì cần phải có một nền báo chí tự do, và trình độ hiểu biết của người dân về tinh thần dân chủ phải khá cao. Người trí thức tất nhiên phải làm đầu tàu đi trước, phổ biến tinh thần dân chủ, tập thái độ dân chủ.

Bàn chuyện thiết thực

Trên đây là mấy ý nghĩ đơn sơ và tản mạn mà tôi muốn đóng góp với một số người có suy nghĩ ở trong nước. Tôi hy vọng bạn đọc ở hải ngoại thấy các lời bàn này có phần hữu ích cho cuộc thảo luận chung về việc dựng lại đất nước. Tôi thành thật không có ý chỉ trích các vị được nêu tên trong bài này, mà chỉ muốn góp ý kiến trong tinh thần tương dung và tương kính, để cho mọi người hiểu nhau hơn và bàn tiếp với nhau các chuyện thiết thực hơn.

Tôi tin các bạn cũng nghĩ rằng một cuộc chuyển hóa lớn sẽ xảy ra trên đất nước ta, để xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc, tiến bộ trong cách tổ chức xã hội theo quy tắc dân chủ. Chúng ta đều mong rằng cuộc chuyển hóa đó không phải là một cuộc cách mạng đổ máu. Sự chuyển hóa quan trọng nhất chắc là sự thay đổi cách nhìn xã hội, nhìn cuộc đời, cách đặt câu hỏi của người trí thức, người nhìn trước, thấy xa. Bây giờ là lúc chúng ta có thể gạt qua một bên các ảo tưởng và mặc cảm, bàn cái chuyện thiết thực, để xây dựng khung cảnh sống dân chủ, kinh tế thịnh vượng, văn hóa tươi đẹp, để người Việt Nam có thể sống bình thường như rất nhiều dân tộc may mắn hơn chúng ta.

Lữ Phương đã dành một phần lớn của bài viết trên để nhận xét về di sản của CNXH ở trên thế giới và ở Việt Nam. Tôi thiết nghĩ ngay cả chuyện "công và tội" này bây giờ cũng không cần bàn. Lịch sử đã diễn ra như vậy, sau này các sử gia sẽ bàn tán. Bàn đến di sản, đến công và tội của đảng CSVN bây giờ cũng vô ích, tốn thời giờ. Nên dùng thời giờ bàn chuyện thiết thực. Chuyện thứ nhất là các anh chị em ở trong nước sẽ làm gì để gạt bỏ những người cầm quyền ngoan cố đi, và các người ở ngoài có thể làm gì để hỗ trợ. Chuyện thứ hai là sau đó chúng ta xây dựng lại đất nước như thế nào. Các nhãn hiệu của quá khứ tự nó đã trở thành lỗi thời. K

VƯƠNG HỮU BỘT

HÃY NGƯNG... CHỐNG CỘNG

NGUYỄN HỮU CHUNG

Nếu bạn sống ở Hoa Kỳ, bạn ít có dịp gặp các cán bộ cộng sản Việt Nam (CSVN). Ở Pháp hay ở Canada, vào một lúc nào đó, bạn sẽ có dịp gặp một cán bộ CSVN đi tham quan nghiên cứu các vấn đề kỹ thuật, quản trị v.v.

Sau một hồi nói chuyện với họ, bạn nói rằng tư tưởng họ không có gì là cộng sản hết, rằng đường lối của chánh phủ bên nhà bây giờ chẳng có gì có vẻ cộng sản hết, bạn sẽ thấy rạng rỡ trên khuôn mặt kẻ đối diện với bạn, và chắc chắn là sẽ nghe được những điều tâm sự hay những bài diễn văn về lòng yêu nước, về tình tự dân tộc. Người CSVN ngày hôm nay không muốn nói về chủ nghĩa Mác-Lê nữa, cũng như bao nhiêu người cộng sản khác trên thế giới. Họ đang muốn cởi bỏ cái áo đỏ họ đang mặc. Nếu bạn cởi giùm họ cái áo đó và trùm lên người họ cái áo xanh hay áo vàng, họ sẽ sung sướng vô cùng. Trong các bài diễn văn của các lãnh tụ Hànội, chúng ta bắt đầu nghe rất ít những lời trích dẫn Mác-Lê, hoặc lý luận Mácxít. Không phải người CS gian dối đâu. Họ cũng đã hết tin ở chủ nghĩa cộng sản. Vì vậy, vấn đề của chúng ta ngày hôm nay không phải là tìm xem tập đoàn Hànội có từ bỏ chủ nghĩa cộng sản hay không để chúng ta có thể cộng tác. Vấn đề không phải chống Cộng, chống Cộng, chống Cộng. Vấn đề là dẹp bỏ độc tài, xây dựng dân chủ. Con đường mà tập đoàn Hànội đang muốn đi là đổi mới kinh tế để củng cố chế độ độc tài đảng trị, bằng cách xuất khẩu lao động tại chỗ. Hànội đang gặp rất nhiều khó khăn kinh tế vì thiếu ngoại tệ, vì Liên Xô và các nước Đông Âu đang đà xuống dốc, vì nạn thất nghiệp vô cùng trầm trọng, có thể gây bất ổn. Kêu gọi ngoại quốc đầu tư là một hình thức xuất khẩu lao động tại chỗ. Họ đi rêu rao khắp thế giới hai sự kiện mà các nhà tư bản ưa thích: nhân công rẻ và ổn định chánh trị. Họ lấy Đại Hàn làm thiên đường lý tưởng và rêu rao là sẽ biến Việt Nam thành một thứ Đại Hàn thứ hai. Mô thức Đại Hàn là một chánh quyền độc tài sắt máu, trong một chế độ dân chủ giả hiệu, tự do chánh trị và tự do báo chí rất giới hạn, nhưng tự do ăn chơi, đĩ điếm thì nhiều. Dùng Đại Hàn làm mẫu để biện minh cho chế độ độc tài đảng trị là điều mà họ đã lầm. Thứ nhất, tình trạng mà họ bảo là ổn định thật sự chỉ là thường xuyên bất ổn và có thể bùng nổ bất cứ lúc nào. Họ quên rằng các chế độ độc tài dân chủ giả hiệu kiểu thân Tây phương đều được một cường quốc Tây phương đỡ đầu và thỉnh thoảng phải có những cuộc đảo chánh để "xả xú báp". Thứ hai, sở dĩ các nhà tư bản ngoại quốc tin tưởng ở các chế độ độc tài vì các chế độ này là "đại diện" cho quyền lợi của họ ở địa phương, tòa đại sứ của họ và chánh quyền rất gần gũi nhau, có chuyện gì rắc rối thì tòa đại sứ sẽ giúp giải quyết dễ dàng. Quan trọng hơn nữa, các cấp chỉ huy và các công chức trong các chế độ độc tài thân Tây phương đều "nói cùng một ngôn ngữ" với các nhà tư bản Tây phương, vì vậy các nhà tư bản này sẽ cảm thấy dễ chịu và an tâm khi đến đầu tư. Bản chất chế độ CSVN không giống bản chất các chế độ độc tài thân Tây phương, và bất cứ người Tây phương nào từng vô Việt Nam thăm dò, đụng đầu các cán bộ cộng sản rồi, trở về đều lắc đầu ngao ngán.

Việc CSVN muốn biến Việt Nam thành một thứ Đại Hàn để tiếp tục cai trị chỉ là một ảo tưởng. Nước Việt Nam không thể phát triển kinh tế trong cái mô thức giả hiệu này. Chắc chắn họ sẽ thất bại. Nhưng vấn đề đối với chúng ta là mưu đồ của họ sẽ kéo dài thêm nỗi khổ đau của nhân dân Việt Nam, và những người thiếu cảnh giác có thể lầm lẫn mà hợp tác với họ.

Có một chân lý mà chúng ta cần phải nắm vững; Việt Nam cần xóa bỏ độc tài, xây dựng dân chủ để tiến bộ. CSVN chắc chắn sẽ mất quyền cai trị trong một chế độ dân chủ. Vì vậy, những người CSVN phải chống chế độ dân chủ, nói quanh, tìm đủ mọi cách để duy trì chế độ độc tài của họ. Vấn đề đơn giản như vậy. Không có vấn đề Mác-Lê hay không Mác-Lê, cộng sản hay không cộng sản. Do đó chúng ta có thể xếp những người ở Việt Nam thành hai hạng. Hạng thứ nhất, những người chủ trương phải có đổi mới chánh trị, xây dựng dân chủ, là những người yêu nước mà chúng ta có thể hợp tác và cần hợp tác. Hạng thứ hai, những người nói quanh nói quẩn, đòi đổi mới đủ thứ nhưng không muốn đổi mới chánh trị, không muốn thiết lập dân chủ, là những người vì quyền lợi cá nhân bè đảng. Chúng ta chống hạng này và tìm cách hợp tác với hạng kia để làm thay đổi tình hình ở Việt Nam. Hai chữ chống Cộng không còn ý nghĩa gì nữa cả, khi mà mấy ông tướng "vô địch chống Cộng", mấy ông "tiến sĩ chống Cộng" đang sẵn sàng bưng mâm cho cộng sản. ☼

NGUYỄN HỮU CHUNG

17 tháng Chín 1990

MỘT VÀI NGUYÊN TẮC CĂN BẢN ĐỂ XÂY DỰNG MỘT NƯỚC VIỆT NAM MỚI

TÔN THẤT THIỆN

Thế Kỷ 21 *nhận được thư của giáo sư Tôn Thất Thiện đáp lời kêu gọi "thảo luận việc xây dựng lại đất nước". Sau đó, trong một bài viết dài hơn, giáo sư Tôn Thất Thiện đã nêu lên "Một Vài Nguyên Tắc Căn Bản Để Xây Dựng Một Nước Việt Nam Mới". Cám ơn sự hưởng ứng nồng nhiệt của giáo sư và xin trân trọng giới thiệu bài viết của giáo sư Tôn Thất Thiện cùng bạn đọc* Thế Kỷ 21.

Rất hoan hô và đồng tình với *Thế Kỷ 21* về nhu cầu thảo luận việc dựng lại đất nước, nhưng

1) bè lũ phản động và lạc hậu Lê Đức Thọ - Mai Chí Thọ còn ngồi chềnh ềnh đó, làm sao chúng ta trở về Việt Nam để thực tiễn những kế hoạch rất hay, rất đẹp và (hy vọng) sẽ thực hiện (tuy phác họa từ Mỹ Châu).

2) trong những điểm căn bản anh nêu ra, tôi đề nghị phải thêm nguyên tắc rất căn bản là công bằng xã hội.

Vậy những nguyên tắc/mục tiêu căn bản làm nền tảng cho xã hội và quốc gia Việt Nam sau này, sau khi không còn chế độ cộng sản nữa là (sắp theo thứ tự ưu tiên):

— Công bằng xã hội
— No ấm (sung mãn)
— Tự do
— Dân chủ
— Tiến bộ.

Còn vấn đề hòa giải, chỉ có thể hòa giải được với những người thực sự không thù nghịch với chúng ta nữa. Như vậy chỉ khi nào hàng ngũ đảng CSVN tan rã thì mới là lúc đặt ra, vì lúc đó mới thực hiện được. Chúng ta có hòa giải, và chỉ nên hòa giải, với những người Việt đã từ bỏ cộng sản. Về phía họ, họ cũng chỉ có thể hòa giải được với những người "chống cộng" từ bỏ quan niệm chống cộng là "diệt cộng hết ráo" dù là họ đã vì yêu nước mà đi theo cộng sản và bị cộng sản lừa bịp và lợi dụng, nay giác ngộ nên từ bỏ cộng sản và muốn cùng chúng ta xây dựng một quốc gia xã hội dựa trên những nguyên tắc nêu ra trên đây, và cương quyết cùng chúng ta ngăn cản không cho chế độ cộng sản ngóc đầu lên được.

Thân ái,

TÔN THẤT THIỆN

Montreal, Canada

1) Mục tiêu chiến lược của chúng ta không thay đổi. Mục tiêu đó là dẹp bỏ chế độ độc tài chuyên chế giai cấp cộng sản. Nhưng chúng ta phải thay đổi, cập nhật hóa chiến thuật để thích

ứng với tình hình quuốc tế và quốc nội hiện tại. Nếu không, hoạt động của chúng ta sẽ như vác dao chém nước. Chém mạnh mấy cũng vô ích. Không những chỉ phí công của chúng ta, làm nản lòng những người trong hàng ngũ chúng ta và thân hữu ngoại quốc, mà còn làm trò cười cho thiên hạ.

2) Trong tình trạng quốc tế và nhứt là quốc nội hiện tại, chiến thuật hữu hiệu nhất và mất ít công của nhất là làm cho cộng sản Việt Nam mau tan rã từ trong bằng cách khuyến khích và tiếp tay những phần tử trong nước, kể cả những phần tử cộng sản đã hay đang từ bỏ cộng sản vì võ mộng, chống đối đám lãnh tụ ĐCSVN hiện nay để loại bỏ chúng và áp dụng những chính sách cởi mở hơn nữa, tạo điều kiện thuận lợi cho các phần tử ngoài và nhất là trong xứ hoạt động tranh đấu cho dân chủ.

3) Muốn thực hiện mục tiêu trên đây, chúng ta phải:

— Mở đường ra cho những phần tử đã theo cộng sản vì yêu nước chớ không phải vì thích cộng sản; con đường đó là con đường ra trong danh dự, bảo đảm an toàn và một chỗ đứng trong xã hội mới mà chúng ta sẽ dựng lên để thay thế cho chế độ cộng sản. Ta không thể đòi họ phải công khai đầu hàng và chấp nhận bị trừng trị như những người có tội. Những người đó sẽ không khi nào chấp nhận sự nhục nhã đó: tuy rằng họ sẵn sàng thú nhận đã lầm đường hoặc bị cộng sản lừa gạt và lợi dụng, nhưng họ vẫn tự hào, và tự hào này chính đáng, rằng họ đã hy sinh tranh đấu cho tổ quốc Việt Nam, ngược đường với chúng ta nhưng cùng một lý tưởng với chúng ta, và chúng ta không có quyền khinh miệt họ (nhứt là khi chúng ta là kẻ đã bại trận), cũng như họ không có quyền khinh miệt chúng ta (vì nay họ là những kẻ đang bại trận). Họ, cũng như chúng ta, chỉ là nạn nhân của một cuộc tranh chấp Nga - Mỹ và của sự ngu xuẩn của những lãnh đạo Việt Nam (do Hồ Chí Minh cầm đầu) trong những năm 1945-1946. Họ chỉ sẽ chấp nhận trở về với dân tộc như những người công dân đồng quyền với chúng ta và được hưởng một tương lai tươi đẹp hơn, như chúng ta.

— Xét lại quan điểm chống Cộng: không thể đòi triệt để giết hết hay trừng trị bất cứ ai có dính líu với cộng sản (thực sự hay bị đồng phe quốc gia chụp mũ một cách ngon lành!), kể cả những người đã theo nhưng nay đã hay đang từ bỏ cộng sản; đồng thời ngay chúng ta cũng phải trở về với toàn dân tộc, và chấp nhận một chế độ dân chủ thực sự, nghĩa là trong đó ngay cả cộng sản cũng có quyền ra xin phiếu của dân, và được pháp luật bảo vệ như mọi người khác.

4) Tất cả mọi người, quốc gia cũ cũng như cộng sản cũ, trong một chế độ hoàn toàn mới không còn phân chia quốc/cộng nữa, nhưng tuyệt đối cấm mọi hình thức độc tài (độc tài cộng sản như độc tài quốc gia), sẽ hợp tác thành thực trên căn bản dân tộc để xây dựng một quốc gia mới trên những căn bản sau đây:

1- dân chủ thật sự (với tất cả những bảo đảm cần thiết);

2- tự do thực sự (trong sự tôn trọng tự do của người khác và quyền lợi tối thượng lâu dài của cộng đồng quốc gia);

3- công bằng xã hội (tái phân phối lợi tức quốc gia phải thực hiện bằng phương pháp dân chủ trong sự bảo đảm những điều kiện cốt yếu cho phát triển quốc gia, và gia tăng lợi tức quốc gia phải được phân chia đồng đều để mức sống của tất cả mọi người đều được nâng cao);

4- no ấm (quả phát triển kinh tế quốc gia mạnh và mau, nhưng trong sự tôn trọng những điều kiện thực tiễn và tự do dân chủ);

5- tân tiến (cố ráng bắt kịp các nước Đông Nam Á về khoa học kỹ thuật, văn hóa đập tan tất cả gò bó trong sự tìm tòi học tập và sáng tác của dân chúng);

6- đạo lý (đã bị cộng sản và hậu quả của hơn ba mươi năm chiến tranh làm cho hoàn toàn băng hoại, cần tái lập qua các cơ quan phụ trách giáo dục, truyền tin, tôn giáo, và gia đình).

Quan điểm trên đây là một quan điểm dân tộc thực sự và thực tiễn, khác với quan điểm cộng sản cũng như quan điểm quốc gia cũ ở chỗ quan điểm chuyên chính vô sản của cộng sản chỉ chấp nhận hai giai cấp công nông, trong khi quan điểm dân tộc bao gồm công, nông, tiểu tư sản, trung tư sản, đại tư sản, kinh doanh, trí thức.

Tất nhiên trong một chế độ đã dẹp bỏ chế độ cộng sản độc tài, cộng sản sẽ không còn là một mối đe dọa thực sự đối với những phần tử quốc gia nữa vì không còn công an và kiểm duyệt. Thêm nữa, kinh nghiệm 16 năm nay đã chứng minh rõ ràng rằng quan niệm xã hội chỉ gồm hai thành phần công nông, không có mấy thành phần khác — tư sản, kinh doanh, trí thức — không làm sao phát triển kinh tế nổi. Mà không phát triển kinh tế được thì làm sao dân no ấm được?

Phần khác nếu những thành phần công nông, hay có quá khứ cộng sản, không có chỗ đứng trong xã hội mới, họ sẽ vì nhu cầu tồn tại tiếp tục đấu tranh khuấy động làm trì trệ phát triển quốc gia như quá khứ đã chứng minh. Vậy quan niệm chống Cộng mới này, dựa trên căn bản dân tộc, rõ ràng rất hợp lý và thực tiễn.

Chiến thuật và những nguyên tắc đưa ra trên đây là kết quả của những suy tư của tác giả sau khi đã thăm dò ý kiến nhiều người am hiểu tình hình quốc nội. K

TÔN THẤT THIỆN

Montreal, Thu 1990

HIỆN TÌNH CHÍNH TRỊ VIỆT NAM VÀ TRIỂN VỌNG TRONG NHỮNG NĂM TỚI

LÊ MẠNH HÙNG

Cuộc chiến thắng 30 tháng Tư 1975 đã làm người cộng sản Việt Nam tưởng họ có thể làm mọi thứ trên đời. Ngay từ những năm 76-77, Lê Duẩn, Trường Chinh và đồng bọn, trong các lời phát biểu công cũng như tư, đã khoe khoang trong vòng 10, 15 năm sẽ vượt qua được Nhật Bản về phương diện kinh tế. Sự thật đã trái hẳn lại. Không những dưới sự cai trị của cộng sản, Việt Nam không tiến lên mà còn đi thụt lùi để trở thành một trong những nước nghèo đói nhất thế giới. Sự thất bại về kinh tế, không những chỉ ở Việt Nam mà cả trong toàn bộ thế giới cộng sản đã đưa đến một cuộc xét lại toàn diện các chính sách kinh tế khởi đầu từ Trung Quốc qua chính sách mở cửa Đặng Tiểu Bình. Tuy nhiên, một chính sách kinh tế mở cửa không thể đi kèm với một nền chính trị độc tài toàn diện. Căn bản quyền lực của chế độ cộng sản là nhà nước và Đảng phải nắm trọn quyền chi phối mọi hoạt động trong mọi lãnh vực của xã hội, không để tạo ra một trung tâm quyền lực nào khác. Việc tập trung quyền lực đã tạo nên một mâu thuẫn nội tại. Hậu quả của mâu thuẫn căn bản này sẽ đưa đến hoặc một cuộc đàn áp để duy trì chế độ như Thiên An Môn tại Trung Quốc hoặc một sự lùi bước để đi đến sụp đổ như trường hợp các chế độ cộng sản tại Đông Âu.

Hiện tình

Điều xảy ra tại Trung Quốc, Liên Xô, và các nước Đông Âu hẳn nhiên đã ảnh hưởng mạnh đến chính sự ở Việt Nam. Sự đổi hướng chính trị ở Đông Âu và Liên Xô sẽ khiến vai trò anh em giữa họ và Việt Nam phải thay đổi. "Liên Xô và Việt Nam như hai anh em, người anh lớn và người em nhỏ, là một trạng huống của quá khứ," ông Andrei Levin, cố vấn tòa Đại sứ Liên Xô ở Hànội đã phải xác định như vậy. Nói cách khác trong giai đoạn tới đây Liên Xô sẽ không gồng lên giúp đỡ Việt Nam hàng mấy tỷ đô la viện trợ một năm cũng như sẽ không ép các đàn em Đông Âu giúp đỡ Việt Nam nữa. Trên bình diện kinh tế, sự giảm thiểu viện trợ của Liên Xô sẽ tác động mạnh đến công cuộc phục hồi kinh tế của Việt Nam. Ngay lúa gạo, một trong những sản phẩm chính mà chế độ mấy năm gần đây vẫn tự hào đã thành công trong việc nâng sản lượng, cũng tùy thuộc một phần lớn vào phân bón do Liên Xô cung cấp. Sản lượng phân bón trong nước sản xuất không đáng kể trong khi nguồn ngoại tệ mạnh để mua phân bón từ các nguồn cung cấp khác gần như không có. Loại trừ những đồ xa xỉ phẩm mà mấy năm nay các cơ quan nhà nước vung vít dùng ngoại tệ mạnh thu được qua xuất khẩu, hầu hết những sản phẩm thiết yếu cho hoạt động của các ngành kinh tế như xăng dầu, sắt thép, trang bị kỹ nghệ đều do khối cộng sản Đông Âu cung cấp. Như năm ngoái chẳng hạn, Việt Nam đã mua của Liên Xô với giá "hữu nghị" toàn số lượng dầu hỏa, bông vải và 2/3 số lượng thép và phân bón cần dùng.

Sự cắt giảm tất yếu của các loại tài trợ này chắc chắn trong những năm tới sẽ đưa Việt Nam đến một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng. Những nguồn tin đáng tin cậy từ Việt Nam cho biết, viện trợ Liên Xô trong năm tới sẽ giảm ít nhất là 1/3 cho đến 1/2 với một số sản phẩm như xăng dầu, phân bón, sắt thép, bông vải không còn

được bán với giá thân hữu như cho nữa mà tính theo giá cả của thị trường quốc tế. Theo các tính toán của các chuyên viên của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước tại Hànội và Sàigòn, điều này sẽ làm gia tăng thêm thâm thủng mậu dịch của Việt Nam hàng năm vào khoảng 500 triệu Mỹ kim, một số tiền đáng kể nếu ta xét tổng số xuất khẩu của Việt Nam hàng năm chỉ đạt khoảng trên dưới một tỷ Mỹ kim. Nếu thêm vào đó cuộc khủng hoảng ở Trung Đông tạo ra một cú "shock" về dầu hỏa đẩy thế giới vào một cuộc suy thoái về kinh tế thì tình hình Việt Nam lại càng bi đát.

Trước mắt, vấn đề phân bón và xăng dầu đang là một vấn đề nan giải cho nhà cầm quyền cộng sản. Các nguồn tin từ trong nước đưa ra cho biết hiện nay tình trạng thiếu hụt phân bón đang ảnh hưởng trầm trọng đến vụ lúa hè thu năm nay và có thể làm tiêu tan hy vọng của chế độ trở thành một cường quốc xuất khẩu lúa gạo. Đỗ Mười đã dự trù sang Liên Xô vào cuối tháng Sáu vừa qua để khẩn khoản xin Liên Xô cung cấp cho 1.5 triệu tấn phân bón mà Việt Nam còn cần cho vụ mùa năm nay. Chuyến đi đã bị hoãn lại cho đến sau Đại hội Đảng của Liên Xô. Sau đó, trước hiện tình Liên Xô và sự phân hóa của Đảng Cộng sản Liên Xô, chuyến đi đã bị hoãn lại vô hạn định. Trong khi đó tình hình phân bón ngày một thiếu hụt trầm trọng, Đồng Sĩ Nguyên, một viên tướng trước phụ trách Cục Hậu cần Quân đội được cử ra phụ trách nông nghiệp đã phải bay vào Sàigòn nhằm giải quyết việc này. Tuy nhiên triển vọng không có gì tốt đẹp. Điều chắc chắn là với sự thiếu hụt phân bón như vậy, sản xuất thóc gạo của Việt Nam sẽ giảm sút mạnh ảnh hưởng quan trọng tới đời sống của nhân dân. Hiện nay giá gạo ở Sàigòn đã lên đến 1,100 đồng/kg hơn gấp hai lần giá vào đầu năm 1990.

Ngoài ra tình trạng thiếu hụt xăng dầu cộng thêm với việc mùa khô làm hai hồ chứa Đa Nhim và Trị An cạn nước dẫn đến việc Sàigòn bị cúp điện triền miên làm ngưng trệ mọi hoạt động sản xuất. Thiếu hụt làm giá xăng cao vọt cũng dẫn đến tình trạng giá hàng tăng cao vì chi phí chuyên chở. Lạm phát, một phần nào được ngăn chặn trong năm 1989 nay lại bắt đầu ngóc dậy với mọi giá hàng tăng khoảng 30% tính từ sau Tết đến nay.

Các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam không phải không biết đến những điều đó. Trái lại họ còn nhìn rất rõ và không có một chút ảo tưởng nào về tình đoàn kết anh em giữa các nước xã hội chủ nghĩa với nhau. Ngay đầu năm 1990, một tài liệu mật của Viện Nghiên cứu Kinh tế Trung ương tại Hànội viết cho Bộ Chính trị đã trình bày rõ các vấn đề ảnh hưởng đến Việt Nam của một sự thay đổi trong liên hệ kinh tế giữa Việt Nam và Liên Xô cùng với các nước Đông Âu.

Tuy nhiên, những nhà lãnh đạo của Hànội vẫn cực kỳ ngoan cố. Họ nghĩ vẫn có thể tiếp tục sử dụng chính sách đã giúp họ đạt được những thành công trong quá khứ. Họ tin tưởng chính sách ù lỳ khó khăn này. Một tài liệu khác của Ban Kinh tế Trung ương Đảng viết về chiến lược phát triển kinh tế 1991-2000, đòi đạt mức phát triển của các "con rồng Châu Á" vào năm 2000, tuy không nói làm cách nào để có thể đạt được điều ước muốn đó, nhưng dự trù một phần quan trọng của công cuộc phát triển đặt trên triển vọng đầu tư nước ngoài và viện trợ, nhất là viện trợ của Mỹ và Nhật Bản.

Trên phương diện chính trị, theo gương Liên Xô, bắt đầu từ năm 1986, cộng sản Việt Nam hé mở cho một chút không khí tự do trong hoạt động văn hóa xã hội. Tuy nhiên điều căn bản của mọi cuộc chỉ trích cũng vẫn rất rõ ràng: Mọi người dân đều được tự do góp ý kiến về việc làm sao cho chế độ hoạt động hữu hiệu hơn, củng cố chính quyền của đảng chứ không được đụng tới bản chất của chủ nghĩa xã hội nhất là những giáo điều của Marx và Lénine. Một loạt những cái gọi là văn nghệ "cởi trói" được phép xuất hiện dưới con mắt thân thiện của Đảng và nhà nước CSVN, khởi đầu từ các vở kịch "Tôi và chúng ta", "Niềm tin và Hy vọng" của Lưu Quang Vũ sang tới các tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương v.v... công việc đả phá càng đi càng mạnh. Nhưng cái chính là những tác giả này chỉ đả kích những cái gọi là sai sót của chế độ do không thực hiện đúng cái gọi là lý tưởng chân chính của đảng. Không ai và nếu có người nào dám nói đến việc cần thiết phải bỏ cái chế độ này đi thì lập tức bị công an tới hỏi thăm liền.

Những tác phẩm này gợi cho ta cái cảm giác của một cái gì déjà vu, giống như những tác phẩm đầu tay trong thời kỳ Khroutchev mới hạ bệ Staline năm 1956. Tại Sàigòn trong những năm 1987 và 1989, đã trở thành một cái gì thời thượng trong việc chỉ trích các tệ đoan quan liêu, tham nhũng v.v... nhất là trong giới cán bộ. Quản lý trở thành một câu nói đầu lưỡi. Và anh cán bộ nào cũng nói muốn học kỹ thuật quản trị xí nghiệp, quản lý kinh tế từ phương tây nhất là từ Hoa Kỳ.

Tuy nhiên, nói là nói vậy thôi. Kế hoạch vẫn là tất cả và vẫn phải phát xuất từ trung ương. Ngay trong năm 1989, năm gọi là cởi mở nhất, mọi quyết định, ngay cả một quyết định nhỏ nhất, cũng phải đưa lên đến tận Hội đồng Bộ trưởng. Chính sách nói chung của chế độ Hànội là sẵn sàng lùi bước để bảo vệ những mục tiêu tối hậu của mình. Việc trình bày cho thế giới cũng như cho các Việt kiều ở hải ngoại một bề ngoài tự do dân chủ cũng không ngoài cái mục tiêu tranh thủ cảm tình và sự ủng hộ cho chế độ.

Chúng ta cần nhớ rằng trong những năm đầu

của cuộc chiến tranh Việt Pháp, Hồ Chí Minh đã không ngần ngại giải tán đảng Cộng sản Việt Nam cũng như thành lập một chính phủ liên hiệp trong đó các đảng phái quốc gia chiếm đa số. Chỉ sau khi tiếp xúc và nhận được sự ủng hộ của Trung Cộng, họ Hồ mới công khai tái lập lại đảng Cộng sản nhưng còn dưới chiêu bài đảng Lao động. Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ trâng tráo lộ mặt thật của mình với tên thật sự cộng sản sau khi đã thôn tính song miền Nam trong kỳ đại hội Bốn vào năm 1976.

Phản ứng trước tình hình thế giới

Tuy nhiên tình hình thế giới bước vào thập niên 90 không còn giống như thời sau Đệ nhị Thế chiến nữa. Sự sụp đổ không thể cứu vãn nổi của các chế độ cộng sản tại Đông Âu cũng như những biến động làm lay chuyển tận gốc rễ các chế độ Cộng sản còn lại như tại Trung Quốc, Albany làm các nhà cầm quyền Hànội cảnh giác trước một chính sách cởi mở có thể không kiểm chế được. Bắt đầu từ tháng Bảy năm 1989, Đại hội toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng kỳ Bảy đánh dấu hiệu một bước thụt lùi trở về đường lối cứng rắn cũ. Chính sách này được xác nhận lại một lần nữa trong Đại hội toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng kỳ Tám vào tháng Ba năm 1990. Cùng với sự cứng rắn trở lại về chính trị, Hànội bắt đầu xiết chặt sự kiểm soát về kinh tế. Trở lại với quan niệm đế quốc âm mưu lật đổ chế độ, chính quyền Hànội tăng cường làm khó dễ những nhà đầu tư ngoại quốc dại khờ tin theo lời đường mật muốn mang tiền vào đầu tư trong nước. Coi trọng sự tồn tại của chế độ hơn là việc phát triển của quốc gia đây là một phản ứng tất yếu có thể đoán trước được.

Nhưng liệu những biện pháp cứng rắn này có thể ngăn chận được một sự sụp đổ của chế độ theo gương các nước cộng sản khác hay không? Mạnh Tử đã viết "Quốc dĩ dân vi bản, Dân dĩ thực vi tiên" (nước lấy dân làm gốc, dân lấy ăn làm đầu), khi trở lại một chính sách kinh tế bế quan tỏa cảng như vậy, Hànội có cơ nguy tạo ra một sự sụp đổ về kinh tế dẫn đến những biến động về chính trị sau này. Trước tình hình viện trợ của Liên Xô và các nước Xã hội Chủ nghĩa anh em giảm thiểu hoặc chấm dứt, việc gìn giữ một bộ máy đàn áp để bảo vệ quyền lực sẽ là một gánh nặng ngày không thể chịu được cho chính quyền. Tuy nhiên, khác với những nước Cộng sản Đông Âu, chính quyền Hànội trong suốt thời gian đấu tranh mấy chục năm qua đã tạo ra một gia cấp khá lớn trong xã hội mà sự phồn vinh tùy thuộc vào sự tồn tại của chế độ. Một số những người này tuy đã thấy rõ những bế tắc của chế độ xã hội chủ nghĩa hiện tại nhưng không thể tưởng tượng một con đường nào khác hơn nữa, họ cho rằng trong một cuộc thay đổi chế độ sự phồn vinh và có thể ngay cả sự sống của họ cũng sẽ bị mất. Nếu có một sự đe dọa nào từ bên ngoài đến, chắc chắn đám người này sẽ lại đoàn kết chung quanh chính quyền để bảo vệ quyền lợi của họ.

Tương lai

Hiện nay Hànội hy vọng tình hình chính trị quốc tế biến đổi sẽ giúp họ ra khỏi tình trạng cô lập cũng như mở cửa cho nền kinh tế Việt Nam phát triển. Việc Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Baker tuyên bố sẽ bắt đầu đàm phán lại với Việt Nam tác động như một liều thuốc khỏe giải tỏa nỗi lo âu của các nhà lãnh đạo Hànội. Họ hy vọng rằng với sự trở lại của Hoa Kỳ mọi chuyện đều sẽ được giải quyết. Nhưng khách quan mà nhận xét vấn đề không đơn giản như Hànội tưởng. Việc điều đình với Mỹ sẽ còn kéo dài lâu mà kết quả chưa chắc đã có gì cụ thể. Những biến cố gần đây như tại Trung Đông cho thấy, tình hình kinh tế khi ra khỏi tình trạng phân cực càng trở nên phức tạp và Việt Nam không phải là một trọng điểm cần phải lưu ý của Mỹ. Viện trợ Mỹ cho Việt Nam chắc chắn là không có, hoặc chỉ có tính cách tượng trưng. Còn vấn đề đầu tư của phương tây hay Nhật Bản vào Việt Nam, điều đó chỉ tùy thuộc vào các điều kiện trong nước và các tính toán kinh tế của các thương gia nước ngoài. Trong khi đó điều chắc chắn là cuối năm nay viện trợ Liên Xô sẽ giảm thiểu tối đa nếu không nói là cắt đứt hoàn toàn. Để trám cái lỗ hổng ngân sách khổng lồ đó, để giúp nền kinh tế đứng yên chứ đừng nói đến phát triển, để cho dân "tạm đủ no" nếu không thì chế độ sẽ lung lay, thì giải pháp không phải là con đường mà Đại hội Trung ương Tám đã chọn.

Cánh cửa khi đã hé mở muốn đóng lại cũng không phải dễ. Đảng đã nghe lời Liên Xô hé mở cánh cửa kinh tế và chính trị theo trào lưu Glasnost. Giờ đây muốn đóng thì nước đã tràn vào rồi. "Cởi trói" thì dễ chứ "trói lại" đâu có dễ. Các cụ thường nói "tức nước vỡ bờ". "Cởi trói' và "Đổi mới" đã tạo nên mộ làn sóng ước ao và thèm muốn, ước ao được ăn sung mặc sướng, thèm muốn được sống cuộc sống thoải mái tự do. Những ước ao thèm muốn đó sẽ là những đợt sóng ngầm làm sụp đổ chế độ.

LÊ MẠNH HÙNG

Melbourne 18 tháng Tám 1990

Tác giả Lê Mạnh Hùng là chuyên viên kinh tế của VNCH trước 75. Hiện ông đang định cư tại Úc. Ông là người rất quen thuộc với những con số trong lãnh vực kinh tế.

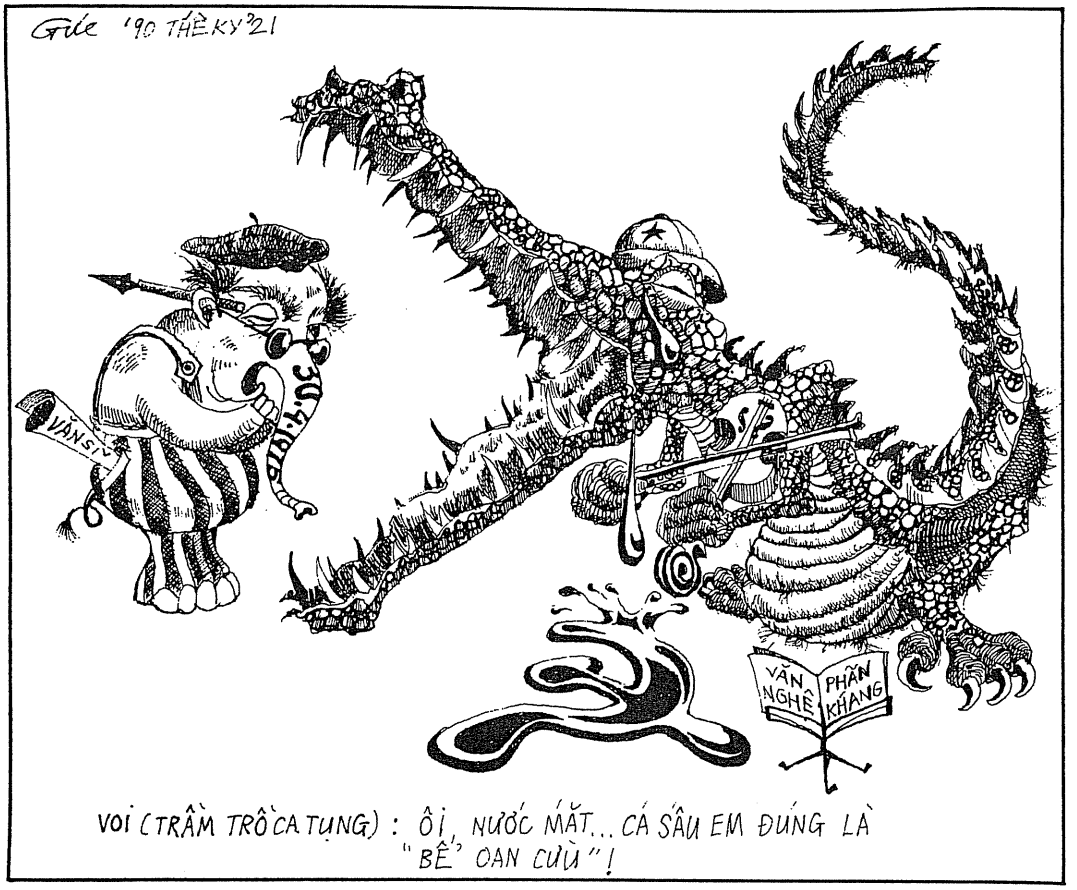

VOI (TRẦM TRỒ CA TỤNG) : ÔI, NƯỚC MẮT... CÁ SẤU EM ĐÚNG LÀ "BÊ" OAN CỪU"!

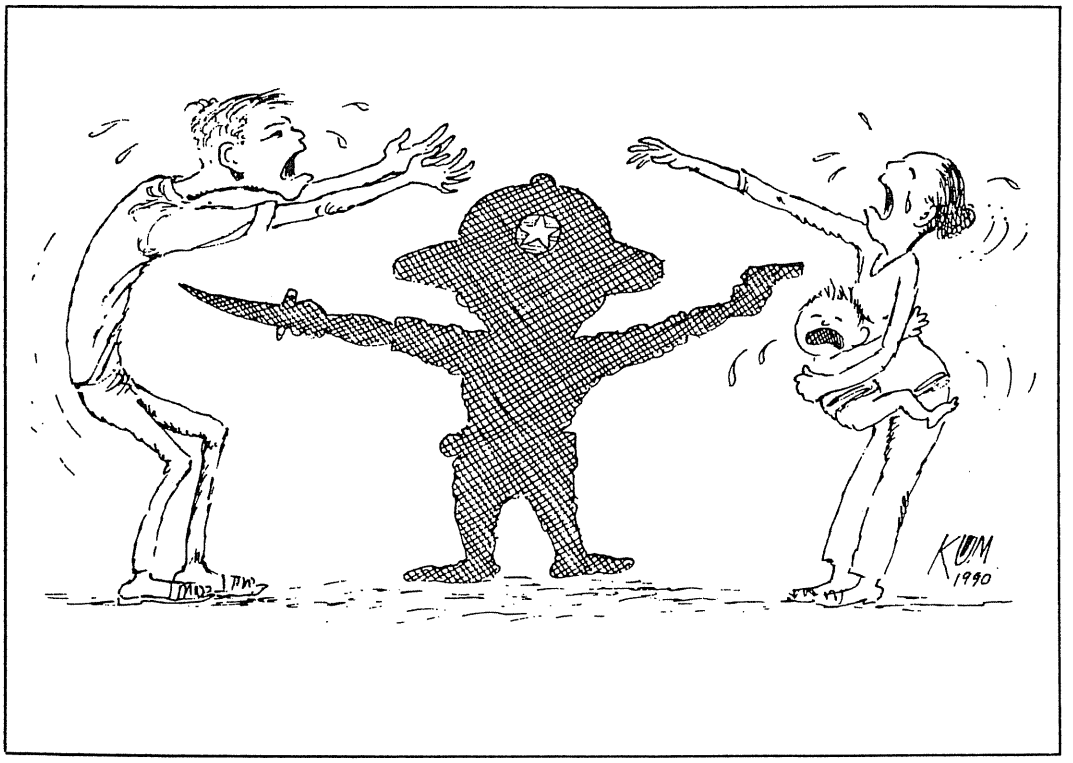

CĂN NGUYÊN CƠN CUỒNG NỘ CỦA NGƯỜI HỒI GIÁO

BERNARD LEWIS
ĐẶNG HOÀNG dịch

(Trong cuộc xung đột hiện nay tại Trung Đông, mấy tuần lễ vừa qua Sadam Hútxên, "Đồ tể thành Bắcđát", kẻ lãnh đạo thế tục của Irắc, đã hai lần kêu gọi toàn thể dân tộc Ảrập vùng lên tham dự một cuộc thánh chiến chống lại những lực lượng Hoa Kỳ "tà đạo" (infidels) đang đóng ở Vịnh Batư, và lật đổ "những tên phản bội Hồi giáo" là vua Fahd ở Xaudi Arabia và Tổng thống Mubarắc ở Ai Cập. So sánh mình với Nhà Tiên tri Môhamét, Giáo chủ đạo Hồi, xưa kia đã từng bị áp đảo bởi số người tà đạo đông đảo hơn, Sadam hứa là sẽ giải phóng Palestin và phục hồi lại thành Jeruxalem cho Hồi giáo. Dù rằng những lời đe dọa của Sadam không ngoài khuôn khổ một chiến dịch tâm lý chiến, và có thể chỉ là những đại ngôn của một kẻ mắc bệnh hoang tưởng tự đại, nhưng chúng cũng đã có một cơ sở lý luận khá vững chắc: đó là lòng thù nghịch truyền kiếp, kéo dài mười-bốn thế kỷ nay, giữa Hồi-giáo và Tây phương. Bài viết sau đây của Lewis, dù được soạn thảo trước khi xảy ra những biến cố ở Trung Đông, đã tới đúng lúc: nó thử đưa ra một số câu trả lời cho câu hỏi tại sao Hoa Kỳ đã trở thành một kẻ thù không đội trời chung của Hồi giáo.

Bernard Lewis là một giáo sư danh dự (emeritus) về Nghiên cứu Cận-Đông tại Đại học Princeton, và là tác giả rất nhiều sách về Trung Đông, như Người Ảrập trong Lịch sử (1950), Trung Đông và Tây phương (1964), Sự Khám phá Tây phương của người Ảrập (1982), và Ngôn ngữ Chính trị của Hồi giáo (1988). Sách của ông đã được dịch ra mười-chín thứ tiếng, kể cả Ảrập, Batư, Thổnhĩkỳ, và Nam-dương. Năm ngoái Giáo sư Lewis được Quỹ Quốc gia Tài trợ Khoa học Nhân văn (National Endowment for the Humanities) chọn làm Diễn giả Khoa học Nhân văn Jefferson cho năm 1990, danh dự cao nhất của chính phủ liên bang Hoa Kỳ trao cho một học giả có nhiều thành đạt về bộ môn này. Bài viết, in trong nguyệt san The Atlantic, số ra tháng Chín năm nay, được rút ra từ bài thuyết trình Jefferson nói trên mà tác giả đã đọc tại Hoa-thịnh-đốn mùa xuân vừa qua. — Đặng Hoàng).

Trong một lá thư Thomas Jefferson đã nhận xét rằng đối với những vấn đề tôn giáo thì "câu châm ngôn của một chính phủ dân sự" phải được đảo ngược lại và ta phải nói là, "Chia rẽ ta đứng, đoàn kết, ta ngã". Trong lời nhận xét này, với lối nói ngắn gọn điển hình, Jefferson đã đưa ra một ý niệm cho tới nay đã được coi là bản chất của nước Mỹ: tách rời Nhà Thờ khỏi Nhà Nước. Ý niệm này hồi đó cũng chẳng hoàn toàn mới mẻ; nó đã có một số tiền lệ trong những tác phẩm của Spinoza, Locke, và những nhà triết học thuộc phong trào Soi Sáng của Âu Châu. Tuy nhiên, chính tại Hợp Chủng Quốc mà nguyên tắc đó đã được gán cho cái sức mạnh của pháp luật, và dần dần, trải qua hai thế kỷ, đã trở thành một thực tại.

Nếu như tôn giáo và chính trị phải được tách rời nhau là một ý niệm tương đối mới mẻ, có từ ba trăm năm trước đây thôi, thì ý tưởng cho rằng chúng khác biệt nhau lại có từ hầu như những lúc ban đầu của đạo Cơ-đốc. Người Cơ-đốc được huấn thị trong Kinh Thánh của họ là "trả lại . . . Xê-gia những gì của Xê-gia và trả lại Thượng đế những gì của Thượng đế". Dù có nhiều ý kiến khác nhau về ý nghĩa đích thực của câu nói này, nhưng nó vẫn thường được giải thích là hợp pháp hóa một tình trạng trong đó hai định chế sống sát cánh nhau, mỗi bên có những luật lệ và đường dây thẩm quyền riêng rẽ — một bên quan tâm đến tôn giáo, gọi là Giáo hội, một bên quan tâm đến chính trị, gọi là Nhà nước. Và bởi lẽ chúng là hai, cho nên chúng có thể liên hợp hoặc tách rời, lệ thuộc nhau hoặc độc lập với nhau, và giữa hai bên có thể xảy ra xung đột về những vấn đề phân chia ranh giới và phạm vi quyền hạn.

Cái lối đặt thành công thức như thế cho những vấn đề nêu lên bởi tương quan giữa tôn giáo và chính trị, cùng những giải pháp khả dĩ cho những vấn đề đó, xuất phát từ những nguyên lý và kinh nghiệm Cơ-đốc giáo, chứ không có tính chất phổ biến. Có những truyền thống tôn giáo khác theo đó tôn giáo và chính trị được nhận thức khác hẳn, và theo đó, vì thế, những vấn đề và những giải pháp khả dĩ lại khác hẳn với những

vấn đề và giải pháp mà ta từng biết ở Tây phương. Hầu hết những truyền thống đó, cho dù có tinh vi và thành đạt cao độ đến mấy, đã chỉ ở lại hay trở thành địa phương — được giới hạn vào một vùng hoặc một văn hóa hoặc một dân tộc. Thế nhưng, có một truyền thống, do sự rải rác của nó khắp thế giới, do cái sinh khí còn tiếp tục của nó, do những khát vọng có tính chất phổ biến chủ nghĩa của nó, có thể so sánh với Cơ-đốc giáo, và đó là Hồi giáo.

Đạo Hồi là một tôn giáo lớn của thế giới. Cho tôi, với tư cách một sử gia về Hồi giáo nhưng không phải là người thuộc đạo này, nói rõ như vậy nghĩa là thế nào. Hồi giáo đã mang lại niềm khuây khỏa và sự an tâm cho không biết bao nhiêu triệu nam, nữ. Nó đã mang lại niềm kiêu hãnh và ý nghĩa cho những cuộc đời buồn tẻ và khốn khó. Nó đã dạy cho những dân tộc thuộc nhiều nòi giống khác nhau sống trong tình anh em, và dạy cho những dân tộc thuộc nhiều tín ngưỡng khác nhau sống cạnh nhau trong tình khoan dung tương đối. Nó đã phát sinh một nền văn minh vĩ đại trong đó những người khác ngoài người Hồi-giáo đã sống những cuộc đời sáng tạo và hữu ích; và nền văn minh ấy, do những thành đạt của nó, đã làm phong phú toàn thể thế giới. Nhưng cũng có những thời kỳ đạo Hồi, giống như những tôn giáo khác, đã gây ra nơi một số tín đồ của nó một tâm trạng căm thù và hung bạo. Thật là một điều bất hạnh cho chúng ta khi mà một phần, dù chẳng phải là tất cả hay hầu hết, thế giới Hồi giáo hiện nay đang trải qua một thời kỳ như thế, và khi mà phần lớn, dù cũng chẳng phải hết thảy, sự căm thù ấy hiện đang hướng về phía chúng ta.

Ta không nên phóng đại kích thước của vấn đề này. Thế giới Hồi-giáo không hoàn toàn nhất trí về sự bài bác Tây phương, và những vùng đất Hồi-giáo của Thế giới Thứ ba cũng chẳng hề là những vùng hăng say nhất và cực đoan nhất trong thái độ thù nghịch của họ. Vẫn còn khá nhiều, ở một vài nơi có thể là đa số, người Hồi-giáo cùng chia sẻ với ta một số niềm tin và khát vọng nào đó về văn hóa và đạo đức, về xã hội và chính trị. Chắc chắn là không có nơi nào trong thế giới Hồi-giáo, ở Trung Đông hay ở đâu khác, mà chính sách Hoa Kỳ đã chịu những tai họa hoặc gặp phải những vấn đề có thể sánh với [tai hại và vấn đề] ở Đông Nam Á hoặc Trung Mỹ. Hiện nay không có Cuba, không có Việt Nam, trong thế giới Hồi-giáo, và không có nơi nào mà các lực lượng Hoa Kỳ đang dính líu trong tư cách chiến đấu hay ngay đến "cố vấn" nữa. Nhưng có một Libya, một Iran, và một Lêbanon, và một lớp sóng cồn căm hận đang làm người Hoa Kỳ lo âu, hoảng hốt, và nhất là rối trí.

Đôi khi lòng căm hận này vượt lên trên sự thù nghịch đối với những quyền lợi nào, hoặc hành động nào, hoặc chính sách nào, hoặc ngay đến cả những xứ nào nói riêng, và trở thành một sự bác bỏ nền văn minh Tây phương nói chung, chẳng những về những gì nền văn minh ấy làm mà còn về chính bản chất của nó, và những nguyên tắc và giá trị nó thực hành và chủ trương. Quả vậy, những cái đó được coi có tính ác bẩm sinh, và những ai quảng bá hoặc chấp nhận chúng đều là "kẻ thù của Thượng đế".

Câu nói trên, xuất hiện rất là thường xuyên trong ngôn ngữ của cấp lãnh đạo Iran, trong cả những biên bản pháp lý lẫn lời tuyên bố chính trị của họ, chắc nghe rất lạ tai đối với kẻ ngoại cuộc hiện đại, dù là có đạo hay thế tục. Cái ý tưởng cho rằng Thượng đế có kẻ thù, và cần đến sự giúp sức của con người đặng nhận dạng và trừ khử chúng, thì có hơi khó tiêu. Thế nhưng nó không hoàn toàn xa lạ. Quan niệm về kẻ thù của Thượng đế là một quan niệm quen thuộc trong thời cổ đại tiền-cổ-điển và cổ điển, và trong cả Cựu lẫn Tân Ước kinh, cũng như trong Kinh Koran. Một biến thể đặc biệt thích hợp của ý niệm ấy tìm thấy trong những tôn giáo nhị nguyên của Iran thời xưa, với một vũ trụ luận cho là có hai chứ không phải một quyền lực tối cao. Ác quỷ trong đạo Zoroaster (1), không giống như ác quỷ trong Cơ-đốc giáo hay Hồi giáo hay Do-thái giáo, không phải là một trong những sinh vật mà Thượng đế tạo ra để thi hành những công tác huyền bí của Thượng đế mà là một quyền lực độc lập, một ác lực tối cao đương đầu chống lại Thượng đế trong một cuộc giao tranh khổng lồ. Tín ngưỡng này đã ảnh hưởng đến một số môn phái Cơ-đốc-giáo, Hồi-giáo, và Do-thái giáo, qua đạo Mani (2) và nhiều ngả khác. Chính đạo Mani, ngày nay hầu như đã bị quên lãng, đã gắn liền tên nó với nhận thức cho rằng mọi vấn đề chỉ là một cuộc xung đột hoàn toàn và đơn giản giữa những lực thuần thiện và lực thuần ác.

Kinh Koran tất nhiên là hoàn toàn theo thuyết độc thần [*monotheistic*], chỉ thừa nhận có một Thượng đế, một quyền lực vạn năng mà thôi. Có một cuộc đấu tranh trong trái tim con người giữa thiện và ác, giữa những lời răn của Thượng đế và ma vương, thế nhưng đó là một cuộc đấu tranh do Thượng đế sắp xếp, với hậu quả do Thượng đế sắp đặt trước, dùng để thử thách nhân loại, chứ không phải, như thấy trong một số tôn giáo nhị nguyên xưa kia, một cuộc đấu tranh trong đó loài người có một vai trò quyết định xui khiến cho thiện thắng được ác. Mặc dù là đạo độc thần, Hồi giáo, giống như Do-thái giáo và Cơ-đốc giáo, đã trải qua nhiều thời kỳ, nhất là tại Iran, chịu ảnh hưởng của cái ý niệm nhị nguyên chủ nghĩa về sự va chạm giữa thiện và ác, ánh sáng và bóng tối, trật tự và hỗn mang, chân và ngụy, Thượng đế và kẻ Đối thủ, được gọi bằng nhiều tên khác nhau như quỉ, yêu ma [*Iblis*], Xatăng,

vân vân.

Sự thăng thịnh của căn nhà vô đạo

Trong đạo Hồi, cuộc đấu tranh giữa thiện và ác chẳng bao lâu đã lấy được những kích thước chính trị và ngay đến cả quân sự nữa. Tưởng cũng nên nhớ rằng Môhamét không những đã là một nhà tiên tri và một sư trưởng, giống như những người sáng lập của các tôn giáo; ông ta còn là người đứng đầu một chính thể và một cộng đồng, nhà cai trị và nhà quân sự. Do đó cuộc đấu tranh của ông đã làm dính líu tới một nhà nước và quân lực của nó. Nếu như những chiến sĩ trong cuộc chiến cho đạo Hồi, cuộc thánh chiến "trên con đường của Trời", chiến đấu cho Trời, thì điều đó có nghĩa là đối thủ của họ chiến đấu chống lại Trời vậy. Và bởi lẽ trên nguyên tắc Trời là quốc vương, thủ lãnh tối cao của nhà nước Hồi giáo — và Giáo chủ [Môhamét] cũng như, sau vị này, cấp lãnh đạo tinh thần [*caliphs*] là những kẻ thụ quyền của Trời — cho nên Trời chỉ huy quân đội với tư cách quốc vương. Quân đội là quân đội của Trời và kẻ thù là kẻ thù của Trời. Bổn phận của quân lính nhà Trời là sai phái kẻ thù nhà Trời để, mau chừng nào tốt chừng nấy, tới được nơi chốn mà Trời sẽ trừng phạt chúng — nghĩa là tới kiếp sau.

Có liên hệ rõ ràng với điều trên là cách phân chia căn bản nhân loại theo nhận thức của đạo Hồi. Hầu hết, có lẽ hết thảy, xã hội loài người đều có một cách phân biệt giữa mình và người khác: người bên trong và kẻ bên ngoài, nhóm trong và nhóm ngoài, họ hàng hoặc lối xóm và ngoại nhân. Những định nghĩa này chẳng những xác định người ngoài mà, có lẽ đặc biệt hơn, còn giúp xác định và minh họa những nhận thức của ta về chính ta.

Trong quan điểm cổ điển Hồi-giáo, mà nhiều tín đồ của đạo này đang bắt đầu quay trở lại, thế giới và toàn thể nhân loại được chia làm hai: Căn nhà Hồi-giáo, nơi mà luật pháp và đức tin Hồi giáo thịnh hành, và mọi người khác, gọi là Căn nhà Vô đạo hoặc Căn nhà Chiến tranh, mà bổn phận của tín đồ Hồi-giáo, sau cùng, là kéo họ trở về với đạo Hồi. Thế nhưng phần lớn thế giới vẫn còn ở bên ngoài Hồi giáo, và ngay cả bên trong những phần đất Hồi-giáo, theo nhận xét của những thành phần cấp tiến thuộc đạo này, đức tin của người Hồi-giáo đã bị ngấm ngầm phá hoại và luật pháp của Hồi giáo đã bị hủy bỏ. Nghĩa vụ cuộc thánh chiến, vì thế, bắt đầu tại gia và tiếp tục ở ngoại quốc, chống lại cùng một kẻ thù vô đạo ấy.

Giống như bất cứ nền văn minh nào khác từng được biết trong lịch sử loài người, thế giới Hồi-giáo trong thời cực thịnh của nó đã tự coi mình là trung tâm của chân lý và ánh sáng, bị bao vây bởi những giống dã man vô đạo mà, đến một lúc thích đáng nào đó, họ sẽ soi sáng và khai hóa cho. Nhưng giữa những nhóm người dã man khác nhau ấy đã có một sự khác biệt căn bản. Giống man rợ ở phía đông và phía nam thì theo đạo đa thần và sùng bái thần tượng, không hề đe dọa nghiêm trọng và không cạnh tranh với Hồi giáo chút nào hết. Ở phía bắc và phía tây, trái lại, tín đồ đạo Hồi ngay từ hồi sớm đã nhận ra là một đối thủ đích thực — một tôn giáo thế giới cạnh tranh, một nền văn minh đặc biệt xuất phát từ tôn giáo đó, và một đế quốc, dù nhỏ hơn đế quốc của họ nhiều, đã không kém tham vọng hơn họ trong những điều yêu sách và nguyện vọng của nó. Đây là một thực thể tự xưng và được biết đến là Thế giới Cơ-đốc, một từ ngữ từ lâu đã hầu như đồng nhất với Âu Châu.

Cuộc đấu tranh giữa các hệ thống đối nghịch này tới nay đã kéo dài khoảng mười-bốn thế kỷ. Nó khởi sự với sự ra đời của đạo Hồi, trong thế kỷ thứ bảy, và đã tiếp tục gần như từ đó tới nay. Nó đã gồm một loạt dài những cuộc tấn công và phản công, thánh chiến Hồi giáo [*jihad*] và viễn chinh thập tự Cơ-đốc giáo [*crusade*], chinh phục và tái chinh phục. Trong một ngàn năm đầu đạo Hồi tiến tới, Thế giới Cơ-đốc rút lui và bị đe dọa. Tín ngưỡng mới chinh phục được những vùng đất cũ của người Cơ-đốc ở Levant [miền duyên hải phía đông Địa Trung Hải] và Bắc Phi, và xâm chiếm Âu Châu, cai trị một thời gian tại Xixili, Tâybannha, Bồđàonha, và ngay cả vài phần đất Pháp. Mưu toan của các đạo quân viễn chinh thập tự nhằm giành lại những vùng đất đã mất của Thế giới Cơ-đốc tại miền đông đã bị ngăn chận và đẩy lui, và ngay đến sự mất Nam Âu của người Hồi giáo về tay phe Tái Chinh Phục [*Reconquista*] cũng đã được đền bù rộng rãi bởi cuộc tiến chiếm của Hồi-giáo tại đông-nam Âu Châu, mà hai lần đã vượt tới tận thành Viên. Trong ba trăm năm vừa qua, kể từ khi Thổnhĩkỳ thất bại lần thứ nhì trong cuộc vây hãm thành Viên năm 1683 và từ khi Âu Châu bành trướng các đế quốc thuộc địa của họ tại Á Châu và Phi Châu, đạo Hồi đã giữ thế thủ, và văn minh Cơ-đốc và hậu Cơ-đốc của Âu châu cùng những con đẻ của nó đã đưa toàn thể thế giới, kể cả Hồi-giáo, vào quĩ đạo của nó.

Từ lâu nay rồi đã dâng lên một ngọn triều nổi loạn chống lại cái uy quyền tối cao của Tây phương, và khát vọng tái khẳng định những giá trị của người Hồi-giáo và phục hồi cái vĩ đại của người Hồi-giáo. Người Hồi-giáo đã trải qua nhiều giai đoạn thất bại liên tiếp. Giai đoạn thứ nhất là sự mất quyền bá chủ trên thế giới, về tay quyền lực đang lên của Liên Xô và về tay Tây phương. Giai đoạn thứ hai là sự phá hoại uy quyền của mình tại chính nước mình, qua sự xâm chiếm của những tư tưởng, luật pháp, và lối sống ngoại quốc,

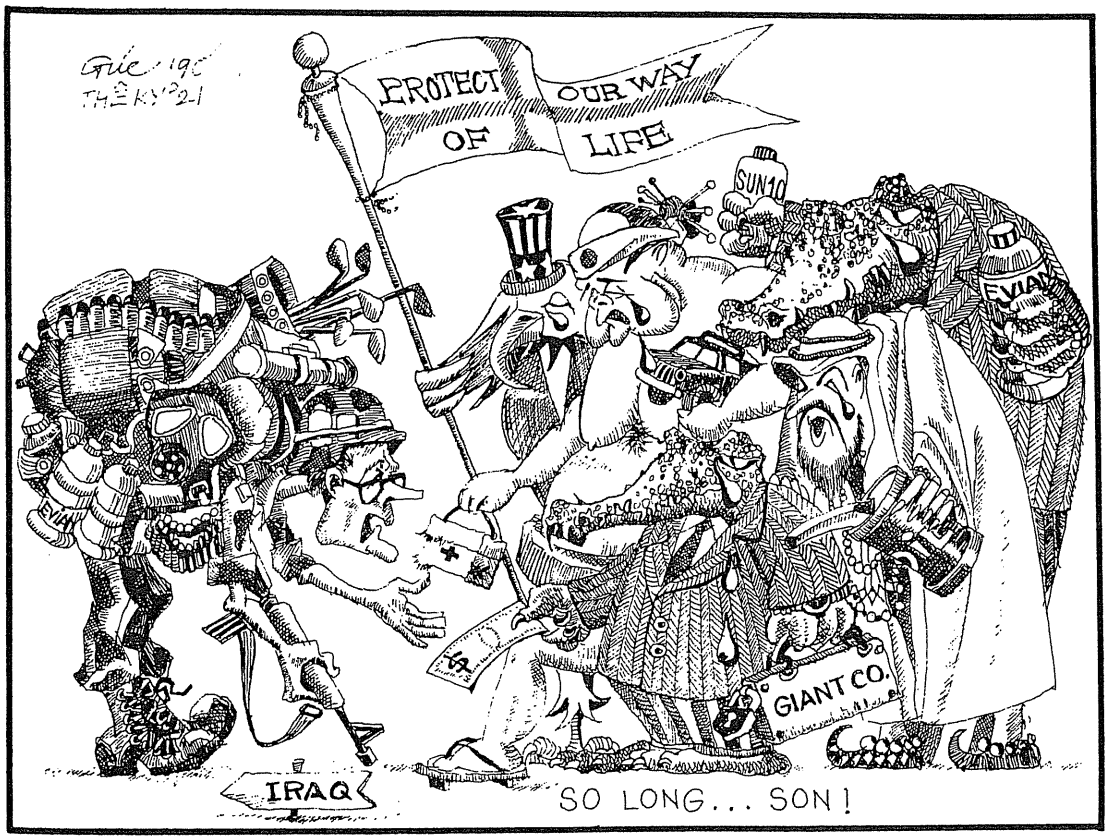

và đôi khi ngay cả đến sự xâm chiếm của kẻ cai trị và thực dân ngoại quốc, cũng như sự giải phóng những phần tử phi Hồi-giáo bản xứ. Giai đoạn thứ ba — cọng rơm cuối cùng — là sự thách thức quyền làm chủ của mình trong chính nhà mình, bởi giới phụ nữ đã được giải phóng và bởi lớp con em nổi loạn. Quả là quá nhiều để có thể chịu đựng nổi, và sự bùng nổ cơn cuồng nộ chống lại những lực lượng ngoại lai, vô đạo, và khó hiểu — chúng đã tới khuynh đảo địa vị thống trị của mình, đã làm xáo trộn xã hội của mình, và sau chót đã xâm phạm tận nơi trú ẩn tai nhà riêng của mình — đã không thể tránh được. Và cũng là điều tự nhiên khi mà cơn cuồng nộ ấy đã chủ yếu nhắm tới kẻ thù thiên thu và đã rút được sức mạnh từ những lòng tin xưa và trung nghĩa cũ.

Âu Châu và những con đẻ của nó? Câu nói này đối với người Mỹ có thể nghe lạ tai, bởi vì kể từ lúc mới bắt đầu lập quốc và có thể sớm hơn nữa, những thần thoại dân tộc Hoa Kỳ đã thường xác định cái căn cước của chính họ như đối lập với Âu Châu, như một cái gì mới và hoàn toàn khác với lối sống Âu Châu. Thế nhưng những người khác đã không nhìn nó như thế; rất ít khi tại Âu Châu, và chẳng bao giờ tại nơi khác.

Dù rằng đã có nhiều người thuộc những chủng tộc và văn hóa khác tham dự, hầu hết không chú ý, vào sự khám phá và tạo dựng các lãnh thổ Mỹ Châu, nhưng cái đó đã là, và dưới mắt những dân tộc khác trên thế giới xưa nay vẫn là, một công trình của Âu Châu. Trong công trình đó người Âu đã chiếm ưu thế và chi phối, và người Âu đã mang đến ngôn ngữ của họ, tôn giáo của họ, và phần lớn những cách lối sống của họ.

Từ lâu lắm rồi sự di cư tự nguyện sang Mỹ hầu hết đã dành riêng cho người Âu Châu. Thực ra cũng có một số người tới từ các vùng đất thuộc Hồi giáo ở Trung Đông hoặc Bắc Phi, nhưng ít người theo đạo Hồi; phần lớn là thành phần thiểu số Cơ-đốc hay Do-thái-giáo (ít hơn) tại các xứ đó. Việc họ rời sang Mỹ, và sự có mặt sau đó của họ tại Mỹ, chắc hẳn đã củng cố thêm thay vì giảm bớt đi cái hình ảnh Âu Châu của Mỹ dưới ánh mắt người theo Hồi giáo.

Hồi trước, tại những vùng đất thuộc ảnh hưởng Hồi-giáo, đã có thật ít tài liệu nói về Mỹ Châu. Lúc đầu những cuộc du hành khám phá đã gây được ít nhiều chú ý; bức bản đồ Mỹ Châu duy nhất còn lại của chính Columbus là một bản dịch và mô phỏng của người Thổnhĩkỳ, hiện vẫn còn giữ tại bảo tàng viện thuộc dinh Topkapi, ở Istanbul. Bản tường thuật của một nhà địa lý Thổnhĩkỳ hồithế kỷ mười-sáu về cuộc khám phá Tân Thế Giới, nhan đề *Lịch sử Tây Ấn-độ*, đã là một trong những cuốn sách đầu tiên in tại Thổnhĩkỳ. Nhưng về sau sự chú ý dường như đã nhạt dần, và không có mấy ai viết về Mỹ Châu

bằng tiếng Thổ, Ảrập, hay ngôn ngữ nào khác của người theo Hồi giáo, cho đến hồi tương đối mới đây. Một viên Sứ thần Marốc ở Tâybannha hồi đó viết một bản tường thuật, chắc hẳn là bản đầu tiên bằng tiếng Ảrập, về cuộc Cách mạng Mỹ. Vào năm 1787 vua Marốc ký một hòa ước hữu nghị với Hoa Kỳ, và từ đó về sau nước cộng hòa mới này đã có một số giao dịch với các quốc gia Hồi-giáo khác, đôi khi thân hữu, đôi khi đối nghịch, hầu hết là thương mại. Những cuộc tiếp xúc này dường như đã gây ít ảnh hưởng đối với bên này hoặc bên kia. Cuộc Cách mạng Mỹ và con đẻ của nó, nước cộng hòa Mỹ, đã không được chú ý tới hay biết tới trong một thời gian lâu dài. Ngay đến cả sự có mặt nhỏ nhoi nhưng mỗi ngày mỗi lớn thêm của Mỹ tại các vùng đất Hồi-giáo trong thế kỷ mười-chín — con buôn, lãnh sự, nhà truyền đạo, và thầy giáo — đã gây được rất ít sự tò mò, và hầu như không hề được nhắc tới trong văn học hay báo chí Hồi-giáo thời đó.

Thế chiến Thứ hai, kỹ nghệ dầu hỏa, và những diễn biến hậu chiến đã đưa nhiều người Mỹ tới các xứ Hồi-giáo; người Hồi-giáo cũng qua Mỹ mỗi năm một nhiều hơn, mới đầu là sinh viên, sau là thầy giáo hoặc nhà buôn hoặc du khách khác, và sau cùng là di dân. Điện ảnh và, sau này, truyền hình đã mang lối sống Mỹ, hay một hình ảnh nào đó của lối sống ấy, tới mắt hàng triệu người mà trước kia, đối với họ, ngay cả cái tên Mỹ Châu cũng đã vô nghĩa hoặc không hề được biết tới. Sản phẩm Mỹ đủ loại, nhất là trong các năm hậu chiến kế liền — lúc mà cạnh tranh của Âu Châu đã hầu như bị loại hẳn và cạnh tranh của Nhật chưa có — đã tới được những thị trường xa xôi nhất của thế giới Hồi-giáo, chiếm được những khách hàng mới và, có lẽ quan trọng hơn, tạo được những thị hiếu và hoài bão mới. Đối với một số người thì Mỹ Châu đã tượng trưng cho sự giàu có và sức mạnh và thành công, ở cái thời mà những đặc tính này chưa bị coi là tội lỗi hay tội ác.

Và rồi xảy đến một thay đổi lớn, khi cấp lãnh đạo của một cuộc phục hưng tôn giáo lan rộng và bành trướng truy lùng và nhận diện kẻ thù của mình chính là kẻ thù của Thượng đế, và "trỏ tận nơi và gọi tận tên" chúng là ở Tây Bán Cầu. Thế là dường như bất thình lình Mỹ Châu đã trở thành kẻ thù không đội trời chung, hiện thân của sự ác, đối thủ ma quỉ của mọi điều thiện trên đời, và đặc biệt đối với người Hồi-giáo, đối thủ của đạo Hồi. Tại sao?

Những lời buộc tội quen thuộc

Trong số những thành tố tạo nên cái tâm trạng bài Tây phương, và nhất là bài Mỹ, có một vài ảnh hưởng trí thức nào đó bắt nguồn từ Âu Châu. Một trong các ảnh hưởng này đã đến từ Đức, nơi mà một quan điểm tiêu cực về Mỹ đã làm thành một trường phái tư tưởng không riêng gì cho đảng viên Quốc-Xã mà còn gồm cả những nhà văn khác nhau như Rainer Maria Rilke, Ernst Junger, và Martin Heidegger. Theo nhận định này, thì Mỹ Châu đã là thí dụ lớn nhất về nền văn minh không văn hóa: giàu có và sung túc, tiến bộ vật chất mà không tâm hồn và giả tạo; được ráp nối thành hay nhiều nhất được dựng lên, chứ không sinh trưởng; cơ khí, chứ không hữu cơ; phức tạp về mặt kỹ thuật nhưng thiếu tính chất tinh thần và sức sinh động của những nền văn hóa có gốc rễ, có nhân tính và dân tộc tính như người Đức và các dân tộc "có thực chất" khác. Triết học Đức, và nhất là lý thuyết về giáo dục, đã được giới trí thức Ảrập và một số trí thức Hồi-giáo rất ưa chuộng trong những năm ba-mươi và đầu bốn-mươi, và chủ nghĩa bài Mỹ này đã là một phần của cái thông điệp đó.

Sau khi Đệ tam *Reich* [Đế quốc Đức dưới thời Quốc-Xã, 1933-45] sụp đổ và ảnh hưởng Đức tạm thời chấm dứt, một triết thuyết khác, còn chủ trương bài Mỹ hơn nữa, tới thay thế — chủ nghĩa Marx theo lối giải thích của Xôviết, tố cáo chủ nghĩa tư bản Tây phương và tố cáo Mỹ là hiện thân tiên tiến và nguy hiểm nhất của nó. Và khi ảnh hưởng Xôviết bắt đầu suy tàn, còn một ảnh hưởng khác nữa tới chiếm chỗ, hay ít nhất bổ sung ảnh hưởng ấy — cái thần bí mới của chủ nghĩa Đệ tam Thế giới, xuất phát từ Tây Âu, nhất là Pháp, và sau này cũng từ Hoa Kỳ, và đôi khi còn khai thác cả hai triết thuyết nói trên nữa. Cái thần bí ấy lại còn được trợ lực bởi cái khuynh hướng phổ biến của loài người là phát minh ra một thời đại hoàng kim trong quá khứ, và bởi cái khuynh hướng đặc biệt Âu Châu là đặt vị trí cho nó ở một nơi nào khác. Một biến thể mới của huyền thoại cổ xưa về hoàng kim thời đại đã đặt nó ở Thế giới Thứ ba, nơi mà cái ngây thơ của Adam và Eve đã bị con rắn Tây phương đến cám dỗ. Quan điểm này đã coi cái thiện và cái tinh khiết của Đông phương và cái độc ác của Tây phương là những chân lý đương nhiên, bành trướng từ Tây Âu sang Hoa Kỳ theo một đường cong số mũ của sự ác. Những ý tưởng này cũng đã rớt xuống miền đất màu mỡ, và được khắp nơi ủng hộ.

Thế nhưng, dù rằng các triết thuyết nhập cảng này đã giúp cung ứng cách diễn đạt trí tuệ cho chủ nghĩa bài Tây phương và bài Mỹ, chúng đã không sinh ra sự biểu lộ ấy, và nhất định là hiện nay không giải thích được chủ nghĩa bài Tây phương đang lan rộng khiến cho nhiều người ở Trung Đông và các nơi khác thuộc thế giới Hồi-giáo dễ tiếp thu những ý tưởng đại loại.

Chắc chắn đã rõ ràng là những chủ thuyết hoàn toàn khác biệt nói trên chiếm được lòng ủng hộ không phải vì lý thuyết về chủng tộc của

Quốc-Xã (một lý thuyết rất ít hấp dẫn đối với người Ảrập), hay chủ nghĩa cộng sản vô thần của Xôviết (một chủ nghĩa rất ít hấp dẫn đối với người Hồi-giáo), mà chính là vì chủ nghĩa bài Tây phương của cả hai. Chủ nghĩa Quốc-Xã và chủ nghĩa cộng sản đã là hai lực lượng chủ yếu đối lập với Tây phương, trong tư thế vừa là một đường lối sống vừa là một quyền lực trên thế giới, và như thế chúng có thể dựa vào ít nhất cảm tình nếu không nói sự ủng hộ của những người đã coi Tây phương là kẻ thù của mình.

Nhưng tại sao lại đối nghịch trước đã? Nếu ta quay trở ngược từ cái tổng quát sang cái đặc thù, thì ta sẽ thấy không thiếu gì những chính sách hay hành động riêng lẻ, do các chính phủ Tây phương riêng lẻ chủ trương hay theo đổi, đã gợi lên lòng căm giận sục sôi của các dân tộc Trung Đông và các dân tộc Hồi-giáo khác. Vậy mà rất thường khi, lúc các chính sách ấy được bãi bỏ và vấn đề được giải quyết rồi, chỉ có một nỗi khuây dịu tại một vài địa phương và chỉ chốc lát mà thôi. Người Pháp đã rời Algiêri, người Anh đã rời Aicập, các hãng dầu Tây phương đã rời những mỏ dầu của họ, ông Sa chủ trương Tây-phương-hóa kia đã rời Iran — thế mà lòng oán giận phổ biến của các giáo phái chính thống chủ nghĩa [*fundamentalists*] và những phe cực đoan khác chống Tây phương và bạn của Tây phương vẫn còn lại, vẫn bùng lên, vẫn không nguôi.

Cái nguyên nhân được viện dẫn thường xuyên nhất cho tình cảm chống Mỹ nơi người theo đạo hồi hôm nay là sự ủng hộ của Mỹ dành cho Do-thái. Sự ủng hộ này tất nhiên là một yếu tố quan trọng, và tầm quan trọng tăng lên với sự gần gũi và mối liên hệ. Nhưng ở đây cũng có một số điều kỳ cục, khó mà giải thích theo một nguyên nhân duy nhất, giản dị. Trong những ngày đầu thành lập quốc gia Do-thái, trong khi Hoa Kỳ giữ một khoảng cách nào đó, thì Liên Xô đã lập tức thừa nhận *de jure* và ủng hộ nước này, và vũ khí được gửi đến từ một chư hầu Xôviết là Tiệpkhắc đã cứu vãn quốc gia Do-thái sơ sinh khỏi sự thất bại và sự chết trong mấy tuần lễ đầu tiên trong đời. Vậy mà dường như [về phía những nước Ảrập] đã không có nhiều ác ý gì mấy đối với người Xôviết vì những chính sách đó, và không có một thiện ý tương ứng đối với Hoa Kỳ. Năm 1956, chính Hoa Kỳ đã can thiệp, mạnh mẽ và quyết liệt, để đạt được sự triệt thoái của các lực lượng Do-thái, Anh, và Pháp khỏi Aicập — vậy mà trong những năm cuối thập niên năm-mươi và những năm sáu-mươi, giới cai trị Aicập, Xyria, Irắc, và các quốc gia khác đã hướng về người Xôviết tại Liên Hiệp Quốc và trên thế giới nói chung. Gần đây hơn, nhà cầm quyền Cộng Hòa Hồi-giáo Iran đã đưa ra những lời tố cáo có nguyên tắc nhất và bất thỏa hiệp nhất nhắm tới quốc gia Do-thái và Do-thái giáo. Vậy mà những nhà lãnh đạo này, trước cũng như sau cái chết của Ayatôla Ruhollah Khomeini, khi họ quyết định (tạm gọi là) đối thoại với Do-thái vì những lý do nào đó của riêng họ, đã thấy rằng nói chuyện với Jeruxalem còn dễ hơn là với Hoa-thịnh-đốn. Đồng thời, những con tin Tây phương tại Lêbanon, trong số đó có nhiều người sốt sắng với chính nghĩa Ảrập và có một số còn cải đạo theo Hồi giáo, lại bị kẻ giam giữ coi như, và đối xử như, chân tay của Đại Xatăng.

Một giải thích khác, thường được nghe từ giới phản kháng thuộc đạo Hồi, cho tình cảm bài Mỹ là do việc Mỹ ủng hộ những chế độ bị oán ghét, chế độ mà phe cấp tiến coi là phản động, phe bảo thủ coi là nghịch đạo, và cả hai coi là suy đồi và bạo ngược. Lời tố cáo này có phần nào hợp lý, và có thể giúp giải thích được tại sao một phong trào chủ yếu hướng nội, thường chống dân tộc chủ nghĩa, lại quay sang chống lại một quyền lực ngoại quốc. Nhưng nó không đủ, nhất là kể từ khi sự ủng hộ đối với các chế độ như thế đã giới hạn trong mức độ và — như ông Sa Iran đã khám phá thấy — trong hiệu năng.

Rõ ràng là có cái gì sâu xa hơn những mối bất bình riêng biệt trên đây, dù có thể là nhiều và quan trọng — cái gì sâu xa hơn khiến bất cứ một mối bất hòa nào cũng biến thành một vấn đề và mỗi vấn đề thành không giải quyết được.

Sự ghê tởm Mỹ Châu, nói chung hơn là Tây phương, không chỉ giới hạn vào thế giới Hồi-giáo mà thôi; những người theo đạo Hồi, ngoại trừ giới tăng lữ Iran và môn đệ của họ ở các nơi khác, cũng chẳng kinh nghiệm thấy hay biểu lộ ra tình cảm này dưới những hình thức độc địa gì hơn. Tâm trạng bị vỡ mộng và đối nghịch đã nhiễm tới nhiều nơi khác trên thế giới, và còn ảnh hưởng đến một số phần tử tại Hoa Kỳ nữa. chính từ miệng những người nói sau này, nói cho chính họ và tự cho là nói giùm những dân tộc bị áp bức của Thế giới Thứ ba, mà mới đây người ta được nghe những lời giải thích — và biện hộ — rùm beng nhất cho sự bác bỏ nền văn minh Tây phương cùng những giá trị của nó.

Những lời buộc tội thì đã quen thuộc. Người Tây phương chúng ta bị buộc tội là theo chủ nghĩa vị giới tính [*sexism*], vị chủng tộc, và đế quốc [các chủ nghĩa này] được định-chế-hóa trong chế độ gia trưởng và nô lệ, chế độ chuyên chế và bóc lột. Để trả lời những cáo trạng đó, và những lời buộc tội khác cũng ghê tởm tương tự, ta không còn lựa chọn nào ngoại trừ nhận là có tội — chẳng với tư cách là người Mỹ, cũng chưa hẳn là người Tây phương, mà đơn giản chỉ là con người, là thành viên của giống người. Không có một tội nào nói trên đây mà ta lại là những phạm nhân duy nhất, và có một vài tội trong đó ta cũng chẳng hề là những kẻ phạm tội nặng nhất. Cách đối xử với phụ nữ trong thế giới Tây phương, và nói chung

hơn trong thế Cơ-đốc, cho tôi nay vẫn đã luôn luôn bất bình đẳng và nhiều khi áp bức, thế nhưng tệ nhất thì nó cũng còn khá hơn chế độ đa thê và hầu thiếp, là số phận hầu như còn phổ biến của phái nữ trên hành tinh này.

Vậy thì có phải chủ nghĩa vị chủng tộc [*racism*] là điều oán trách chủ yếu không? Hẳn nhiên, từ ngữ đó hiện nay là một hiện diện nổi bật trong những văn bản công cộng phổ biến tới người nghe Tây Âu, Đông Âu, và một số trong Thế giới Thứ ba. Nó hiện diện ít hơn trong những gì được viết và xuất bản cho giới tiêu thụ quốc nội, và đã trở thành một ngữ trừ thóa mạ chung chung và vô nghĩa — giống như chữ "phát-xít", một từ ngữ hiện nay được tán cho đối thủ mình bởi ngay cả những phát ngôn nhân của những nước độc tài một-đảng, theo chủ nghĩa vị dân tộc, đủ màu da và đủ màu áo sơ-mi (3).

Chế độ nô lệ ngày nay bị tất cả tố cáo là một tội phạm chống lại nhân loại, thế nhưng trong khoảng thời gian mà ký ức loài người còn nhớ lại được, nó đã được thi hành và còn được bào chữa như một định chế cần thiết, được thiết lập và quy định theo luật trời. Cái dị kỳ của cái định chế kỳ dị này, như người Mỹ có hồi đã gọi nó như thế, không nằm ở trong sự hiện diện của nó mà ở trong sự bãi bỏ nó. Người Tây phương là người đầu tiên phá vỡ sự đồng lòng chấp nhận và đạt chế độ nô lệ ra ngoài vòng pháp luật mới đầu tại bản xứ, rồi tại những lãnh thổ dưới quyền kiểm soát của họ, và sau cùng tại bất cứ nơi nào trên thế giới họ có thể sử dụng quyền lực hay ảnh hưởng — nói vắn tắt là bằng chủ nghĩa đế quốc.

Vậy đế quốc chủ nghĩa là điều để oán trách? Một số cường quốc Tây phương, và theo một chủ nghĩa nào đó văn minh Tây phương nói chung, hẳn nhiên đã có tội đế quốc chủ nghĩa, nhưng thật tình ta có tin rằng trong sự bành trướng của Tây Âu đã có một đặc tính phạm tội đạo đức mà người ta không thấy có trong những cuộc bành trướng xưa kia, tương đối vô tội, chẳng hạn như của người Ảrập, người Mông-cổ, hay người Ottoman, hoặc trong những cuộc bành trướng gần đây hơn như của tập đoàn thống trị Muscovy (4) khiến họ đã vươn tới vùng biển Baltích, Hắc Hải, biển Caspiên, núi Hindu Kush (5), và Thái Bình Dương không? Thực hành chủ nghĩa vị giới tính, vị chủng tộc, và đế quốc, Tây phương đã chỉ noi theo lệ thường, chung cho cả nhân loại suốt dọc nhiều thiên niên kỷ của lịch sử đã được ghi chép mà thôi. Cái mà nó khác biệt với tất cả những nền văn minh khác là đã nhận diện được, đặt tên cho, và cố gắng, không hẳn là không thành công, cứu chữa những căn bệnh có tính chất lịch sử ấy. Và điều đó chắc chắn phải là cái để ta khen ngợi, chứ không phải kết án. Chúng ta đâu có bắt y khoa Tây phương nói chung, hoặc Bác sĩ Parkinson và Bác sĩ Alzheimer (6) nói riêng, phải chịu trách nhiệm về những chứng bệnh mà họ đã chẩn đoán ra và đặt tên họ cho chúng.

Trong tất cả những tội lỗi trên đây, cái tội bị tố cáo bởi nhiều người nhất, thường xuyên nhất, và dữ dội nhất, rõ ràng là đế quốc chủ nghĩa — đôi khi chỉ mang màu sắc của Tây phương, đôi khi của cả Đông (tức Xôviết) lẫn Tây phương. Nhưng cái lối dùng từ ngữ này trong sách vở của các giới Hồi giáo chính thống chủ nghĩa lại cho thấy rằng có thể nó không chuyên chở cùng một ý nghĩa đối với họ như đối với giới phê bình Tây phương. Trong nhiều tài liệu, từ ngữ "đế quốc chủ nghĩa" được gán cho một ý nghĩa rõ ràng có tính chất tôn giáo, bởi nó được dùng khi nói tới, và đôi khi thay chỗ của, "truyền đạo", và có ngụ ý một hình thức tấn công gồm cả những cuộc Viễn chinh Chữ thập [thời xưa] cũng như những đế quốc thuộc địa thời nay. Đôi khi người ta có cảm tưởng rằng cái tội đế quốc chủ nghĩa chẳng phải — như theo quan điểm của giới phê bình ở Tây phương — là sự thống trị của một dân tộc này đối với dân tộc khác mà chính ra là sự phân phối vai trò trong cái tương quan ấy. Điều thực sự ác hại và không thể chấp nhận được là sự thống trị của những kẻ tà đạo [*infidels*] đối với người chính đạo. Để cho người chính đạo cai trị kẻ tà đạo là điều đúng và tự nhiên, bởi lẽ như thế mới duy trì được thánh pháp, và mới mang lại cho kẻ tà đạo vừa cơ hội lẫn khích lệ để đi theo cái tín ngưỡng chân chính đó. Nhưng để cho kẻ tà đạo cai trị người chính đạo là điều báng bổ và không hợp tự nhiên, vì lẽ nó đưa tới sự suy đồi tôn giáo và đạo đức trong xã hội, và tới sự miệt thị hay ngay đến cả sự bãi bỏ luật Thượng đế. Điều này có thể khác biệt nhau như Eritria ở Ethiopi, Kashmir ở Ấnđộ, Tân cương ở Trung quốc, và Kossovo ở Nam-tư: tại tất cả các vùng này người Hồi-giáo bị thống trị bởi các chính phủ phi-Hồi-giáo. Nó cũng có thể giải thích tại sao phát ngôn nhân của những nhóm thiểu số Hồi-giáo mới xuất hiện tại Tây Âu đòi hỏi cho đạo Hồi một mức độ bảo vệ của luật pháp mà các xứ ấy không còn dành cho đạo Cơ-đốc, và chưa hề bao giờ dành cho đạo Do-thái cả. Và tất nhiên là các chính phủ tại những nước gốc của những phát ngôn nhân Hồi-giáo này thì chưa hề bao giờ dành một sự bảo vệ như thế cho bất cứ tôn giáo nào khác ngoại trừ tôn giáo của chính họ. Theo nhận thức của họ,thì chẳng có gì là mâu thuẫn trong thái độ của họ cả. Tín ngưỡng đích thực, đặt cơ sở trên thiên khải cuối cùng của Thượng đế, phải được bảo vệ khỏi những xúc phạm và sỉ nhục; còn các tôn giáo khác, vì hoặc là tà ngụy hoặc là còn thiếu sót, không có quyền hưởng sự bảo vệ ấy.

Còn có những khó khăn khác nếu như ta chấp nhận chủ nghĩa đế quốc như một giải thích cho

lòng thù nghịch của người Hồi-giáo, cho dù ta định nghĩa đế quốc chủ nghĩa một cách hạn hẹp và đặc trưng, là sự xâm chiếm và thống trị các xứ Hồi-giáo bởi những người phi-Hồi-giáo. Nếu như lòng thù nghịch được hướng về phía chủ nghĩa đế quốc trong cái nghĩa vừa nói, thì tại sao nó chống lại Tây Âu, [những xứ] đã buông thả thuộc địa và thuộc quốc của họ, dữ dằn hơn là chống lại Nga, [một xứ] vẫn còn cai trị, chẳng phải là nương tay gì, hàng triệu thuộc dân miền cưỡng Hồi-giáo và những cổ thành và quốc gia Hồi-giáo? Và tại sao nó lại gồm cả Hoa Kỳ, một xứ chưa hề bao giờ cai trị một tập thể cư dân nào thuộc đạo Hồi, trừ một giai đoạn xen kẽ ngắn ngủi tại khu vực có một thiểu số Hồi-giáo ở Philuậttân? Cái đế quốc Âu Châu sống sót cuối cùng có thuộc dân Hồi-giáo kia, đế quốc của Liên Xô, thì hầu như đã được miễn trách, chứ đừng nói gì đến việc bị phê phán và tấn công. Ngay đến cả những vụ đàn áp mới đây nhất đối với những cuộc nổi loạn tại các cộng hòa vùng nam và trung Á của Cộng hòa Liên bang Xôviết cũng chỉ được nhận xét phê bình sai trái với những lời lẽ tương đối nhẹ nhàng, không gì hơn, kèm theo một lời chối là không hề có ý muốn can thiệp vào cái được kêu một cách kỳ quặc là "nội vụ" của LBXV và một lời yêu cầu duy trì trật tự và bình an tại miền biên giới.

Một lý do cho sự dè dặt khá ngạc nhiên này có thể tìm thấy trong bản chất những biến cố tại Cộng hòa Adécbayan. Hồi giáo rõ ràng là một yếu tố quan trọng và có tiềm năng mỗi ngày một lớn trong ý thức về căn cước của người Adécbayan, nhưng hiện nay nó chưa là một yếu tố chi phối, và phong trào Adécbayan có nhiều đặc tính chung với chủ nghĩa yêu nước kiểu tự do ở Âu Châu nhiều hơn là với chính thống chủ nghĩa Hồi-giáo. Một phong trào như thế chắc sẽ không khơi dậy được cảm tình của các giới cầm quyền tại Cộng hòa Hồi-giáo. Nó có thể còn làm họ hoảng sợ là đằng khác, bởi lẽ một quốc gia dân chủ đích thực cai trị bởi người Adécbayan ở Liên Xô sẽ có một hấp lực mạnh mẽ đối với người đồng chủng của họ ngay ở phía nam, người Adécbayan ở Iran.

Một lý do khác cho sự tương đối thiếu quan tâm đối với trên 50 triệu người Hồi-giáo dưới quyền cai trị của Liên Xô có thể là một sự tính toán may rủi, hơn thiệt. Liên Xô thì ở gần, dọc theo các biên giới Thổnhĩkỳ, Iran, và Aphúhãn; Mỹ và ngay cả Tây Âu thì xa tắp. Thực tế hơn, cho tới nay người Xôviết chưa hề có thói quen dẹp các vụ lộn xộn bằng súng nước và đầu đạn cao-su, với những máy quay phim truyền hình tham dự, hoặc nhận tiền thế chân trước khi tha những người bị bắt và cho phép họ tiếp xúc với giới truyền thông trong nước hay ngoại quốc. Đối với những người phê bình họ gắt gao nhất, người Xôviết không phỏng vấn họ trên truyền hình vào lúc đông người coi nhất, hoặc dụ dỗ họ bằng những hứa hẹn cho dạy học, thuyết trình, hoặc viết lách. Trái lại, cách bày tỏ sự không hài lòng của họ đối với chỉ trích phê bình thường có thể rất là ghê tởm.

Nhưng sự sợ trả thù, dù chắc chắn là quan trọng, chẳng phải là lý do duy nhất, hay có lẽ ngay cả lý do chủ yếu, cho cái chỗ ngồi tương đối nhỏ nhoi được phân định cho Liên Xô, khi đem so với Tây phương, trong cái bộ môn nghiên cứu ma quỷ của phe tôn giáo thuộc chính thống chủ nghĩa. Xét cho cùng, thì những cuộc thay đổi xã hội, trí thức, và kinh tế lớn lao, đã từng làm biến thể hầu hết thế giới Hồi-giáo, và phát sinh ra những tệ đoan Tây phương thường bị tố cáo như chủ nghĩa tiêu thụ và chủ nghĩa thế tục, đã xuất hiện từ Tây phương, chứ không từ Liên Xô. Không một ai có thể buộc tội người Xôviết là theo chủ nghĩa tiêu thụ; chủ nghĩa duy vật của họ có tính chất triết học — nói cho chính xác, là tính chất biện chứng — và ít ăn nhằm, hoặc chẳng ăn nhằm gì hết trơn, tới việc cung ứng cho cuộc đời những cái tốt đẹp. Một sự cung ứng như thế tượng trưng cho một loại duy vật chủ nghĩa khác, thường được phe chống đối mệnh danh là thô bỉ. Nó dính liền với phương Tây tư bản chứ không với phương Đông cộng sản; [các nước cộng sản] đã thực hành, hay ít nhất bắt buộc dân của họ phải chịu, một mức độ khắc khổ đến như một thánh Xufi (7) cũng phải kiêng nể.

Người Xôviết, cho tới hồi rất gần đây, cũng đã chẳng để bị kết án là chạy theo thế tục chủ nghĩa, lời buộc tội nặng nề khác kia của các giáo phái chính thống chủ nghĩa đối với Tây phương. Dù theo chủ nghĩa vô thần, nhưng họ đâu có vô thượng đế, mà thực ra đã tạo được một guồng máy tinh vi của nhà nước để cưỡng bách [dân họ] thờ phượng các bậc trời phật của họ — một guồng máy với một tính chất chính thống riêng, một hệ thống thứ bậc đặng xác định nó và làm cho nó có hiệu lực, một tòa án dị giáo [*inquistition*] có vũ trang để khám phá và diệt trừ dị giáo. Sự tách rời tôn giáo khỏi nhà nước không có nghĩa là nhà nước thiết lập một phi-tôn-giáo, càng ít hơn là cưỡng bách theo một triết học phản-tôn-giáo. Chủ nghĩa thế tục Xôviết, giống như chủ nghĩa tiêu thụ Xôviết, không có gì để hấp dẫn đông đảo quần chúng Hồi-giáo, và đang mất đi cái sức quyến rũ nhỏ nhoi mà nó đã từng có được với giới trí thức Hồi-giáo. Hơn bao giờ hết, chính chủ nghĩa tư bản và chế độ dân chủ Tây phương mới đang cung ứng một lựa chọn khác đích thực và hấp dẫn để thay thế những cách lối suy nghĩ và sinh sống cổ truyền. Cái cấp lãnh đạo tôn giáo thuộc phe chính thống chủ nghĩa không lầm khi thấy trong nền văn minh Tây phương sự thách thức lớn nhất đối với lối sống mà họ mong muốn giữ lại hoặc phục hồi cho dân của họ.

Một va chạm giữa các nền văn minh

Nguồn gốc chủ nghĩa thế tục ở Tây phương có thể tìm thấy trong hai trường hợp — trong những giáo lý hồi đầu, và nhiều hơn nữa trong kinh nghiệm, của đạo Cơ-đốc, khiến tạo ra hai định chế, Nhà Thờ và Nhà Nước; và trong những xung đột sau này của đạo ấy, khiến đẩy hai định chế đó tách rời nhau ra. Người đạo Hồi cũng đã có những bất đồng ý kiến tôn giáo của họ, nhưng chúng không thấm vào đâu so với mức tàn bạo trong những cuộc đấu tranh giữa phe Tin Lành và phe Công giáo đã tàn phá Âu Châu Cơ-đốc trong các thế kỷ mười-sáu và mười-bảy và sau cùng đã dồn những người Cơ-đốc tuyệt vọng vào cái thế phải suy ra một chủ thuyết tách rời tôn giáo khỏi nhà nước. Dường như là chỉ bằng cách tước đoạt đi cái quyền cưỡng bức của các định chế tôn giáo thì Thế giới Cơ-đốc mới đã có thể kiềm chế được sự bất khoan dung và ngược đãi đẫm máu mà người Cơ-đốc đã dành cho tín đồ của những tôn giáo khác và, nhất là, cho những ai chủ trương các nghi thức khác với nghi thức của chính họ.

Người Hồi-giáo đã không hề kinh nghiệm thấy một nhu cầu tương tự và đã không luận ra một chủ thuyết tương tự. Trong Hồi giáo đã không có nhu cầu về chủ nghĩa thế tục, và ngay đến cả cái chủ nghĩa đa nguyên của nó cũng đã rất khác với chủ nghĩa đa nguyên của Đế quốc La-mã đa thần, mà Edward Gibbon (8) đã mô tả thật linh động khi nhận xét rằng "những hình thức thờ phượng khác nhau, đang thịnh hành trong thế giới La-mã hồi ấy, đã được người dân coi là đều đúng như nhau; được nhà triết học coi là đều sai như nhau; và được quan tòa coi là đều hữu dụng như nhau". Hồi giáo đã chưa hề bao giờ sẵn sàng, hoặc trong lý thuyết hoặc trong thực hành, thừa nhận quyền bình đẳng hoàn toàn cho những ai có tín ngưỡng khác hoặc thực hành những hình thức thờ phượng khác. Tuy nhiên, nó cũng có đối xử khoan hồng, về mặt thực hành cũng như lý thuyết, với những kẻ mới nắm một phần chính đạo, bằng một mức độ hiếm thấy trong thế giới Cơ-đốc cho tới khi Tây phương chấp dụng một biện pháp thế tục chủ nghĩa trong thế kỷ mười-bảy muộn và thế kỷ mười-tám.

Mới đầu phản ứng của người Hồi-giáo đối với văn minh Tây phương là thán phục và cố gắng ganh đua — một lòng kính trọng rất lớn đối với những thành quả của Tây phương, và một ước vọng muốn bắt chước và chấp dụng những thành quả ấy. Ước vọng đó đã nảy ra từ một ý thức sắc bén và mỗi ngày một sâu rộng về tình trạng nhược tiểu, nghèo đói, và lạc hậu của thế giới Hồi-giáo so với Tây phương tiến tiến. Mức chênh lệch mới đầu trông thấy trên chiến trường nhưng chẳng bao lâu đã lan rộng sang những địa hạt khác của sinh hoạt con người. Những nhà văn Hồi-giáo quan sát và mô tả sự giàu có và có sức mạnh của Tây phương, khoa học và kỹ thuật của nó, những hàng công nghiệp của nó, và những hình thức cai trị của nó. Đã có một hồi cái bí quyết thành công của Tây phương được coi là nằm trong hai thành đạt: tiến bộ kinh tế và nhất là kỹ nghệ; những định chế chính trị và nhất là tự do. Những nhà cải cách và chủ trương hiện đại hóa thuộc nhiều thế hệ đã cố phỏng theo những thành đạt đó và mang chúng vào nước họ, hy vọng rằng nhờ đó họ sẽ có thể đạt được bình đẳng với Tây phương và có lẽ phục hồi được cái ưu thế đã mất của họ.

Trong thời đại chúng ta, cái tâm trạng thán phục và ganh đua này, trong số nhiều người Hồi-giáo, đã nhường chỗ cho sự thù nghịch và bác bỏ. Một phần, tâm trạng này chắc chắn do ở một mặc cảm bị miệt thị — một ý thức mỗi lúc một sâu rộng, đối với kẻ thừa hưởng một nền văn minh xưa cổ, kiêu hãnh, và đã từng thống trị từ lâu đời, là họ đã bị qua mặt, bị đè nén, bị áp đảo bởi những kẻ họ đã từng coi là thua kém họ. Một phần, tâm trạng này do ở những biến cố tại ngay chính thế giới Tây phương. Một yếu tố có tầm quan trọng lớn chắc chắn đã là ảnh hưởng của cuộc đại chiến tự sát, trong đó văn minh Tây phương tự xé mình ra, mang lại không biết bao nhiêu tàn phá đến cho chính dân tộc mình lẫn những dân tộc khác, và trong đó những kẻ tham chiến đã điều khiển một nỗ lực tuyên truyền rộng lớn, tại thế giới Hồi-giáo và các nơi khác, đặng làm mất uy tín của nhau và phá hoại lẫn nhau. Cái thông điệp họ truyền tới đã kiếm được nhiều người nghe, và những người này lại càng sẵn sàng đáp ứng bởi lẽ kinh nghiệm của họ với những đường lối sinh hoạt Tây phương đã không được tốt đẹp. Việc đưa vào những phương pháp thương mại, tài chánh, và kỹ nghệ Tây phương quả đã có mang lại nhiều thịnh vượng, thế nhưng sự thịnh vượng này đã dồn về tay người Tây phương di thực và thành phần thiểu số đã Tây-phương-hóa, và chỉ một ít về tay đại đa số cư dân Hồi-giáo. Sau một thời gian, các nhóm thiểu số này mỗi ngày mỗi đông đảo hơn, nhưng vẫn tách rời khỏi quần chúng, khác biệt họ ngay cả trong lối ăn mặc lẫn lối sống. Chẳng trách được rằng [những nhóm thiểu số ấy] đã được nhìn như bộ hạ và cộng tác viên của cái một lần nữa lại được coi là thế giới thù nghịch. Ngay cả những định chế chính trị từ Tây phương tới cũng mất uy tín, vì chúng được phán xét không theo chính mẫu Tây phương mà theo phó bản địa phương, được sắp đặt bởi những người Hồi giáo cải cách hăng say. Những người cải cách này, vì hoạt động trong một hoàn cảnh ngoài sự kiểm soát của họ, vì dùng những phương pháp nhập cảng và không thích hợp mà [chính]

họ [cũng] không khấu triết, [cho nên] đã không đối phó nổi với những cuộc khủng hoảng phát triển mau chóng và lần lượt bị lật đổ. Đối với đông đảo quần chúng Trung Đông, thì phương pháp kinh tế kiểu Tây phương đã mang tới nghèo khó, định chế chính trị kiểu Tây phương đã mang tới chuyên chế, ngay đến phương pháp chiến tranh kiểu Tây phương đã mang tới thất bại. Chẳng có gì ngạc nhiên khi thấy bao nhiêu người đã lắng nghe những tiếng nói bảo họ rằng đường lối Hồi-giáo cổ xưa là đường lối hay nhất, và rằng cách cứu rỗi duy nhất của họ là vất đi những sự đổi mới có tính cách tà giáo của giới cải cách kia và quay trở lại với Chân đạo mà Thượng đế đã truyền lệnh cho nhân dân của người.

Sau chót, cuộc đấu tranh của các giáo sư phái chính thống chủ nghĩa nhằm chống lại hai kẻ thù: chủ nghĩa thế tục và chủ nghĩa hiện đại. Cuộc chiến chống lại chủ nghĩa thế tục có tính cách ý thức và minh thị, và cho tới nay có cả một kho tài liệu tố cáo thế tục chủ nghĩa như một lực lượng tân-tà-giáo ác hại trong thế giới hiện đại và quy cho hoặc người Do-thái, hoặc Tây phương, hoặc Hoa Kỳ. Cuộc chiến chống lại cái hiện đại thì phần lớn không có tính cách ý thức và cũng chẳng minh thị, và được hướng tới nguyên cả cái tiến trình thay đổi đã xảy ra tại thế giới Hồi-giáo trong thế kỷ trước hay xưa hơn và đã biến đổi những cấu trúc chính trị, kinh tế, xã hội, và đến cả văn hóa của những xứ Hồi-giáo. Chính thống chủ nghĩa Hồi-giáo đã mang lại một mục tiêu và một hình thức cho lòng oán hận và giận dữ, thường là vô mục tiêu và vô hình thức, của đông đảo quần chúng Hồi-giáo đối với những thế lực đã từng làm giảm đi những giá trị và lòng trung nghĩa cổ truyền của họ và, xét tới cùng, đã cướp đi của họ những lòng tin, những khát vọng, lòng kiêu hãnh, và, với một mức độ mỗi ngày một gia tăng, ngay cả sinh kế của họ nữa.

Trong sự giáo dục tôn giáo của đạo Hồi có một cái gì đã gây ra được, ngay cả nơi một nông dân hay kẻ hành khất tầm thường nhất, một lòng kiêu hãnh và một tác phong lịch sử đối với kẻ khác mà các nền văn hóa khác chưa hề vượt qua, hay hiếm khi bì kịp. Vậy mà, trong những lúc biến động đột ngột và những lúc xáo trộn, khi những xúc cảm sâu xa được khuấy động lên, lòng kiêu hãnh ấy và tác phong lịch sử đối với kẻ khác ấy có thể nhường chỗ cho một hợp chất dễ bùng nổ, pha trộn nộ khí với căm thù, khiến cho ngay đến chính phủ của một nước xưa cổ và văn minh — ngay đến phát ngôn nhân của một tôn giáo đầy tính cao thượng và đạo đức — cũng tán thành sự bắt cóc và ám sát, và cố tìm kiếm, trong cuộc đời Giáo chủ của họ, sự chấp thuận và tiền lệ cho những hành động ấy.

Bản năng của quần chúng không hề sai khi xác định vị trí đúng cái căn nguyên cơ bản của những thay đổi lớn lao đó là ở Tây phương và cho sự xáo trộn trong lề lối sống cũ của họ là do sự thống trị Tây phương, ảnh hưởng Tây phương, và giáo huấn cùng gương mẫu Tây phương. Và bởi lẽ Hoa Kỳ là nước thừa kế chính thống của văn minh Âu Châu và nước lãnh đạo được công nhận và vô đối thủ của Tây phương, cho nên Hoa Kỳ đã thừa hưởng luôn những lời quy trách đó và trở thành điểm trọng tâm của lòng thù ghét và giận dữ bị dồn nén đó. Hai thí dụ có thể đủ chứng minh. Tháng Một năm 1979 một đám đông nổi giận tấn công và đốt phá tòa Đại sứ H.K. ở Islamabad, Pakistan. Nguyên nhân được nêu ra cho sự nổi giận của đám đông là một nhóm phản kháng thuộc đạo Hồi đã chiếm giữ ngôi Đền lớn ở Mecca — một biến cố mà Mỹ không hề dính líu tới chút nào cả. Gần đúng mười năm sau, vào tháng hai 1989, cũng lại ở Islamabad, trung tâm Thông tin Hoa Kỳ đã bị nhiều đám đông nổi giận tới tấn công, lần này để phản đối việc xuất bản cuốn *Những Vần Thơ Xatăng* của Salman Rushdie. Rushdie là một người Ấnđộ có quốc tịch Anh, và sách của ông đã được xuất bản tại Anh năm tháng trước đó. Và cái điều chọc giận đám đông, và sau này khiêu khích cho Ayatôla Khomeini kết án tử hình tác giả, là việc xuất bản cuốn sách tại Hoa Kỳ.

Giờ đây đã thật rõ ràng là chúng ta đang đối diện với một tâm trạng và một phong trào vượt qua cái tầm mức những vấn đề, những chính sách, và những chính phủ liên hệ. Sự việc này hệ trọng không kém một va chạm giữa các nền văn minh — cái phản ứng có lẽ phi lý nhưng chắc chắn có tính chất lịch sử của một đối thủ cổ xưa chống lại cái di sản Do-thái/Cơ-đốc của ta, cái tặng vật phẩm thế tục của ta, và sự bành trướng toàn thế giới của cả hai. Điều tối quan trọng là, về phía chúng ta, ta chớ nên để bị khiêu khích đi tới một phản ứng phi lý không kém chống lại đối thủ ấy.

Chẳng phải là tất cả những tư tưởng nhập cảng từ Tây phương bởi những người Tây phương xâm nhập hay bởi những người chủ trương Tây-phương-hóa bản xứ, đều bị bác bỏ đâu. Có một số tư tưởng đã được ngay cả những thành phần chính thống chủ nghĩa cấp tiến nhất chấp nhận, mà thường không hề cho rõ xuất xứ, và vì vượt biển nên đã trải qua một sự biến chất thành một thứ gì vô cùng phong phú nhưng lại thường là kỳ cục. Như tự do chính trị chẳng hạn, với những khái niệm và thực hành đi kèm như đại biểu, bầu cử, và chính phủ theo đúng với hiến pháp. Ngay cả nước Cộng hòa Hồi-giáo Iran cũng đã có một bản hiến pháp thành văn và một hội nghị lập pháp được bầu ra, cũng như một loại chức vụ giám mục, tất cả đều không thấy được huấn thị trong giáo lý Hồi-giáo hoặc có tiền lệ trong quá khứ đạo Hồi. Tất cả những định chế

đó rõ ràng là được phỏng theo những mô thức Tây phương. Các quốc gia Hồi giáo cũng đã giữ lại nhiều tập quán văn hóa và xã hội của Tây phương cùng những biểu tượng để phát biểu những tập quán ấy, như hình thức và kiểu quần áo đàn ông (và đàn bà, nhưng ít hơn), nhất là trong quân đội. Việc xài súng ống và xe tăng và máy bay do Tây phương phát minh là một nhu yếu quân sự, nhưng sự tiếp xúc xài áo chẽn và mũ lưỡi trai là một lựa chọn văn hóa. Từ hiến pháp đến Coca-Cola, từ xe tăng đến truyền hình đến áo lót cộc tay [*T-shirt*], những biểu tượng và những đồ tạo tác, và xuyên qua chúng là những tư tưởng, của Tây phương đã giữ lại được — còn tăng cường nữa — cái sức quyến rũ của chúng.

Cái phong trào ngày nay được gọi là chủ nghĩa chính thống chẳng phải là truyền thống duy nhất của Hồi giáo. Còn những truyền thống khác nữa, bao dong hơn, cởi mở hơn, đã giúp phát sinh những thành đạt vĩ đại của nền văn minh Hồi-giáo trong quá khứ, và ta có thể hy vọng rằng rồi đây những truyền thống này sẽ thắng thế. Nhưng trước khi vấn đề này được giải quyết, sẽ có một cuộc tranh đấu gay go, trong đó chúng ta ở Tây phương chẳng làm được gì hoặc làm được rất ít. Ngay đến một toan tính làm như thế cũng có thể phương hại, bởi đó là những vấn đề mà người Hồi-giáo phải tự giải quyết với nhau. Và từ đây tới đó ta phải hết sức thận trọng đối với mọi phía đặng tránh mọi hiểm họa về một tân kỷ nguyên tôn giáo chiến do ở sự trầm trọng hóa những mối khác biệt làm hồi sinh những thành kiến cũ.

Muốn được thế, ta phải cố gắng nhận thức đúng hơn giá trị của những nền văn hóa tôn giáo và chính trị khác, bằng cách nghiên cứu lịch sử của họ, văn học của họ, và những thành đạt của họ. Đồng thời ta dám hy vọng rằng họ sẽ cố gắng hiểu rõ văn hóa của ta hơn nữa, và đặc biệt là họ sẽ thấu triệt và kính trọng, dù rằng tự họ không muốn chấp nhận, lối nhận thức của Tây phương chúng ta về tương quan thích đáng giữa tôn giáo và chính trị.

Để mô tả cái nhận thức này tôi xin chấm dứt như đã mở đầu, bằng một đoạn trích dẫn của một Tổng thống Mỹ, lần này không phải nhân vật nổi tiếng chính đáng Thomas Jefferson mà là nhân vật bị xao lãng không chính đáng John Tyler. Ông này, trong một lá thư đề ngày 10 tháng Bảy, 1843, đã đưa ra một diễn cảm hùng hồn và quả có tính cách tiên tri về nguyên lý tự do tôn giáo:

Hoa Kỳ đã mạo hiểm vào một cuộc thí nghiệm vĩ đại và cao quý, mà người ta tin rằng đã là liều lĩnh vì không có bất cứ một tiền lệ nào trước đó cả — ấy là hoàn toàn tách rời Nhà Thờ và Nhà Nước. Không tôn giáo nào do *luật pháp* thiết lập hiện có trong chúng ta. Lương tâm được thoát khỏi mọi ràng buộc và mỗi một người được phép thời phượng đấng Tạo Hóa của mình theo phán xét của chính mình. Những cơ sở của Chính phủ được mở rộng cho tất cả mọi người như nhau. Không thu thuế để yểm trợ một Hàng giáo phẩm nào đã được thành lập, và không lấy phán quyết có thể sai lầm của con người làm tín điều chắc chắn và không thể sai lầm của tín ngưỡng. Người đạo Hồi, nếu họ sẽ tới với chúng ta hẳn sẽ có đặc quyền do hiến pháp bảo đảm để thờ phượng theo Kinh Koran; và người Đông Ấnđộ có thể dựng lên một ngôi miếu để thờ đấng Bàlamôn nếu như họ muốn. Ấy là cái tinh thần khoan dung đã được những Định chế chính trị của ta ghi sâu . . . Người Hêbrơ bị ngược đãi và áp bức tại các vùng đất khác đến cư ngụ giữa chúng ta mà không ai làm cho họ sợ hãi . . . và họ được hưởng sự bảo vệ và che chở dưới sự Bao Che Chính phủ. Ấy là cuộc thí nghiệm vĩ đại mà ta đã làm thử, và ấy là những trái cây hạnh phúc đã từ đó mà kết thành; hệ thống chính phủ tự do của chúng ta chắc hẳn sẽ bất toàn nếu như không có nó.

Thể xác có thể bị áp bức và xiềng xích mà còn có thể sống sót; nhưng nếu tinh thần của con người người bị gông cùm, thì năng lực và tài năng của nó sẽ tiêu diệt, và cái còn lại thì thuộc về đất, là trần tục. Tinh thần phải được tự do như ánh sáng hay như khí trời. K

(1) Còn gọi là Zarathustra, một lãnh tụ tôn giáo Ba-tư khoảng thế kỷ thứ VI trước công nguyên. *(Lời người dịch).*

(2) Còn gọi là Manes hay Manicheus, nhà tiên tri Ba-tư và người sáng lập đạo mang tên ông *(Manicheanism)*, thế kỷ thứ III sau công nguyên. Là một phối hợp của nhiều thành tố khác nhau, trong đó có Phật giáo, môn phái Ky-tô Ngộ đạo *(Gnostic Christianity)*, và đạo Zarathustra, đạo Mani là một hệ thống tín ngưỡng nhị nguyên, chủ yếu cho rằng ánh sáng và bóng tối, Thiện và Ác là hai nguyên lý cơ bản, đối lập nhau, nhưng bình đẳng. Vật chất được coi là bóng tối và sự ác. *(LND).*

(3) Ám chỉ sơ-mi màu nâu trong đồng phục của lực lượng xung kích Đức Quốc-xã. *(LND).*

(4) Còn gọi là Đại Công địa Muscovy *(Grand Duchy of Muscovy)*, một lãnh địa của công tước thành lập khoảng năm 1271 và đặt trung tâm ở cổ thành Mạc-tư-khoa. Tập đoàn thống trị lãnh địa này dần dần chiếm được quyền kiểm soát các lãnh địa láng giềng thuộc nước Đại Nga và thiết lập Đế quốc Nga dưới nền cai trị của những sa hoàng. *(LND.)*

(5) Tên một rặng núi ở Nam Á, phần lớn nằm trong miền đông bắc A-phú-hãn. *(LND.)*

(6) James Parkinson (1755-1854), bác sĩ y khoa người Anh, và Alois Alzheimer (1864-1915), nhà thần kinh học người Đức, cả hai đã khám phá được và mô tả hai chứng bịnh thần kinh của người già. Hai chứng bệnh này mang tên họ.

(7) *Sufi*, một dòng tu khổ hạnh và huyền bí của đạo Hồi. *(LND.)*

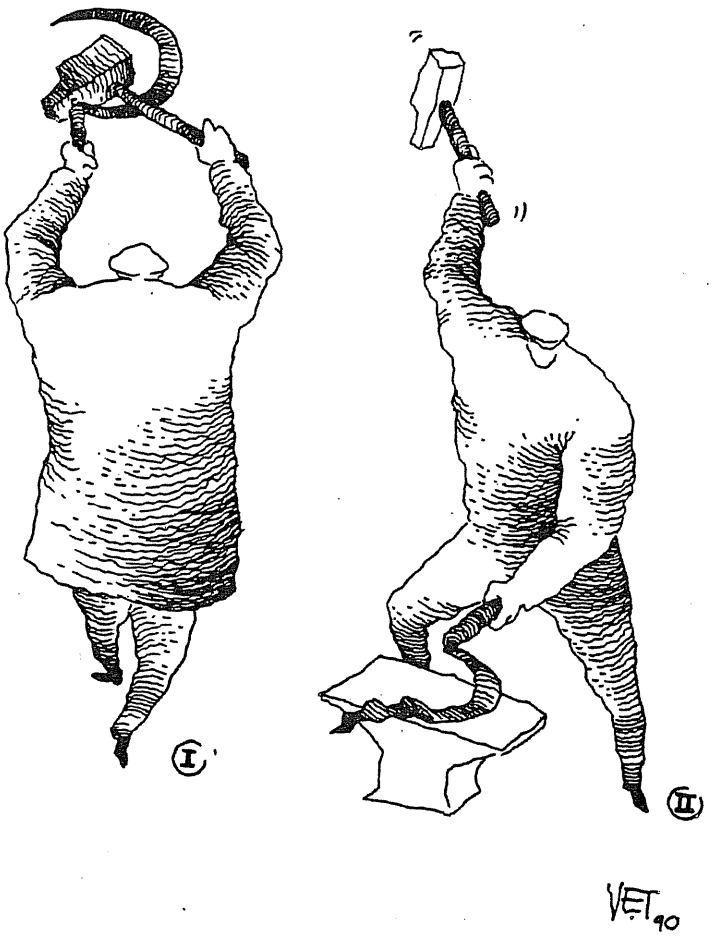
I
II
VẸT 90

DƯỚI ÁNH MẶT TRỜI

VI KHUÊ

Mỗi buổi sáng, bà đều có thói quen đi dạo mấy vòng trên con đường khá dài từ nhà đến ngã tư công viên. Y như người Mỹ, bà mang đôi ba ta màu trắng, mặc áo cổ tròn hở cánh tay và chiếc quần soọc thật ngắn luôn luôn là màu trắng. Đôi giày ba ta của bà gót hơi cao so với giày của mấy bà Mỹ kia, cặp giò của bà không quá dài và suôn tuột như thế mà rất đầy rất tròn ở phía trên đùi, có bắp ở trái chân nên trông thật đầy đặn, mũm mĩm.

Kìa, bà đang bước đi, gần như là chạy những bước nho nhỏ, và từ cửa sổ trông ra, mỗi khi bà gần về tới nhà, là tôi lại âu yếm nhìn bà với bộ ngực cao và gọn khẽ nhấp nhô theo mỗi bước chân nhảy nhót, mớ tóc đuôi ngựa buộc túm lại bằng một sợi dây thun cũng nhảy nhót tinh nghịch trên chiếc cổ nhiều lông măng rất mịn mà bà nhất định nuôi dưỡng không bao giờ chịu cạo bớt đi. Hẳn quý vị ngạc nhiên: vì sao tôi biết quá chi li về bà như vậy? Thì, tôi đang là đứa hầu gái của bà, sớm tối ở trong ngôi biệt thự lộng lẫy, thênh thang này để hầu hạ có mỗi ông chủ và bà chủ.

Trên đường trở về bà thở hổn hển, tháo đôi giày ra khi bước lên thềm, rồi đi chân trần vào nhà, nằm vật mình xuống chiếc ghế dài lót da màu "be" nhạt phù hợp với màu da thịt hồng hồng hằng năm được tắm nắng đều đặn mỗi mùa nắng lên. Tôi nhìn bà, và tôi thấy bà đẹp:

"Thưa bà có mệt không, con pha nước chanh bà dùng nha."

"Mệt chi mà mệt, nhưng chạy thì cũng hồi hộp thôi."

"Thì con nói bà mệt mà, bà lại nói bà không mệt."

"Không mệt, nhưng hồi hộp lắm, Hoa à. Mệt nơi trái tim."

Bà nói xong, đưa hai cánh tay ấp lên ngực vắt chéo qua nhau, cặp mắt nhìn lên mơ màng. Tôi nhìn dáng điệu của bà: như một tín đồ đang nhìn lên tượng chúa, hay thật ra bà đang lắng nghe từ vùng da thịt nhạy cảm nhất của thân xác bà một nguồn rung động xôn xao rạo rực nào đó?

"Hoa à, đi lấy nước chanh cho tôi đi. Nước chanh chớ không phải nước cam, à nha. Ơ hay, 'răng cứ ngó tui hòai rứa o'?"

"Răng cứ ngó tui hoài rứa o?" đó là câu nói giọng Huế mà bà đã dạy cho tôi tập nói theo, nhưng tôi không tài nào nói giống bà được. Bây giờ bà đem ra nói để đùa với tôi.

"Dạ, con đâu dám. Tại bà vui tính quá, đùa giỡn cả với con nữa, nên con thấy gần gũi với bà lắm, đó thôi. Mà con thích ngắm bà thật, bà ạ. Bà có nhiều điểm lạ làm cho con tò mò. Bà, bà cho phép con hỏi một câu, được không?"

"À, nhỏ ni, thiệt bày đặt! Muốn hỏi chi thì hỏi. Bộ con muốn tăng lương, phải không?"

"Không phải đâu. Lương con lớn quá rồi mà, so với công việc. Con . . . à con muốn hỏi câu này, bà đừng la con!"

"Hỏi chi thì hỏi đi. Tôi có la em lần nào chưa?"

"Năm nay bà mấy chục tuổi, thưa bà?"

"A, cái mới thiệt bày đặt đó nghe, cưng! Hỏi tuổi chi rứa? Thì cho đoán đi cũng ra mà. Này Hoa, em hãy ngó lên bức hình lớn treo trong phòng *family room* đó. Ngó lên đi, thì đoán tuổi tôi được liền mà. Con tôi đó, bảy người, và chồng và vợ và con của họ. Mới chụp bữa sinh nhật ông nhà, 10 tháng Tám năm ngoái thôi. Ngó lên đi!"

"Dạ, con thấy rồi. Ngắm hằng ngày, thưa bà. Mấy ông mấy bà lớn quá rồi . . . già rồi nữa đấy chứ. Có một ông lấy vợ Mỹ và một bà lấy chồng Mỹ phải không, thưa bà?"

"Không phải Mỹ, họ là người

gốc Anh, gốc Ý. Mà Hoa gọi như vậy là không được rồi, nghe Hoa! Kêu tôi bằng bà, rồi kêu con tôi cũng bằng bà bằng ông, đâu có được, chướng tai lắm."

"Dạ, con biết chứ. Đáng lẽ gọi họ bằng các cô các cậu, nhưng đâu có được phải không bà, họ lớn quá mà, đâu có ai trẻ hơn con đâu, — chỉ có cô út thì chắc bằng tuổi con thôi — mà họ lại có con lớn 10 tuổi, 8 tuổi, làm sao con gọi bằng cô bằng cậu được."

"Vậy thì, kêu tôi bằng cụ đi!"

"Con chưa thấy ai gọi bà bằng cụ hết. Mà làm sao gọi được! Bà trẻ . . . hết sức trẻ vậy đó. Từ ngày con tới đây chỉ mới nghe vài người gọi ông là cụ, nhưng chưa nghe ai gọi bà . . . Kìa, *mail man* đã tới, con ra lấy thư."

Tôi bước ra cười với thằng cha đưa thư người Mỹ da đen cao lêu nghêu rồi hứng lấy chồng bưu phẩm khác nặng từ tay anh ta, như thường lệ. Ngày nào cũng vậy, chồng thư từ sách báo chẳng bao giờ có cơ hội được nhét vào hộp thư như nhà người ta; ở nhà này luôn luôn có tôi được chỉ định chờ sẵn để đón lấy và ôm thẳng vào nhà trước cặp mắt long lanh của bà chủ, hình như lúc nào cũng nôn nóng mong được thư xa. Thì con cái bà đều đã bay xa, như bầy chim sổ lồng một khi đủ lông đủ cánh, để tổ ấm lại cho cha mẹ già, như hai con chim già, vậy sao? Ồ mà tôi nhớ lại, chim có bao giờ bỏ tổ ấm đâu; hình như những chú bé những cô nàng kêu chiêm chiếp ấy ban ngày bay đi nhặt nhạnh hoa rơi quả rụng đó đây, rồi tối cũng tìm về tổ ấm thôi. Cái tổ chim kết bằng sợi cỏ khô diệu kỳ tuyệt mỹ do công lao của chim, có phải là từ tài năng khéo léo của những chiếc mỏ bé tí xíu và nhọn hoắt kia không, và những ngón chân mỏng manh như cây tăm tưởng chừng như run rẩy trước từng làn gió nhẹ. "Cành biếc run run chân ý nhi", là câu thơ dễ thương tả những ngón chân chim đã cùng cái mỏ bé tí xíu và nhọn hoắt kết sợi cỏ bồng xây thành tổ ấm? Mỗi ngày chứng kiến cảnh bà chủ mắt sáng reo vui chụp lấy cánh thư xa ấp vào ngực, rồi mất hút sau cánh cửa phòng riêng khóa kín lại — hình như bà nín thở để một mình đọc ngấu đọc nghiến lá thư xanh trong ấy — là một lần tôi nghĩ đến những người con đã bay xa của bà, và nghĩ miên man về cái tổ của loài chim như thế. Chẳng là ngày xưa còn bé tôi thường mê mẩn với tổ chim bên cạnh em tôi. Tôi cũng có tổ chim của tôi, cũng đã từng nghe những tiếng ríu rít yêu thương, ngọt ngào. Nhưng nay thì tôi là một đứa con gái vượt biên đã từng nếm mùi hải tặc kinh khiếp, đã từng như một cánh bèo giạt, một cánh hoa trôi, để rồi nay được lọt vào đất nước thanh bình này sống chuỗi ngày lạ lùng nửa mê nửa tỉnh. Bà chủ của tôi, bà đã cho tôi tổ ấm, lời nói của bà ngọt ngào như giòng sữa mẹ, nụ cười của bà . . . say đắm lòng tôi . . .

Không, tôi xuất thân chẳng phải là một con ở, một đứa hầu gái. Hồi còn là thời "phồn vinh giả tạo" của Việt Nam Cộng Hòa, tôi cũng là con cái một gia đình khá giả sinh sống tại thành phố Sàigòn văn minh nhất của nước tôi. Cha tôi là sĩ quan được nhà nước cấp cư xá, chị em tôi từ bé chỉ biết ăn rồi đi học, và cho tới cái ngày 30 tháng Tư long trời lở đất, tôi đang ngồi ở lớp 12. Nghĩa là tôi đã có bằng tú tài một nửa, trong cái dự tính nhắm tới là trở nên một cô giáo tốt nghiệp đại học sư phạm, một địa vị cao sang vừa phải, khiêm tốn vừa phải, cho những bạn gái thuộc giới trung lưu xã hội thời bấy giờ. Hồi ấy nhà tôi cũng có nuôi một chị người làm già hơn tôi bây giờ nhiều và để đi chợ nấu ăn và hầu hạ cả nhà, cũng như tôi bây giờ đang hầu hạ bà chủ trên đất Mỹ. Nói vậy chứ, như làm sao được, khi, những ngày sau 75, cha tôi bị lùa đi vào trại cải tạo nào đó thì mẹ con chúng tôi đã chẳng may bị đẩy đi tới vùng kinh tế mới xa lạ khô cằn sỏi đá, tôi có bao giờ ngờ là có một ngày hôm nay tôi được nằm trên chiếc giường *canope twin size* xinh xắn trong một căn phòng đầy đủ tiện nghi dành riêng cho tôi như thế này; rồi tiếp theo, chuỗi ngày lây lất trong mấy trại tị nạn Hồng Kông, ThaiLan, giang sơn là một phần ba chiếc chiếu để vừa ăn vừa ngủ vừa sinh hoạt đủ thứ suốt cả 23 tháng trời dài, kẹp giữa sự đụng chạm thô bạo của mấy gã đàn ông tóc dài hôi hám, cuộc đời đối với tôi có khi đã như một bãi nôn gớm ghiếc, có bao giờ tôi lại tưởng đến lúc, như hiện tại, được hít thở

không khí trầm hương của ngôi biệt thự lộng lẫy đầy hoa hồng ở sân trước, đầy hoa vàng của giàn bầu giàn bí ở vườn sau như thế này... Nhưng trầm hương, hai chữ trầm hương tôi phải nói là sở dĩ tôi ngửi thấy mỗi phút mỗi giờ ở đây thật sự nó tỏa ra từ người đàn bà ấy, người đàn bà đã ngoại lục tuần mà tôi không biết chắc là bao nhiêu tuổi, đã có một hấp lực lạ kỳ đối với riêng tôi, cũng một người đàn bà. Tôi là đàn bà nhưng chưa có chồng, bởi vậy tôi là con gái, một đứa con gái 33 tuổi, đem lòng mê bà chủ của tôi, một thứ tình cảm khó tả. Thật vậy, tôi mê bà.

Đáng lẽ tôi đã đi ra để làm hai *jobs* mà Sở Tìm việc kiếm được cho tôi từ tháng Mười Một năm 89 sau khi tôi học xong khóa huấn luyện nghề nghiệp, nhưng vì trước đó, do một sự giới thiệu đặc biệt tôi đã lọt vào ngôi nhà này, lúc đầu chỉ định là tá túc tạm bợ trong khi chờ đợi, nhưng rồi sau đó tôi không thể nào dứt được mà đi. Tôi ở đây với tư cách đứa hầu gái cho bà chủ, đồng hương không đến nỗi quá khiêm nhường mà công việc lại nhẹ nhàng, nhàn hạ, và, trước tiên là bởi cái lý do: tôi quá quyến luyến bà, chẳng thể rời xa!

Mỗi ngày bà đều nhận một lá thư. Bà ấp ngay lên ngực, bước vào phòng riêng khóa cửa lại, và đọc một mình trong đó. Tôi biết vậy nhưng chưa bao giờ được trông thấy bà trong lúc ấy. Bà nằm hay bà ngồi, bà đứng bên thành cửa sổ, hay trải bức thư trên nền thảm rồi nằm sấp mà đọc như tôi vẫn trông thấy bà trong tư thế đó? Bà nằm sấp mà đọc, mớ tóc đuôi ngựa buộc túm bằng một sợi dây thun, khuôn mặt bầu bĩnh cúi xuống mê mải, và hai chân, chân này đưa lên chân kia hạ xuống, hệt như một đứa trẻ đang nghịch ngợm. Nền thảm ở phòng khách ở phòng ngủ hay ở phòng nào đi nữa cũng có thể là nơi để bà đặt sách báo xuống và nằm trong tư thế đó mà đọc. Mỗi lúc, tôi lại nhìn bà ngẩn ngơ. Bà bảo:

"Vừa đọc sách vừa tập thể dục, Hoa à. Phải vận động tay chân luôn luôn để cho máu huyết lưu thông. Ở đây, người ta sợ máu huyết bị tắc nghẽn vì chất *cholesterol* quá nhiều."

Hoa à. Trong truyện Kiều có câu "Tiểu thư vội thét con Hoa". Con Hoa là con ở, là đứa hầu gái. Đối với bà, tôi không có cái tên Kim Hoa đã từng là cô giáo — dù không tốt nghiệp Đại học Sư phạm như ước mơ — và tôi đâu có muốn bà biết điều đó. Tôi muốn bà đừng biết tôi, để tôi biết bà nhiều hơn. Vì không biết tôi, bà vẫn thường nói:

"Mấy cô gái con nhà nghèo ở Việt Nam trước kia mò cua bắt ốc, gánh nước thuê hay bán thuốc lá lẻ, có khi còn hành nghề chạy theo mấy chiếc xe đò để rao 'nè mía xâu, nè đậu phụng rang, nè bắp luộc', vậy mà chân ướt chân ráo qua Mỹ, một sớm một chiều đã hội nhập thích nghi vào đời sống mới, hiểu tiếng Anh như ai, nói tiếng Anh như ai, lái xe phom phom như ai, "thiệc" là giỏi hết sức. Hoa à, khi mô Hoa muốn đi ra để làm hai *jobs* kiếm nhiều tiền hơn thì cứ báo trước một tháng, để Hoa chịu thiệt thòi, không đành lòng mô, Hoa."

"Dạ, con đâu có thiệt thòi tí nào đâu, thưa bà. Nếu con ra ngoài làm hai *jobs* đó thì mất hết một ngày 12 tiếng vất vả, mà làm sao được ở trong một tòa lâu đài như thế này, được bà coi như con thế này. Cái tình của bà làm con lưu luyến quá."

Tôi rơm rớm nước mắt. Bà không nhìn tôi mà lại nhìn ra xe, cặp mắt hơi mài mại thoáng một vẻ buồn xa vắng:

"Phải, ở đời còn có cái chi ràng buộc con người bằng cái tình. Không có tình thì cuộc đời vô vị lắm, làm sao mà sống, phải không Hoa?"

Hoa. Hoa. Bà làm như tôi là bạn của bà không bằng. Có phải vì tâm hồn bà quá trẻ trung, bà không thể có cách xưng hô nào khác, không thể có ngôn ngữ nào khác? Bà có ngôn ngữ của riêng bà, như thế thôi.

Mỗi xế trưa, bà đều nhận một bức thư. Mỗi xế chiều bà đều ngồi cạnh chỗ ông nằm để chăm nom, săn sóc kỹ người chồng hơn những giờ giấc khác. Ông không hẳn là một ông cụ đã già, nhưng ông bệnh đã nhiều năm, bệnh gì tôi không nghe bà nói rõ, chỉ biết là ông phải nằm trên một chiếc ghế mây cong cong mà chỗ để kê đầu thì cao hẳn lên, để cho khỏi ngộp thở. Ông không hẳn là bị tê liệt, vì cũng còn xê dịch được, nhưng một cách khó khăn. Dầu sao, buổi tối ông vẫn vào phòng bà để ngủ trên chiếc ghế dài đặc biệt của ông do tôi đẩy từ phòng đọc sách vào, trên những bánh xe lăn. Ông bệnh, một thứ bệnh nan y nào đó, và tìm cách lãng quên thực tại bên cạnh bốn bức tường kê thành ngăn tủ đầy những sách gáy mạ vàng. Tôi được biết, do hoàn cảnh đặc biệt, gia đình này đã sinh sống trên đất Mỹ từ những năm sau 1963 nên cơ nghiệp của họ đã vững vàng, đời sống vật chất của họ quá đầy đủ.

Mỗi buổi cơm chiều, bà cho một cánh tay luồn dưới cổ ông, lót xuống đầu ông, nâng lên ngang từng thìa xúp bà nhẹ nhàng đổ vào mồm cho chồng, trong khi ông nhìn lên bà, một cái nhìn biết ơn và cam phận. Nhìn lên bức ảnh, tôi thấy ngày xưa họ đều đẹp đẽ khỏe mạnh như nhau; ông có đôi mắt xếch và cặp mày rậm cũng xếch, bà có cặp mắt to đen, sáng và chứa chan tình. Bây giờ hai người hai cõi, chẳng hiểu vì sao tôi lại nghĩ là âm và dương, chết và sống. Có lẽ vì căn phòng đọc sách này tối nhất so với những phòng khách trong nhà, còn ông thì nằm mãi đó, chẳng xê dịch không nói năng. Từ ngày tới đây, đã vừa nửa năm, tôi chưa bao giờ nghe được một câu nói dài của ông để mà biết ông có phải là người Huế như bà không hay là người Hànội như ba tôi, hay là người Sàigòn như

má tôi. (Tôi không nói như tôi, vì tôi lai căng giữa Bắc và Nam, nói giọng lờ lợ chẳng còn biết là giọng gì!) Thật vậy, tôi chưa nghe ông nói bao giờ. Vậy mà, có một hôm ông đã nói.

Hôm ấy, bà từ phòng mạch bác sĩ gọi về nhà cho ông. Đúng hơn là, trước đó, chính ông bác sĩ Định đã gọi lại, và tôi nghe rõ tiếng ông ta vang lên qua ống nói, vì lúc ấy tôi đang cầm cái nhíp nhổ tóc sâu cho "ông già".

"Hello! My old friend! Congratulations!"

Ông bác sĩ nói chúc mừng ông chủ tôi. Tôi hiểu được câu ấy. Rồi ổng nói thêm một tràng ngoại ngữ mà tôi không đủ sức nghe ra. Sau đó, tôi nghe chính giọng nói của bà chủ reo lên một cách khác thường:

"Mình ơi, anh Định nói rằng em lại có em bé!"

"Tại sao như vậy được? Em đã qua thời kỳ sinh đẻ quá lâu rồi mà? Chắc không, anh vừa bảo Định xem lại cho kỹ, nói lại cho rõ."

Giọng bác sĩ Định lại vang lên, nhưng tôi chẳng nghe ra, vì ông chủ đã ngửng đầu lên, ngồi thẳng dậy, ống nói xa tôi rồi. Khi bà lái xe về vào tới ga-ra thì ông từ từ đứng dậy, lê đôi dép lông cừu tới đứng ở cửa và dang hai cánh tay ra để ôm chầm lấy vợ:

"Tại sao có chuyện lạ, hở em? Con Út đã 32 tuổi rồi, thằng hai đã 43 tuổi rồi. Tại sao vậy em?"

"Em không biết nữa."

Hai giọt lệ lăn trên má bà. Bà gục đầu lên vai chồng, và dìu ông ông nằm xuống. Bà cũng ngồi xuống. Nũng nịu. Sung sướng. Bàng hoàng. Tôi lắng nghe và cảm thấy như vậy. Ông run run nắm lấy bàn tay bà, ve vuốt và nói, như chưa bao giờ tôi đã nghe.

"Cám ơn em. Cám ơn em."

Bà khóc tơ hơn. Nức nở. Như có điều gì bí ẩn. Như có điều gì tức tưởi. Như có điều gì không thể thổ lộ cùng ai.

Từ hôm ấy cho đến hết tuần qua, hầu như ngày nào đôi mắt to đen của bà cũng ướt long lanh, và mỗi buổi xế trưa, khi chọn lấy lá thư xanh từ chồng bưu phẩm nặng chĩu trên tay tôi mang vào như thường lệ, lần nào bà cũng bật khóc. Khóc nho nhỏ. Khóc nỉ non.

"Thưa bà, tại sao bà phải xúc động đến như vậy? Bà lo sợ có em bé lúc này sẽ làm bà vất vả quá, phải không? Con nghĩ là trời sinh, trời dưỡng. Bà có em bé bây giờ thì cũng như bà có em bé ngày xưa. Bà phải còn đủ sức có, mới có. Ngoài ra, đâu có gì khác thường?"

Bà ngồi xuống chiếc ghế sâu lòng, dựa lưng và thõng hai chân. Mấy sợi tóc mai lòa xòa trước trán nhễ nhại mồ hôi. Lần đầu tiên tôi thấy bà có dáng bơ phờ mệt nhọc. Tôi nhớ tới Lan em gái kề bên tôi đã lấy chồng vào năm 1978 khi mới 19 tuổi. Những triệu chứng mang thai của nó hồi ấy đã làm tôi tò mò. Dạo ấy tôi cũng đã cầm bút ghi nhận những nét đặc biệt về nó, người đàn bà lần đầu mang thai: cặp lông mày từ từ dựng đứng lên, cặp mông tròn đẫy ra, bộ ngực nở nang dần... và hình như tôi đã viết được nhiều câu khá hay ca ngợi sự nhiệm màu của Tạo hóa trong công trình tác tạo nên con người: biết bao là nhiệm màu, bí ẩn! Cho đến nay tôi vẫn là con gái, nhưng là một đứa con gái đã từng nếm mùi hải tặc trên con đường vượt biên gọi là đi tìm tự do, — như đã nói — nên cái cảm giác lợm giọng đến buồn nôn vẫn dâng lên đầy cổ họng mỗi khi tôi nghĩ tới chuyện vợ chồng chăn gối. Chưa biết đàn ông, tôi đã ghét đàn ông. Tôi chỉ thích đàn bà. Ý nghĩ ông cụ già như vậy, bệnh như vậy mà còn... làm cho tôi hơi khó chịu, nhưng với bà thì không. Tôi cố nghĩ ra vài câu tế nhị để nói cho bà yên lòng, cho bà vui lòng:

"Bà đừng lo âu quá đáng. Bà có em bé, con sẽ làm việc gấp đôi để lo cho bà. Mà, người ta nói: 'lão bạng sinh châu', ông nhà đã lớn tuổi mà còn sinh con thì cũng như con trai già sinh ra ngọc vậy, em bé này sẽ rất là đặc biệt, quí như châu như ngọc, con chắc bà biết điều đó."

"Không! Em bé này không phải là con của ông đâu!" Bà òa lên khóc nức nở.

"Thưa bà, thưa bà, sao?"

"Tôi nói: em bé này không phải là con của chồng tôi đâu, là con của người khác! Xin Trời Phật tha thứ cho tôi!"

Tôi bước tới quỳ dưới chân bà, nắm lấy bàn tay bà ướt đẫm mồ hôi. Tôi khơi nguồn để cho bà thổ lộ niềm riêng tư thầm kín:

"Bà nói con nghe: Con đâu có thấy bà quen ai, con đâu có thấy bà gặp ai, bà suốt ngày ở bên cạnh ông, bên cạnh con thôi..."

"Nhưng tôi có người yêu, trong tâm tưởng."

"Con không hiểu! Trong tâm tưởng, chỉ trong tâm tưởng, thì... làm sao?"

"Có *làm sao* chứ. Tôi biết, chỉ một mình tôi biết, tôi đã có con với chàng..."

"Rồi... bà có tin cho ông ấy biết không?"

"Không không, chúng tôi chưa bao giờ gặp nhau, chúng tôi chưa bao giờ gặp nhau cả. Nhưng tôi đã có con với chàng!"

*

Tôi nhìn ra ngoài trời qua khung kính trong suốt. Nắng vàng và tươi. Đã một tuần qua bà chủ tôi không chạy bộ mỗi buổi sáng trên con đường dẫn tới công viên. Nơi chồng bưu phẩm vừa nhận được sáng nay, vẫn có một lá thư xanh, và có thêm một tờ tạp chí: *Thế Kỷ 21.* Tôi nghĩ: đã bước qua thế kỷ 21 rồi. Dưới ánh mặt trời không có gì lạ nữa. Chỉ còn tiếng khóc nũng nịu của người đàn bà đang mang trong cơ thể đứa con của người tình chưa bao giờ gặp gỡ là lạ lùng, là dễ thương mà thôi.

VI KHUÊ

5-1-90

THỨ BẢY, XÓM TÀU, XÓM VIỆT

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

Tôi thở phào khi ra khỏi siêu thị anh-em-nhà-họ-Dương. Thứ Bảy, mười một giờ sáng, khu phố Tàu ở quận 13 đông nghẹt người. Thiên hạ từ trong những cao ốc chui ra để chui vào những siêu thị, nhà hàng, tiệm quần áo. Tôi cũng vậy.

Khệ nệ vác mấy túi thức ăn vừa mua ra đến xe, tôi đã mỏi nhừ hai tay. Có gì đâu, dăm miếng tàu hũ, vài bó rau cải, mấy hộp tương, một cây chả, hai gói bún khô, ba bốn trái xoài. Chất hết vào xe, vẫn chưa thấy bóng lang quân. Cưới nhau lâu quá rồi cho nên "anh cứ hẹn nhưng . . . em đừng đến nhé". Chàng lãnh nhiệm vụ mua sắm những món nặng như gạo, nước mắm, trái vải, nhãn hộp, kiệu, đậu xanh, nếp v.v. . . ở cửa tiệm nhà họ Hứa. Không lẽ gặp cô xẩm nào bỏ bùa mê? Dám lắm a! Hôm nọ mượn ở đâu được bộ phim chưởng Thần Điêu Đại Hiệp, anh chàng thức suốt đêm xem. Tối nào ngủ mê cũng kêu Tiểu Long Nữ em ơi em hỡi, nghe phát giận!

Dòm tới dòm lui, kiểm điểm ngang dọc, chẳng thấy thiếu món gì, mấy tờ báo trong xe đã gần thuộc lòng, tôi đành ngồi yên trong xe, ngắm người qua lại, cố tìm một khuôn mặt quen. Tiếng là khu phố Tàu, nhưng tôi có cảm tưởng các chủ tiệm là người Trung Hoa còn khách hàng là người Việt. Họ qua lại dập dìu, kể chuyện, gọi nhau, chào nhau, loáng thoáng những lời nói và thanh âm quen thuộc. Người trẻ đi lẻ còn khó biết gốc gác, chứ chỉ cần giữa một gia đình có đủ già trẻ bé lớn, có một bà cụ đội khăn, tà áo dài và ống quần đen thấp thoáng dưới áo choàng dầy, tôi nhìn ngay ra đồng bào, tim thoáng gợn sóng. *Chúng ta mất hết chỉ còn nhau?*

Đâu chỉ đơn giản chui ra khỏi tổ ong để chui vào những bận bịu bình thường và phổ thông của loài người, kể cả da đen, da trắng!

Mỏi cổ và hoa cả mắt mà tôi vẫn chưa tìm ra ai giống như hàng xóm hay bạn cùng lớp ngày xưa và chàng của tôi vẫn biệt dạng. Chắc là tính mua hết tiệm người ta?

Tôi bỏ xe, đi chậm rãi, tìm một cửa hàng để ngó. Nhà hàng ăn, hiệu nữ trang, tiệm quần áo, hiệu sách báo Tàu, hàng bánh mì thịt với ba bốn bà mang bao tay, bịt mũi miệng gắp thịt, hành ngò, rắc tiêu vào những ổ bánh mì. Lắm người gan cùng mình, dám mạo xưng "bánh mì Ba Lẹ". Có lẽ vì họ biết rằng chỉ . . . tôi và gia đình bác Ba Lẹ hay rằng bác vẫn còn "tôi cố bám lấy đất nước tôi"? Ô, kia rồi, một tiệm bánh ngọt, hiệu Kim Sơn. Trên mặt kính, chữ Tàu chữ Việt nằm kề. Phía dưới, chắc là để cho người bản xứ hiểu, có vẽ hình một cái bánh . . . ú. Không, một trái núi bằng vàng. Ở ngoài nhìn vào qua lớp cửa kính, những dãy bánh vàng lườm coi ngon quá. Đồng hồ chỉ mười một giờ hai mươi, người trễ hẹn gần hai mươi phút, ta vào tiệm tới mười hai giờ kém mười lăm sẽ trở ra. Huề! Bánh ngon không lẽ chỉ để ngó?

Đẩy cửa kính bước vào tiệm, mùi bánh thơm thật dễ chịu, một hai người khách đang trả tiền ở quầy. Trên các kệ bằng kính trong, đủ thứ bánh đang xếp hàng chờ đợi. Quả thật là đủ thứ. Những loại nhỏ. Bánh tiêu tròn mũm mĩm chín vàng, lấm tấm những hạt mè. Bẻ ra tôi sẽ thấy lại lớp bột trắng xốp đầy rễ tre. Dầu cháo quẩy nở nang ba bốn khía, cắt ra năm sáu đoạn bỏ vào tô mì hay, nhất là, vào tô cháo huyết, mèng ơi, có món nào ngon hơn? Bánh hạnh nhân cười cười, mời mọc, hạt đậu phộng, hạt hạnh nhân bóng lưỡng kêu gọi, hứa hẹn. Bánh bông lan, bánh bò, đủ màu, đủ mùi. Và ôi chu choa, chưa tới Trung Thu mà bánh trung thu đã tràn ngập, lớp lớp. Tôi chấp tay sau đít, dí mũi vào những tấm giấy nhỏ viết tên bánh và giá tiền. Nhưn hột sen, nhưn đậu xanh, nhưn thập cẩm, một trứng muối, hai, ba trứng muối, bánh tròn bánh vuông, cạnh dợn sóng, mặt chữ nâu vàng bóng nhẫy. Không ưa những thức đầu mùa quá sớm làm mất đi cái nồng nàn náo nhiệt chính thống khi lễ lạc đến, nhưng rõ ràng là tôi đang mềm lòng trước mớ bánh. Mấy đứa nhỏ bốn năm nay chưa ăn bánh trung thu. Bốn năm cực khổ cày bừa vất vả để có "một chỗ dưới ánh mặt trời", đây là lần thứ hai chúng tôi tự cho phép "ăn chơi" (ăn thiệt chứ không phải ăn chơi). Dĩ nhiên tôi có khuynh hướng khuếch đại như chàng vẫn nói . . . Thật ra, chỉ là một buổi mua sắm lương thực Việt Nam. Không,

lương thực Á Đông. Nước mắm Thái Lan, bún Trung Cộng, cải muối Đại Hàn, ớt Hồng Kông, tàu hũ . . . Paris. Tất cả do người . . . Tàu làm. Hôm nọ chàng nói không nên làm giàu cho Chệt, cho Thái Lan. Anh của chàng lại khuyên không nên làm giàu cho Việt . . . Cộng. Tôi chỉ muốn các con đừng quên những món ăn chúng đã được ngoại, nội cho ăn.

Ủa, mua hay không mua, đứng đó mà phân trần, biện hộ sao? Thực tế hơn một chút đi, tôi ngẫm nghĩ. Cái chỗ ở dưới ánh mặt trời đó, tốt lắm, nhưng coi chừng bị . . . cháy. Không gian coi xanh tốt mà đã có lỗ hở trong khí quyển rồi đó. Ôi thôi nhiều dự tính, lắm chương trình mà không dám cả gan mua hai cái bánh cho con! Tội cho tôi chưa?

"Bánh ngon lắm! Nị mua đi. Bánh ngon nhiều lắm ..."

Tôi giật mình tỉnh giấc, quay lại. Người đàn ông cao lớn, mập mạp vừa lau mồ hôi trán, vừa nói tía lia. Chắc là ông chủ.

"Hà, ở nhà bếp nóng quá, nị là người Việt Nam phải không? Mua *pánh* đi . . ."

Biết mình có một khuôn mặt rặt Việt Nam (?!) nhưng mỗi lần bị nhìn ra, tôi nghe bâng khuâng và . . . khó chịu. Người Tàu, người Nhật, người Đại Hàn chưa bao giờ nhìn bà con với tôi. Người Cam Bốt cũng vậy. Nắng Sàigòn khiến da tôi trở nên bánh mật, lương thực Sàigòn làm tôi nhỏ con ốm yếu, tóc tai khô gẫy le hoe. Bấy nhiêu đó đủ để thiên hạ biết nguồn gốc của tôi? Tôi chẳng đặng đừng nghe mình hỏi lại:

"Còn nị là người Tàu ở Chợ Lớn chứ gì?"

Người đàn ông đưa khăn lên miệng che tràng ho rũ rượi. Chắc là không cảm nhận được một chút dữ dằn trong câu hỏi của tôi. Tôi tiếp tục đi vòng vòng ngắm nghía tính nhẩm. Ba cái bánh tiêu, hai cái bánh bò, hai bánh trung thu . . .

"Hây, trời còn tốt mà ngộ pịnh quá chời quá đất. Ngộ hổng có ở Chợ Lớn, ngộ ở Gia Định."

Tôi chợt thấy mình bất công, phân biệt chủng tộc một cách ấu trĩ, đầy thành kiến ngốc nghếch. Hồi nhỏ, trong xóm có tiệm chị Xín, có nhà thuốc Quảng Sanh Đường, có ông Mậu bán nước đá bào, đậu đỏ bánh lọt, họ cũng là người Tàu nhưng tôi xem họ thuộc về quê hương, cùng với những bác Chín, ông bà Sáu, chú Tư, cô Tám v.v. . . trong xóm làm việc cả ngày để tạo nên cái xóm nhỏ êm đềm nuôi tôi lớn. Còn những người Tàu sống chùm nhum với nhau ở Chợ Lớn là người . . . Tàu, là . . . gian thương chuyên môn đầu cơ tích trữ, lũng đoạn thị trường . . .

"Í, ông ở Gia Định hả, chỗ nào, tôi cũng có biết một chút về Gia Định."

"Ngộ ở xóm C., gần cầu B., tiệm hủ tiếu Huệ Ký . . ."

Tôi suýt kêu lên. Trời ơi, xóm C. là xóm tôi. Cầu B. là cây cầu tuổi nhỏ, tiệm Huệ Ký cũng là tiệm hủ tiếu của . . . tôi. Đúng ra, tiệm hủ tiếu trên con đường *của tôi*, hồi đó. Người đàn ông tiếp tục vừa ho vừa quảng cáo bánh vừa nói về tiệm hủ tiếu ngày trước. Tôi lén nhìn *người xưa* (thì cứ coi như là người xưa, dù tôi bỏ xóm đi đã từ lâu).

"Ông sang Pháp từ bao giờ?"

"Ngộ đi hồi pảy tám, không, đầu pảy chín. Kẹt ở Hồng Kông hết mấy năm. Qua đây hơn hai năm rồi, cái tiệm mở được pa tháng."

Người ta đi vèo một cái từ xóm C., qua Hồng Kông, đến Paris trong một câu năm bảy giây đồng hồ. Tôi trở lại xóm cũ, thời xưa trong mấy cái chớp mắt. Phải chuẩn bị ở lại đó cho lâu lâu, nghen.

Người đàn ông đã mập ra, hai túi mắt nặng, mí mắt dầy. Nhưng nét xưa cũng còn thấp thoáng. Gần hai mươi năm rồi còn gì.

Xóm nhỏ của tôi, một mặt đường cái và một mặt đường hẻm. Hai bên của bình minh và hoàng hôn. Hai mặt của một đời sống.Mặt ngoài toàn những cửa tiệm, bảng tên đàng hoàng, cái nhỏ cái lớn. Bên trong là xóm ở, ban ngày thông thường chỉ có đàn bà và trẻ con.

Ba má tôi dọn đến xóm này lúc tôi còn nhỏ, nhỏ đến nỗi không nhớ gì về quá khứ trước đó. Tôi chỉ biết khi mình lớn lên trong xóm đã có ông Mậu với xe nước đá, lúc nào cũng độc một chiếc quần xà lỏn, trên xe lủ khủ xi rô, đậu đỏ, đậu xanh . . . bà Sáu bán bánh men, bánh kẹp ban ngày, ban đêm đi gánh nước mướn. Cả hai là "thương gia" không bảng hiệu, không môn bài vì ở phía sau xóm. Còn ở mặt ngoài xóm, con đường bắt đầu từ sau cây cầu đá, kế bên nhà tôi, tức là lúc vừa qua khỏi dốc cầu và vựa than củi với nhà bác Ba Lẹ là tiệm bà Ba bán tạp hóa, rồi đến bác Tư làm và bán giường tre, thang tre. Ông Lê Quang hàn gió đá, bác Trần Hòa tiệm may, ông Nguyễn Đại ký giả (đặc biệt nhà to và không buôn bán), bác Tư Nghĩa vựa cát. Rồi đến con đường dốc quẹo vào đường hẻm để ra sau xóm. Bên kia dốc, đối diện với nhà ông Đại là "nhà hơi" của công ty điện, có sét đánh hình chữ zét và hình người ngã xuống, đến trường dạy đánh máy, một nhà may, tiệm thuốc Bắc Quảng Sang Đường, rồi tới tiệm hủ tiếu Huê Ký, tiệm bán phụ tùng xe gắn máy, tiệm tạp hóa Đại Long, tiệm sửa xe . . . Xa hơn chút nữa thì đến ngõ quẹo vào xóm khác, có mấy thằng con nít ưa bày đặt kêu em, em mỗi lần đi học về ngang nên tôi ghét lắm, không thèm biết tới. Thành ra con đường mặt tiền của xóm làm ăn (của tôi) chỉ tới đó.

Tiệm đóng bàn ghế của ba má tôi cũng giống như tiệm tạp hóa của bà Ba và đa số các tiệm khác, mở cửa suốt ngày, đến cả đêm khuya. Ban ngày: cưa, đục, bào, đóng chan chát rầm rầm, tối về chỉ đánh giấy nhám, đo đạc, tháo ráp, lau rửa, đánh vẹc ni. Hàng phải giao gấp thì cả

nhà bị động viên, nếu tôi không phải làm hay học bài thì bị giao cho tờ giấy nhám, ngồi nhăn nhó ôm một mặt bàn hay một chân ghế mà đánh. Khi trời về khuya, ba tôi hay đói bụng. Gặp thằng nhỏ đi ngang rắc rắc cái "lục tắc" quảng cáo thì ba má tôi kêu vào đặt hàng. Bằng không thì tôi hay tình nguyện vác tô đi mua hủ tiếu mì cho ba, nếu cả bọn con nít tụi tôi chưa bị lùa đi ngủ. Hồi đó tôi rất có hiếu. Ba hay hỏi có đứa nào rảnh đi mua cho ba. Má tôi thì ưa chỉ định đại. Bị trưng tập bất ngờ, lắm chương trình của bọn tôi bị ngưng ngang nhưng phải công nhận là hễ bị chỉ định là đứa nào cũng thi hành lẹ làng, còn dân chủ như ba, tụi nhỏ ưa tìm cố trốn việc hay đùn cho nhau. Má tôi cằn nhằn ba, khó tính mà lại dân chủ thái quá, làm sao tề gia.

Hôm nào chưa khuya lắm, con đường còn nhộn nhịp. Bà Ba đang lục lọi trong thùng trấu moi ra cục nước đá sau cùng bán cho xe nước mía. Bác Tư còn chuyền những cây tre dài từ trên xe cam nhông đậu trước cửa vào nhà. Tiệm hàn gió đá đã đi ngủ, tiệm may còn sáng đèn, bác Trần Hòa đang lom khom vạch phấn trên vải. Trên lề đường chỗ nhà ông ký giả là xe nước mía với thùng chậu la liệt phía sau. Tôi ưa đứng dòm chú Tị nhét mấy cây mía rồi ôm bánh lái kéo mạnh, có khi đu cả người lên để kéo, như đang điều khiển con tàu trong cơn sóng gió, hai khối nhôm trơn nghiến sát vào thân mía, lăn tròn lên nhau, mấy cây mía bị ép dẹp lép kêu lên rin rít, nước mía trắng sủi bọt chảy xuống qua chiếc máng nhỏ vào cái chậu men có vài cục nước đá to và những khoanh quít vàng lườm, thơm ngát, ai mua thì chú lấy cái môi múc nước mía vào ly lưng lửng, rồi chú vớt cục nước đá, trở cái môi đập lưng môi vào cục đá, bỏ cả vào ly thì cái ly tràn! Sau này khi chú sang lại xe nước mía cho cái anh gì lúc trước sửa, vá xe đạp

TRẦN MỘNG TÚ

Vết bỏng trong hồn

Chàng gọi em vào tình yêu
Em như một kẻ bước liều trong sương
Quơ tay tưởng chạm thiên đường
Nôn nao bẻ nhánh trầm hương ủ tình
Bãi đời bỗng hụt chân chim
Cánh yêu đương gẫy giữa triền thanh xuân
Lửa chàng đốt chẳng ngại ngần
Tro đam mê rắc nửa phần đời nhau
Dối chàng em bảo không đau
Dấu riêng một vết bỏng sâu trong hồn.

Tháng Chín 90

Cuộc chiến, cuộc tình

Em bé nhỏ mang tâm hồn Kuw-ait
Tình như hoa thả nổi mặt giếng dầu
Chàng đến vớt bằng trái tim I-raq
Nhập cuộc chơi, đã để dấu thương đau.

Em kiêu hãnh không kêu đời viện trợ
Ngực bị thương nhận vết đạn mù lòa
Giơ tay với trái tim chàng tẩm độc
Lệ thay dầu đã chảy giữa hai ta.

Chàng kiêu hãnh nhếch môi cười I-raq
Dùng hộp thư chuyển vũ khí tình yêu
Đạn "mật ngữ" cắt vết thương ngọt lịm
Kuw-ait hồn em, mất giữa một chiều.

"Cuộc tình câm" em là người thua thiệt
Nhìn trái tim đầy dấu tích đạn bom
Vệt dầu loang, hay vệt tình lãng mạn
Tiếng nổ trong tim tiếng nổ bẽ bàng.

Ôi! Cuộc chiến đến bao giờ chấm dứt
Lửa cháy Trung Đông, Thế giới khóc òa
Ôi! Chàng có yêu em xin khóc hộ
Đốm lửa âm thầm cháy giữa tim ta.

xe gắn máy ngay bên cạnh, anh này mua một cái máy kéo chạy dầu, khi anh ép mía, máy chạy bình bịch inh tai và chỉ một loáng là cây mía chạy ra đầu kia, tả tơi thân xác. Tôi hết cớ để dừng chân đứng ngó. Trường dạy đánh máy không có lớp tối nên xế chiều là ông Bảy đẩy xe báo ra ngay trước cửa trường, bày báo ra rồi ông mang kính ngồi đọc . . . báo. Tôi cầm tô để ra sau lưng, chúi mũi vào những tờ tuần báo màu mè, điện ảnh, kịch ảnh ngấm nghía những tài tử, ca sĩ. Bà nào cũng đẹp hết cỡ và sống đầy những chuyện tình duyên thơ mộng, trong đời và trên sân khấu hay màn ảnh. Lúc đó, tôi còn mê đọc báo *Tuổi Xanh* nhưng con mắt đã bắt đầu lé qua những báo chí của người lớn. Nhưng đôi khi, qua chỗ nhà hơi, kế sạp báo là cái"chòi" hớt tóc của ông già Tư, tôi co giò chạy trốt luôn vì muốn tránh mấy anh thanh niên (ngồi chờ phiên hớt tóc hay chỉ tán dóc) ứa lên tiếng chọc ghẹo mấy cô gái trong xóm đi gánh nước khuya. Chứ lâu lâu, tôi cũng khoái đứng coi ông Tư hớt tóc lắm, mấy lần theo ba đi hớt tóc (ba tôi bị hớt chứ không phải tôi) ông Tư cũng ở trần tối ngày như ông Mậu, cái lưng ông nhăn nheo xếp nếp, da đỏ đồng màu nắng, ông có cặp kiếng lão trệ xuống sống mũi, khi đưa tông đơ, đầu ông cúi xuống, hai con mắt nhìn ra bên trên cặp kiếng, cổ ông gần lún xuống vai, lưng ông cong lại, cái tông đơ chạy cắt vắt và ông nói chuyện tía lia, chuyện chính trị, chuyện cờ tướng tôi ít chịu nghe nhưng khi ông nói chuyện Tề Thiên Đại Thánh thì tôi mê lắm, ông nói tới đâu, tôi nhớ ra tới đó. Khi nào không có khách tôi thấy ông ngồi vào cái ghế bành cũ dành cho khách, gác hai chân trên kệ gỗ có tấm gương lớn, hay tréo chân trên mấy chiếc ghế cây cho người ngồi chờ phiên hớt tóc, đọc tờ báo mượn của ông Bảy. Có khi trưa đi học ngang, tôi thấy ông ngồi ngủ lim dim, mắt kiếng nằm trên tờ báo, mấy con ruồi bay bay xung quanh. Lúc trước ông chưa có tấm bạt che, ông dọn "tiệm" rượt theo bóng mát, mặt trời ở bên nhà hơi thì ông tọa lạc dưới bóng cây trước nhà ông ký giả, mặt trời đã nghiêng nghiêng thì dọn qua dưới nhà hơi. Bây giờ tiệm có mái che, trời mưa ông cũng ung dung tự tại, chỉ lâu lâu ông lấy cây chổi, trở cán chọt những bọc nước mưa trút xuống đường. Trời tối quá hoặc hết khách sớm ông cuốn tấm bạt, cột ghết vào hàng rào, xiềng tấm gương vào ghế, rồi xách túi đồ nghề về nhà ở tuốt xóm trong. Mấy tên thanh niên ngồi trên sạp báo trống hay trên mấy cái ghế nhỏ hoặc cả trên chiếc ghế bành, thấy con gái đi ngang, huýt sáo lảnh lót, thiệt vô duyên!

Khúc đường có vài trăm mét, tôi đi gần nửa giờ mới tới tiệm mì. Tiệm lớn trung bình, bề ngang chắc bằng nhà tôi, khoảng sáu bảy mét, nhưng bề sâu thì rất dài, có lẽ hơn hai mét, chưa tính sàn nước và nhà ở. Hai thùng nước lèo nằm ngay ở cửa ra vào, phía bên trái, trên mặt bàn đủ thứ đồ nghề lỉnh kỉnh, có hai tấm kính đục nằm thẳng góc chắn ngang tầm nhìn từ phía ngoài. Bên phải và suốt bên trong là những bàn ghế cho khách. Ghế đẩu mặt cây, chân sắt, bàn cây mặt nhôm có ống đũa, muỗng, mấy hũ đường, tương, ớt, chai xì dầu, dĩa bánh bông lan hay bánh dầu cháo quẩy, đôi khi có cả ly và bình trà, buổi sáng có thêm bánh bao nướng. Ở trong cùng, chấm dứt những hàng ghế là quầy cà phê và chỗ thu tiền, có bà xẩm già để tóc bôm bê với hai cây kẹp ép tóc sát vào hai bên đầu, trên mặt bà có một nốt ruồi lớn và nụ cười thường trực đối với tôi, bà hay hỏi thăm tôi ba má mạnh giỏi hả, với một giọng lơ lớ như người con trai của bà đang đứng ho bên cạnh tôi bây giờ. Ông chồng bà, cao lớn trắng trẻo, đảm nhiệm chuyện pha cà phê, bán thuốc lá, châm nước trà cho các bàn và châm bánh bò, bánh tiêu, bánh bao.

Xếp bếp của hủ tiếu mì là một chệt thấp thấp bụng phệ coi giống bà chủ hơn giống ông chủ. Ngoài ra còn một, hai người hầu bàn còn trẻ và chắn chắn là đồng hương hay đồng bào của ông hay bà. Tôi đưa tô cho xếp, đặt hàng, mì lớn mì nhỏ, mì hủ tiếu hay mì thánh, hủ tiếu dai hay không dai, ớt hay không ớt, ớt tương hay ớt tươi v.v. . . Xếp nhón lấy vắt mì, xóc xóc cho bung ra rồi thảy vào thùng nước sôi. Tô của ông dơ (?!) ông tráng nước sôi đã đành, tô nhà tôi sạch trơn, cam đoan không có vi trùng nào, mà ông cũng cầm tô nghiêng nghiêng đội nước sôi mấy lượt. Chắc là để khỏi có *temps mort* giữa hai cử động cần thiết nhịp nhàng? Bỏ mì vào tô xong, ông trải lên mấy miếng thịt mỏng, cạnh đỏ, to bản, ông múc một muỗng thịt bầm, một chút tóp mỡ, rồi một vá nước lèo, không, một vá rưỡi, hay đúng hơn hai lần một phần tư vá, tôi có cảm tưởng tiếc lắm khi phải cho nước lèo vào tô, phải đắn đo, cân nhắc cho kỹ. Rồi ông thêm một nhúm hành ngò, một chút tiêu, cải bắc thảo, vài khoanh ớt (phải nhắc lại không ớt cho ông bốc trở ra). Sau cùng là cái bánh tôm dẹp, chiên vàng và dòn, có con tép lớn đỏ au còn nguyên đầu đuôi giò cẳng.

Lượt về tôi đi nhanh, phần vì tô nóng, phần vì cái mùi thơm hấp dẫn của nước lèo, hành ngò, ngược gió bay vào mũi. Đi lẹ lẹ về để xin ba cho ăn ké.

Nếu cuộc đời cứ thẳng đường xuôi rót, tà tà vài năm nữa như vậy tôi có thể xin một chân bán hủ tiếu mì. Bốc, nhón, xóc, xếp . . . rành nghề như chú Ba tiệm Huệ Ký. Nhưng kẹt một nỗi tôi lớn lên dần, đổi ý, tụi em đẩy quá, phải lớn lên, phải thi đệ thất, vào trung học, bận áo dài trắng đi học, chắc là coi bộ cũng có dáng. Mấy thằng nhỏ trong xóm có đứa "dám" kêu đích danh tôi. Buổi sáng ôm cặp đi

qua, trưa đi về, tôi thoáng thấy con nhà Huệ Ký đứng ngó tôi. Một lần thì ai nói làm chi. Hai lần nghĩa lý gì. Ba lần bắt đầu thấy kỳ. Bốn năm lần thấy bực. Tới đủ mười lần thì khi ba hô đứa nào xách tô đi mua mì cho ba thì tôi thành con bất hiếu, tôi chui tọt lên gác hay dọt thẳng xuống dưới bếp. Gặp má ra lệnh phải . . . tình nguyện, tôi gãi đầu gãi tai đề nghị ba đổi món. Có tiệm phở ở bên kia đường. Có hàng bún, bánh cuốn bên kia cầu, miệt Đa Kao. Có đủ thứ món ở chợ Bà Chiểu . . .

Dĩ nhiên, có người "nghểnh mộ" (nghểnh cổ ra ngưỡng mộ) ai lại không khoái, nhưng xách tô đi mua đã kỳ (người ta tưởng tôi mê ăn vặt) đứng đó lâu cho người ta tự do quan sát, còn nhột nhạt hơn nữa! Dù rằng, đôi lần tôi cũng biết "ngắm" lại. Đó là một anh chàng mười bốn mười lăm tuổi, cao và còm nhom như cây sậy và trắng bóc. Mắt không hí, anh ta chẳng có vẻ Tàu tí nào, nhưng than ôi, mùi nước lèo, mùi của tiệm cà phê hủ tiếu, cái quần xà lỏn với cái áo thun ba lỗ, mái tóc hớt cao, và . . . bà xẩm ngồi quày với đôi kẹp vàng, cái áo Tàu có khuy con tằm vắt ngang . . . Tất cả làm cho anh chàng có vẻ rất con nhà . . . Huệ Ký. Thêm vào đó ông bà chủ còn một lô con gái con trai nối tiếp cây si (?!) Ông anh thì ngắm nghía mơ màng, mấy cô em lại kênh xì po, coi rùng rợn quá, cứ làm như là tôi sẵn sàng "nhào dô" làm dâu hủ tiếu. Đâu mà dễ dàng như vậy, cho cả đôi bên chứ chẳng riêng gì tôi. Dù rằng thuở đó, tôi dấm dẳn và đau khổ, nghĩ rằng chẳng một người nam nào có thể "thương" nổi *(em là con gái trời bất xấu)*.

Với lại, trước đó, lúc làm ăn chưa phát đạt, hai đứa út chưa ra đời, ba má tôi, còn thì giờ ngồi nói chuyện đời xưa cho tụi tôi nghe. Hoặc là để chê ba làm ăn dở hoặc để ba tôi lưu ý, o bế bà hơn một chút, má tôi hay nhắc chuyện ông chệt Xây ở quê má. Ông Xây có tiệm chạp phô lớn, nhà giàu, xồn xồn, chưa vợ hay chết vợ gì đó, ông mê má tôi lắm. Chắc là mấy lúc ngoại sai má đi mua đường, muối, lưỡi câu v.v. . . Bà ngoại tôi tính gả má cho ông ấy. Nhưng dạo đó má tôi đang mê *Giọt Lệ Thu, Hồn Bướm Mơ Tiên, Đôi Bạn* . . . Lấy ông Xây, nếu không về Tàu chắc tối ngày

cũng phải lo phụ ổng đong đầu, cân đường cân đậu. Má tôi vùng vằng, không chịu. May quá ba tôi đi kháng chiến đi ngang, chưa kịp chán thì gặp má tôi. Má khiến ba hết muốn "lướt đi ngoài sương gió". Ông xớt bà đem tuốt về Sàigòn. Đằng nào thì bà ngoại cũng mất con gái nhưng má tôi ở lại Việt Nam.

Chuyện . . . hay như vậy nhưng được kể đi kể lại hoài, hết *ép phê* đối với ông già. Ba tôi chỉ cười cười không nói khi bầy con nhao nhao hỏi ý kiến. Bị tra vấn quá thì ông nói tỉnh khô:

"Ông Xây chưa tới số . . . nhờ phước đức ông bà ổng để lại!"

Ấy, nhưng đối với tụi tôi, nhất là tôi, cứ tưởng tượng gì đâu không. Thật là may mắn, nếu ở bên Tàu thì làm sao tụi tôi có thể hàng ngày chí chóe đánh nhau bằng tiếng Việt, làm sao được thở hít mùi cây, mùi mạt cưa, mùi vẹc ni, nghe búa đóng chan chát, nghe cưa sàn sạt, được nghe anh Minh, anh Trị vừa sơn nhà vừa bào vừa ca vọng cổ ư ử . . . Thí dụ như ông Xây — thành . . . ba tụi tôi — ở lại chợ Bến Tre, hay dọn về Chợ Lớn thôi thì chắc chắn, tụi tôi sẽ chỉ nghe mùi tiệm chạp phô: mùi tôm khô, cá khô, mùi cải bắc thảo, mùi nhang, mùi bao bố đựng gạo, đậu, mùi dầu, mùi dấm, hồ tiêu, trứng muối v.v. . . hay nếu ông Xây đổi nghề mở tiệm hủ tiếu, thịt quay xá xíu . . . tôi sẽ suốt ngày nghe tiếng dao thớt, tô đĩa, mùi mì, mùi xì dầu. Không, không. Trời ơi, ba tôi không thể nào tưởng tượng được rằng ông đã . . . thay đổi vận mệnh của lũ con đến mức nào. Chỉ nghĩ đến việc mặc váy xanh, áo trắng, hớt tóc bôm bê hay thắt đuôi sam đi học trường Tàu là tôi rởn tóc gáy. Rồi mấy đứa bạn hàng xóm để thảy đáo, búng thun, đánh đũa bỏ lại cho ai? Không phải tôi . . . phân biệt chủng tộc đâu, tại họ giữ kẻ đó chứ. Chưa bao giờ tôi thấy đám con nhà Huệ Ký lê la ngoài đường tạt lon, đá dế, vít hình. Chưa bao giờ tôi nghe tụi nó gây lộn với tụi tôi bằng tiếng Việt. Ngay đến anh chàng này đứng dựa cửa dòm tôi mỗi ngày, ánh mắt còn nói tiếng Quảng Đông, chắc là tiếng Quảng Đông (!?) (nị hướng Tiêu Tương, ngộ hướng Tần!) cho nên tôi không cảm động!

Thế là tiệm Huệ Ký mất đi một chục khách hàng là gia

đình tôi, bởi vì tôi bàn ra khi trong nhà có chương trình đi ăn tiệm Tàu. Trước đó, bọn con nít tụi tôi lâu lâu khiêng về nhà mấy bảng danh dự, ban khen của trường học, ba má tôi thưởng công bằng cách kéo cả nhà đi ăn mì hay phở trừ cơm. Chúng tôi được quyền kêu hai tô, có quyền lấy thêm bánh bao, xíu mại hay bánh bò bánh tiêu. Có khi ông bà Huệ Ký đến đặt bàn ghế, ba tôi ghé ăn tô mì rồi đo đạt, lấy kiểu . . . Giao hàng xong, cả nhà đến ăn rồi tính trừ ra, cộng vào. Vui vẻ cả làng.

Một lần, tôi "bắt gặp" gia đình anh chàng ngồi ăn cơm chiều, xung quanh cái bàn tròn lớn ở cuối tiệm. Cơm chứ không phải hủ tiếu hay mì như tôi hằng tưởng. Cơm với xì dầu và một đống xí quách mới vớt ra còn nghi ngút hơi nước. Xí quách của thùng nước lèo ban sáng hay của hôm sau? Cây si ngồi và cơm tỉnh tuồng, tay kia ôm một khúc xương to để cạp gân.

Gặp thêm một lần nữa như vậy tôi đoan chắc rằng có "cơ may" vô làm dâu nhà họ, tôi sẽ chẳng bao giờ được ăn hủ tiếu!

Ba tôi nói có như vậy mới giàu được chứ như tụi bây chắc họ dẹp tiệm sớm. Chắc chắn ba tôi có lý bởi dì tôi mở tiệm bán bánh canh giò heo, điểm tâm, giải khát. Sáng sáng, dượng tôi làm hai tô bánh canh, uống một ly cối cà phê sữa đá, hút mấy điếu thuốc thơm, rồi trưa chiều lũ con nhào dô mở hàng tiếp. Chẳng mấy chốc dì hết vốn, bán luôn tiệm trả nợ.

Còn tụi tôi không ăn cây được nên ba má tôi làm ăn khấm khá. Tôi chưa kịp coi cây si mọc rễ ra làm sao thì ông bà dọn nhà đi nơi khác. Tôi bỏ xóm từ dạo ấy. Nhưng kỷ niệm, ý niệm, trí tưởng tượng của thời đó vẫn như cũ. Lớn lên bị một cây si chánh gốc Việt Nam níu cổ. Lâu lâu, tủi thân, tôi rất muốn bắt chước má tôi nhắc nhở chuyện xưa, nhưng không có, quả tình đã không có một ông Tàu con nhà giàu nào đến hỏi cưới tôi như má. Thành ra, chỉ có một chút tưởng tượng rất lạc quan. Xóm cũ. Đôi mắt dựa cửa chờ tôi đi ngang. Ngộ ái nị . . . chút chút. Thế a? Phải chi ngộ biết! Ủa, nếu biết thì tôi làm sao? Tôi mê ăn hủ tiếu chứ không thích cơm + xì dầu + xí quách.

Nhưng cũng nhờ kỷ niệm còn nguyên, tôi mừng rỡ khi nhận ra người đàn ông đang vui vẻ chào hàng. Với lại, tha hương ngộ cố tri mà.

"Tôi có biết tiệm hủ tiếu đó. Hồi xưa tôi đến ăn thường lắm."

"Vậy hả! Nị chạy hồi nào? Ngộ ở pên Việt Nam luôn ngộ đâu có ngán nhưng mà không mần ăn puôn pán thì làm sao mà sống? Ô, nói chuyện vui quá, nị muốn mua pánh nào? Ử, ngộ đi pằng tàu, pán chính thức, diện người Hoa hồi hương. Mà pa má ngộ đẻ ngộ ở pên Việt Nam thiệt mà. Ngộ hên lắm đó, đi hụt có một lần thôi. Mấy người khác xui lắm, nhiều người pị gạt, tàu chưa chạy ra khỏi Sàigòn mà máy nổ tan tành, chết hết chơn hết chọi, công an vớt lên pờ cởi quần áo họ ra để nằm sắp lớp! Ở đây thì khỏe lắm, làm ăn dễ, lại gặp người Việt Nam hoài. Gia đình ngộ hả? Ông pà già ở pên Mỹ, thằng em ở Hồng Kông, vợ nó người Thượng Hải. Ngộ ở Hồng Kông mấy năm, làm ăn khó quá với lại mai mốt nó thành cộng sản. Chạy pây giờ dễ hơn, ngộ ớn đi tàu lắm rồi! Nhờ pà con pên vợ giúp vốn, mở tiệm pánh này."

Đúng là số ông có phước đức ông bà để lại hay nói cho đúng thì nhờ Phật Bà Quan Âm, nhờ Quan Công phù hộ. Chứ lỡ ông lấy tôi thì làm gì có được tiệm bánh này! Giỏi lắm thì bữa nay chở vợ đi thăm phố Tàu.

Đồng hồ trên tường gõ một tiếng nhỏ làm tôi giật mình. Ông ơi, mười hai giờ rưỡi. Điệu này thì tới phiên ngộ tử ải nơi sa tràng! Tôi vội vàng lấy thêm vài cái bánh đưa cho đồng . . . hương. Người đàn ông nhanh nhẹn cho bánh vào hộp sau khi đã hỏi tôi kỹ lưỡng là thật tình tôi không muốn lấy thêm gì khác sao. Ông ta vui vẻ xí xô với vợ, chắc là giới thiệu tôi với vợ ông. Người đàn bà cúi đầu chào, bập bẹ mấy tiếng Việt Nam. Ông ta giải thích:

"Vợ ngộ hồi trước ở Chợ Lớn, nói tiếng Việt dở lắm, qua Hồng Kông càng ít có khi nói tiếng Việt nên đã quên gần hết. Cảm ơn nị nhiều lắm, lâu lâu nhớ ghé mua pánh về cho con ăn nghe!"

Tiễn tôi ra cửa, ông còn nán lại một chút, ngó theo. Ánh mắt hơi là lạ. Người ngó ra tôi chưa? Tôi đã già đi, đã xấu đi? Nhiều dữ vậy sao? Tiếc gì mà bốn năm rồi da chưa nhả hết nắng? Bơ sữa chưa làm tròn và hồng đôi má như thời mới lớn? Khổ quá!

Ba chân bốn cẳng chạy ra tới chỗ xe đậu, tôi thấy chàng đứng dựa cửa, mặt mày nhăn nhó khó thương:

"Đi đâu mất biệt vậy? Biết mấy giờ rồi không? Hẹn chị Tám đến bắt con vào ba giờ, gần một giờ còn đứng đây, chừng nào mới về tới nhà? Thế nào người ta cũng giận cho coi!"

Đó, chàng của tôi đó, nói tiếng Việt hoàn toàn đúng giọng . . . Nam kỳ, hỏi những câu xóc hông, dồn dập như súng liên thanh. Cũng may, hỏi tức trả lời nên tôi không phải đáp lại. Chỉ biện bạch tí xíu:

"Mua bánh trung thu cho mấy đứa nhỏ. Em mới thấy một tiệm bánh Tàu, coi ngon lành, sạch sẽ."

"Bày đặt quá, bánh trung thu có cần thiết không?"

"Mấy năm rồi chúng nó chưa được ăn lại."

"Em chuyên môn tiêu tiền không suy nghĩ! Thôi bây giờ có mua gì nữa không? Trễ cho trễ luôn! Em làm gì cũng không nghĩ đến giờ giấc."

"Vài tháng nữa mình lại ghé mua bánh cho . . . tụi nhỏ!"

Chàng bật cười:

"Em định cho chúng nó chừa bánh trung thu luôn, như

đã chừa trứng gà! Được! OK. Bây giờ mua tôm tép đông lạnh? Ở đâu?"

Trứng gà, đó là đề tài của chàng dùng để chế nhạo tôi. Hồi mới qua, ở trại tập trung mấy tháng, được phát cho thức ăn, đa số là trứng và mì sợi. Lũ con đói ăn như điên. Tẩy sán, tẩy lãi xong, đứa nào cũng ăn bù cho những ngày thiếu thốn ở quê nhà. Tôi làm trứng chiên, trứng ốp la, trứng luộc dầm tàu vị yểm maggi. Ra khỏi trại tôi tiếp tục những thực đơn với ba mươi sáu món trứng. Tới giờ mấy đứa nhỏ sắp đi học về, tôi rời bàn máy may, bấm nút nồi cơm điện. Đập sáu bảy cái trứng vào một cái tô lớn, một muỗng đường, hai muỗng nước mắm vài khoanh hàng, tí tiêu muối trộn đều lên rồi khoai tây hay ít cà tô mát tươi trộn tôi rồi mới đổ trứng vào. Vài phút là xong. Vừa gọn lại vừa ngon. Ngon? Một bữa thằng con trai lớn, một thước mốt, hai chục ký lô, than thở:

"Trứng gà bên tây không ngon bằng ở bên Việt Nam."

Thôi lại bắt chước ba nó chê này chê nọ, có hơi sớm, vấn đề hội nhập, phải không con.

"Ai nói với con?"

"Con thấy một mình! Với lại cô giáo nói rằng trứng gà rất nhiều mỡ cholesterol, ăn hoài không tốt, lâu ngày mỡ đóng đô nơi mạch máu, làm nghẽn đường lưu thông, đứng tim mà chết!"

Tôi thở dài, rút bỏ món trứng ra khỏi thực đơn. Vấn đề không phải là chuyện trứng. Ba đứa con càng lớn, óc phân tích, phê bình, "thói" dân chủ và tính thực tiễn phương Tây phát triển quá nhanh, tôi chạy theo không kịp. Món cực, món khổ, món nghèo thì quên, chỉ nhớ đồ ngon, thức lạ. Hễ tôi cằn nhằn thì cả ba cái mồm cá ngão cứ ngoác ra chỉ trích:

"Má giống ông công an phường xóm mình."

"Chà đậu xanh nước dừa đường cát của má thật ra chỉ là lentilles nấu với bơ trộn đường."

"Chả giò của má toàn cà rốt với củ hành, chẳng có tôm tép, không giống của ngoại làm."

Khổ quá, bây giờ tôi hiểu tại sao ở bất cứ nơi nào, vào bất cứ thời nào, các bậc vua chúa lãnh tụ vẫn luôn thèm muốn cai trị một lớp thần dân ngu ngơ mù mờ, không biết đòi hỏi, chỉ biết nhắm mắt vâng lệnh và hy sinh.

Tôi cười với chàng:

"Ông Tàu bán bánh là người cùng xóm. Ngày xưa, mỗi lần em đi học . . ."

"Em ngồi trông chừng, thấy bóng cảnh sát thì lái xe đậu chỗ khác. Anh chạy nhanh vào mua tôm xong là ra ngay. Sao, ngày xưa em đi học . . .?"

Xe đậu trước tiệm tôm tép, trên lối của xe buýt. Tôi lơ đãng gật gù, chưa kịp kể thì chàng đã chạy vù đi. Chắc là phải chờ đám con lớn hơn chút đỉnh rồi hãy kể cho chúng nó nghe như má tôi.

Hôn tôi bay xa về xóm cũ, nhớ đến lũ bạn "giang hồ" búng hột me, chọi nút khoén. Và một người dựa cửa ngắm "con gái Việt Nam".

Biết rằng dòng đời vẫn miên man tiếp tục, có những ngôi nhà đã và sẽ đổi chủ, có những đường phố tiếp tục đổi tên, đông đảo chật hẹp hay mở rộng thênh thang, có những đứa trẻ cầm tô đi mua hủ tiếu, vẫn sẽ còn những đôi mắt "dòm theo" một mái tóc, một dáng đi. . . nhưng tôi vẫn bâng khuâng đặt câu hỏi, cho mình cho người, đủ mọi chiều.

Nếu như vậy, như vậy . . . thì mọi sự ra sao. Nếu như vậy, như vậy . . . liệu có tốt đẹp hơn? Nếu ngày xưa má chịu lấy ông Xây thì . . . tôi ra sao, tôi đang ở Hồng Kông hay California, hay theo bố về "quê hương" lục địa? Nếu ngày xưa tôi chịu ăn. . . xí quách? Nhưng rồi liệu tôi có thích làm người Hoa trở về nước mẹ, được đồng bào đón tiếp giúp đỡ, làm lại cuộc đời từ số không, mở tiệm bánh giữa Paris, ăn bánh tiêu, bánh trung thu tối ngày (lại tưởng tượng theo kiểu Việt Nam!) hay là tôi bằng lòng cuộc sống mới hiện tại, ngồi còng lưng may ráp từng tấm áo, lãnh vài chục đồng — một cái áo chủ bán lại mấy trăm quan — Lâu lâu ngưng máy dòm lên ti vi, nghe thấy thiên hạ nhắc chuyện *boat people*, Cam pu chia, trại cải tạo, trại tị nạn . . . mà mắc cỡ giùm cho những nhà lãnh tụ. Nước mắt lăn dài, tưởng tượng một đoạn kết khác cho quê hương, cho một ngày xưa êm đềm. Hỏi tức là trả lời? Dễ dàng vậy sao?

Chàng kêu trời. Tôi giật mình. Người cảnh sát vừa biên xong tờ giấy phạt. Ông ta xé tờ giấy xanh đưa chàng, giơ tay chào rồi leo lên chiếc mô bi lết chạy đi, trước sau không một tiếng!

Tôi ngồi im như thóc trên suốt quãng đường về. Chàng giận tôi nên cũng không thèm nói. Thôi thì đợi tối nay, đợi cho "người" hạ hỏa, cơm nước no nê, con cái ngủ yên, tôi sẽ trở lại đề tài dang dở.

Đêm khuya thiếp mới hỏi chàng
Cau xanh ăn với trầu vàng xứng chăng?

Khi chàng tưởng bở, phồng mũi trả lời:

Trầu vàng nhá lẫn cau xanh
Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời

Con người ưa giận hờn mà cũng rất hay quên, không giữ bụng một điều gì, hay lắm, tôi sẽ thừa cơ nỉ non năn nỉ lâu lâu cùng tôi trở lại quận 13 tìm người quen. Người dựa cửa hay người đồng hành nào đó của một khoảng đời xưa cũ. Sống là không ngừng đặt câu hỏi, phá bỏ mọi khuôn khổ, đảo lộn hết những trật tự. Sống cũng là nuối tiếc thời đã qua, con đường đã đi. Sống là luôn luôn nhớ về và nhớ tới: hiện tại, tương lai, và quá khứ. K

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

tháng Tư, 1988

TRUYỆN ĐÙA HAY NHẤT TRONG NĂM

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Nắng le lói rồi bỗng bừng lên như ngọn lửa sắp tàn, le cái lưỡi dài liếm theo ngôi mộ của ông Lê Sĩ Trà.

Mấy hôm nay trở trời ông hơi mỏi mệt, khớp xương vặn mình kêu răng rắc, dưới âm ti này tìm đâu ra thứ thuốc dán cho êm cái khớp xương đau nhức, ông lại vặn mình trăn trở. Trong đáy hầm tối om của căn mộ ông nhướng mắt nhìn những tia nắng tàn đang thoi thóp, chỉ một lát nữa thôi trời đất sẽ mau tối sầm lại để ông thoát ra ngoài kia một lát cho đỡ mệt.

Phút đợi chờ rồi cũng đến, đồng hồ trên dương gian chưa điểm bảy tiếng, hôm nay vào thu trời có lẽ tối hơi sớm một chút. Gió leo heo lạnh, ông co ro ngồi trên nấm mộ nhìn vào đêm sâu. Khu mộ nằm trên một ngọn đồi cao quanh năm trống gió, đất là những đám đất đá lẫn lộn khô cằn nên chỉ độc nhất có một thứ cỏ gai mọc nổi. Đó đây thân nhân những người chết cố ráng trang điểm cho bãi tha ma bằng những thứ hoa rẻ tiền dễ mọc sống lâu mà màu sắc lại vô cùng sặc sỡ. Từng cụm hoa bươm bướm vàng ửng hồng, hoa mười giờ chỉ đỏ rực lúc ban trưa, mấy lùm lá kiểng hai màu xanh đó. Diêm dúa nhất có lẽ là mộ của lão Huỳnh Kim Phán, lão chết rồi mà vẫn chưa chừa được tính trai lơ. Bia mộ bằng đá granito có lộng tấm hình màu lúc còn trai trẻ thanh xuân, tóc đen rẽ hớt ngắn, mặt bầu bình và mắt bồ câu mượt như mắt đàn bà. (Lão thường khoe ảnh ấy chụp lúc lão mới ở Pháp về và được ngay cô vợ nhà giàu tóm cổ). Lùm cây thiên tuế một màu vàng rực lộng lẫy bốn mùa trước ngôi mộ cao, chiều nào lão Phán cũng hiện lên ngồi ủ rũ ở đó, kẹt lắm thì ông Trà mới chịu nói dăm ba câu thăm hỏi vớ vẩn vì trong câu chuyện hai người thường ít hợp với nhau.

Đèn xe cộ dưới đồi sáng lên từng chập, thiên hạ đi đâu trên cõi trần qua lại rối rít lăng nhăng suốt một đời bận bịu. Ông lặng nhìn rồi thinh không phát thở dài. Cái mộng ước của mình thuở ấy kể ra cũng đáng tiếc, ông vẫn chán cái đời công chức đi về đều đặn giờ giấc khắc nghiệt lúc nào cũng nơm nớp sợ hãi xếp lớn. Hắn ghen vợ, giận con, lẫy mèo . . . bất cứ chuyện gì cáu kỉnh ở nhà cũng có thể đem vào sở xài xể mình tới nơi tới chốn. Mà rồi ông thì ông cũng vậy. Như cái cảnh mẹ chồng con dâu lập lại, ông lại thường đem đổ những sự bực tức riêng tư của mình vào đầu nhân viên thừa hành cấp dưới.

Lê Sĩ Trà thuở đó chỉ mơ có một ngày mình sẽ như một chiếc đinh văng ra khỏi ngoài guồng máy, đứng tô hô xem tụi nó quay cuồng . . .

Thình lình tiếng than khóc vang vang vọng tới làm ông giật mình:

"Ba sống linh thác thiêng phù hộ cho con . . . lần này nhà nước cho đi xuất cảnh hợp pháp cho trót lọt, con vượt biên hoài không được, hết nhà hết cửa tiền cửa cũng chẳng còn đâu mà nuôi con.

Tiếng khóc nức nở, nước mắt thánh thót thấm tràn trên nắp một ẩm ướt làm ông lạnh buốt. Ông lặng thinh rồi bỗng nổi giận vặn xương kêu răng rắc mà đứa con gái cũng không thèm nghe ra.

". . . Ba ơi, má của con thì lại bịnh nặng bên đó!"

Sáng hôm sau, từ giã và hỏi

thăm đường mấy người bạn hàng xóm ông quyết định đi thăm bà. Lại dùng cái tiếng nói âm ti, ấm ớ của mình, ông lần đường tìm tòi cái tiểu bang xa lăng lắc bên kia địa cầu nơi bà vợ ông đang ở. Cũng may cái mụ da trắng dẫn đường ấy tử tế ra phết, chỉ có kinh một cái là mụ chết vì bị tai nạn xe, mặt mũi cứ nát dầm ra từng mảnh, máu bầm đọng ứ thành cục hai bên hai hốc mắt, cứ mỗi lần, mụ cất tiếng nói, những mảnh kính xe còn ghim trên mặt cứ chớp lóe mãi làm ông rùng mình.

Đường khá xa, có những đêm ông Trà phải bay suốt trên mặt biển lạnh buốt hàng chục tiếng đồng hồ để rồi mệt rời rã mới tìm ra được bóng dáng một cột tàu mà bám tựa vào đấy. Tụi vượt biển chết chìm trong thời biến loạn ấy đông không biết bao nhiêu mà kể. Y hệt như trên dương gian, chúng ta tụ tập thành từng nhóm trẻ theo trẻ, già theo già nhảy múa, tụm ba tụm bảy tán chuyện gẫu vang trời. Người nào cũng mặt mày xám ngoét, tóc xõa dài rũ rượi, ông tránh né đám ma da ấy vì lòng còn mãi đang lo lắng chuyện riêng. Thật chết rồi mà chẳng hết chuyện tí nào!

Trời, gặp bà già ông kinh ngạc quá chừng. Người vợ trẻ đẹp thua ông đến gần mười tuổi này đã là một bà cụ gần tám mươi, tóc bạc phơ lưng còng xuống và đứng giữa tụi Mỹ to tê cao lớn bà bỗng trở nên thấp bé tội nghiệp lạ lùng. Ông muốn buột miệng gọi nhỏ: *Mình ơi! Mình ơi?* nhưng chắc bà chẳng nghe ra gì đâu.

Bà già ngồi trầm ngâm trên chiếc ghế dài, mắt đắm chìm nửa như ngủ gật nửa như thuộc về một quá khứ xa xăm nào đấy. Đã lâu rồi trong thế giới của những người chết, ông không còn cảm thấy sự tàn tạ của mình nữa, bởi vì từ khi bước vào cõi chết người ta không còn bị phải tính thêm bất cứ tuổi nào. Cái thể xác nằm trong hôm vẫn bằng chừng ấy tuổi, và cái hình ảnh cuối cùng của người chết vẫn luôn luôn là một hình ảnh không hề đổi thay trong trí nhớ và nếu có trong trái tim của những người ở lại. Có cái thú vị của sự y nguyên như cũ tuy không có gì đổi thay mới lạ mà cũng chẳng có gì tàn tạ hư hao. Nếu quả thế, ông tự hỏi, những tên vua chúa của ngày xưa và bao bậc lãnh tụ uy quyền thời nay lại mơ chi cái chuyện được là những xác ướp của muôn đời? Thời gian đang gặm nhấm mọi thứ như con sâu gặm dần chiếc lá, chiếc lá tươi tròn bỗng úa màu khuyết đi từng mảng, cái quy luật ấy đã rất công bằng với muôn loài, tại sao chỉ có lũ người là bị ám ảnh sợ hãi nhiều nhất?

Con Nga, cái cô con gái lớn của ông, cái con nhỏ vẫn thường làm cho gia đình ông thất điên bát đảo, dạo ấy chỉ nhờ một tay má nó mà moi chuyện đã êm xuôi. Nó thất tình ngày ấy vì bị thằng chồng đã hứa hôn du học ở nước ngoài bội ước. Thương con khổ sở nhưng tận trong thâm tâm ông vẫn bình thản — vì cho trò đời xưa nay vẫn thế, chỉ tại bọn đàn bà con gái ngu muội tội nghiệp cứ khăng khăng nhất nhất tin theo những lời hứa hẹn hão huyền đa ngôn đa sự của bọn đàn ông con trai. Như phần ông, khi ông cưới bà,ông cũng đã đành bỏ rơi vài cô bạn gái cùng học và nhất là cô hàng xóm ngây thơ rất mực yêu thương đã chìu ông mọi thứ, chỉ vì dạo ấy bà vợ hiện giờ của ông, con gái rượu của một gia đình doanh thương giàu có đã hơn hẳn họ về mọi phương diện. Tình yêu nào lại chẳng có ít nhiều sự so đo tính toán! Hôn nhân thì lại rõ ràng như một bài toán cộng trừ nhân chia. . .

Hôm trước nói chuyện với một thằng cha căng chú kiết nào đó mới chết xuống, ông mới khám phá ra rằng bấy lâu nay còn có một lũ người khác đang lao đầu vào những công việc mà đám đông bình thường không ai biết tới: mê mệt suốt ngày trên những trang sách đầy bụi bám, cặm cụi vì một chút nước màu cho cái ánh sáng trên khung vải, đổ hết ngày giờ vào những giòng chữ bạc bẽo, chi chít những lối đi mà thực ra đó chỉ là những ảo tưởng mơ hồ. Họ tìm gì trong ấy? Như những nhà tu khổ hạnh, họ phiêu linh một đời để trốn tránh cái thực tại không đem lại hạnh phúc cho họ bởi vì chính hơn ai hết họ đã phải gánh chịu những khắc nghiệt của trò đời, những đê hèn của số phận, những bạc bẽo của đam mê . . . Nhưng mặc kệ, họ cứ thản nhiên tiến tới, như quỷ ám, lớp này tiếp lớp họ, như có một thứ ma lực vô hình mà những kẻ bình thường như ông không thể hiểu nổi, chúng tiến lên như thể không hề sống cho hiện tại . . .

Nghĩ lang thang rồi quay lại, ông vẫn thấy bội phục người bạn đời của mình. Sau khi thằng rể hờ đã viết thư từ hôn đoạn tuye03t với Nga vì chạy theo một cô bạn sinh viên trẻ đẹp hơn và giàu có hơn, mặc kệ Nga khóc lóc và mặc kệ ông sợ hãi, bà vợ ông đã ra tay đạo diễn một màn kịch độc đáo . . . Bà bắt Nga viết một lá thư tuyệt mệnh gởi cho vị hôn phu kèm với cái thứ đoạn tuyệt của hắn, bà cho Nga uống một liều thuốc ngủ vừa phải và sau đó khuân đi bác sĩ súc ruột. Dạo ấy cũng cái lão bác sĩ Huỳnh Kim Phán làm trưởng khoa cấp cứu đã ký giấy cho Nga nhập viện và xuất viện. Mọi việc xảy ra tốt đẹp y như điều mong muốn: bên đàng trai đã năn nỉ để xin cho làm đám cưới gấp vì họ sợ bị tai tiếng vì tội bội hôn chết người. Cô sinh viên kia thì mắng cho chàng rể hờ của ông một trận nên thân rồi thề độc sẽ không bao giờ thèm ngó mặt cái con người đáng ghê tởm như thế nữa. Vả lại con gái ông đâu đến nỗi hư hỏng gì, và gia đình ông đâu đến nỗi tệ hại. Lúc này là lúc ba vợ quý ông lên tiếng chê ỏng chê eo và con thì Nga tha hồ làm tình làm tội hành hạ chú rể.

Nhà đạo diễn ấy giờ đang ngồi trầm ngâm xuất thần ngơ ngẩn trong chiếc ghế dài. Chiếc ghế cũ đã xỉn màu bạc phếch, căn phòng hiu quạnh trong một nhà dưỡng lão ở xứ Mỹ, thật đáng thương, thật đáng mủi lòng cho cái cảnh cuối đời của nhà đạo diễn tài ba của ông. Bà có thể đạo diễn bất cứ mọi thứ để dành lại hạnh phúc cho chồng cho con, việc ấy tuy có ích kỷ nhưng nghĩ cho cùng cũng đáng được tha thứ.

Những ngày gần cuối đời, ông vẫn lẩm bẩm nhắc đi nhắc lại mãi cái câu:

"Đa thọ, đa nhục! Đa thọ, đa nhục!"

Mới đầu ông chỉ nói khẽ với vợ con bạn bè, riết rồi đứng trước cửa, thấy ai đi qua ông cũng réo lại hỏi:

"Này bác kia, bác có tin không hử, hễ cứ đa thọ là đa nhục đấy!"

Cho tới khi gần mất, cái lưng nhức đau hành hạ khiến ông không còn ngồi dậy nổi, nỗi gần đất xa trời như sờ mó được thì suốt ngày ông chỉ mơ mỗi một việc làm sao cho chóng được chết. Chết là hết, có phải vậy không?

Ông thở dài. Lúc sống ông đã yên tâm như con kiến miệt mài bò quanh miệng chén mà cứ ngỡ mình đang tung tăng trong một vũ trụ bao la, nhưng chết đi, thì ông vẫn là ông, nào có chút gì quyền hạn hung hăn hơn như hồi còn sống ông vẫn tưởng. Thật ra, sống hay chết, điều nào đáng kể hơn? Người sống sợ hãi cái chết nhưng người chết có tiếc nuối sự sống không? Khi đã qua bên kia bờ vực thẳm, ông chỉ thấy được có một điều: chết, món quà công bằng nhất mà mọi loài rồi sẽ được phân phát đầy đủ mà khỏi cần phải lo âu chen lấn giựt giành.

Cũng vẫn cái con Nga làm khổ mà nó và lần này lại có phụ thêm trên sân khấu cặp đào kép mới: vợ chồng chú em của ông. Họ đang gởi thư đòi xin bà già cất bớt tiền trợ cấp già hàng

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

Có một mùa hè

Khi ta bên nhau, mùa hè rực rỡ
Nắng reo phố biển rộn rã câu chào
Chiều Newport Beach niềm vui bung mở
Hay lòng hân hoan cho phố vui theo?

Khi ta bên nhau, mùa hè êm ả
Những cánh diều xinh gợi nhớ trời quê
Ngồi kể nhau nghe chuyện thời tóc thả
Có một dòng sông soi bóng thuyền về.

Khi ta bên nhau, mùa hè vui mắt
Một bờ vai nghiêng tựa êm mái đầu
Một tường trúc đào chen hoa đua sắc
Và cánh hải âu nâng hồn bay cao.

Khi ta bên nhau, mùa hè sôi nổi
Bãi cát mịn nhung mờ tỏ dấu chân
Hơi thở thơm nồng hương đêm nhiệt đới
Từng nụ hôn dài, cuồn cuộn sóng dâng.

Khi ta bên nhau, mùa hè thần thoại
Có vầng trăng non trải lụa ân cần
Mặt trời hẹn hò ngày mai gặp lại
Đêm tặng muôn sao nạm ngọc cõi trần.

Biển sớm, biển trưa, biển chiều, biển tối
Vẫn vỗ nghìn năm những tiếng gọi mời
Tình ngắn, tình dài, tình đầu, tình cuối
Vẫn vẫy chân hồng non dại dẫm chơi.

Khi ta ba mươi, yêu mới là yêu
Biết rõ hư vô vẫn cố nắm cầm
Biết rõ vực sâu mà khôn ngăn bước
Hạnh phúc, khổ đau đành kiếp phù trầm.

tháng để gởi về cho Nga và ông chú bốc mộ ông về quê trước khi Nga có xuất cảnh sang Mỹ. Họ định làm đám bốc mộ thật lớn ở quê bà, giết heo đãi cả làng quê ông, họ xót thương cái nắm xương tàn đang chôn trong lòng đất hay đang mưu đồ tính toán lời lãi trên cái xác chết đã thối rữa kia? Lần này thì nhọc thật, một nắm xương tàn của kết chết có dính líu đến chút ít đô la bỗng trở thành một món hàng quý giá có giá trị kinh doanh ở cái xứ sở mãi mãi nghèo nàn khốn khó này sao? Bà già vẫn ngồi yên lọt thỏm trong chiếc ghế, mắt vẫn vô hồn xa vắng. Ông lờ mờ cảm thấy có lẽ đây là lần cuối ông được gặp bà trong thể xác hình hài này.

Ông yên lặng bần thần rồi cất tiếng nói một mình:

"Mình này, tụi da trắng chủ nhân của cái nước này coi vậy mà nó khá tử tế với mình đó! Như không bỏ tiền ra nuôi báo cô một đống ông già bà cả . . . Bảo là bảo lãnh sang đây để đoàn tụ với con cái, sao quý vị không ở nhà với chúng nó hỡi các vị bô lão da vàng? Sao lại rủ nhau vào hết trong cái viện dưỡng lão da trắng này? Lúc nãy đứng ngoài hành lang, tôi nghe các cụ già kháo nhau về cái ông cụ người Việt bị tê liệt phải ngồi xe lăn. Chiều hôm qua không hiểu sao cụ già đã tìm cách trèo lên khỏi lan can la34u lao mình xuống đất và đã rơi xuống chết liền tại chỗ. Ông cụ cô đơn tuyệt vọng quá hay đó chỉ là tai nạn bình thường?

Ông dừng lại ngẫm nghĩ không biết có nên nhắn nhủ những lời này với bà không:

"Bà kiệt sức rồi, trong cảnh cuối đời này, chẳng nên đạodiễn cho mình cái màn cuối thê lương quá đáng như ông lão kia đâu, tôi thành thật khuyên mình. Mình còn phải sống, thật đáng thương, thật đáng thương!"

Ngoài vườn hoa, mấy lão già da trắng đi qua đi lại, người nào người nấy cũng cao lớn trắng trẻo, nhất là các cụ bà thì lại càng đồm dáng hơn ai. Các cụ ở gần nhau thế, người mất vợ kẻ mất chồng, nghe họ thì thào kể lể, cũng có vài ba vụ ghen tuông bồ bịch cãi nhau, ông Trà mỉm cười vì đôi điều vui vui của sự sống.

Chiều hôm đó, từ giã bà già, ông lang thang qua các hiệu sách khi thì xem báo cọp khi thì đứng suốt đêm trong rạp xi nê hoặc luồn vào các nhà tư nhân để coi ké ti-vi, ngoài nỗi kinh ngạc vì sự tiến bộ kỹ thuật vượt của xứ sở này, ông còn có dịp lân la để ý đến tụi thế hệ di tản thứ hai của nước ông.

Có lẽ hầu hết chúng là những đứng trẻ được cha mẹ mang sang lúc chín mười tuổi hay lớn hơn chút xíu, lớp đó nay đã đông đảo trưởng thành. Chẳng chóng thì chầy rồi chúng sẽ như những con nước nhỏ sẽ hòa mình tan biến nhập hẳn vào với cái luồn sóng khổng lồ của thác nước đông đảo khối người đang cuốn chúng đi. Một vài bậc cha mẹ đang cố gắng một cách tuyệt vọng nhưng như một cách làm lấy có, bắt chúng nói tiếng Việt dạy chúng đọc sách Việt, nhưng những cố gắng như những đóm lửa tàn đâu đó bùng lên trong đêm đen, như con thuyền nan cố chèo ngược trên giòng nước lớn. Những cố gắng ấy thật ra cốt để làm gì? Con người, phải chăng mục đích ở đời chỉ là đi tìm hạnh phúc: sự thích ứng với hoàn cảnh tạo ra sự thoải mái của thể xác và tâm hồn và đó chính là hạnh phúc trong cái định nghĩa đơn giản nhất. Sự réo gọi của một nơi gọi là quê hương tổ quốc thực ra có phải là một tình cảm hoàn toàn có thực không? Trách nhiệm đối với mảnh đất xa xôi mà ta không sinh ra cũng không lớn lên ở đó dẫu có thành hình cũng khó mà giữ cho khỏi phai nhạt với thời gian. Chỉ là một thứ kỷ niệm mơ hồ lãng đãng và có lẽ buồn rầu chỉ được nghe người lớn kể lại làm thế nào có đủ sức mạnh để tạo ra cái cảm giác gọi là khúc ruột quê hương hay cuống rún chưa lìa? Bọn trẻ Việt ở đây lớn lên, hư hỏng cũng lắm mà xuất sắc tài ba thành đạt cũng nhiều.

Bỗng nhiên ông nghe trái tim mình như có điều gì xót xa mất mát. Như những đám con tin mà một bài toán sai lầm đã đẩy chúng đi, nhổ chúng ra khỏi Tổ quốc, có lẽ Tổ quốc của ông đã phải thiệt hại nhiều. Cái khối nam châm to lớn của cái dân tộc giàu mạnh phú cường vào bậc nhất này đã hút đi hết những mảnh vụn sắt, mảnh đen sì như đá và đồng thời cũng có những mảnh lấp lánh như kim cương. Tiếc thay, những đứa trẻ kia có thể là những khoa học gia xuất sắc, những nghệ nhân tài hoa và ngược lại những tên tử tội vào tù ra khám, lẽ ra chúng phải là những bó hoa, những phần thưởng cũng như những vết thương của chính Tổ quốc đã sinh ra chúng.

Băn khoăn vì nỗi lá rụng về cội, ông cố nhìn vào những đôi mắt đang mở lớn kia, những trái tim đập mạnh và những đôi chân đang hùng tráng bước kia, liệu xem có chút xíu gì gọi là cội nguồn dân tộc, quê hương? Sự thù nghịch giữa các quốc gia, đến một lúc lý tưởng nhất nào đó là điều cần phải gạt bỏ. Nhưng liệu sự khác biệt giữa đời sống văn hóa lịch sử truyền thống của các dân tộc, làm sao có thể san bằng? Quít ngọt của Giang Nam đem trồng ở Giang Bắc bỗng trở thành chua, nếu không kịp đem về Giang Nam trồng lại, chúng sẽ biến thái thành một thứ "hoa quả mới" mất!

Dù sao thì ông cũng ngạc nhiên mà thấy trái tim vốn không đa cảm của mình hôm nay bỗng trĩu nặng.

Lão Diêm Vương vẫn thường thân mật tâm sự an ủi ông:

"Này ông Lê Sĩ Trà, ông đã sống một đời bình thản, chết bình thản thì cũng sẽ được đầu thai bình thản. Ông việc gì phải

bày đặt quan tâm đến chuyện nhân gian nữa cho mất công! Ông dẫu sao cũng còn may mắn chán, kìa như mấy thằng cha lúc sống trên đời bày đặt viết sách vở bổ báng tôi bảo là Diêm Vương, quỷ sứ với địa ngục chỉ là trò ông kẹ nhát trẻ, mấy bộ sách ấy vừa in ra quỷ sứ tôi đã tịch thu hết để đó làm tài liệu, chỉ chờ mấy lão ấy tới số xuống đây tôi đi cho một hồi là ngóc cổ không lên.

Ông tò mò hỏi thì Diêm Vương đáp:

"Ta không cho chúng đi đầu thai, vờ bỏ sót tên trên danh sách, bắt hắn làm quỷ đói hoài, nằm dưới mộ kêu than ai mà thèm nghe. Có chăng mấy thằng văn sĩ gàn nghèo kiết xác một đồng trinh cũng không có, nghiêng tai đến bên mộ cũng chỉ là góp chút nước bọt mà thôi."

"Có phải ngài định nói ông Bồ Tùng Linh *cô vọng ngôn chi vọng thính chi* và ông Nguyễn Du *văn tế thập loại chúng sinh* đó không?"

"Ừ, mà cả cái anh Tản Đàn nát rượu của nhà anh nữa đấy *sự đời hằn chán không buồn nhắc, thơ thẩn nghe ma đọc mấy lời*. Hừ, quỷ xướng thi, ma đọc thơ thì có gì ha ho mà nghe với ngóng?"

"Nhưng rồi mấy vị ấy đầu thai ra sao thưa ngài?"

"Bồ Tùnh Linh lúc sống hay chê bai bài bác tụi vua quan phong kiến giờ hắn làm thủ tướng của một nước dân chủ, ông Tản Đà nhà anh ham uống rượu vì thất tình nên phen nay đầu thai làm chủ tiệm rượu và cưới được cô hàng miến làm vợ rồi. Lão Nguyễn Du ẻo lả và thanh khiết và hay thương người lắm nên giờ đã đi tu."

"Thưa, ngoài mấy đứa hỗn láo đã dám phạm thượng đến ngài, cũng không thiếu gì kẻ dùng đúng ngòi bút của mình để đâm chết chính bạn bè, đồng loại của hắn vì một chút tư lợi nhỏ nhen?"

"Thì hắn nhiên thời nào, cõi nào, giới nào mà lại thiếu cái bọn hàm huyến phún nhân ấy. Này ông xem . . ."

Cánh cửa địa ngục mở rộng ra và văng vẳng ông Lê Sĩ Trà nghe thấy tiếng hút gió rồi một đàn rắn độc lưỡi đỏ hoét, răng nanh xanh lè, vẩy tím vẩy hồng lấp loáng đang vặn mình trườn tới mang theo một mùi gió tanh hôi kinh hồn.

Lão Diêm Vương kênh mặt lên ngó ông Lê Sĩ Trà:

"Coi vậy chứ bộ luật âm cảnh của ta cũng còn đạo lý trước sau thuần nhất lắm! Ta vừa nghe thằng Diêm Vương da trắng thuật chuyện trên trần thế dạo này nhiều luật mới lạ đời hơn nhiều. Gần đây nhất có một mụ ma Mỹ vừa tự tử xuống, chờ đầu thai. Mụ tự bắn súng vào đầu tự sát là chưa tới số đáng lẽ bị phạt vạ nhưng mà cái lý do của mụ ta thì tội nghiệp quá: thằng chồng bỏ rơi mụ để đi xây dựng tổ ấm với . . . chính ông già vợ của hắn, vậy mới động trời! Thằng Diêm Vương da trắng đang rối trí điên người lên chưa biết xử sự ra sao. Năm trước, tướng nhà trời đã sai tụi chuyên viên rải cơn dịch AIDS xuống trù ẻo bọn đồng tình, vậy mà tụi nó vẫn chứng nào tật ấy cứ càng chết lại càng bừa bãi thêm."

Lần đầu tiên kể từ khi xuống đây, ông Lê Sĩ Trà thấy lão Diêm Vương lộ vẻ buồn bã:

"Nghe đâu bây giờ bịnh lại lan tràn lây qua cho tụi trẻ nhỏ nữa mới mệt!"

Diêm Vương đăm chiêu và ông Lê Sĩ Trà thì kinh hoàng đến nhợt nhạt mặt mũi.

Đứa con trai lớn của ông ở Pháp, người đứng ra bảo lãnh cho bà vợ ông sang, hắn có bằng tiến sĩ luật, hắn cũng là một thằng đồng tính. Bà già không chịu được cái cảnh hai thằng đàn ông cứ ôm ấp hôn hít vặn vẹo nhau trước mắt mình suốt ngày nên đã đi theo một người em sang Mỹ và do đó đã phải vào ở viện dưỡng lão một mình.

Cái thằng con khốn nạn ấy trong một bức thư gửi về cho ông lúc ông còn sống, nó đã viết: *"Đàn ông mười thằng thì đều mất trinh vì điểm cả mười, kể cả ba lần con. Còn nếu kể ngược lên trên chút xíu thì cả ông nội, ông ngoại của con đều cũng thế. Tại sao đàn ông chúng mình cứ đòi hỏi đàn bà con gái phải giữ gìn cho được hoàn toàn trinh tiết và chỉ được mất trinh với chính thằng chồng mình? Phải giải phóng phụ nữ, cho họ được cái quyền mất trinh, cái quyền làm điếm hay lấy chồng, làm chủ thể xác họ cho chính họ chứ chẳng phải vì một điều nhân danh nào."*

Nó tôn trọng yêu quý khoan dung với phụ nữ như vậy mà cuối cùng lại đi lấy một thằng đàn ông! Có điều gì khó chịu giống như ý nghĩ phụ nữ vốn là những người luôn luôn phải hứng chịu bao điều bất hạnh và nếu nói theo thái tử Tất Đạt Đa thì sinh ra làm phụ nữ là đã chấp nhận cái số phận hẩm hiu thua thiệt rồi. Hay nếu không, thì những suy nghĩ tốt đẹp nhân đạo chỉ được nằm y nguyên trong ý nghĩ của tụi đàn ông, đem ra thực thi chúng sẽ bị biến thái bất ngờ?

Diêm Vương nặng nhọc đứng lên gấp quyển sổ lớn này giờ ngài đang tra cứu và nói lớn với ông Trà:

"Mai này, Lê Sĩ Trà và Huỳnh Kim Phán cùng có tên đi đầu thai một lần vào giờ ngọ. Ông nên chuẩn bị sẵn sàng mọi thứ trước giờ mẹo vì cháo lú lúc đó sẽ được phát vào giờ thìn đó . . ."

*

* *

Nắng lên, nắng bỗng như có màu xanh ngọc khi nắng đọng trên cây. Mưa mãi rồi cũng có ngày phải nắng chứ! Mùa mưa, bạn tôi kể đùa một câu truyện về ông Lê Sĩ Trà như trên và không ngờ đã thắng được một cái giải thưởng về "kể truyện đùa hay nhất trong năm" đó quý vị! K

N.T.H.B.

PHỐ MÙA

LÊ THỊ HUỆ

Phố Mùa không phải là tên gọi của nó. Cái tên này do tôi chọn đặt và thường lẩm nhẩm lơ mơ một mình. Con đường trước cổng cẳng một đại học thòng xuống từ những ngọn đồi. Con đường long cong có cây không cao hơn những cửa tiệm lô nhô hai bên đường. Những vòm cây không lạc lõng, nhưng để xem, có lẽ người dạo bộ không dư mắt để ngước nhìn những túm lá cũ kỹ đan tàn chen phiến lấp mất bầu trời. Con đường khi nào cũng như trẩy hội tuổi trẻ. Sinh viên. Ma cô. Bụi đời. Hippies. Yuppies. Giáo sư. Người thường. Con nít. Người già. Khi nào bước qua con phố này, nhìn những khuôn mặt lượn qua chốn đây, tôi cứ ngỡ như khuôn mặt mọi người thoáng lên tuổi trẻ tươi tắn bừng hồng. Tôi thấy mặt ai cũng lấp lánh lấp lánh . . .

Cái gì nữa. Sách. Con phố tràn những tiệm sách. Những tiệm sách ngập đống từng dưới lên đến từng trên. Riêng cái cửa hiệu tôi thường ghé có tên gọi rất gần gũi với âm Mùa, Moe. Cửa hiệu bán sách cũ giảm giá lẫn sách mới toanh loại khó tìm ở những nơi khác. Tha hồ lục. Ở lầu ba kéo ghế ngồi lục ngồi đọc mà chủ nhân đứng ở quầy tính tiền lầu một cóc có để ý ai đang làm gì. Tôi thường vào đây để lục lọi sách mới. Vô tiệm sách là mất tôi hau háu ở những quyển sách mới trước hết.

Nằm xen kẽ giữa những hàng sách, trên con phố này, mọc lên la đà những hàng nước, hàng bánh ngọt, hàng cà phê, hàng pizza. Sách với cà phê, có bánh ngọt. Thú vị thiệt. Kéo ghế ngồi nhìn qua cửa kiếng ngó đàn ông đi qua đàn bà đi lại. Hm, hm ...

Có lần hứng chí tôi gọi đường xa kể lể về con phố này cho một con bạn nghe. Con bạn từ thủa xa xưa ở Sàigòn. Bây giờ đã có một chồng bốn con, ba trai một út gái. Dọn đi theo chồng sang North Carolina mở tiệm ăn Tàu. Làm quần quật ngày mười hai tiếng. Con gửi học trường đạo. Chuyển từ đạo Phật sang đạo Baptist cho thức thời và đúng cách ngôn "nhập gia tùy tục". Con này yêu chồng và sợ chồng như sợ cọp. Tôi đã chọn một ngày chúa nghỉ để tả cho nó nghe qua điện thoại. Một chiều chủ nhật tôi đang rơi xuống đìu hiu trơ trụi của cái mùi phòng trọ lâu ngày chưa thay đổi chỗ ở. Tôi buồn và muốn nói dóc lang bang qua điện thoại. Lựa cái lúc không có chồng nó bên cạnh để tâm sự. Vậy mà nó nghe tôi kể xong thì phang ngay một câu: "Chỉ có mày gần bốn mươi. Chưa chồng chưa con. Đi làm một tuần mười lăm tiếng mới dư cả đống giờ vớ vẩn vậy. Chứ ở cái xứ Mỹ này ai đâu ở không mà lang thang như mày." Tôi nghe nó nói xong. Kiếm chuyện cúp điện thoại cái rụp. Sau đó tha hồ hỉ mũi và quệt mắt. Vậy mà tôi cứ tưởng nó vẫn thích nghe ca khúc của những quán cà phê. Con này ngày còn con gái ở Sàigòn có một tủ sách nhiều hơn tủ sách của tôi. Những ngày ở Đà Lạt nó một cây bát phố Hòa Bình trong chiều mưa. Và còn ưa sưu tầm tiền tươi ép thẳng trong ví để rủ bồ rủ bạn đi uống cà phê. Nghe nói chồng khóa sổ vợ không cho vợ đi học và đọc sách và thường mắng tôi qua miệng vợ "Con bạn của em có đời sống không giống ai. Vớ vẩn. Mất thì giờ" Tôi nghe vậy, dù quệt mắt và hỉ mũi đỏ hoe, xong, tôi vẫn xì nẹc lại nó:

"Hm, nói với thằng chả. Hồi trước khác. Bây giờ tao sống với cha Lu gần mười năm. Còn lâu hơn con Hà đám cưới bốn năm năm bây giờ cũng ly dị đó, thấy không. Tao chưa có con thì mặc tao. Trứng còn nguyên chùm trong bụng khi nào đẻ lại không được. Thà nghĩ vậy đi cho đỡ đau lòng! Chứ mày thấy con Thanh Tâm sẩy thai ba lần bây giờ cha Bá bỏ nó đi kiếm con khác đặng đẻ cho chả một đứa con." Tôi không ngờ lần điện thoại ấy chồng con bạn tôi nghe lén. Cả một năm sau tôi không tâm sự được với con bạn tôi. Lý do là chồng nó nói: "Đàn bà con gái gì mà mở miệng ra thằng chả, thằng chả . . ."

Trước khi chia tay ở ngã tư trước nhà Bank of America, hai đứa mở ví. Tôi dành phần tiền nhiều hơn và nói: "Để em giữ cho. Chút tối qua cầu ăn cơm Tàu." Hai đứa chia tay và hẹn gặp lại nhau lúc sáu giờ chiều. Chàng khoái sách cũ. Mê mẩn lục sách cũ cho cái tủ sách sưu tầm chính trị ba nước Đông Dương Việt Miên Lèo. Còn tôi tuy yêu sách mới nhưng yêu rất nhiều mà mua thì chả bao nhiêu. Nên nơi chúng tôi chung chỗ ở với nhau vẫn hâm hẩm một mùi cũ kỹ thân mến của những kệ sách nghèu nghệu của chàng. Mà một đoi khi nằm kềnh chân giữa chúng, tôi tự hỏi đâu là bóng hình của tôi ở nơi này.

Tôi lẩn thẩn dọc theo con phố. Trời vừa sang thu vàng. Đáng lẽ Phố Mùa còn vương vãi rất nhiều nắng hè. Gió lộng từ vịnh biển kéo về vất những chùm sương lạnh chướng mùa vào da thịt. Tôi không tiên đoán được thời tiết nên chỉ mặc phong phanh áo ngắn tay và váy nhẹ. Vừa đi vừa phải giữ ngực giữ tóc giữ váy cho khỏi tung lên trời. Ngắm người và ngắm những cụm bông tai bày trên những phiến gỗ của những tay nghệ sĩ bán hàng dạo dọc đường. Nội mấy cái món trang điểm đàn bà con gái, tôi thích nhất bông tai. Cái hòm bông tai của tôi toàn đồ dổm. Không có đôi nào vàng ròng hai mươi bốn cà rá. Không kim cương. Tôi không bao giờ hảo kim cương. Tôi ngụy biện vì nó đồng nghĩa với văn minh thời đồng đá; đàn bà ngây thơ hoa mắt bị dụ khị còn đàn ông cùng trí chỉ nghĩ đến được rằng trên đời này hòn đá vốn quý nhất. Có lần nhìn gần cả trăm đôi bông tai lổn ngổn trên mặt bàn son phấn, tôi buồn cười thầm nghĩ liệu những đôi bông tai xinh đẹp này có phải là vuông lụa ngà tôn trang cái giác quan khỏe khoắn nhất của tôi, thính giác. Tôi vẫn thường ngầm kiêu hãnh là tai tôi có thể nghe những âm thanh xa xôi nhất, nghe được những tiếng động tinh vi nhất cả khi tỉnh thức lẫn khi ngủ. Mua một đôi bông tai có cái mỏ con chim phượng hoàng màu đá vàng và màu xanh đại dương xong. Tôi chui vào tiệm sách gần đấy. Đi xem sách báo chùa trước cái đã.

Tờ báo tôi mở ra đầu tiên là một tờ báo lá cải đàn bà. Thấy cái câu mở đầu một bài báo "'Khi người đàn bà bước vào tuổi bốn mươi': Người đàn bà bước vào tuổi bốn mươi mạnh mẽ như một con bò mộng . . ." Khiếp. Con mụ này tuyên bố câu đầu nghe ê cả răng. Tôi gập tờ báo lại. Để đi xem mấy quyển tranh chút chơi. Lâu quá rồi chưa xem tranh. Chiều hôm qua, trong buổi họp đồng nghiệp, một người bạn vừa khoe nhỏ vào tai tôi. Biết không. Mùa hè năm nay tôi làm một việc rất thích thú. Cái gì vậy. Tôi tò mò hỏi. Bà này gốc người Ba Tây, đã ngoài năm mươi. Có một cái condo đầu cầu Cali Lake Tahoe để trượt tuyết đông, và một cái cuối bãi San Diego để phơi nắng hè. Mà lại là một giáo sư hội họa. Cũng thuộc trường phái chủ trương làm việc nửa giờ như tôi. Tôi phục bà ta là tay chịu chơi nên hay hỏi chuyện và bà ta cũng khoái kể cho tôi nghe những chuyện hấp dẫn. Biết không, thần tượng nhỏ của tôi nói, tôi đã làm một chuyến đi Chicago xem triển lãm tranh của Georgia O'Keffe, có cái ông họa sĩ tên là Võ Đình đã đặt một tên gọi bất hủ, hoàng thái hậu của hội họa Hoa Kỳ. Tôi bổ ngửa người ra sau ghế, trố mắt nhìn bà ta và kêu lên những tiếng kêu bái phục. Tranh. Tranh. Ôi những bức tranh ướt đẫm tuổi thanh xuân của tôi. Người tôi yêu hồi đó là một họa sĩ nghèo. Ngày đó chàng vẽ tôi ngấu nghiến. Vẽ tôi ngộp thở. Vẽ tôi chồng một đống ngổn ngộn từ sàn nhà lên đến trần nhà trọ. Mãi sau này khi xa chàng đã nhiều năm tôi mới thấm thía mấy chữ "người yêu tôi" và "người tôi yêu". Nhưng ngày đó tôi đã làm những gì cho chàng biết tôi yêu

chàng? Không làm gì cả! Cả đến một cây cọ bút lông. Còn nhớ một ngày đầu tiên vừa nghe chàng mớm vào trong đầu những cánh cửa hội họa. Tôi lang thang ra phố. Đứng tần ngần suốt buổi ở một cửa hiệu tạp hóa. Yêu chàng lắm. Muốn mua cho chàng một hộp than màu xanh đỏ tím vàng hết sức. Nhưng mà thôi! Con gái không nên tỏ tình. Nên ngoan ngoãn để cho con trai tấn công trước. Suốt một mùa yêu đương quấn quít bên nhau tôi chưa bao giờ nói em thương anh em nhớ anh. Vì nghĩ phải giấu kín trong lòng, phải để kín kín hở hở vậy mới bí mật đời con gái. Sau này khi vĩnh viễn mất nhau rồi, tôi mới đau đớn nhận ra rằng ngày đó tôi xa chàng chỉ vì mấy cái miệng thổi gió của đám bạn bè vô tâm. Thằng chả là con yêu râu xanh. Mày mê thằng chả chứ thằng chả đã kề vai một hai mối tình với những người con gái xinh đẹp đàn chị mày. Ai cũng biết. Tôi đá chàng một cái bưng. Đi kiếm bồ mới. Vì tự ái không bao giờ chịu làm kẻ đến sau. Chỉ muốn đóng vai thần tượng làm người tình đầu muôn thuở khó quên như trong huyền thoại. Bỏ thì dễ nhưng quên thì không dễ. Vừa xa chàng chưa được bao nhiêu thì tháng Tư 1975 xảy đến. Tôi xô dạt tôi sang đến Hoa Kỳ. Những ngày tháng đầu tiên trên phố San Francisco lồng lộng gió tôi lẩn thẩn trong những tiệm tranh. Tôi ứa nước mắt khi nhìn ngắm những tấm tranh in lại to lớn của những tác giả mà chàng rất yêu mến. Một lần nhìn thấy tận mắt những bức tranh của Modigliani ở một bảo tàng viện ở Nữu Ước, tâm hồn tôi bật run lên vì nhớ chàng. Tôi đang lang thang, bỏ lên Nữu Ước định học cao học rồi bỏ. Thất nghiệp và lại vừa chia ly một cuộc tình khác cũng khá đẹp. Tôi đứng giữa những tam cấp trước Metropolitan Museum mà lòng tả tơi như những tà hoa hồng héo rơi rụng trước gió, mà ước gì có thể chạy bay ra bưu điện đánh cho chàng một bức điện: "Ôi anh! Em cần sự có mặt của anh trong đời sống em biết là dường nào."

Khi vừa bước lên lầu hai của tiệm sách mắt tôi chớp chớp mấy vòng. "Người đâu gặp gỡ làm chi". Khuôn mặt này tôi đã gặp rồi. Làm sao mà quên được cơ chứ. Người đâu mà giống quá đi thôi. Mặt ngựa gẫy. Chảy chảy. Mắt một mí sập. Tôi vẫn thường thích nhìn những người đàn ông mắt một mí sập kể từ ngày biết yêu. Cái miệng khép kín, lúc cười thì cả khuôn mặt rạng rỡ nhưng lúc nghiêm trang thì hơi nghiêm quá. Còn hàng ria mép mỏng non phơn phớt. Giống hồi đó quá. Áo quần cũng lơ phơ cũ kỹ nhưng có vẻ trau chuốt diện ngầm. Cái dáng cũng giống. Đến mái tóc thì giống như tạc làm tôi cũng ngạc nhiên. Tóc đó là phải biết. Tự mình chỉ kiểu cho người ta cắt chứ không phải lật sách chỉ và lại càng không phải kiểu nào cũng được đâu. Chẳng có gì đặc biệt nhưng trông rất hợp với khuôn mặt mà lại mang vẻ sáng tạo ngay cả trên mái tóc nữa.

Tôi đang nói về tên con trai đang đứng ở quầy hàng sách kia kìa. Gặp gỡ cứ như tiểu thuyết giả tưởng. Gặp chàng tuổi trẻ này lần đầu tiên trong văn phòng tôi. Sinh viên nào gặp cô giáo nhờ giúp ý kiến chọn lớp học. Người Cam Bốt. Mười tám tuổi, vừa trung học lên. Mười tám với hai mươi hai râu mép măng ở miệng trông cũng vậy thôi. Chàng tuổi trẻ ngập ngừng, nghiêm chỉnh, nhưng hỏi câu nào ra câu đó. Mà tôi thì chỉ tò mò muốn biết em học ngành gì. Người ít nói, hơi bẽn lẽn, và đang ghi danh học lung tung mấy lớp nhân văn tổng quát.

Lần thứ hai tìm gặp tôi hỏi vài điều lệ về thủ tục xin tiền trợ cấp dành cho sinh viên nghèo. Tôi hỏi ít vì mãi ngắm. Cái dáng dấp gợi đầy nhớ nhung chàng họa sĩ. Mười năm xa cách. Chiến cuộc kết thúc đẩy chúng tôi mỗi người một ngả. Tôi ham lên tàu đi tránh cộng sản. Còn chàng ham ở lại làm chứng nhân lịch sử. Mà trước ngày vĩnh viễn xa nhau tôi đã manh nha ý định; cái điệu này có lẽ một ngày đẹp trời nào đó chắc sẽ mò trở lại đập cửa phòng chàng, bổ nhào vào cánh tay chàng và nói, em cần anh.

Một hai lần sau đó tôi có gặp lại chàng tuổi trẻ. Một buổi chiều mùa đông, tôi ra bãi đậu xe. Thấy dưới tàn cây cạnh cái hồ thả vịt sạch sẽ mơ mộng trong trường có hai anh chị đang đứng mùi mẫn nhìn trời nhìn đất. Té ra cái anh chàng tuổi trẻ này tán được con bé học trò xinh như mơ ấy ư? Con bé Việt Nam cũng vừa trung học lên. Có khuôn mặt trái xoan, da dẻ hồng nâu mịn, nụ cười tươi rói, cặp mắt trong sáng thông minh và ướt mi, ăn nói nhẹ nhàng duyên dáng. Thỉnh thoảng vào gặp tôi mà tôi cũng phải thầm ngắm con bé có nhan sắc bất mất như nghe tả về con gái Hànội thời tiền chiến. Vậy là hắn ta cũng có good taste về con gái đấy chứ không giỡn. Tôi không ngăn được tò mò về đôi tình nhân ấy. Lần sau tôi đã thấy hai anh chị nắm tay nhau dung dăng dung dẻ trên sân cỏ ngang bãi đậu xe. Tôi đi phía sau họ và ngắm theo đôi tình nhân lòng chợt ngân lên những điệu sầu tình nào đó. Tôi đã cáo bệnh và lái xe đi lang thang trong thành phố rồi sáng tác một bài thơ.

Lãng đãng trong tôi cặp tình nhân ấy. Thật là khó quên. Và bỗng nhiên hôm nay tôi chạm mặt người tình ở đây.

Tôi đến bên cạnh, dở quyển tranh Nhật Bản ra xem. Chàng tuổi trẻ quay sang nhìn tôi. Một giây ngượng ngập và rồi chào tôi. Tôi làm ra vẻ ngỡ ngàng và chào lại. Cô là giáo sư ở trường V phải không. Ừ. Tôi nhớ có gặp em rồi. Vâng hồi đó tôi có vào gặp cô mấy lần. À à vậy hả. Bây giờ em làm gì ở đây. Cười cười. Đang đi học. Học gì. Học

trang trí. À há. Tôi mỉm cười và thầm nghĩ. Đoán có sai đâu. Người thế này sao tránh không dính đến Art được. Tôi nhìn quyển tranh hắn đang dở xem. Em thích tranh của ông này không. Thích chứ. Tôi cũng thích lắm. Tôi nói. Nghĩ thầm trong bụng. Chết cha! Sao lại có sự đụng độ thế này nữa đây. Tôi mê tranh của cha này lắm. Mê vì những lý do rất riêng tư chứ chả phải sành điệu gì về hội họa. Những tấm hình con gái ôm sách đọc sau khi tắm xong. Chỉ chiếc khăn tắm choàng qua cổ, duỗi người ra. Sao giống tôi thế. Những giấc ngủ trưa mùa hè một mình. Thức dậy đi tắm một cái rồi có nguyên cả một buổi chiều hong nắng và đọc sách. Đời thoải mái vô cùng.

Tôi nhìn sang những tấm hình của Balthus mà hắn tiếp tục mở tới. Cô giống một người bạn cũ của tôi. Vậy hả. Chàng tuổi trẻ bắt đầu thỉnh thoảng nhìn qua tôi chắc đang có vẻ mê mẩn nhìn tranh trong sách thiệt. Hắn có vẻ mạnh mồm vừa nhìn tôi vừa gợi đủ chuyện. Bạn hay bồ. Tôi buột miệng hỏi. Nụ cười có hơi ấm tỏa ra trên khuôn mặt. Một người bạn và là một người con gái. Hắn cười và trả lời. Họ gọi là girlfriend. Tôi giữ nụ cười xã giao đã từng khổ sở luyện tập để sử dụng lúc giao thiệp và nói, tiếng Anh tiện lợi nhỉ. Chàng tuổi trẻ tiếp, tôi có mấy tấm tranh tôi vẽ về cô ta. Nếu cô trông thấy, cô sẽ thấy rất giống cô. Nhất là mắt và khuôn mặt. Tiếp theo đó là những mẫu đối thoại xảy ra giữa những quyển tranh. Cô thích tranh này không. Có. Không. Không có. Ừ bức này cổ điển. Họa sĩ này macho man quá, tôi nói về một ông họa sĩ lừng danh trường phái lập thể. Tiêu thụ nhiều đàn bà quá là tôi không ưa. Cười nhìn tôi tinh nghịch và nói. Ông ta gốc Spanish. Thì sao. Tôi nhìn qua và nói.

Kết quả:

"Cô có giờ rảnh đi qua cái quán cà phê bên cạnh này không."

Tôi ngập ngừng hơi đỏ mặt nhìn xuống. Chưa tìm được câu trả lời.

"Cô lập gia đình chưa?"

"Có thể nói có. Có thể nói chưa."

"Tôi không hiểu."

"Không cần phải hiểu."

Khi chúng tôi cùng bước xuống cầu thang. Tôi cắp theo quyển tranh của Balthus. Cô mua quyển này hả. Mắc lắm à.

Yup, tôi nhìn chàng tuổi trẻ và nói.

Vậy mà cũng xớ rớ đứng chờ tôi. Tôi vét sạch sành sanh tiền trong ví ra trả quyển tranh.

Khi ra bên ngoài cửa tiệm. Tôi bước gấp vài bước trước. Rồi dừng lại. Đứng nghiêng người tựa vào mặt kiếng cửa sổ. Gió về nhiều khỏe mạnh thổi tốc cả váy và tóc tôi rối tơi bời. Lấn cấn mở quyển tranh đầy những đường màu mà tôi yêu mến. Ký một cái tên to tổ bố. Rồi bỏ trở lại trong bao ni lông gói quyển sách. Tôi trao cho chàng tuổi trẻ và nói:

"You can have this."

Mỉm cười nhìn tôi, và cuối cùng nói:

"Thank you."

Tôi vẫy tay về hướng trước, và nói:

"Thôi đi đi. Tôi muốn trở vào tiệm sách một mình."

Tôi vào lại tiệm sách. Khuôn mặt nóng ran ran như thể đang lên cơn sốt đầu mùa cúm hạ. Tôi mượn cái chìa khóa phòng vệ sinh ở quầy hàng. Cái phòng vệ sinh nam nữ xài chung. Có cả cái bồn làm việc vệ sinh kín đáo dành riêng cho đàn ông. Chuyện hiếm hoi ở xứ này. nơi mà đàn ông đàn bà thường đi vào hai chỗ khác nhau. Tôi nhìn khuôn mặt mình trong mảnh kiếng mờ ảo treo trên tường. Mẹ cha! Thằng nhỏ làm mình chới với.

Tôi ngồi xuống cái bệ cầu. Duỗi chân thoải mái dưỡng đôi giày cao gót. Bỗng dưng nước mắt tôi lạnh ứ ra vài giọt. Rồi chúng lấp thành những giòng. Lòng se sắt nhớ đến một cảm giác năm mười chín tuổi. Trí nhớ kỳ dị. Nhớ nhung một hình bóng cũ có thể làm cho tâm hồn như nốt nhạc trầm trùng cung điệu phút giây. Nhưng một cảm giác cũ bất chợt dựng cổ ngóc đầu dậy từ một góc xó xỉnh nào đó của tâm hồn, thì đúng là y tràn lan lụt lội lục phủ ngũ tạng trong chớp mắt. Nỗi buồn bã chiều nào cạnh chàng họa sĩ như cơn ợ tê buốt dâng ngập hồ lệ đã giấu kín theo năm tháng. Còn nhớ một buổi chiều chàng họa sĩ đón tôi ở phi trường. Ba tháng hè vừa hội ngộ nhau. Chàng hỏi tôi: Em có nhớ anh không. Tôi lóc ngóc đầu sau vai chàng. Không. Tôi đáp thành thật. Nghỉ hè đi chơi biển vui quá. Đâu còn thì giờ để nhớ ai. Gió bay và chiếc Honda của chàng cũng như muốn bay vù qua đèo Liên Khàng. Tôi mất hồn túm chặt eo áo chàng. Sau đó đi dạo bộ ngoài khu Hòa Bình khuôn mặt mỗi đứa lạnh như một pho tượng. Khi ngồi cạnh nhau trong quán cà phê quen thuộc chàng nhấp một ngụm cà phê nóng và âu yếm choàng tay qua vai tôi, hỏi: Em có bao giờ say chưa. Tôi nói: Chưa.

Phải đến gần hai mươi năm sau. Đứa con gái nay đã trở thành một người đàn bà sắp sửa vào tuổi bốn mươi, có nguyên cả một cái Women Lib của nước Mỹ theo sau lưng hộ tống, mới đủ can đảm giải bày một cơn "say" nhẹ tình cảm. Ôi những men say tình ái thoáng hiện trong tâm hồn nào dễ gì đến dễ gì đi. Hạnh phúc biết bao khi ta chụp ngay được và có thể phô diễn ra trọn vẹn cảm giác ấy, trong giây phút đó, dù chỉ phút giây.

Ước gì tôi có thể nói được với chàng họa sĩ một câu. Em nhớ anh nhiều lắm.

Nhưng tôi không thể nói được một điều gì nữa. Bởi vì chàng họa sĩ đã chết rồi. Ở Đà Lạt. Sau khi tôi vừa rời Việt Nam chỉ độ gần hai năm.

LÊ THỊ HUỆ

GAI HỒNG

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

Sau bàn.

Mấy ngón tay sờ nhẹ chót râu cằm, mơn man, mơn man như đang sờ mó một món đồ trang trọng bỗng dừng lại, khoảnh khắc, rồi lại tiếp tục, mơn man, mơn man. Cọng râu cứng màu nâu sẫm, dài và quăn, quyện vào nhau, chen chúc, tạo nên một vệt nâu chung quanh mồm, chạy dọc theo xương quai hàm lên gần tai. Những sợi gần tai ngắn hơn và có vết chải thẳng xuống, ít quăn hơn những sợi quanh cằm, nơi môi trên. Mấy ngón tay màu trắng hồng, móng vuông sạch sẽ, mơn man chót râu cằm, chạy dọc theo quai hàm, mơn trớn từng cọng, rồi lại rà xuống nơi mép, vuốt ve. Bỗng hàm râu như cử động một mình, chúng tẻ nhe, lộ chút môi mỏng đỏ, hàm răng nhỏ trắng đều, cái lưỡi hồng bên trong.

"Như vậy là anh không hay biết gì cả?"

Giọng nói trầm nhưng mỏng. Không gay gắt, không tỏ lộ cảm giác và đều đều một cách đáng chán. Mấy ngón tay ngưng mơn trớn hàm râu, khoảnh khắc, rồi lại tiếp tục. Màu da hồng nổi bật trên vết nâu sẫm. Vệt râu thật rậm, thật khỏe mạnh. Người ngồi đối diện nói câu gì. Vệt râu lại tẻ ra, lộ cái môi nhỏ mỏng.

"Anh nói gì? Làm ơn lập lại. Tôi nghe không rõ. Xin lỗi . . . À, có người thấy chứ. Thấy gì hở? Để xem nào . . . một gói giấy báo. Hả? Thì dĩ nhiên, chỉ là một gói, đâu đủ dữ kiện. Nhưng . . . Sao? Anh nói sao? Đâu có ai cấm đem đồ vào hãng. Không, tôi không nói thế? Tôi không có thẩm quyền. Tôi không buộc tội cho ai cả."

Vệt râu khép lại. Mấy ngón tay xoe xoe chót râu bên mép hơi vảnh, cử động ăn khớp nhịp nhàng.

"Anh hỏi tại sao? Tại sao cái gì mới được chớ? À . . . tại sao lại hỏi anh mà không hỏi người khác. Kỳ thị? Không, chúng tôi không kỳ thị. Anh lại đặt sai vấn đề rồi. Chúng tôi không kỳ thị gì anh cả. Đâu phải chỉ hỏi mình anh. Ừ, hỏi tất cả những người làm ca đêm. Đúng hơn, những người ra vào trong khoảng thời gian từ mười một giờ đêm đến hai giờ sáng. Trong bảng ký tên của nhân viên an ninh thì có tên anh nên tôi hỏi. Sao hỏi anh kỹ thế à? Có người thấy anh cầm gói giấy báo . . . thì dĩ nhiên, đó là chuyện riêng tư của anh. Tôi không có quyền hỏi anh cầm gói gì . . . Lẽ đương nhiên . . . nhưng điều đó làm chúng tôi thắc mắc . . . À, phải rồi. Nếu anh hợp tác với chúng tôi . . . Lẽ sao hả? Thì là anh nói rõ ra gói gì . . . Không được hở? Cũng chẳng sao. Để họ điều tra. Anh không muốn nói, cũng phải nói. Không, anh hiểu sai rồi. Hợp tác chỉ có nghĩa là anh giúp chúng tôi dễ dàng trong việc điều tra xem ai là người . . . Không, tôi không bảo anh chỉ người nào. Tôi chỉ muốn anh trả lời thành thật và rõ ràng hơn thôi . . . Thì đã bảo, tôi không phải là cảnh sát, không có thẩm quyền . . . nhưng anh nên nghĩ đến sự liên hệ giữa chúng ta là những người làm chung với nhau . . . Thì anh nói đúng, tôi không làm chung với anh nhưng chung *department* . . . Đồng ý, tôi ở trên cao nhưng anh thấy không, điển hình là chuyện

này, tôi có chú ý đến . . . Hả? Anh nói gì? Tùy anh thôi, tôi không ép. Ý tôi là giải quyết câu chuyện một cách êm thấm. Đừng để dây dưa lôi thôi tới thám tử tư . . . Anh không tin? Cũng được. Tôi chỉ cho anh biết thế thôi . . . Hẳn rồi, tôi không giải quyết được thì phải để người khác làm việc của họ chứ. Hả? . . . Thì nếu tìm ra bằng cớ, chúng tôi sẽ truy tố người đó ra tòa. Đuổi việc là cái chắc rồi nhưng đâu phải chỉ giản dị có thế . . . Tôi không đe dọa anh. Đừng hiểu lầm những lời của tôi . . . Tôi chỉ kể anh nghe những diễn tiến có thể xảy ra nếu tôi không tự mình giải quyết được những chuyện rắc rối trong phạm vi tôi kiểm soát . . .

Mấy giọt mồ hôi lấm tấm đọng nơi trán và màn tang. Hơi thở có vẻ ngắn và gấp rút. Lớp thịt mỡ như nén chặt hơn bởi áo sơ mi, nằm ùa ra phía trên sợi dây nịt có mặt đồng sáng chói. Dường như chỉ cần một vật nhọn châm nhẹ, chúng sẽ vỡ như bong bóng, xì mỡ. Tiếng thở phì phò như ngựa thở sau trận đau. Phì phò. Hực hực. Phì phò. Hực hực. Ngón tay vẫn hăm hở vân vê chót râu cằm, râu mép. Sự tương phản khỏe mạnh của màu sắc nơi mặt. Cọng râu cứng, to dầy, nâu sẫm, cong queo. Làn da mặt mịn như da đàn bà, màu hồng đào. Làn môi đỏ thắm, mỏng dính. Răng cửa nhỏ nhắn, thật đều, như hạt bắp non. Ngón tay vân vê, ve vuốt, ve vuốt những đường cong uốn quẩn quanh của vệt râu nâu sẫm. Đôi mắt xanh nhạt trong veo. Vô hồn. Không có chiều sâu. Nhìn lên nhìn xuống như lẩn tránh. Có vẻ gian. Hàng lông mi cũng màu nâu, như cặp chân mày, như vệt râu. Thật khỏe. Thật rậm. Thật dài. Giả vờ nhìn xéo ra cửa nhưng đuôi mắt rõ ràng đang ngấm nghía con mồi.

"Nói thật với anh" — ánh mắt không đổi, không có vẻ *thật* — "ngồi ở trên cao như tôi nhưng không có nghĩa là tôi xa cách nhân viên bên dưới. Thật mà. Anh tin hay không, tùy. Mọi việc trong hãng đều cần có tương quan chặt chẽ giữa nhân viên với nhau. Chúng ta chỉ khác nhau có cái chức vị . . . Hả? Anh nói đúng, lương bổng nữa chứ nhưng đừng ngắt lời tôi, cho tôi nói hết đã. Thế này, chúng ta đều là nhân viên của hãng, đúng không? Anh phải đồng ý với tôi điều đó, không chối cãi được. Công việc của hãng chạy hay đình trệ phần lớn đều tùy thuộc ở cách đối xử của tôi với anh, của anh với tôi. Mọi người vui vẻ, không có bất mãn thì tất nhiên việc hãng sẽ chạy đều đặn. Còn như anh bất mãn hoặc tôi bất mãn, không ai tìm cách giải quyết thì đương nhiên, anh không làm hết sức, tôi bị ảnh hưởng lây, năng lực giảm sút. Không đúng? Anh bảo tôi nói sai. Sai ở chỗ nào? À, ra thế. Tôi không chối là tôi dựa trên lý thuyết hiểu biết nhưng không phải chúng là nấc thang đầu từ đó đưa mình lên đỉnh trời à?"

Nhún vai. Bộ vai tròn trĩnh. Cổ ngọ nguậy khó chịu. Mấy ngón tay ngưng ve vuốt vệt râu trong khoảng khắc, lần mò xuống cổ, xoa nhẹ lớp da nơi ấy, đẩy cà vạt như muốn nới rộng rồi bỗng ngừng, chạy trở lên vệt râu nâu sẫm như sợ ai cướp phần. Mắt liếc thật nhanh xuống chân. Đôi giày da bóng hình như có chút dơ bên chân trái. Mắt lại đảo xuống lần nữa kiểm chứng sau khi liếc nhìn xéo phía trước. Hình như dính bùn. Chân trái co lại, dụi dụi vào phía sau ống quần chân phải. Sực nhận ra mình phân tâm, mí mắt chớp nhanh hai ba cái. Ánh mắt ngay lại giả vờ chăm chú hơn.

*
* *

Trước bàn.

Ngón cái ngọ nguậy trong chiếc giầy ba-ta thủng một lỗ. Thấp thoáng màu vớ trắng, loại đánh tennis, dầy cộm. Dây giầy thắt vội vã đang sút sổ lòa xòa, màu trắng đã ngả sang màu đất đen bẩn. Chân phải nhịp nhẹ theo một điệu nhạc tưởng tượng nào đó. Cánh mủi hinh hỉnh. Có mùi thuốc lá nồng nồng đâu đây. Mùi máy lạnh, mùi không khí teo ngắt vây hãm. Bàn tay trái nằm yên nơi đùi. Bàn tay phải, không yên, sờ mũi, mũi lạnh ngắt, sờ càm, càm lởm chởm đầu râu mới nhú, sờ má, má trái, cái mụn đỏ, cạy cạy, gãi gãi. Nhìn đầu ngón tay, vương chút máu. Lại gãi gãi, bóp bóp cái mụn như muốn san bằng nó, ủi phẳng lớp da mặt nhiều loang lổ. Mắt nhìn lơ đãng, bàn giấy ngăn nắp, nghiên bút bằng gỗ nặng, cặp viết có khắc tên. Nghiêng đầu một cách trốn lén. TKJ. Ngăn bên trái, hai tầng, chữ IN tầng trên, chữ OUT tầng dưới. Chữ viết mực đen, thẳng hàng. Một hai tờ giấy chi chít chữ nằm ở tầng dưới. Tầng trên trống trơn chìa đáy màu đen. Miếng ny lông màu xanh thẫm làm chỗ đệm êm cho mấy tờ giấy chờ đợi chữ ký. Sau lưng là dãy tủ, kệ đứng hồ sơ có đánh dấu, ghi số, hài tên. Sực ngẩng đầu ở câu hỏi rồi trả lời, máy móc.

"Ông hỏi gì? Mấy giờ về? Tôi làm ca hai, về mười hai giờ. Đúng giờ chứ . . . Ít khi nào được về sớm. Hả? À, máy hư thường xuyên nhưng Gary không cho về sớm. Nghe nói hễ máy hư thì tụi ở tầng bốn được về phải không? Không? Tùy? Tụi tôi hiếm khi nào. Gary bắt làm chuyện khác. Không có chuyện khác hả? Thì ngồi chơi đấu láo đợi hết giờ . . . Hôm đó? Tôi về mười hai giờ rưỡi. Trễ? Trễ vì đợi Brad. Đợi làm gì? Sao ông tò mò thế? . . . Biết rồi, nhiệm vụ của ông nhưng . . . thôi được rồi. Brad làm đổ đống ngân phiếu đã chạy qua máy lọc. Gary bắt hắn lựa lại." — Nhún vai, chân phải ngừng nhịp, vắt lên chân trái — "Dĩ nhiên là mất hết thứ tự của nó. Mấy chục ngàn cái ngân phiếu! Làm

sao mà xếp đặt lại đúng thứ tự của nó?" - Cười mỉa mai, răng cửa bên trái bị sâu, trổ màu xanh đen - "Tụi bên lầu bốn làm đổ thùng đựng ngân phiếu đều đều. Có hại chi đâu! Cứ hốt đại, ném đại trở vào thùng. Chúng đã qua máy lọc. Hình chụp đầy đủ và bản tường trình không có lỗi. Không phải thế? Không giản dị như thế? thì dĩ nhiên, không ai cố tình làm đổ chúng cho vui. Chỉ là tai nạn. Sao? Nhà băng khác sẽ than phiền khi họ nhận được những thùng lộn xộn. Tôi hiểu. Tai nạn thôi. Thùng vừa to vừa dài, sàn nhà lại hơi trơn trợt, thành thử vuột tay hoặc vấp chân là đánh đổ cả thùng ngay. Sao? Tắc trách? Làm sao tôi biết được. Chuyện lời lỗ mỗi đêm? Sao? Nó có liên quan gián tiếp đến tôi à? Thì dĩ nhiên, tôi hiểu chứ. Ngân hàng làm ăn có lời thì tôi mới có việc để làm. Ông hiểu sai ý tôi. Tôi muốn nói, những chuyện lời lỗ là chuyện của chuyên viên tài chính, tôi, tôi chỉ là thằng thư ký quèn thấp nhất trong cái hệ thống đồ sộ của ngân hàng này. Giả như tôi để ý đến lời lỗ, tôi đâu có quyền hạn hay trách nhiệm trực tiếp gì nên tôi không cần phải lo." - Nhún vai — "Ông muốn tôi có tinh thần liên đới trách nhiệm. Ông có đùa không đấy? Tiền thưởng, nhân viên thấp như tôi hiếm hoi nhìn thấy, trong khi các ông Giám đốc được vài ba chục ngàn hay hơn là thường. Phải không? Không đúng? Tôi chỉ nói theo lời đồn, theo sự bất mãn của những người bên dưới. Họ chỉ đồn nhảm? Nhưng họ có lý! Thôi đừng nói chuyện xa vời, trở lại đêm đó . . . Tôi đã nói rồi, mười hai giờ rưỡi vì đợi Brad. Trước đó? Đem mấy bản tường trình đi giao . . . ừ thì có đi tới khu kế toán. Thấy cái gì? Ông nói chậm lại, tôi nghe không rõ. À, à không. Tôi không để ý. Ghé bàn nào? Tôi để chồng giấy lên bàn đầu tiên, bên trái cửa ra vào của khu kế toán. Bàn của ai? Tôi không biết. Tôi không

VI KHUÊ

Sóng Tam Giang

Thương em anh cũng muốn vô
Sợ truông nhà Hồ sợ phá Tam Giang

vỗ về tôi tiếng sóng xưa
phá Tam giang! sóng vỗ bờ năm canh
thuở còn thơ, mộng còn xanh
đêm đêm tiếng sóng vây quanh bên giường
bây giờ vạn dặm tha hương
còn nghe tiếng súng trùng dương bên lòng

hỏi anh: còn thương em không?
Tam Giang đã cạn sóng thần, dễ vô
nhà Hồ truông đã khác xưa
Anh thương em, sóng vỡ bờ Tam Giang!
"dù cho sông cạn, đá mòn . . ."

Người Đàn Ông

người đàn ông đứng lên không nổi
ta thả bàn tay dắt díu, rồi
tới nửa lưng đồi mây phủ lối
chỉ còn tiếng khóc giữa chơi vơi

Nhịp Gió

Trên võng nằm nghe nhịp gió đàn
Trời xanh hay hẩy nắng xênh xang
Cành tơ phơ phất trên cành nõn
Lá trúc ơ hờ ghẹo lá lan
Như nỗi ngàn năm vừa tỉnh dậy
Hay niềm đôi tám sắp sang ngang
Hỏi thăm công chúa trong thần thoại
Có phải đông cung tới gặp nàng?

để ý . . . nhưng hình như là bàn trống dành để giấy tờ vì nó có nhiều chồng giấy nằm đầy cả mặt bàn.

Bàn tay trái gãi gãi nơi đùi phải. Ống quần jeans bạc màu, vải như mỏng hơn nơi đầu gối. Chân phải rời chân trái. Tay phải lại sờ mũi, mũi lạnh, sờ má, vết mụn hơi rát khi ngón tay lướt ngang. Vẫn còn nổi u, chưa chịu san bằng với làn da mặt nhám. Cạy cạy gỡ gỡ. Chút máu dính ở đầu ngón tay. Chùi vào ống quần. Lại ngẩng nhìn.

"Hả? Ông nói gì? Sao lại là tôi mà không là người khác? Ông hỏi ai hở? Thì Brad này, Linda này, Jimmy, Kevin, Tim, Yun . . . À, ông đã hỏi họ rồi. Thế họ nói sao? Ông không muốn nói, cũng được, chả sao. Họ đều là bạn tôi cả. Tôi tin họ nói tốt về tôi. Trừ Gary ra. Gary? Nói ít hiểu nhiều chứ. Không? Ông là xếp của Gary cơ mà. Gary than phiền về tôi? Không? Không phải Gary. Thế thì ai? Ông không muốn hài tên. Cũng được. Úp úp mở mở kiểu này thì nói đến mai cũng vẫn chưa xong chuyện. Mà này, than phiền gì về tôi? Lại cũng không phải về tôi? Vậy thì nói tôi nghe làm gì? Nghe chơi thôi? Nói gì nhỉ? Lấy gì khẳng định rằng những chuyện đó chỉ mới xảy ra từ khi tôi vào làm? Bỗng dưng nó xảy ra nhiều hơn? Một cách bí mật? Thì cái gì không có thủ phạm đều là bí mật cả chứ. Hả? Cái máy in hở? Hôm đó nó giở quẻ, lăn đùng ra chết, làm sao tôi biết được tại sao. Sợi dây điện sau lưng nó? Ai gỡ làm sao tôi biết được. Chẳng lẽ tôi như vậy mà lại đi chơi trò trẻ con? Đùa Gary? Tôi không muốn mất thì giờ của tôi với hắn. Cái *microprocessor?* Tôi chỉ nghe Brad kể là người nào đó bật loạn xạ mấy cái nút điều chỉnh nên nó chết ngắc. Tôi đâu biết gì về *micro* mà rớ tới nó. Cái *tap drive?* Cái *disk drive?* Tôi đâu có đụng vào . . . máy hư là chuyện thường. Ở những chỗ trước tôi làm, máy hư gần như mỗi tháng một lần . . . không cái này thì cũng cái khác. Ừ, tôi không biết thật mà. Vâng, tôi là sinh viên. Ngành của tôi hả? Điện toán. Nhưng tôi không biết gì hết về hệ thống máy của hãng. Thật mà! Ông không tin tùy ông. Ông cho rằng tôi nhúng tay phá hoại máy? Không! Ông mâu thuẫn quá. Không nghĩ như thế mà lại tra tấn tôi? Đúng, ông nên rút lời nói lại. Tôi không là nghi phạm và ông cũng không là chánh án. Mình không ngồi trong phiên tòa. Tôi cãi hay? Ông có mỉa mai không đấy? Tôi chỉ cãi chuyện không đúng thôi. Lấy dấu tay? Ăn nhằm gì đến tôi mà ông kể. Đừng có dọa . . . ông sẽ không chứng minh được điều đó . . . biết bao người mó tay vào . . . ông không thể nào khẳng định được ai là người cố tình phá hoại. Dễ quá, Gary là người đầu tiên mó tay vào mỗi lần máy hư. Hắn luôn luôn mở cái nắp che phía sau lưng . . . Để làm gì à? Thì hắn phải xem lại mấy cái nút, mấy cái đèn báo động. Dĩ nhiên, dấu tay của hắn đầy trong đó! Hôm đó? Thì hôm đó, máy hư nặng quá, mất cả 24 giờ làm việc, không thu lại được. Không. Ông lầm rồi. Hôm đó nó hư cái *disk drive* mà chưa có thu băng lại nên mất hết. Tôi nói hôm máy hư, cái máy điện toán, ừ, cả hệ thống chứ không phải cái máy in. À . . . hắn nói tại tôi? Không? Theo lịch trình thì máy hư lặt vặt nhiều hơn từ khi tôi vào làm. Ông có lầm không đấy? Tôi không biết gì hết về hệ thống máy, đã nói rồi. Tôi chỉ là thằng thư ký quèn. Mỗi đêm đợi máy chạy xong những bản tường trình, soạn lựa rồi đem đi giao để những người ca ngày có đủ dữ kiện mà làm tiếp chuyện của ngày hôm qua. Thế thôi."

Nơi bụng, vạt áo sơ mi nhét vội không vào hớ hênh, thò ra sau lần áo ấm. Bàn tay trái rời đùi, nhét vạt áo vào trong quần. Hơi nhổm người dậy một tí vì quần khá chật, rồi lại ngồi xuống, mắt lơ đểnh nhìn quanh. Chân mặt lại nhịp nhịp. Bất gặp cặp mắt màu nâu trong. Cả hai cùng nhìn đi nơi khác. Mấy ngón tay trắng hồng tròn mủm mỉm sờ chót râu màu nâu. Mấy ngón tay gầy ốm đen đúa sờ sờ cái mụn nơi mặt.

Người ngồi sau bàn với vệt râu nâu sẫm lên tiếng:

"Anh có muốn nói gì thêm nữa không?"

Người ngồi phía trước bàn, cái quần jeans bạc, vết mụn ửng nhẹ chút máu lắc đầu. Người ngồi sau bàn, thôi sờ chót râu mép, ngồi thẳng lưng lại, hơi chồm tới đàng trước, hai cùi chỏ để trên bàn.

"Anh nên nhớ, tôi chỉ muốn giúp đỡ anh chớ không phải tôi muốn làm phiền anh với những câu hỏi như vậy đâu. Tôi chủ trương rằng làm giám đốc thì phải hiểu và giải quyết mọi chuyện nội bộ một cách êm thấm chớ không để đến tụi phòng nhân viên. Đến đó thì nó đã ra ngoài tầm kiểm soát của tôi rồi. Và như vậy, thì chỉ có hại chớ không có lợi cho cả đôi bên."

Người ngồi đằng trước hơi nhún vai im lặng, vài giây, nghĩ sao lại nói.

"Cảm ơn ông đã có ý muốn giúp đỡ nhưng tôi nghĩ tôi không cần nói thêm gì cả. Tôi không biết các ông muốn điều tra chuyện gì nhưng là một nhân viên của hãng, tôi làm hết giờ, hết việc của tôi . . . còn ngoài ra, tôi không biết, không thấy, không hay gì cả."

Vệt râu sậm cử động nhẹ theo cái nhếch mép cười có vẻ đểu cáng của người ngồi sau bàn.

"Anh khôn ngoan lắm."

Trở thế ngồi, mấy ngón tay thôi sờ chót râu cằm, vuốt nhẹ theo đường cong cuối mép.

"Chừng nào thì anh ra trường nhỉ?"

"Điều đó có liên hệ gì tới câu chuyện hôm nay?"

Nhún vai, bộ vai tròn những thịt mỡ. Cổ áo hơi bó chặt, cái cổ thấp, gần như không có, muốn biến mất dưới lớp mỡ nơi

nọng cổ. Lớp da phì ra mầu hồng đỏ. Cái đầu ngọ nguậy khó chịu chật chội.

"Anh không muốn trả lời, tùy ý anh."

Người ngồi trước bàn có vẻ chán và bắt đầu phân tâm. Hấn nhìn đôi ba ta dơ bẩn của mình. Săm soi cái lỗ rách bên phải. Kéo vớ lên qua ống jeans chật. Mở zipper áo khoác mỏng bên ngoài, cái lỗ rách của áo ấm bên trong nơi bụng. Sợi chỉ len. Nắm kéo, bựt, bựt, bựt, ba bốn cái lỗ đan chéo trên áo biến mất, lỗ rách rộng hơn. Hoảng hốt, ngừng lại, nhét vội len vào bên trong. Ngẩng nhìn người sau bàn, ngón tay của hấn không ngừng săm soi mấy cọng râu dầy cứng màu nâu sẫm. Cái cử chỉ có vẻ lơ đểnh nhưng gây cho người đối diện một cảm giác ghê tởm. Ghê tởm khi thấy rõ ràng mấy ngón tay mơn trớn hàm râu tạo nên một thích thú, gần như cảm giác sinh lý, cho chủ nhân của chúng.

"Anh cầm tờ báo về nhà phải không? Tối hôm đó."

Gật đầu.

"Trong tờ báo có gì?"

"Tôi không biết. Không phải báo của tôi. Báo của Brad. Hấn nhờ tôi cầm dùm. Chỉ là tờ báo. Luật gì cấm không cho cầm báo?"

Vệt râu sậm vạch ra nụ cười mỉa. Mấy ngón tay vân vê se tròn đầu cọng râu mép một cách thích thú rồi khựng lại, chậm lại, đều đều.

"Anh không nói hết. Nhân viên an ninh bảo là một gói báo chứ không phải là một tờ báo bình thường. Gói gì trong đó?"

Người ngồi trước bàn nhún vai. Cái nhún vai của kẻ không thích bị tra vấn.

"Đã bảo tôi không biết." Ngẩng nhìn một cách châm chọc thách thức — "Sao ông không hỏi Brad?"

"Tôi sẽ hỏi hấn. Yên chí đi. Thế nào tôi cũng phải hỏi hấn."

Đôi giày ba ta, bàn chân khép lại, nóng nẩy rồi nghĩ ra điều gì cặp chân khựng lại rồi buông thả nghiêng trên cạnh bàn chân.

"Ông bảo đã hỏi Brad rồi kia mà. Đã hỏi tất cả mọi người rồi mà?"

Mấy ngón tay đang vân vê chót râu ngừng lại, buông thả trong một thoáng bị bắt gặp bất thần rồi trở lại vị thế cũ, vân vê vuốt ve chót râu nâu sậm.

"Ừ thì đã hỏi rồi nhưng chưa hỏi kỹ thế thôi. Anh muốn nói gì nữa không?"

Giọng châm chọc:

"Ông muốn hỏi gì nữa không?"

"Không!"

"Thế thì tôi cũng không."

Chồng giấy trên cao vơi dần, bụi trắng nhỏ bay đầy phòng, ba chồng bên dưới đầy thật nhanh. Máy kêu ồn ào khó chịu. Bỗng ngừng lại. Ống quấn giấy than cố quay thêm vài vòng rồi ngưng. Bàn tay mau mắn rút cái ống, trút bỏ cuộn giấy than nơi ống vào thùng rác bên cạnh. Giấy rác bên trong thùng như muốn rơi ra ngoài, bàn tay đẩy mạnh, nén chúng xuống. Ba chồng giấy ôm gọn trên tay, dáng đi nhún nhẩy, nhún nhẩy. Mông đàng sau, ngoáy ngoáy, chân đi từng nhịp từng nhịp. Có tiếng gọi:

"Ê, Brad. Brad."

Quay lại, cười. Hàm răng thật đều dường như trắng hơn trên khuôn mặt đen bóng. Cặp môi dầy nhếch lên:

"Đi lâu quá vậy?"

Đôi giày ba ta rách ngừng nơi móc áo, cái áo khoác mỏng bên ngoài cởi ra máng lên.

"Nó điều tra còn hơn cảnh sát nữa."

"Oh shit! No. No."

"Yes, yes!"

Đôi mắt màu đen, hàng mi dài cong vút. Mắt da đen, to, mi cong vút. Chớp chớp rồi cười. Cười bằng mắt. Chồng giấy để trên bàn giữa hòng, tay lật lật chia chia, mắt nhìn giấy, mồm nói.

"Tao chán chỗ này quá."

Tiếng phụ họa, lơ lớ giọng ngoại quốc.

"Ừ, tao cũng chán chỗ này quá."

"Nhưng mày đỡ hơn tao. *Shit."*

"Mày đỡ hơn tao chớ. Tao cần tiền để đi học."

"*Shit, man.* Mày đi học, còn có tương lai . . . *man* . . . tao đếch có tương lai. Tối tối đứng đây . . . *Shit* . . . Ngửi không vô. *I'm in deep shit.* Thối quá. Tao lầy lún trong bãi c. này."

Cười lớn. Mông nhún nhẩy, bàn chân nhấc lên để xuống theo điệu nhạc tươi vui ồn ào. Có tiếng nói lớn.

"Ê, Brad. Brad. Ê, Tru . . . o . . . n . . . g."

Con mắt đen với hàng mi dài nhấp nháy, vẻ mỉa mai cười cợt, nói với con mắt đen có hàng mi thưa mũi xẹp.

"*Shit,* nó tưởng nó là vua. Vua . . . *my ass!* Vua . . . cái đít!"

Lối đi nhún nhảy của con mắt đen với hàng mi dầy rậm khác với lối đi lệt bệt của con mắt đen mi thưa. Tiến lại gần bàn, đôi giày da nâu bóng loáng, cái áo sơ mi trắng thẳng nếp, cà vạt màu đỏ cam có chấm nâu đen. Gương mặt lạnh lùng ngước lên. Con mắt đen với lông mi rậm cười. Lại cười.

"Yes, Sirrr!"

2 Đôi mắt lạnh nơi bàn thoáng chút bất mãn nhận ra giọng nói bỡn cợt rồi trở lại nét lạnh trơ. Môi sậm màu, răng vàng thuốc lá, hàng răng nghiêng đều thẳng hàng với hàm dưới (kết quả tốt đẹp của phát minh niềng răng).

"Hôm qua đứa nào giao mấy bảng tường trình cho *International Loan Department?"*

"Mấy con mắt nhìn nhau, vai nhún ra chiều không biết. Cái cổ nơi áo sơ mi trắng thắt cà vạt vặn vẹo khó chịu.

"Hình như đó là việc của anh mà? Brad? Phải không? Tôi nhớ tôi giao cho anh việc đó."

"*No way Jose.* Còn lâu! Anh giao cho thằng Tom!"

Giọng đắc thắng nhấn mạnh chữ Tom.

"À . . . à . . . xin lỗi. Tôi nhầm. À đúng rồi, tôi chỉ định Tom

tuần rồi. Mà này, sao cái tường trình của tụi Lock Box bị xé mất nữa?"

Mấy con mắt lại nhìn nhau ra cái điều hắn ta muốn bới lông tìm vết đấy. Con mắt đen với hàng mi thưa chớp chớp mệt nhọc.

"Cô Jane xé nhanh quá nên làm rách mất nửa. Không có băng keo nên cô ấy nhét ở giữa bản tường trình."

"Làm ăn gì cẩu thả vậy?"

"Thế họ in cái khác không được à?"

"Tốn giấy!"

"Bao nhiêu dữ vậy? Mua được mấy chậu cây giả xấu xí mà không dám xài giấy!"

"Anh nói gì vậy? Anh muốn phê bình đường lối của hãng? Này, cứ bỏ trong *Suggestion box* ở phòng ăn, đừng nói với tôi vô ích. Tôi chỉ biết lệnh trên là mình phải hà tiện giấy đến mức tối đa."

"*Okay, okay* . . . tôi chỉ đùa chơi. Còn gì nữa không? Tụi tôi còn nhiều việc phải làm."

Thật lạnh, con mắt quét ngang, rồi đôi giày nâu bóng quay bước. Nện gót, cộc cộc, cộc cộc, mở cửa, ra ngoài. Con mắt có lông mi đen rậm nheo nheo, nụ cười mỉa mai nằm gọn lỏn nơi tròng mắt.

"Hắn ưa làm ra vẻ chỉ có mình mình mới thiết tha với việc làm của hãng. *No way*. Còn lâu. Hắn là đứa lũng đoạn nhất ở đây. Nó có tiệm tạp hóa ở phố Tàu. Tối vào đây, tiếng là làm mà toàn là ngồi tính sổ sách cho tiệm của hắn. Để ý kỹ đi, hễ thấy mình ló đầu vào phòng của hắn hỏi câu gì, là trước tiên, hắn khép tập hồ sơ lại rồi mới trả lời. Phải không? Ờ. Nhớ chưa? Bởi vậy, hắn mới sợ mất việc hơn mình dù hắn có nhiều tiền hơn mình. Mất việc rồi tối tối vẫn làm sổ sách cho tiệm mà không ai trả lương. Tiếc là ở chỗ đó nên hắn nịnh chủ tối đa. Hễ có ông bự nào dở chứng ở lại ban đêm là hắn sốt vó, cuống quít như sắp đẻ. Rồi thì là đi đi lại lại, oai lắm, ra lệnh cho người này, chủi bới người kia . . . Kìa, hắn trở lại."

Hai cặp mắt cùng nhìn xuống chồng giấy. Mấy bàn tay ra vẻ bận rộn, xé xé, xếp xếp. Đôi mắt mi thưa nhìn chằm đống giấy, nhìn chằm ánh đèn trắng néon không đổi cho dù ban ngày hay ban đêm. Suy nghĩ. Mình không thể nào tiếp tục làm như thế này mãi. Miếng cơm manh áo cũng chỉ là miếng cơm manh áo, cho dù đang ở nơi đâu nhưng, nhưng, . . . Liếc nhìn tên mi rậm, da đen. Hắn da đen, hắn sống tự nhiên như cỏ cây không mặc cảm. Ít ra, trong lúc hắn làm cái việc tồi tệ này, hắn mang mộng, lấy được con vợ giàu. Còn mình? Mi thưa suy nghĩ, mắt nhìn bụi giấy bay bay thật nhẹ . . . sống là sống như thế nào nhỉ? Hình như đã lâu rồi, mình không còn mang mộng. Bất cứ mộng gì. Không. Không đúng. Hy vọng kiếm đủ tiền sống, đó cũng là một cái mộng rồi. Phải không? Phải không? Hừ, cái mộng nhỏ nhoi đến độ ti tiện. Hoàn cảnh không cho phép người ta có những mộng lớn. Hình như hoàn cảnh và những giấc mộng có một tỉ lệ thuận? Hay tỉ lệ nghịch? Khi người ta ở một tận cùng nào đó, sống còn là cái mộng duy nhất. Nhưng rồi, khi người ta có được cái sống còn, mộng biến thành một đại dương tham lam thèm khát. Đúng không? Đúng không? Không hẳn vậy. Mình mâu thuẫn với mình rồi. Cái hạnh phúc của người-không-có-gì-hết là cái khả năng mơ mộng ao ước. Chậc, mình lại suy nghĩ bâng quơ tầm phào. Ăn uống, đi chơi, ngày đêm, thì giờ tận dụng. Lãng nhách. Thật lãng nhách cái đời sống vô lý này. Chạy trốn, như một thứ trường kỳ chạy trốn. Lúc thì trốn cái chết, khi thì trốn cái nhục, hôm thì trốn cái đói, bữa thì trốn cái đau. Thử nhìn lại coi, tự do chạy trốn cũng là một hạnh phúc! Chạy trốn trách nhiệm. Chạy trốn tương lai. Chạy trốn cả hiện tại! Cười gằn. Gãi đầu. Gầu trắng rơi lả tả. Chạy trốn cả sự ở sạch! Chạy trốn mọi ước lệ. Sống cũng có cái mỉa mai của nó. Lắm khi nó ồn ào đến độ không có được phút giây nào yên tĩnh để xét lại. Và cũng có lắm khi, nó lặng ngắt đến độ bất thần, sự yên lặng quá đáng khiến mình giật mình, lo ngại.

Ra đến cửa, ký tên vào danh sách người về, ghi giờ cẩn thận, đôi mắt mi rậm, cặp mông nhún nhẩy, quay sang phía cặp mắt mi thưa, đôi giày ba ta rách, cặp mông xẹp lép, dáng đi lệt bệt, hỏi:

"Cho hỏi nhỏ cái này."

"Gì"

"Hôm nọ cha cầm cái gì mà tụi nói cứ điều tra hỏi tới hỏi lui hoài vậy?"

Chắc lưỡi một cái. Mắt mi thưa nhìn xuống, đôi giày ba ta lủng lỗ, dây giày lòng thòng thắt không chặt. Lỗ thủng nơi áo len hình như rộng hơn, sợi len màu nâu đỏ lủng lẳng. Chặc lưỡi lần nữa.

"Có gì đâu! Tôi đi ngang lầu năm, thấy tá hồng nhung ai bỏ quên, không cắm trong nước. Qua cái cuối tuần đó thế nào chúng cũng héo tàn. Nghĩ tiếc, nên cầm về cho vợ."

Mắt mi rậm chớp một cái, thỏa mãn, cười khà. Giọng cười vang vang giữa đường *Van Ness* trống vắng. Gió lạnh thổi ào từ đường *Market,* xoáy tròn xoáy tròn, bay tụng vạt áo khoác, hơi lạnh rát buốt trên mặt. Giọng nói cũng nhún nhảy như dáng đi, khoái chí.

"*Shit.* Có vậy mà tụi nó cũng nhảy cẳng lên. Cá với anh, xui cho anh, nhằm bó hoa thằng *director* tặng cho con bồ của nó nên nó mới làm dữ như vậy. Ha ha ha."

Mắt có hàng mi thưa không cười. Nhìn xuống. Vỉa hè sạch trơn. Gió thổi lạnh. Giọng nói nhỏ, biến thành rè.

"Vợ tôi bệnh nặng, sắp chết . . ." K

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

10/88

NHÂN VẬT X

TRẦN DIỆU HẰNG

Cuốn tiểu thuyết viết dở dang

Tôi đợi hắn đã nhiều ngày. Những buổi chiều cuối năm trời màu xám buồn bã, tôi ngồi trên bộ ván gỗ dựa lưng vào vách tường hướng mắt ra phía đầu ngõ đợi trông. Thoáng có bóng người thanh niên nàođi ngang tôi cũng tưởng hắn. Từng người, rồi từng người. Không ai dừng lại cả. Không ai ghé vào thăm ông già cô độc sắp qua đời. Tập giấy vàng khè, sản xuất bởi công ty giấy thành phố xã hội chủ nghĩa đã quăn tít góc. Cây bút chì nằm lặng lẽ kế bên. Mỗi lần cơn ho tràn tới, ngực tôi tưởng muốn vỡ tung.

Tôi không còn bao nhiêu thời gian nữa. Những ngày tù đã lấy đi hết chút năng lực còn sót lại của một người quá tuổi trung niên. Họ thả tôi về chờ ngày chết. Tôi có cảm tưởng cái lạnh đã len lén bắt đầu từ đôi bàn chân. Chưa thể chết được. Hắn phải tới trước phút đó, nhảy vào những trang giấy quăn góc cho chúng bật tung lên xào xạc. Hắn phải tới, đốt cháy que than bạc màu nằm im trong lớp gỗ mỏng của cây bút chì cứng như que củi kia; cây bút sẽ rực sáng, vờn những điệu luân vũ trên mặt giấy vô hồn.

Hắn sẽ tới, mang tập bản thảo của tôi đi ra khỏi màn lưới tù sắt thép này. Tập bản thảo và hắn sẽ hít thở khí trời lồng lộng của Washington, California, Paris, Quebec... Và dưới lòng đất lạnh khi ấy tôi sẽ nổi trận cười dài.

Đợi hắn. Trời ơi. Hắn có biết tôi đợi từng phút từng giây?

Độc thoại trong bao bố

Tôi tỉnh dậy, cảm thấy minh mẫn kỳ lạ. Sự minh mẫn của một người biết mình sắp chết. Trí óc trong suốt như gương, trong chớp mắt, tôi sống lại hết cuộc đời dài.

... Những con đường Paris thơ mộng và viện đại học cổ kính đầy lá vàng, đôi mắt Michelle biếc xanh đầy lệ. Mái tóc vàng ánh như ngàn sợi tơ trời không dài đủ để giữ chân tôi. Học xong mảnh bằng y khoa, tôi hối hả trở về nước, ôm ấp trong lòng biết bao hoài bão. Tôi muốn đem mớ kiến thức chuyên môn nhỏ bé của mình phục vụ quê hương. Tôi đã mơ làm sống lại trang sử oai hùng. Mơ dựng cờ. Mơ giải phóng. Mơ những con đường Việt Nam nở tươi hoa thanh bình, những đôi mắt Việt Nam sáng ngời niềm tin và nghị lực. Gửi hết những ước mơ đó trong cú đấm mãnh liệt giáng vào mặt thằng Tây con ngông nghênh chọc gái bờ hồ Hoàn Kiếm, nó ngã xuống, nằm ngay đơ không cục cựa. Đêm ấy, tôi hân hoan gói bọc quần áo lên đường vào chiến khu. Chỉ có những giọt nước mắt của mẹ khiến tôi xót xa. Tất cả những thứ khác, dinh cơ đồ sộ, tương lai huy hoàng, vườn tược, gia nhân, thành phố và những thú vui ăn chơi, thành phố và bộ mặt thanh bình giả tạo hoàn toàn ở ngoài nỗi luyến tiếc của tôi.

Tiêu thổ kháng chiến đang bừng bừng như triều dâng đê vỡ. Tiêu thổ kháng chiến là giấc mơ của thanh niên thiếu nữ, của em bé người già. Men kháng chiến ngát trong hồn tôi, kết tinh thành những lời thơ rực lửa, nở thành những bông sen thấm đượm tình người. Những lời thơ được ngâm bằng một giọng nữ khi trong thanh như suối, nhẹ nhuyễn như tơ, lúc tan nát như mái tranh hiền hòa tàn rụi trong lửa quân thù cướp nước. Trầm Hương. Tên nàng là Trần Hương. Chúng tôi yêu nhau từ thiên cổ, đến kiếp này mới kết làm vợ chồng. Tay tôi sát với tay nàng, khâu vá vết thương người chiến binh ái quốc.

Tôi leo lần lên những địa vị khá quan trọng trong đảng. Chúng tôi sanh được một gái đặt tên là Nguyệt Quế. Hỡi ơi, Trầm Hương ý chí cao cường nhưng tấm thân ẻo lả chẳng chịu nổi sương lam chướng khí. Trầm Hương qua đời sau một cơn bạo bệnh, để lại đứa con vừa mới thôi nôi. Đáng lẽ tôi phải chết theo nàng, như con tim của tôi đã ngưng sống, nhưng lý tưởng cao cả kia bắt buộc tôi gạt lệ gửi con về thành cho bà nội dưỡng nuôi. Từ đó, tôi càng tích cực hơn, lăn mình vào những công tác cực kỳ nguy hiểm, lòng vẫn nhủ

thầm phải hoạt động không những cho phần tôi mà còn cho cả Trầm Hương.

Tôi mù quáng trong nhiệt tình trong sạch của một người quốc gia chân chính, bỏ ngoài tai tất cả những nghi ngờ bắt đầu nhen nhúm trong hàng ngũ cách mạng. Tệ hơn nữa, tôi cắt đứt tình thân với người chiến hữu thân mến nhất, người bạn chiến khu đã chứng kiến phút giây đầu tiên gặp gỡ của tôi với Trầm Hương, chỉ vì anh ta đã báo động cho tôi cái bộ mặt giả trá nấp sau chiêu bài dân tộc của Việt Minh và tham vọng cá nhân của Hồ. Y. nói với tôi về kế hoạch ung thối, về âm mưu để cho Gio Linh tan tành dưới chân quân Pháp, chỉ nhằm bảo vệ cơ sở đảng mà cố tình hy sinh dân lành để tạo căm phẫn hầu khơi mạnh thêm ngọn lửa kháng chiến. Tôi yêu Trầm Hương trong tình kháng chiến. Tôi yêu kháng chiến trong tình Trầm Hương. Cái bức tranh hùng tráng mỹ lệ ấy trong lòng tôi dễ nào cho phép người khác hủy diệt.

Y. xin thuyên chuyển đi xa. Tôi mù quáng cho đến khi nghe tin Y. chết. Bọc bao bố trôi sông. Đảng bảo Tây là thủ phạm. Hoạt động bên cạnh Y. bao năm tôi biết rõ. Y. nói tiếng Pháp lầu lầu, thông minh tài giỏi, biến trá tài tình. Kẻ thù khó mà giết anh.

Sự đau khổ về cái chết của Y. dội một gáo nước lạnh lên đầu óc ngu tối của tôi. Sau một thời gian để tâm tìm hiểu, điều tra, tôi chết lặng vì những nghi vấn mỗi lúc một lớn, những bằng chứng mỗi lúc một rõ ràng. Cái chết của Y. chỉ là một trong rất nhiều cái chết đầy uẩn khúc khác trong hàng ngũ kháng chiến chúng tôi. Đạn của Tây bắn trước mặt. Dao đồng chí đâm sau lưng. Những cái chết trong đêm khuya. Những thây người gói kín trong bao tải.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã âm thầm thủ tiêu biết bao anh hùng yêu nước chỉ vì những người này không chấp nhận chủ nghĩa ngoại lai đi ngược lại bản chất và truyền thống dân tộc.

Sau lần quá xúc động, để lộ sự bất mãn, tôi bắt đầu cảm thấy mình bị theo dõi, từng cử động, từng đường đi nước bước. Tôi thường bất chợt cảm thấy lạnh ở sống lưng. Nhìn bề ngoài là những khuôn mặt thân quen đã cùng nằm gai nếm mật, nhưng trong thâm tâm nào ai biết được. Tôi không còn biết đâu là thù, đâu là bạn. Màn lưới của đảng tinh vi, biến mỗi người thành một kẻ cô đơn cùng cực.

Tôi có thể chọn cách xuôi theo giòng nước, theo gió phất cờ. Ngợi ca đảng, tùng phục trung thành, tôi có thể đạt được danh vọng khi công cuộc khơi phục nền độc lập đã gần đi tới chỗ thành công, tình hình thế giới đã thuận lợi.

Nhưng đó không phải là điều tôi ham muốn khi vào khu kháng chiến.

Những kẻ đang tâm giết anh em đồng đội là cách thế bá đạo. Tôi theo vương đạo, dù phải chọn cách sống chông gai.

Tôi ở vào thế tiến thối lưỡng nan. Lén lút bỏ hàng ngũ kháng chiến như một tên đào ngũ ư? Không thể được. Nếu ở lại, tôi có thể bị giết như Y., như các bạn khác. Tôi cố tìm thế lách, nhưng bầu không khí càng lúc càng nghẹt thở. Đảng ở trong bóng tối, tôi ở ngoài ánh sáng. Họ nhắm tôi đích xác đã từ lâu, từ trước khi tôi biết ý đồ của họ. Cuối cùng, tôi chọn làm Kinh Kha sang Tần.

Tôi xin thuyên chuyển về bộ tư lệnh trung ương, lấy cớ muốn săn sóc sức khỏe cho Hồ Chí Minh, lãnh tụ đảng Cộng sản, linh hồn (lầm lẫn) của lực lượng kháng chiến. Tôi âm ưu giết hắn. Nếu việc thành, tôi sẽ đưa H. lên nắm quyền. Có lẽ anh ta là người duy nhất còn tin được. Nếu việc bại, tôi sẽ tự sát.

Tôi vẫn hy vọng chúng chỉ nghi ngờ tôi lập trường mù mờ, nay giác ngộ, muốn một lòng tùng phục kẻ mạnh.

Tôi vẫn chưa lượng định chính xác sự tàn độc của Hồ. Giết lầm hơn tha lầm. Mà thật sự là chúng giết không lầm tôi.

Trên đường đi, giữa rừng đêm, tôi choàng tỉnh dậy đúng lúc bàn tay gân guốc của một bóng đen bụm chặt miệng tôi, lưỡi dao nhọn lóe sáng đâm lút cán vào lồng ngực. Tôi chỉ cảm thấy nỗi đau đớn cực độ ở mũi dao đầu tiên. Hắm đâm tiếp mấy nhát nữa. Tôi mường tượng như hắn là thằng D. ở tiểu đoàn Sông Lô. Nó chuyên nghề ám sát.

. . . . . .

Trầm Hương và Y. đứng đợi tôi ở giữa giòng nước xiết. Mắt Hương đầy lệ. Tôi nói:

"Em đừng khóc. Sự thật về bọn chúng đã được anh chép thành bản, bí mật gửi cho bà nội Nguyệt Quế. Những kẻ đưa dân tộc vào đường máu xương sẽ phải chịu trách nhiệm trước lịch sử."

Ồ lạ. Không hiểu chúng tôi gặp nhau ở thế giới nào đây?

. . . . . .

Ừm.

Ngày trở về thành phố

Như gặp X. khi nàng đi băng qua mảnh vườn nối liền hai căn nhà. Thế dừng chân của X. trông giống như một người lỡ trớn, đang bước tới mà đành rút lại nửa chừng. Râu cằm tua tủa, gương mặt phờ phạc, quần áo xốc xếch, trông X. như một cái mền rách.

"Trời ơi. Anh về hồi nào vậy?"

"Vừa tức thì. Đi qua gặp Như đây."

"Đang lo lắng không hiểu anh phiêu bạt ở đâu. Mấy hôm nay tình hình bết bát lắm mà."

X. đứng dựa lưng vào gốc khế, bên cạnh chàng, giòng nước cống đen sì chảy rỉ rả trong con rãnh chiều ngang chỉ cỡ bốn gang tay, ngoằn ngoèo mất biến vào bụi mía xanh tốt. Xa hơn nữa, lơ thơ mấy đám dậu đen và dăm vồng cải ngọt

vừa độ trổ bông.

"Thấy chùm hoa khế in lên nền trời xanh như thế này anh mới biết mình còn sống thật. Nhự biết không, anh nhịn đói chạy liền bảy ngày đêm trong rừng."

"Trời đất. Vậy . . . anh ăn uống gì chưa?"

"Sơ sơ. Nhự báo cho Quỳnh giùm anh được không? Tối nay anh cần gặp Quỳnh."

"Được chứ. Thôi để em đi bây giờ. Anh nghỉ cho khỏe rồi mình nói chuyện sau."

"Ờ. Cám ơn Nhự."

"Này ông anh, bụng rỗng mà còn đa tình thế à?"

X. khoa tay vào khoảng không, bước đi. Nụ cười của chàng gượng gạo, buồn thảm một cách dịu dàng.

. . . . . .

"Một kế hoạch rút quân quái đản tới độ không thể hiểu được. Nhự biết không, bọn anh đang thắng, đánh đẹp như mơ. Vậy rồi nghe tin bỏ Ban Mê Thuột, rồi lệnh rút, mà rút ngu xuẩn tới độ ở ngoài tất cả những nguyên tắc sơ đẳng căn bản nhất. Thế là bọn nó dí theo giết. Tiểu đoàn của anh chết gần hết. Anh núp ở bờ đê, cách bìa rừng chỉ chừng mấy chục thước, đạn bắn đầy kín như một màn lưới. Anh chạy băng qua lưới đạn đó mà không bị một viên nào. Có lẽ là phép lạ. Rừng rậm tới độ ánh mặt trời không soi xuống tới. Đang mò mẫm thì anh nghe tiếng người hỏi. Ai đó? Biệt động quân. Hô xong là anh biết mình hố rồi. Nghe tiếng lên đạn của khẩu AK, anh phóng mình về phía trước bất kể gai góc. Thêm một phép lạ nữa cho anh thoát. Sự chiến đấu của con người chống lại cái chết mạnh mẽ ngoài sức tưởng tượng. Anh không ăn gì, chỉ uống vài ngụm nước suối, nuốt sương trên lá rừng. Trong suốt bảy ngày bảy đêm đào thoát đó, cùng lúc với bản năng khao khát tìm sống, đầu óc anh không thể ra khỏi nỗi ám ảnh về sự chọn lựa của một số sĩ quan bộ chỉ huy tiểu đoàn. Họ ngồi lại thành vòng tròn, khóc vớinhau những giọt lệ cuối, rồi lẳng lặng rút chốt lựu đạn. Thằng bạn tài hoa đặt nhạc làm thơ của anh cũng ở trong số người đó. Anh không làm giống họ vì nghĩ rằng còn nước còn tát, thua keo này bầy keo khác. Nhự này, anh là một người lạc quan dai dẳng, hay là một kẻ hèn nhát? Có lẽ suốt đời anh sẽ không quên được . . ."

"Em nghĩ, trận chiến chưa thực sự tàn. Cũng có thể, một vấn đề được nhìn dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Em chỉ thấy mừng còn gặp lại anh. Em mừng giùm Quỳnh. Vậy là đủ trong lúc này. Anh có biết người ta đang xôn xao bàn chuyện ra khỏi nước không?"

"Cái gì? Ra khỏi nước à? Thật là tức cười. Lúc khủng hoảng người ta có thể nghĩ đủ mọi chuyện trên trời dưới đất."

"Rồi bây giờ . . . anh tính sao?"

"Tiểu đoàn anh đã tan rã. Chắc anh nghỉ vài ngày, coi như dưỡng sức rồi lại ra mặt trận khác. Anh đang đợi lệnh xem sẽ được bổ xung vào đơn vị nào."

"Có lẽ anh thật sự là một lạc quan dai dẳng chứ không chơi."

"Anh chỉ biết có mỗi một nghề: nghề lính, lính nghề. Này, anh còn ít trăm. Đi ăn bánh cuốn không?"

"Đi liền. Đợi em thay quần áo. Hy vọng là Quỳnh đi được. Dạo này tình hình rối ren, bà già nó giữ rịt trong nhà. Em đến xin phép cũng lạnh gáy lắm nghe."

"Thì . . . liều thân vì chính nghĩa mà."

X. đã cạo râu, cắt tóc. Bộ quân phục của chàng thẳng nếp. Nụ cười của X. lại tươi. Nhự không khỏi liên tưởng đến điệu chán đời của chàng hôm mới về thành phố. X. hồi phục, sống động như nắng buổi sáng trên ngọn cây khế sau vườn. Nhưng tiếng nổ khô khan của loạt lựu đạn tự sát nào đó vẫn vang trong đầu óc Nhự, và nàng có cảm tưởng chúng vẫn đang vang động trong đầu X., ẩn dưới bộ mặt bình thản vui tươi của chàng. Và ẩn dưới nhịp sống ồn ào của thành phố, dường như vương vất sự im lặng của nỗi chết.

Trời Sàigòn bắt đầu mùa hè, tháng tư.

Trăng treo miệng hầm

Ngày bắt đầu bằng hồi kẻng khua tù nhân dậy. Thật ra, không ai có thể ngủ cho nên không có sự đánh thức. Hồi kẻng chỉ báo hiệu là đã đến giờ lao động, thế thôi. Đêm qua trời lạnh chảy nước mắt, co quắp chân tay. Đoàn tù nằm nghe bụng sôi sục vì đói.

Tôi cố gắng chào đón ngày mới bằng vài cử chỉ thể dục. Bác Q. nằm bên cạnh tôi thì dậy hết muốn nổi. Tôi vừa giơ tay giơ chân vừa giục:

"Ráng lên bác ơi, thằng Ba Chiến vào đến nơi bây giờ."

Q. rên hừ hừ:

"Chắc . . . tôi phải đi . . . bệnh xá quá."

Tôi để tay lên trán ông già; nóng như hòn than. Thôi rồi. Mùa đông khủng khiếp vùng rừng núi Bắc Việt và cái bệnh xá chỉ có mỗi thứ thuốc trừ bách bệnh Xuyên Tâm Liên kia hẳn là kẻ địch đáng ngại trong cuộc chiến đấu chống lại thần chết. Chúng tôi chôn tù trẻ dài dài, nói chi tù ngoài sáu mươi.

Trong lúc xếp hàng đi rừng, tôi tưởng tượng tới mấy giòng tiểu sử của Q. có thể được ghi lại bởi nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nguyễn Văn Q., nhà văn ngụy, sinh năm 1924, viết toàn những điều phản động chống lại cuộc cách mạng thần thánh của dân tộc, được nhà nước và nhân dân khoan hồng cho đi cải tạo tại trại Thanh Hóa, Bắc Việt, nhưng ngoan cố không chịu nhận tội, chết ngày XX năm XX. Chao ơi, "những điều phản động" nhà văn bạn già của tôi viết đã giúp cho tuổi thanh niên của tôi sống động biết bao!

Thời trung học của chúng tôi đã sáng ngời những giấc mộng đội đá vá trời. Lòng yêu nước, tinh thần quốc gia của chúng tôi đã nở tung như những đóa hoa kiều diễm khởi từ những giòng chữ vắt máu từ tim đó. Những tấm bìa tác phẩm của Q. lần lượt hiện ra trong đầu tôi như những bảng hiệu xanh đỏ chớp tắt trên một màn ảnh, sau đó, rất nhanh, chúng rơi vút vào một hố thẳm đói lạnh. Dù sao, người ta cũng đã "quan trọng" tư tưởng của Q. đủ để vứt ông vào đây.

Chiều nay, sau giờ cơm, tôi sẽ trốn qua tiểu đoàn 5 tìm thuốc cứu ông bạn già. Hy vọng bác sĩ R. còn giấu được viên trụ sinh.

Toán chúng tôi được lệnh đi hái măng. Tháng trước, măng bắt đầu nhú. Mưa phùn làm tăng thêm cái lạnh cắt da. Từ mấy hôm nay, đoàn tù đã xầm xì về lý do của công tác mới, chẳng là Ba Chiến, chính trị viên tiểu đoàn sắp về phép, muốn có măng khô làm quà cho bà vợ yêu. Dĩ nhiên là nguồn tin tối mật không được loan truyền công khai nó bắt đầu từ hai vệ binh cai tù bàn chuyện với nhau trong xó nhà, tù đầu bếp nghe được. Thật ra, trong xó rừng này, những kẻ cai trị không cần lý do cho lắm; chính trị viên tiểu đoàn là vua, quyền sinh sát đối với kiếp tù thua súc vật thật là bao la. Tuy nhiên, đối với cá nhân tôi, biết được những chuyện thầm kín của tên Ba Chiến lại là một điều cần thiết; nó mở mang trí óc khôi hài và đem tới sự khinh bỉ, lòng căm thù; mấy thứ này trở thành một liều thuốc hữu hiệu chống lại sự đói, đói triền miên. Khi bạn bị cai trị bằng nhu cầu của bao tử thì chỉ có một trong hai cách đối phó: bán rẻ nhân cách để đổi lấy bất cứ thứ gì dằn bụng, hoặc cười diễu, khinh bỉ, và căm thù kẻ đã gây cho bạn nỗi trống rỗng của dạ dầy. Vì vậy, chúng tôi có tù ăng-tên và tù không ăng-ten.

Những đọt măng mơn mởn gợi thèm, nhưng chỉ tiêu Ba Chiến đưa ra không phải là dễ đạt. Hắn dư sức biết cách bóc lột chúng tôi. Những con mắt dòm ngó, những họng súng lăm le và những bao tải măng mỗi đầu tù phải nộp là những hàng rào sắt khít rịt chặt chẽ, ngăn cản tù thực hiện mưu tính làm đầy dạ dầy.

Nhưng nhất định là tôi phải qua mặt được bọn chúng.

Tôi ra sức kiếm thêm vài mụt măng sau khi đã đạt chỉ tiêu cá nhân. Nhét chúng vô bụng, buộc vải cho chặt.

Ì ạch vác bao tải măng nộp cho vệ binh quản giáo, tôi không khỏi vuột ra nụ cười nhăn nhở:

"Măng này đem về Hànội cho bà chính trị viên nấu bún thì tuyệt phải không anh?"

Hắn trợn mắt:

"Ai bảo anh là măng này đem về Hànội?"

"Dạ, tôi chỉ nói chơi vậy thôi mà."

Rửa hết bùn đất ở tay chân, tôi sung sướng chờ giờ cơm. Hôm nay chúng tôi may mắn được có món canh lõng bõng rau đền (do chúng tôi trồng) nấu với cá thối. Có lẽ chính ủy muốn tù được chút bổ dưỡng để cố sức mà tìm đủ ba tạ măng khô. (Măng bóc vỏ, phơi khô mất đi ba trăm phần trăm trọng lượng. Tìm đến bao giờ cho đủ ba tạ chỉ tiêu?)

Sau giờ cơm, tôi mò sang tiểu đoàn 5 tìm bác sĩ R. nhưng xui xẻo cho tôi và cho bác Q., anh bị cán bộ quản giáo trưng dụng, không có mặt tại lều. Tôi bần thần nghĩ tới ông già đang vật vã sốt trong bệnh xá. Tù khỏe không được đi thăm tù bệnh. Có thể tôi chẳng bao giờ nhìn được mặt ông. Trừ khi chôn.

Nỗi âu lo này làm giảm phần nào niềm hạnh phúc lúc luộc măng. Cảm thấy món canh cá thối hôm nay đã là một điều may mắn không ngờ, tôi cố chống lại sự quyến rũ, để dành món ăn quý báu này cho ngày hôm nay.

. . . . . .

Tôi hăng hái đi đầu, đi tuốt vào rừng sâu, ra vẻ một tù nhân rất biết quý trọng những giờ phút lao động vinh quang cho . . . chính ủy. Thật ra, tôi cần được thưởng thức "chiến lợi phẩm" măng luộc một cách an ninh. Đã đến lúc phải đáp lời kêu gọi khẩn thiết của dạ dầy.

Với một tù nhân đã hai năm không còn được gia đình tiếp tế như tôi, mấy mụt măng đầu mùa đó đem lại một sự ngon miệng không lời diễn tả. Ngồi sát gốc tre già, ngước lên nhìn trời xanh loáng thoáng điểm vài cụm mây trắng nuốt, tôi lắng nghe nguồn sinh lực mới trỗi dậy. Tôi nắm lấy gốc tre, vuốt ve tấm thân vững chắc của nó, như thầm cám ơn nó đã cho tôi những mầm non tuyệt vời, những mầm ngọt ngào đem tinh diệu của đất trời chảy luân lưu khắp cơ thể.

No bụng rồi, tôi cảm tạ thiên nhiên. Tôi sung sướng tỏ tình cùng trời đất.

Vì mất gần tiếng đồng hồ mơ mộng, sau đó vẫn phải kiếm cho đủ số măng trong ngày, tôi về trại trễ. Bước vào cổng trại, trời đã tối mịt. Tôi lần mò vào láng tìm mấy món đồ ăn còn sót lại trong đợt thăm nuôi vừa qua. Láng vắng tanh. Tất cả tiểu đoàn đang lên lớp. Chưa kịp nuốt trôi củ khoai mì nguội lạnh để trong chiếc lon guizgoz và miếng đường thẻ, tôi đã giật bắn mình vì tiếng hô của vệ binh Lược:

"Lệnh của chính trị viên tiểu đoàn cho đòi anh."

Ba Chiến ngồi sau cái bàn gỗ do tù trại mộc đóng, vẻ mặt lầm lỳ. Hắn đưa tay kéo cái điếu bát rồi thong thả nhồi thuốc, châm đốm lửa hít một hơi dài, ngửa mặt nhả khói. Bất thần, hắn nhìn trừng trừng vào mặt tôi:

"Mày có ý định trốn trại. Tại sao về trễ? Âm mưu gì? Ý đồ gì?"

"Vì mải mê lao động, tôi lạc tuốt vào rừng sâu . . ."

"Láo. Thằng này láo. Đồng chí Lược đưa nó xuống hầm cách ly cho tôi."

Đêm xuống, Ba Chiến và vệ binh Nùng, một tên hắc ám nhất trại xách súng xuống hầm tìm tôi. Những trận đòn thù âm thầm trong đêm. Bịch bộp bốp chát.

"Cho mày chừa bép xép."

Tôi hiểu ra. Có kẻ đã báo cáo với Ba Chiến những lời tôi riễu cợt hắn vụ đem măng khô về cho vợ. Tội danh trốn trại chỉ là một cái cớ hợp lý để bắt nhốt tôi.

Bịch bộp bốp chát. Trong vị mặn của máu, tôi mơ hồ nghĩ tới dự định tìm thuốc trụ sinh cứu ông bạn già. Vậy là hư cha nó chuyện lớn. Q. có mệnh hệ nào là lỗi tại tôi.

Trước khi ngất lịm, tôi sung sướng thấy mình khóc vì đòn thù.

. . . . . .

Khi tôi tỉnh dậy, trời đã tối lắm. Căn hầm chật chội không đủ chỗ để duỗi chân, tôi thấy mình được đặt trong thế ngồi dựa lưng vào vách, hai đầu gối co lên ngang ngực.

Việc đầu tiên là tôi đưa tay sờ nắn khắp người xem có chỗ nào xương bị trật khớp. Toàn thân đau nhức rời rã nhưng rất mừng là xương còn nguyên vị trí cũ. Mấy cú đá của tên vệ binh vào bụng tưởng là đi đoong bộ ba sườn của tôi rồi. Tôi sờ lên mặt, đầu cổ. Hai má sưng vù nhưng không nhằm nhò gì, ngoại thương, vài bữa sẽ xẹp.

Tri thức trở lại cùng với nỗi ám ảnh thường xuyên. Tôi quờ quạng trong bóng tối và mừng rú khi vớ được mo cơm. Tôi ngấu nghiến chỗ cơm hẩm nhão nhoẹt với niềm hạnh phúc cực độ.

Tiếc là hạnh phúc ngắn quá. Tôi khoanh hai tay để vào bụng với cảm tưởng sẽ trấn áp được cái tiếng kêu rột rạt não lòng.

Vầng trăng thượng tuần yếu ớt chiếu qua lỗ cửa miệng hầm đem lại cho cái cũi giam người một vùng ánh sáng mờ nhạt. Đêm nay, ngoài cái đói lạnh thường lệ, còn có nỗi đau rã rời thân xác. Tôi nhắm mắt, nghĩ tới trận đòn, nghĩ cho đến độ niềm căm thù nóng bừng da mặt, phỏng cháy ruột gan. Nghiến ngấm mối thù cho đỡ đói. Rồi vì đói nên phải nghiến ngấm mối thù . . .

Chợt có tiếng người xì xào bên ngoài miệng hầm. Giọng nói dù cố tình hạ xuống thật thấp nhưng vẫn rõ mồn một trong lòng đêm yên tịnh của núi rừng.

"Anh ăn đi, ở ngoài này tụi nó không thấy."

"Ăn một lúc thì phí quá em ạ. Chén một nửa thôi còn một nửa gói lại để dành."

Tôi thót người như bị điện giật. Giọng của vệ binh Nùng, kẻ vừa tặng tôi trận đòn nhừ tử.

"Con gà thơm phưng phức. Ăn vào tỉnh cả người. Nửa này anh để dành lúc em về rồi mới đem ra chén."

Tiếng cười nhỏ của người đàn bà:

"Tội nghiệp anh."

"Em giỏi thật. Sao mà lo được cả con gà thế này. Tiền ở đâu ra thế hả em?"

Tiếng rù rì của đôi tình nhân nhỏ dần, cùng với bước chân họ rón rén đi xa. Lửa căm thù đang rừng rực ở trong tôi bỗng dưng nguội lạnh. Nếu không nhận ra giọng Nùng, tôi có thể cho rằng đó là cuộc đối thoại của một người vợ lính trèo đèo lội suối đi thăm chồng. Vậy ra Hấn và Tôi không khác? Cùng mơ ước được ăn cả con gà. Một niềm mơ ước vĩ đại mãi chưa đạt tới trong một xã hội đã lên đến tận đỉnh cao trí tuệ loài người!

Một anh chính ủy bắt tù kiếm măng rừng, một tên vệ binh rón rén ăn con gà trong bóng tối. Một niềm thèm khát mãi mãi không nguôi ngoai.

Khi nỗi đau đớn dấy lên từ cử động cựa mình, tôi nghĩ rằng tôi tha thứ cho những cú đấm đá của hắn. Một con giun bị xéo quằn dưới đất, một con người bị tước đoạt hết thẩy, kể cả quyền làm người chiến bại, bỗng dưng thấy tội nghiệp kẻ thù. Chính ủy Ba Chiến. Vệ binh Nùng. Tù nhân X.. Tất cả đều là những sản phẩm của một chế độ đã hoàn toàn thất bại, của một quê hương đã hoàn toàn nát tan.

Tôi tha thứ cho niềm căm thù trong lòng tôi.

Trăng vẫn nhạt thếch bên ngoài miệng hầm.

Mộng cũ

Buổi tiệc được tổ chức ở nhà Hóa. Mọi người cùng đùa cợt gọi là tiệc tẩy trần. Bụi phong trần của mười ba năm phiêu bạt bám trên áo, trên vai, trong mắt, trong lòng của những người bạn đã lớn lên cùng một thời, ở lứa tuổi đôi mươi đẹp tươi rực rỡ nhất.

X. và Hóa học chung trường, từ trung học lên tới đại học. Uyển là em họ của Hóa. Kha là chồng của Uyển, là bạn của X. và Hóa. Linh là bạn của Uyển, là em họ của Kha. Họ biết nhau đã lâu, từ lâu.

Hãy kể lại chuyện cũ về họ, ở một thời điểm và không gian trước khúc quanh lịch sử. Hãy kể một chút về thời đôi mươi của họ ở Việt Nam, nơi đó là quê nhà của họ, nơi đó, hồi đó, mọi việc còn có vẻ ở trong một trật tự theo dõi được.

Uyển đẹp đôn hậu, học Văn khoa. Linh xinh xắn, vui tươi, học Sư phạm. X. và Hóa học Khoa học. Kha theo ngành kiến trúc. X. có răng khểnh, cười rất tươi, chàng được kể là đẹp trai nếu thêm được vài phân chiều cao. Hóa người tầm thước, ít nói, nhưng thỉnh thoảng làm mọi người cười lăn vì vài câu khôi hài duyên dáng bất ngờ. Kha mới bắt đầu thích Uyển. Linh mới bắt đầu tập tành viết văn.

Và bây giờ, ở thời điểm mười ba năm sau, Linh muốn làm người kể chuyện. Chuyện của nàng rất ngắn, cực ngắn, chỉ thu hẹp trong một buổi tối. Linh chỉ muốn xắt một lát rất mỏng của ổ bánh mì thời gian.

. . . . . .

Do ngẫu lực của định mệnh, chúng tôi lần lượt

định cư nơi đây. Kha và Uyển cùng vượt biên từ năm bảy tám, cặp này được kể là có số may nhất trong bọn, vợ chồng con cái đề huề. Hóa trốn thoát năm tám mươi, ở Maryland một thời gian trước khi tới Seattle. Tôi tới Mỹ năm tám ba, sau khi nằm trong bệnh viện Thái Lan hết một năm ròng. X. là người định cư sau cùng.

Lúc được tin X., tôi có nghĩ về chàng trong vài phút. Giữa tôi và X. ngày xưa, không hề có một liên hệ tình cảm nào, X. nổi tiếng là "chuyên viên thất tình", danh từ của Uyển thân tặng. Dường như chàng yêu nhiều, nhưng toàn yêu lơ mơ, không đúng chỗ chẳng nhằm nơi. Trong vài phút nghĩ về X., tôi có thoáng tưởng tượng, nếu bây giờ gặp lại, chúng tôi có thể thích nhau không nhỉ? Tôi độc thân và chàng một mình.

Ý nghĩ, như một tấm áo không người mặc, như một căn nhà hoang cửa mở toác, như một bóng đèn dây điện trở đã hư, lạnh lùng không rung cảm đi qua đầu tôi. Sự liên tưởng tới X., trong nỗi thắc mắc có thể thích hay không thích đó, là một chứng cớ hiển nhiên tôi chưa hẳn thành một bà già, nhưng những nỗi bất hạnh đã qua trong đời khiến tôi trơ ra như một khúc gỗ. Tôi không yêu ai và không ai yêu tôi.

Uyển nói là X. vừa trải qua một cuộc ly dị, chàng ôm đứa con trai ba tuổi đi bụi đời. X. bị tù ba năm vì tội rải truyền đơn chống xã hội chủ nghĩa, sau đó trốn được qua Thái Lan, qua Nhật Bản, qua Mỹ, lấy vợ, và rồi hết lấy vợ. Coi bộ X. đau khổ đủ để trưởng thành. Điều thứ hai tôi nhớ về X., ngoài danh hiệu chuyên viên thất tình, là những hoài bão của chàng ngày xưa. Có lần cao hứng, X. bảo tôi — Thế hệ chúng mình phải làm cho Việt Nam không còn mặc cảm nhược tiểu. Muốn thế, mình phải lập ra một lý thuyết mới, đánh đổ chủ thuyết Cộng sản, khiến cho Tư bản cũng phải nghiêng mình kính nể — Ôi những giấc mộng thanh xuân đội đá vá trời! Chúng về đâu, sau mười ba năm dằng dặc?

Lúc gặp X., tôi ngạc nhiên về sự xấu trai và già nua của chàng. X. mập ra, một thứ mập bệu. Đuôi mắt chàng đã nhăn nhiều nếp, tia nhìn không còn linh hoạt. Duy nụ cười, còn đọng lại một chút thanh xuân. Cũng có thể là tôi thiếu công bằng khi cứ so sánh người đàn ông đang kề tuổi bốn mươi bây giờ với chàng thanh niên hai mươi mấy tuổi bao nhiêu năm về trời.

Chúng tôi chiên chả giò, nấu bún măng, chuyện vãn, uống rượu, ca hát, và cả đọc thơ nữa. Một sự tiêu xài thả cửa những gì có thể đem lại niềm vui. Uyển đọc *Bên Kia Sông Đuống* của Hoàng Cầm. X. vỗ tay dai nhất, khen hay tuyệt, nhưng rồi chàng khoát tay:

"Yêu cầu một cái gì gần gũi hơn với thời đại chúng ta đi."

Một khoảnh khắc yên lặng rồi tôi cất tiếng:

"Chúng tôi có hai mươi năm làm tuổi trẻ. Chưa bao giờ hưởng trọn một ngày vui. Khi lớn lên quê hương tràn lửa đỏ. Ôi mẹ đau niềm chia cắt hình hài . . . (1)

X. uống hơi nhiều. Chàng có vẻ bắt đầu say:

"Vẫn còn xa quá. Một cái gì gần hơn nữa. Ngay bây giờ. Một cái gì ngay bây giờ . . ."

Hóa hát:

"Em yêu bác Hồ Chí Minh. Có ai yêu nhi đồng hơn bác Hồ . . ."

Và Hóa cười ré lên:

X. giơ tay ngăn lại:

"Không giỡn. Không giỡn. Để cho Linh đọc thơ. Giờ phút của thơ. Và thơ mà thôi."

Tôi cất tiếng:

"Ta về, cúi mái đầu sương điểm. Nghe nặng từ tâm lượng đất trời. Cảm ơn hoa đã vì ta nở. Thế giới vui từ mỗi lẻ loi . . ." (2)

X. phê bình:

"Rằng hay thì thật là hay. Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào."

Linh coi chừng nhé. Giọng ngâm của cô so với những đêm thơ hồi xưa điêu luyện hơn nhiều, nhưng mà cũng não nùng . . . quá lắm."

Tôi làm bộ hỏi khó X. để lấn lướt nỗi xúc động vừa thoáng gợn trên vai:

"Nghĩa là anh bảo Linh . . . rên chứ không phải ngâm?"

X. cười:

"Cô mà nhiều chuyện tôi không khen nữa bây giờ. Thế còn viết văn không?"

"Chưa bao giờ viết thì làm sao *còn*?"

"Ơ hay. Cái cô này lạ nhỉ?"

Tôi mỉm cười, lấy lại vẻ nghiêm trang:

"Đùa anh đấy mà. Có lẽ Linh đang đợi. Đợi cho tư tưởng mình trưởng thành hơn chút nữa."

"Nếu cô viết, tôi yêu cầu viết thật mới mẻ. Làm sao để theo kịp cái nhịp sống vũ bão của thời đại mình đang sống, cái xã hội rộng lớn mình đang lọt thỏm trong đó. Viết kiểu cổ lỗ sĩ kể truyện cà kê dê ngỗng ngày xưa là trật nhịp."

Tôi thoáng bực bội:

"Thì . . . anh viết đi. Sao lại bảo Linh?"

Hóa cười to:

"Viết về sự thay tã cho thằng Hải đi."

Nhưng X. không cười theo. Có một khoảng gượng ngắn. Dường như mất Hóa thoáng buồn, nhưng không phải vì câu khôi hài của chàng không được hưởng ứng. Có lẽ Hóa biết về X. hơn tôi.

Uyển và Kha thì chỉ ngồi cười góp. Tôi không hiểu anh chị ấy nghĩ gì.

X. uống nhiều thêm. Chàng bắt đầu gật gù, lập đi lập lại một câu duy nhất:

"Chúng ta phải làm một cái gì. Này, tụi mình phải làm một cái gì chứ."

Khi đã mệt nhoài, chúng tôi nằm lăn queo xuống mặt thảm phòng khách, chợp đi một giấc ngắn.

Dường như có người vấp vào chân tôi và lắp bắp lời xin lỗi. Tôi tỉnh dậy, thấy X. đang loạng choạng vịn tay vào tường đi về phía phòng tắm. Tôi hỏi:

"Anh có sao không?"

X. trả lời tôi bằng tiếng ậm ọe trong cổ. Tôi nhỏm dậy, tới đỡ X. vừa lúc chàng muốn té.

"Anh ẩu tả. Uống nhiều quá. Đã can mà không nghe."

X. gập người, nôn thốc tháo xuống bồn rửa mặt. Mùi tanh chua khiến tôi lợm giọng, nín thở. Tôi với tay vặn nước lạnh cho X. chàng vốc nước lên mặt liên hồi.

Một lúc, mặt còn đầy nước, X. giữ nguyên thế khom người đó, quay nhìn tôi.

"Anh xin lỗi. Bê bối quá."

Mắt X. đỏ sọng, như một hồ nước đục ngầu, như một vùng không gian hun hút những cơn lốc xoáy tít, dữ dội. Những cơn lốc đưa tôi chờn vờn trở lại mặt biển gợn sóng, văng vẳng tiếng gào khóc và tiếng cười man rợ.

Chúng tôi đứng chết sững nhìn nhau vài giây. Một phút?

Sau đó, tôi run rẩy đưa tay vuốt mái tóc ướp nhẹp của X.:

"Thôi được. Chúng ta cùng mơ lại."

Những trang cuối của cuốn tiểu thuyết

Người thanh niên mở cánh cổng gỗ xiêu vẹo, đi qua một khoảng sân xi măng mới vào đến nhà. Anh ta gõ lên cánh cửa tróc sơn nhiều lần:

"Chú ơi. Chú. Chú có nhà không?"

Không có tiếng trả lời. Anh xoay thử quả nắm. Cửa không khóa. Người thanh niên đưa tay đẩy.

Ông già nằm xấp trên bộ ván gỗ, bàn tay còn nắm cán bút chì, đè lên tập giấy nhằng nhịt chữ bên dưới.

"Chú. Thôi chết. Chú làm sao thế này?"

Người thanh niên xốc ngửa ông già lên. Người bệnh bật vài tiếng ho yếu ớt. Mắt nhắm nghiền, ông ta nói phều phào. Người thanh niên cố cúi sát mặt xuống, nghe tiếng được tiếng mất:

"Huấn là X. Bình là X. Ngọ là X. Đứa nào là X.? Đứa nào cũng là X.. Ta cũng chính là X.. Ta nhập vào quần chúng. Quần chúng là ta. Viết như thế . . . ta đạt. Các anh mới chính là kẻ thất bại . . . Không thực thi nổi quan điểm . . . Không dựng nổi một nền văn học trong xã hội chủ nghĩa . . . Ta cười . . . trên sự thua cuộc của các anh . . ."

Người thanh niên không nghe thấy gì nữa. Anh gọi giật giọng:

"Chú. Chú Đoàn."

Đa thoại

Trần nhấc điện thoại gọi cho Steve vào một ngày mưa phùn. Chàng chẳng có việc gì khác hơn để làm. Vả lại, trời lạnh lẽo ướt át thế này, ngồi trong nhà tán chuyện văn chương với Steve cũng thú. Trần thủ trong túi áo bành tô một gói lạc rang 2 ounces.

Steve đón Trần bằng nụ cười dễ thương thường lệ của hắn:

"Vô đây."

Trong căn phòng thuê chật hẹp, cái bàn giấy là chỗ bắt mắt hơn cả, ngổn ngang những sách vở. Chiếc giường twin size chỉ chiếm một góc khiêm nhường ở tận phía trong cùng, sát tường.

"Ngồi chơi đi bồ."

Trần cởi áo khoác, vứt gói lạc rang lên bên và để rơi người xuống chiếc ghế đối diện Steve. Chân chàng đụng phải sọt giấy ngay dưới gầm bàn. Trần ngó xuống, sọt đầy ắp những tờ giấy trắng vò nhầu nát.

"Coi. Bồ đang nghiền ngẫm cái gì vậy hả?"

"Phải viết một bài về Mikhail Bakhtin và chủ trương heteroglossia của ông trong văn chương. Viết mãi chưa ra. Được vài trang lại xé. Bực quá. Tiểu thuyết đa thoại, cho nhiều nhân vật có tiếng nói, thay vì chỉ một, nghe thật hấp dẫn nhưng viết thì không đơn giản. Mỗi nhân vật có một đời sống, một cá tính, tự kể riêng chuyện của mình. Đa thoại sẽ khiến cho tác giả mất hẳn tính chủ quan, sẽ khiến những nhân vật nhập vào đa số quần chúng, hòa vào giòng lịch sử thời đại. Điều duy nhất nối liền lạc những nhân vật khác nhau này là một mẫu số chung, thể hiện bằng tâm cảnh, hay bối cảnh không gian nào đó. Tớ mê mải nghĩ suốt một ngày, mụ mẫm cả người. Bây giờ chỉ muốn đớp lạc rang. Nếu không phải nộp bài cho ông Couturie hắc ám thì tớ . . . dẹp quách."

"Dẹp cái gì? Bồ mê văn chương hơn mê tình nhân mà. Này, tớ có một tập bản thảo, viết bởi một nhà văn ở quê hương của tớ, xa tít tắp bên kia bán cầu. Dường như ông ta dùng đúng cái kỹ thuật mà bồ vừa nói đó. Tớ đọc đi đọc lại nhiều lần tập bản thảo, gần như thuộc lòng. Bồ muốn nghe kể chơi không?"

"Cái gì? Còn phải hỏi. Kể ngay đi chứ còn ỡm ờ gì nữa."

"Vác chân lên bàn đi. Rồi. Để lạc rang ra cho dễ lấy. Tớ nhớ như in đoạn nhập của tập bản thảo . . ."

. . . . . .

Tôi đợi hắn đã nhiều ngày. Những buổi chiều cuối năm trời màu xám buồn bã . . . ☼

TRẦN DIỆU HẰNG

Tháng Mười Hai 88

(1) "Chúng tôi có hai mươi năm làm tuổi trẻ" , thơ, giai phẩm Mê Linh 1969

(2) Thơ tù gửi ra hải ngoại

Thái Tuấn
90

NGHỆ THUẬT KHAI PHÁ:

NHÓM SÁNG TẠO

TÚY HỒNG

Năm 1954, hiệp định Genève cưa ngang quê hương Việt Nam, kéo ngót một triệu người Bắc di cư vào cõi tự do làm lại cuộc đời. Sự ra đi của ngót hai triệu bàn chân này đã tố cáo tội ác số một của Việt Cộng, kẻ đã làm ra bốn tội ác: thứ nhất, cuộc đấu tố địa chủ ở miền Bắc; thứ hai, vụ án Nhân văn Giai phẩm; thứ ba, vượt biên sau 1975; thứ tư, giam người vào trại cải tạo.

Vào đến miền Nam, một số trí thức trẻ tuổi gồm các nhà văn, nhà biên khảo, thi sĩ, họa sĩ và một nhạc sĩ len lẫn giữa làn sóng người di cư thành lập một văn đoàn mang tên "Sáng Tạo" qua sự cố vấn của Bác sĩ Trần Kim Tuyến, và qua sự bảo trợ tinh thần của cơ quan thông tin Việt Mỹ thời bấy giờ.

Nhà thơ Đỗ Quý Toàn bảo rằng cuộc biến chuyển lịch sử 1975 đã mở ra một nền văn chương "chính thống tại hải ngoại", dựa vào lời nói đó, tôi nghĩ rằng cuộc biến chuyển lịch sử 1954 đã khai sinh một ngọn triều văn học phá vỡ và sáng tạo, chói lóa và ngạo nghễ, để làm mới Việt ngữ và, đúng hơn, để đối lập trực diện với nền văn học độc tài của cộng sản miền Bắc.

Tháng Mười năm 1955, những chứng nhân của tội ác đấu tố tại miền Bắc đó đã cho ra mắt tờ báo mang tên "Sáng Tạo", tờ báo được giới trẻ, giới trí thức và sinh viên cùng học sinh yêu văn nghệ hoan nghênh chào đón.

Phát ngôn viên của nhóm Sáng Tạo, nhà văn Mai Thảo tự lên tiếng cổ động và ngợi ca nhiệt liệt:

* Nhóm Sáng Tạo đem ngọn lửa văn hóa vượt vĩ tuyến chói lên ở đây hôm nay.

* Năm 1954 còn ghi lại, chói lọi, cái đẹp ấy của mùa mới, cái đẹp ấy của lên đường. Ta từng đi chật đất. Ta từng có lớp lớp. Ta từng đến hàng hàng. Những khởi đầu của từng hoạt động văn học, từng phát động nghệ thuật nói chung của chúng ta tuyệt đúng, tuyệt đẹp . . .

* Lên đường thứ nhất khởi sự từ Lên Đường Lớn: từ hiệp định chia đôi đất nước, từ Bến Hải và vĩ tuyến 17, theo những bước chân trùng trùng của di cư một triệu. Đội ngũ tiền phong của nó là Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Tô Thùy Yên, Quách Thoại, Nguyễn Sĩ Tế, Doãn Quốc Sĩ, Cung Trầm Tưởng, Hoàng Anh Tuấn, Nguyên Sa . . .

* Lên đường lần thứ hai: Viên Linh, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Du Tử Lê, Đỗ Quý Toàn, Trần Đức Uyển, Nguyễn Thụy Long, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Dương Nghiễm Mậu, Quách Thoại.

* "Chất nổ ném vào. Cờ phất. Xuống núi, xuống đường. Ra biển, ra khơi. Và cuộc cách mạng tất yếu, và biện chứng của văn chương đã bắt đầu. Những trào lưu cạn dòng phải nhượng bộ rút thoát cho những ngọn triều lớn dậy thay thế."

Qua lời Mai Thảo, người có hoa tay trên những trang tùy bút, nhóm Sáng Tạo đã ra công làm mới một nền văn học đã cũ, ra công khai tử và chôn cất một nền văn học ốm đau còm cõi nào đó; và, qua lời ông, những người làm văn nghệ lớp sau có thể hiểu rằng ta yêu Nguyễn Du, ta yêu Nhất Linh Khái Hưng và nhóm Tự Lực Văn Đoàn, ta yêu những tiền nhân khác, không có nghĩa là ta dẫm lên những dấu chân cũ của họ đã in xuống, mà ta phải khai phá một nền nghệ thuật sáng tạo mới trong một tinh thần nào đó.

Theo nhạc sĩ Cung Tiến, thì ngoài những đóng góp làm mới Việt ngữ, làm giàu tư tưởng, họ còn tạo nên một ý thức tự do của công tác sáng tạo văn học thật rõ và đúng là đối kháng trực diện với nền văn học độc tài của cộng sản phát xít. Phần sau mới chính là sự đóng góp tích cực và chói sáng của họ; và tất nhiên, họ đã có công mở đầu cho cả một nền văn học "hậu Genève" tại miền đất Việt Nam tự do từ năm1954 đến 1975. Doãn Quốc Sĩ và Nguyễn Sĩ Tế là hai trong những cây cột trụ của tòa kiến trúc văn học mới, tự do, nhân bản của miền Nam ta, và, đó là lý do chính mà cộng sản còn tiếp tục giam giữ hoặc bắt giam

họ trở lại sau khi vừa mới thả.

Mai Thảo: nhà văn
Thanh Tâm Tuyền: nhà thơ
Doãn Quốc Sĩ: nhà văn
Nguyễn Sĩ Tế: Bình luận văn học
Tô Thùy Yên: nhà thơ
Duy Thanh: họa sĩ
Ngọc Dũng: họa sĩ
Cung Tiến: nhạc sĩ.

Giữa viết và vẽ, giữa viết và đặt nhạc, công sản vốn ưa trừng trị những kẻ cầm bút để viết hơn. Trừ Mai Thảo trốn được đi Mỹ, tất cả thành viên khai phá nhóm Sáng Tạo đều bị cộng sản bắt bỏ tù từ bảy năm trở lên cho đến bây giờ vì những gì họ đã viết ra. Riêng Doãn Quốc Sĩ thì lãnh đủ tiền án và hậu án để khắc khoải chờ ngày ra tù. Thử hỏi nếu Mai Thảo không trốn được sang Mỹ, bao nhiêu năm tù tội sẽ úp chụp xuống đời ông?

Sự làm mới Việt ngữ của nhóm Sáng Tạo

Trong thể văn xuôi một số người trong nhóm Sáng Tạo đạp đổ những kiểu viết cũ, đả phá những hình thức diễn đạt tư tưởng của những kẻ không cùng nhóm. Họ cố tình dùng những bút pháp lập dị, bí hiểm: lúc thì thật tân kỳ lạ hoắc, lúc thì bay lượn lả lướt, lắm lúc đâm ra uốn ẹo làm dáng. Họ thay đổi cách chấm câu, biến đổi văn phạm. Họ chấm câu lung tung, nhiều khi mới viết một chữ đã chấm câu rồi, hai chữ cũng chấm câu, nhiều khi suốt 25 giòng không có lấy cái chấm. Đối thoại cũng không xuống hàng, đối thoại một đoạn dài làm như văn tả cảnh hoặc tả tình.

Cách sử dụng từ ngữ của họ thật kêu, thật rung, thật điệu.

Phần trích dẫn, mời độc giả đọc một vài câu trong cuốn "Chân dung mười lăm nhà văn nhà thơ Việt Nam" của Mai Thảo.

— Trở về Hànội trở về Sàigòn. Trở về những mảnh tôi xưa. Trở về những phiến ta trước. (trang 106)

— Hèn nào đời sống vẫn băng băng, thế sống vẫn lấp lánh, dáng sống vẫn múi kiếm. (trang 156)

— Cái chung quanh Mỹ. Bữa điểm tâm Mỹ. Nhận như vậy, cái năm nay. Nhận như thế cái năm sau. Sự thỏa thuận dịu dàng như cái cử chỉ mỗi buổi sáng thắp một nén hương lên bàn thờ Phật. (trang 168)

— Nhưng "đời đã chẻ đôi hai nhánh" mà bao giờ cũng chỉ là không cùng là văng vẳng tiếng chuông xưa. Huế. Cuối cùng vẫn chỉ là Huế. (trang 77)

— Tới hết đêm. Tới sáng. Và lại thấy một số khúc thơ mưa trở lại với hồn mình. Eluard. Mưa rơi trong lòng người. Mưa rơi trên thành phố.

TRÂN SA

Men mùa hạ

Chiều mang tiếng nói đi theo gió
Mang theo ngọn nắng khuất về Tây
Có chi trong nắng mà tôi nhớ?
Một giọng cười hay sợi tóc bay?

Có chi trong tiếng mà tôi nhớ?
Một chút ân cần, một chút vui?
Có chi như mật trên môi đó
Ngọt với muôn người, hay chỉ tôi?

Có chi như thể trong vườn lạ
Nở một nhành, ôi đẹp bất thường
Có chi xanh mượt như cây lá
Vẽ lại trần gian vốn thật buồn

Có chi như thế hương mùa Hạ
Tiễn một mùa Đông đã quá dài
Ô hay cứ tưởng tim thành đá
Lại đập hồn nhiên mấy nhịp sai

Cứ đến rồi đi và trở lại
Cứ cho tôi nhớ hết đêm này
Ngày mai cứ nắng, đừng mưa nhé!
Cứ vẫn ngọt ngào như bữa nay

Chiều mang tiếng nói đi theo gió
Mang theo ngọn nắng khuất về Tây
Có chi trong nhớ mà tôi ngỡ
Men nồng chưa chuốc, vội vàng say . . .

NGUYỄN TTHANH BÌNH

Mây

Dưới lũng mây hoang vừa rơi xuống
Trên đồi tóc xõa vẫn liêu trai
Có ai vừa dặm về rất muộn
Sầu soi mấy cụm cũng một vài.

Trở lại đó con đường tình dại
Giòng khe buồn chảy vẫn lách lau
Rừng đã vắng tiếng xưa dội mãi
Lá thay màu điểm một cành đau.

Biệt

Nửa khuya trăng lạnh lưng đèo
Ngựa hồng giục vó yên vèo vèo phi
Đường xa gió lộng sá gì
Vực truông đau nhọn thêm vì tiễn đưa
Bước đi dấu lối song thưa
Thôi đành ngõ vắng ậm ừa trường giang.

Trần Huyền Trân. Mưa âm thầm trên thân thể thi sĩ. Mưa rét mướt trên phố phường Hànội. Tô Thùy Yên. Mưa trên nón sắt, buổi sáng hành quân, (trích báo *Văn*)

Về thi pháp, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên và một số nhà thơ tự do khác gạt bỏ lề luật cổ điển của các loại tứ tuyệt, ngũ ngôn, thất ngôn bát cú, song thất lục bát, họ phóng tay làm những bài thơ so le những câu ngắn dài, xuống hàng lung tung như văn xuôi viết xuống, bất kể quy tắc, bất kể sự cân đối mực thước cùng nhịp điệu. Có lẽ, lối gieo vần của những thể thơ đang hiện hành quá gò bó tù túng, người thi sĩ không thể diễn đạt được những nguồn hứng tràn lan từ nội tâm, những tư tưởng vỡ bờ, thác loạn không thể khép vào quy luật và khuôn phép bắt buộc, nên, để mạch thơ được chảy thảnh thơi dạt dào, hơi thơ không bị kềm tỏa, thi tứ không bị ngăn chận, nhóm Sáng Tạo đã tung tay ném thơ tự do hồi đó vào những ngõ ngách bí hiểm, những vòm trời xa tít rộng mở.

Về phía độc giả hồi đó, số thì hoan nghênh lối thơ lột xác đó, số thì bảo rằng nhóm Sáng Tạo cố bôi đen những điều mình viết ra để độc giả không hiểu muốn nói gì ở trong. Nhà thơ Thanh Tâm Tuyền đã oang oang trong một bữa nhậu:

"Đàn bà thì viết văn làm thơ nỗi gì? Viết cái gì mà ý tưởng rõ mồn một, đọc vào biết ngay muốn nói cái gì. Phải bôi đen, phải che lại để độc giả đọc vào không biết mình nói cái gì . . . Phải vậy không những Túy Hồng, những Thụy Vũ?"

Việc làm của nhóm Sáng Tạo, cho dù đó là một hiện tượng lập dị, việc làm của họ đã nói lên sự tích cực và lòng can đảm, tức là cái công của họ, công trình khai phá đưa thơ văn thời hậu Genève vào vị thế quý báu trong kho tàng văn chương Việt Nam.

Em gối đầu sương xuống
Chuyện trò bằng bóng hình
Tôi đẹp như hình tôi
Như cuộc đời
Như mọi người
Em là lá biếc là mây cao là tiếng hát
Sớm mai khuya thức nhiều nhớ thương
Em là cánh hoa là khói sóng
Đêm màu hồng
(Thanh Tâm Tuyền - Bài ngợi ca tình yêu)

Chiều trên phá Tam Giang
Mày nhìn con nước xiết
Chảy bằng bờ bãi ngổn ngang câm
Nghĩ tới nghĩ tới những công trình mày có thể hoàn thành.
Mà rồi mày bỏ dở
Nghĩ tới kiếp người lỡ độ đường
Trên mịt mùng nghi hoặc
Nghĩ tới thanh xuân mất tích tự đời nào.
Còn lưu hậu chua cay hoài vọng
(Tô Thùy Yên - Chiều trên phá Tam Giang)

Ý thức tự do trong công tác sáng tạo

Sáng tạo phải chăng là một nhóm người Âu hóa, tư tưởng chính trị nặng ảnh hưởng nền dân chủ phương Tây, họ yêu thương mình, yêu thương cái tôi . . . nhưng, ẩn sâu trong những bài viết suy tôn tự do cá nhân ta vẫn tìm được thứ tình yêu lớn nhất, đó là tình đất nước, yêu miền Nam Việt Nam, yêu cái mũi Cà Mau, con sông Cửu Long, thành phố Sàigòn . . . Họ viết, tạo dựng khai phóng là trên hết; phá phách, đạp đổ chỉ là phần nhỏ với những áng văn thơ siêu hình, tượng trưng, bí hiểm, hiện sinh, tự do. Ai đã bảo người viết văn làm thơ không có kẻ thù khi nhóm Sáng Tạo nhắm vào miền Bắc mà chống đối? Viết văn làm thơ, bạn chưa xuất đầu lộ diện nhưng kẻ thù đã ló mặt.

* Từ xưa, đa số văn thi sĩ Việt Nam thường mang nặng kiếp nghèo, đặc biệt trong nhóm Sáng Tạo, phần lớn kẻ cộng tác đều là công chức hoặc tư nhân có mức sống cao.

* Thoạt tiên, người ta nghĩ nhóm Sáng Tạo là những cây bút cực hữu vì qua những tác phẩm của họ, họ tỏ rõ một thái độ chống Cộng bằng chữ, bằng lời, công khai và dứt khoát; và, cũng qua những chữ họ viết, họ mơ ước một miền Nam, một quốc gia tại miền Nam mà lý tưởng không cần bằng đi sát thực tế để góp sức hành động, họ đả phá tất cả các đảng phái, coi thường chính phủ và không ưa giai cấp tướng tá . . . nhưng, đó chỉ là cái nhìn chung chung, riêng hơn và thật hơn, nhóm Sáng Tạo đã tiếp tục trùng tu và tân trang một nền văn học nhân bản chống đối lại chính sách văn hóa chuyên chế và độc tài của cộng sản qua ý thức tự do trong thể cách làm văn học như lời nhạc sĩ Cung Tiến đã nói. Ở Bắc, văn nghệ sĩ phục dịch chính quyền bất cứ chủ trương nào chiều hướng nào, giai đoạn nào như là chủ trương đoàn kết toàn dân, hoặc chủ trương san bằng giai cấp. Lúc chính quyền còn son sắt với Trung Cộng, thôi thì làm văn làm thơ tôn vinh tình bang giao; lúc những chính quyền bạc bẽo với Trung Cộng, tức khắc trở mặt chửi liền.

Sau năm 1975, Lưu Hữu Phước ra lệnh đốt sách thiêu cháy tất cả tác phẩm của 56 văn thi sĩ miền Nam. Năm 1976, bộ ngoại giao Anh ghi vào hồ sơ những biến chuyển trong vụ thất thủ Sàigòn, phân tích những số báo *Giải Phóng* của Việt Cộng đã xuất bản, bình luận những tin tức do đài Sàigòn loan đi, đã đưa ra một nhận định rất thê thảm về hiện tình miền Nam là không có tắm máu như ở Cao Miên vì bài học Tàu cho biết rằng để bọn quốc gia sống lợi ích hơn giết chúng chết, vừa sẵn nhân công không mất tiền, vừa được tiếng với thế giới, vừa trấn an được dư luận trong nước. Không có tắm máu thì có những trại

tù cải tạo.

Tại hải ngoại lúc này, người ta đang phổ biến một số tác phẩm của Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo v.v. và đang cổ động một phong trào đọc sách của các tác giả cộng sản, đọc "Dòng văn nghệ phản kháng từ trong nước"! Tôi chưa đọc Dương Thụ Hương với Trần Mạnh Hảo chữ nào, nhưng tôi tin không có cái dòng văn nghệ phản kháng đó vì tất cả ai ai sống với cộng sản cũng phải ngậm miệng!

* Mai Thảo chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật và ông đem bản thân ông ra phục vụ nghệ thuật, không lấy vợ, không sinh con. Người viết tùy bút có hoa tay đó hơn một lần bị dư luận nghiêm phán: Văn chương Mai Thảo là một nồi phở nhiều bột ngọt ít xương! Viết không thật, không thành công. Nếu Mai Thảo viết giả, làm sao ông có thể thành công cho tới bây giờ?

Mai Thảo đã ném vào văn chương cái nhìn mới để viết ra những câu văn bất thường, ông đã trút bỏ được một số triết lý tẻ nhạt, một số giáo điều quốc gia khô khan. Gần 30 cuốn sách đã xuất bản của ông, cuốn nào cũng bán chạy và tái bản nhiều lần. Thụy Vũ có một thời gian xuất bản sách, đã bảo: "Sách của Mai Thảo lúc nào cũng bán được ở hàng nhì, nhiều tác giả thời thượng năm này vọt lên hàng đầu có sách bán chạy, năm sau lại trụt xuống ngay, còn sách của Mai Thảo lúc nào cũng bán được đều đều". Độc giả Việt Nam hồi đó không yêu ông ở phần tư tưởng bằng thích ông ở những câu văn bất thường, kêu và rung.

Từ năm 1955 tờ báo "Sáng Tạo" ra đời cho đến nay, lẻ tẻ vài nhà văn đã cố tình bắt chước giọng văn của Mai Thảo và điều đó đọc lên ai cũng nhận ra ngay.

* Lâu nay, thơ vẫn được coi như dấu hiệu của tình cảm như tình yêu đôi lứa, tình quê hương, tình người . . . Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên, hai nhà thơ khai phá đầu tiên ở Việt Nam đã đưa ra những suy tư khô khan của triết lý, của chính trị, của óc não, những băn khoăn siêu thực lần mò tới cõi siêu hình vào dòng thi ca của họ. Điều này đã làm cho họ trở nên hai nhà thơ hàng đầu của nền thi ca Việt Nam thời kỳ hậu Genève. Thanh Tâm Tuyền còn là một nhà văn lớn của Việt Nam với một ít tiểu thuyết bí hiểm và siêu thực.

Sau 1975, Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên cũng bị chính quyền mới giam giữ cùng một số phận với Doãn Quốc Sĩ, Nguyễn Sĩ Tế.

Doãn Quốc Sĩ, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Sĩ Tế . . . Họ là những tiểu thuyết gia tiêu biểu nhất của dòng văn chương đối kháng tại miền Nam sau 1954, là những nhân chứng không hề biết khai man của cuộc chiến.

Trong bộ trường thiên tiểu thuyếtr "Khu Rừng Lau", Doãn Quốc Sĩ đã phân tích rất tỉ mỉ những học thuyết chính trị, đả kích tất cả đường lối hoạt động của các đảng phái tại miền Nam và minh định rõ rệt lằn ranh giới giữa quốc gia và cộng sản. Doãn Quốc Sĩ không về phe một đảng phái nào cả khác với Nhất Linh thời tiền chiến, Nhất Linh đả kích Việt Minh và gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng. Một số tiểu thuyết thuộc loại tranh đấu lý tưởng của Nhất Linh đã lên tiếng mời gọi tuổi trẻ hãy bỏ nhà hoặc bỏ nước ra đi hoặc buôn lậu, hoặc buôn thuốc phiện, buôn khí giới để hoạt động theo chính nghĩa ái quốc của Việt Nam Quốc Dân Đảng như Dũng và Trúc trong "Đôi Bạn" đã có ý định cỡi ngựa sang Tàu rồi sẽ dùng cáng để đi qua Nga: "Còn gì thích hơn một cuộc đời sống không biết ngày mai ra sao, cũng như đi thế này, đi vào chốn xa lạ không biết trước sẽ tới đâu . . . Sang bên Tàu rồi, tôi với anh sẽ dùng cáng để đi sang Nga như các cụ xưa đi sứ. Tôi khênh một đầu, anh khênh một đầu, cứ thế đi đỡ mệt hơn đi ngựa nhiều". (Đôi Bạn, trang 230-231)

* Doãn Quốc Sĩ là một tiểu thuyết gia với một dòng văn chương bất tận. Chất sáng tạo trong tác phẩm Doãn Quốc Sĩ là cái chính tâm muốn kiến tạo một chủ nghĩa quốc gia tại miền Nam tự do. Truyện của ông có hậu, nhân vật đa số trai hùng gái đẹp đem cuộc đời phục vụ xã hội. Doãn Quốc Sĩ là một chiến sĩ văn hóa trên tuyến đầu chống cộng. Trước năm 1975, cuộc chiến đã nghiêng hẳn phần thắng về phía cộng sản rồi, một số nhà văn không dám chống Cộng vì sợ sau này bị trả thù. (Nhà văn Tư Trời Biển trước kia cũng chống Cộng một cách nghênh ngang lắm). Đài phát thanh "Mẹ Việt Nam" ngày xưa, người Mỹ đã mua một ít sách báo của cộng sản cho các biên tập viên dùng làm tài liệu, mỗi lần đến đưa bài, tôi vẫn đọc lén thấy tên nhà văn này sẽ phải trả nợ, nhà văn kia sẽ bị trừng trị . . . mà sợ.

Doãn Quốc Sĩ là một nhà văn thơ mộng nhất, viết nhiều nhất trong số những nhà văn không hành nghề viết feuilleton . . . và đó cũng là một trang anh hùng, như Phan Nhật Nam . . .

Những biến chuyển chính trị thường kéo theo những ngọn triều văn học sau đó. Nhà thơ Đỗ Quý Toàn cho rằng mất quốc gia năm 1975 đã làm nên một nền văn học chính thống ở hải ngoại. Điều đó tôi nghĩ chưa chắc đã xác thật bằng cuộc di cư năm 1954 đã bùng chói sức khai phóng ngọn triều văn chương mang tên là Sáng Tạo. ☼

(Trích phần mở đầu của loạt bài nhận định về nguồn văn chương khai phá, nhóm Sáng Tạo)

TÚY HỒNG

14 tháng Chín 1990

KHOA CỬ THỜI CẢI CÁCH

ĐỊA VỊ CHỮ QUỐC NGỮ VÀ CHỮ PHÁP HỒI ĐẦU THẾ KỶ XX

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

Sau khi chinh phục nước ta bằng vũ lực Pháp nghiên cứu phép cai trị của "dân bản xứ", nhận thấy quyền hành nằm cả trong tay vua quan. Câu hỏi họ đặt ra lúc ấy là nên giữ hay nên bỏ chế độ cũ? Sau khi thử đi, tính lại, họ quyết định duy trì trật tự có sẵn chỉ "chặt bớt tay chân" nhà vua để giảm sức phản kháng của triều đình bằng cách tước hết quyền hành của các quan, biến bọn này thành những người thừa hành mệnh lệnh của họ, do đó khoa cử được tiếp tục tổ chức. Để tỏ ra "nước mẹ' vẫn quan tâm đến vấn đề khai hóa "dân bản xứ" và cũng thể theo lời yêu cầu của một số trí thức của ta, nhà nước Bảo hộ đưa ra những đề nghị cải cách khoa cử.

Theo Bằng Vũ (*Thế Kỷ 21*, số 14) thì nghị định cải cách do Toàn quyền Doumer ký từ 6 tháng Sáu 1898. Tôi chưa được đọc nghị định này (1) song tôi nghĩ chính nó là cha đẻ ra đạo dụ Thành Thái năm thứ XVIII (1906) bắt các thí sinh phải thi môn chữ Pháp kể từ 1903 theo Doumer, kể từ 1907 theo Thành Thái. Tại sao phải đợi tám năm triều đình ta mới "biến" được nghị định của Doumer thành sắc dụ? — Có thể do sĩ phu nhao nhao phản đối và triều đình cũng nhận thấy khó lòng thực hiện nổi chính lệnh của Doumer trong một thời gian quá ngắn cho nên sau khi bàn ra tán vào, triều đình mới quyết định, năm 1906, thành lập một Hội đồng Học vụ để quy định phép học và phép thi, bắt đầu áp dụng từ năm 1907. Như thế có nghĩa là những khoa thi Hương năm 1900, 1903, 1906 vẫn được tổ chức y như cũ, chữ Hán vẫn chiếm địa vị độc tôn.

Về phép thi Hương, Hội đồng quyết định như sau:

Kỳ 1 (cũng gọi là trường 1): 5 đạo văn sách hỏi về luân lý, sử, địa, luật, chính trị.

Kỳ 2: 3 bài luận quốc ngữ (văn, sử, địa, cách trí)

Kỳ 3: 2 bài chữ Pháp: 1 bài chữ Pháp dịch ra quốc ngữ và 1 bài chữ Hán dịch ra chữ Pháp.

Kỳ 4: Phúc hạch: 1 luận chữ Hán, 1 luận chữ quốc ngữ, và 1 bài chữ Pháp dịch ra chữ Hán.

Ta nhận thấy mỗi khoa vẫn chỉ có bốn kỳ như thường lệ, nhưng kể từ nay chữ quốc ngữ và chữ Pháp đều là những môn thi bắt buộc như chữ Hán.

Ta cũng nhận thấy chữ Nôm không được nhắc đến. Chữ Nôm tuy được đặt ra từ lâu và đã cống hiến cho nền văn học nước nhà những áng văn thơ bất hủ, song trừ một vài trường hợp đặc biệt như dưới thời Mạc Mậu Hợp, đề mục kỳ đệ tứ khoa Tiến sĩ năm 1565 là một bài phú Nôm (2) và dưới thời Quang Trung, kỳ thi Hương ở Nghệ An khoa 1789 bài làm viết bằng chữ Nôm tuy đầu bài vẫn bằng chữ Hán — Nguyễn Thiếp tức La Sơn Phu Tử làm Đề diêu (Chủ khảo) (3) — còn thì chữ Nho vẫn chiếm địa vị độc tôn, thứ nhất, dưới triều Nguyễn. Nhà nước phong kiến coi chữ Hán mới đủ nghiêm túc để "chở đạo", để bàn những vấn đề "kinh bang tế thế", chữ Nôm chỉ được dùng những lúc giải trí, vui chơi ngẫu hứng, tuyệt nhiên không được có mặt trong các kỳ thi, bởi khoa cử kén người ra gánh vác những việc "quốc gia đại sự" nên không dùng đến thứ chữ "nôm na mách qué" ấy!

Trên nguyên tắc, chương trình cải cách sẽ được áp dụng từ những năm 1907, song trung bình ba năm mới có một khoa thi, mà năm 1906 vừa trùng với khoa thi Hương năm Bính Ngọ, nên chỉ có thể thực sự áp dụng cải cách vào khoa kế tiếp, năm 1909, trừ phi có ân khoa, tức là một khoa ngoại lệ được tổ chức vào những dịp vui mừng đặc biệt như vua mới lên ngôi chẳng hạn. Năm 1907 của vua Duy Tân lên kế vị vua cha Thành Thái vừa bị hạ bệ, song tôi không nghe nói có ân khoa nào trong dịp này.

Đáng lẽ quyết định của Hội đồng được áp dụng kể từ 1909, nhưng có thể vì sĩ tử phản đối hay vì chính quyền nhận thấy khó lòng thực hiện được nên đến năm 1908 lại thành lập thêm một Hội đồng cải cách Học vụ (Conseil de Perfectionnement de l'enseignement indigène) sửa lại những quyết định năm 1906 của Hội đồng Học vụ như sau:

a) Thi Hương

Kỳ 1: 5 đạo văn sách

Kỳ 2: 2 bài luận chữ Hán

Kỳ 3: 3 bài luận chữ quốc ngữ.

Trúng kỳ 1 mới được vào thi kỳ 2, trúng kỳ 2 mới được thi kỳ 3, trúng cả ba kỳ, ai tình nguyện thi chữ Pháp sẽ dịch một bài chữ Pháp ra quốc ngữ, ai không thi không bắt buộc.

Kỳ 4: Phúc hạch: 1 bài luận chữ Hán (kinh, sử), 1 bài luận chữ quốc ngữ (cách trí, địa dư, sử)

b) Thi Hội

Kỳ 1: 7 đạo văn [kinh, truyện (4), Nam sử, Bắc sử, Thái tây liệt quốc sử, cách trí, địa dư, luật nước nhà].

Kỳ 2: 1 bài chiếu dụ, 1 bài tấu sớ, 1 biểu văn (5): đều bằng chữ Hán, văn kim.

Kỳ 3: 1 luận bằng chữ Hán, 1 luận chữ quốc ngữ

Kỳ 4: 7 đạo văn sách (địa dư, chính trị Đông Dương, chính trị nước ta, nhân vật nước ta, hiến chương sáu Bộ, thời vụ) (6)

Ta nhận thấy kỳ này thi Hương có thêm một kỳ đặc biệt dành cho những ai tình nguyện thi chữ Pháp. Câu thơ "Bốn kỳ trọn vẹn, thêm kỳ nữa" có phải đã được Tú Xương viết sau khi có quyết định này không? Chắc chắn là không bởi vì nhà thơ đã mất ngay từ năm trước (1907), ta chỉ có thể phỏng đoán rằng tuy dự tính cải cách đến 1908 mới chính thức công bố, song dân chúng đã được nghe phong thanh từ trước.

Sau khi công bố, chương trình cải cách có được triệt để áp dụng không? Tôi thu thập được chi tiết hai khoa thi Hương 1909 và thi Hội 1910, xin chép cả ra đây:

a) Thi Hương khoa 1909, trường Hà Nam (7)

- 5/11/1909 Kỳ 1: 5 đạo văn sách (tu thân, ngũ luân, Nghiêu Thuấn và Khổng Tử, khoa cử Trung Quốc và khoa cử thời nhà Lê, phép cai trị Đông Dương). Kỳ 1 có 3068 Thí sinh, 934 người đỗ, được phép thi kỳ 2.
- 25/11/1909 *Kỳ 2:* 2 bài luận chữ Hán (kinh, sử). 408 người đỗ, được dự thi kỳ 3.
- 2/12/1909 *Kỳ 3:* 3 bài luận quốc ngữ (văn, địa dư, khoa học và tính đố). 261 người đỗ được vào Phúc hạch.
- 8/12/1909 *Kỳ thi đặc biệt:* dành cho những ai tình nguyện thi chữ pháp. Đề mục là một bài chữ Pháp đơn giản dịch ra chữ quốcngữ. 32 người thi, 20 người đỗ.
- 11/12/1909 *Kỳ 4 - Phúc hạch:* 1 bài luận chữ Hán. 1 bài luận chữ quốc ngữ: đều hỏi về đạo trị nước. Lấy đỗ 50 Cử nhân và 150 Tú tài.
- 16/12/1909 *Yết bảng và lễ Xướng danh.*

b) Thi Hội khoa 1910 (8)

Kỳ 1: 10 đạo văn sách (chứ không phải 7) hỏi về kinh, truyện, Nam sử, Bắc sử. Chỉ làm sáu bài cũng đủ, ai giỏi muốn làm nhiều hơn càng tốt.

Kỳ 2: 1 bài chiếu dụ, 1 sớ tấu, 1 biểu: đều bằng chữ Hán, văn kim.

Kỳ 3: 1 bài luận chữ Hán, 2 bài luận quốc ngữ (đầu bài bằng chữ Hán, bài làm viết quốc ngữ).

Kỳ 4: 10 đạo văn sách hỏi về Thái tây, cách trí, địa dư nước nhà, nhân vật nước nhà và thời sự.

Ai trúng cả ba kỳ đầu và tình nguyện thi chữ Pháp sẽ dịch một bài chữ Pháp ra quốc ngữ. Đầu bài do tòa Khâm sứ ra, chọn một đường quan (quan lớn ở kinh) người Việt hiểu chữ Pháp chấm. Theo *Quốc Triều Đăng Khoa Lục* thì các khoa thi Hội năm 1901, 1904, và 1907 vẫn được tổ chức như cũ, nghĩa là chữ Hán chiếm địa vị độc tôn.

Tóm lại hai khoa thi Hương năm 1909 và thi Hội năm 1910 đích thực là hai khoa đầu tiên áp dụng chương trình cải cách như đã chua rõ trong *Quốc Triều Đăng Khoa Lục* và *Concours triennal du Tonkin, 1909* (9). Ta thấy chữ quốc ngữ nay được nâng lên địa vị chữ Hán, chữ Pháp chỉ mới là môn thi phụ, tình nguyện chứ không bắt buộc. Theo Robert de la Susse (10) thì đến khoa 1912 chữ Pháp vẫn là môn tình nguyện. Về quốc ngữ, khoa trước (1909) đầu bài ra bằng chữ Hán. Thí sinh cũng làm bài bằng chữ Hán rồi phiên âm ra quốc ngữ khiến những ai không biết chữ Hán đọc không hiểu (11), kỳ này đề mục ra thẳng bằng quốc ngữ.

Phải đợi đến khoa 1915, theo Trần Văn Giáp, chữ Pháp mới trở nên một môn thi bắt buộc vào kỳ đệ tam. Tiếng gọi là môn thi bắt buộc nhưng chữ Pháp lúc ấy chưa thể sánh ngang vai với chữ Hán, thí sinh chỉ phải dịch một bài chữ quốc ngữ ra chữ Pháp chứ chưa đủ khả năng viết một bài tràng giang đại hải như khi viết luận chữ Hán.

Nói vậy không có nghĩa là tiếng Pháp, lúc đầu không được "dân bản xứ" hoan nghênh, đã có người từ hoan nghênh đi đến khâm phục sát đất, đề nghị nên "dùng tiếng Pháp làm quốc văn" và vứt bỏ tiếng ta đi! Trong *Nam Phong* số 22 (1919) Thượng Chi (Phạm Quỳnh) đã trích lại lập luận của một "thức giả" (12): "Nói thương tiếc tiếng An Nam vẫn là hay lắm, nhưng một tiếng nghèo nàn kém cõi như tiếng An Nam mình thương sao cho đặng? Chi bằng ta liệu sớm mà bỏ đi, mà theo học một thứ tiếng rất hay, rất đẹp, rất cao thượng, rất hoàn toàn là tiếng Pháp . . . Tiếng An Nam ta không đủ dùng, không biết còn tập luyện đến bao giờ mới thành được một thứ tiếng hoàn toàn? Tiếng Pháp không đợi ta tập luyện đã là một tiếng hoàn toàn . . . ta thông đồng được với mấy trăm triệu người trong thế giới, chẳng hơn là dùng tiếng An Nam chỉ có ngót 20 triệu người hiểu được mà thôi? Hiện tình không những Nam kỳ mà ngay ở Bắc kỳ phàm bọn thượng lưu giao thiệp với nhau toàn dùng tiếng Pháp cả; tiếng An Nam không ai bảo bỏ mà tự nhiên cũng bỏ, vì dùng nó không tiện bằng tiếng Pháp . . . Không mấy nỗi mà cả xã hội ta sẽ dùng tiếng Pháp làm cái tiếng phổ thông. Đó là kết quả tự nhiên của Tây học, dầu không muốn cũng không được . . . Tôi có thằng con nhỏ từ thuở biết nói tôi cho vào học trường Tây, nói thuần tiếng Tây; nay nó không nói một tí tiếng ta nào nữa." Đọc mà bàng hoàng! Dĩ nhiên Thượng Chi đã phản đối từng điểm cái đề nghị kỳ quặc của ông Tây da vàng này.

Về phần chữ quốc ngữ thì ngay từ bước đầu

đã chiếm được một địa vị khả quan trong các khoa thi, tuy chưa đánh bật được chữ Nho ra ngoài. Tuy thế, dân chúng lại không "nhất trí". Trừ những bậc sáng suốt như Trần Quý Cáp hay nhóm "Đông Kinh Nghĩa Thục" v.v. đề cao chữ quốc ngữ, phần đông vẫn bảo thủ, khinh bỉ thứ chữ do các cố đạo ngoại quốc đặt ra và do một số thông ký thiếu đức độ, dựa thế Tây để hống hách bắt nạt dân đen sử dụng, nên cha ông ta nhiều người cho học quốc ngữ là mất gốc, là vọng ngoại, thà bỏ hẳn thi cử chứ không thèm học thứ chữ "con nòng nọc" ấy. Đấy là thành phần trí thức, người dân quê xem ra lại còn bảo thủ hơn, nếu ta dựa vào mấy bài báo đăng trong *Nam Phong:*

Nguyễn Tất Tế, Tri phủ Mỹ Đức, trong *Nam Phong* số 21, viết: "Trong 100 người đến 60 người có thể miệng đọc tay viết được (chữ Nho) trên dưới thông dụng thành ra chữ bản quốc... Nhiều khi tôi bảo Tổng sư dậy trẻ thuần bằng quốc ngữ cho chóng thì bố mẹ đem ngay con đi tìm thầy khác. Hỏi cớ sao, người ta đáp: "Quốc ngữ mất dấu, chữ nọ ra chữ kia, nếu không học Nho, chắc sau con cháu lẫn cả tên ông vải... Thấy trường Pháp Việt mở ra cũng biết cho con học đó thì dễ kiếm ăn, ngặt vì nhà nghèo, một quyển "lecture" (tập đọc) giá 7 hào, đắt hơn bốn quyển Tứ truyện (Tứ thư) một tập giấy tây giá hào rưỡi đắt bằng 100 tờ giấy nam; mình làm mồ hôi, nước mắt nửa năm trời không đủ tiền gửi con vào trường học một tháng, đành cho con học Nho vậy để biên ký việc nhà." (13)

Trần Duy Nhất (*Nam Phong* số 47) đặt câu hỏi: "Tại sao mà sự quốc dân giáo dục, không có cơ tiến bộ?" Theo tác giả thì phần đông cho "học quốc ngữ là vô dụng" Chỉ vì nghị định bắt người ra làm Tổng Lý phải biết quốc ngữ nên khi nào sắp đi làm họ sẽ học rút. Họ nói "Học làm quái gì chữ cò quăm mách qué ấy? Chữ Thánh hiền nào lại có chữ thánh thế? Thánh nào lại dậy nhảm nhí những con cua, con ốc ấy? Đến đàn bà, trẻ con cũng thừa biết nữa là." (15) Bởi những người này đơn giản nghĩ rằng học quốc ngữ không khó, không học cũng biết, không cần học và tin tưởng rằng "Học quốc ngữ thì đến già đời cũng không làm gì được." Đến khấn vái tổ tiên cũng dùng chữ Nho, sợ chữ Nôm sai lạc; gia phả, chúc thư, văn tự, văn tế, đơn từ đều bằng chữ Nho. Khi nhà cầm quyền cưỡng ép bắt họ cho con em đi học chữ quốc ngữ hay chữ Pháp thì có "coi chỗ học đường hầu như nhà giám thất, mà cho đi học là một cái tội, phải bắt bớ, phải chậy bậy mới được tha ra." (15)

Người dân quê hồi đầu thế kỷ tôn trọng chữ Hán không có gì lạ bởi khoa cử chỉ mới bị bãi bỏ từ năm 1919, nhưng đến 1970 mà họ vẫn tôn trọng chữ Nho thì quả là điều đáng cho ta lưu ý. Nguyễn Văn Xuân, trong *Phong trào Duy Tân* (1970) viết: "Ở thôn quê hiện nay, đôi nơi vẫn còn cái tục trọng chữ thánh hiền, người ta dùng bất kỳ thứ giấy quốc ngữ, Tây, Mỹ để biến thành giấy vệ sinh, nhưng giấy có chữ Nho thì tuyệt nhiên không bao giờ!" (16), mặc dầu khi ấy quốc ngữ đã chiếm một địa vị vượt xa chữ Hán. Cho nên nói rằng đạo Nho thấm nhập cốt tủy của dân ta không phải là nói ngoa vậy.

☼

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

Châtenay-Malabry tháng Tám, 1990

Chú giải:

(1) Phan Kế Bính, (Việt Nam Phong Tục), Trần Văn Giáp (Khai Trí Tiến Đức tập san số 2 và 3), Đại Nam Điển Lê v.v. đều không nhắc đến nghị định của Paul Doumer, có lẽ vì không có tài liệu bằng chữ Pháp, hay vì "quốc thể"?

(2) Trần Lê Sáng, Phùng Khắc Khoan, Hànội, 1985, tr. 30.

(3) Nguyễn Trọng Thuật, "Vấn đề quốc văn", Nam Phong số 183, 3-1933, tr.271.

(4) Kinh = những lời giảng dạy của Khổng Tử ở phần đầu các kinh sách

Truyện = những lời giảng giải thêm của môn đệ Khổng Tử ở phần cuối kinh sách.

(5) Chiếu = lời vua ban cho thần dân.

Biểu = bài văn của thần dân dâng lên vua để bày tỏ điều gì,

Sớ = tờ điều trần dâng lên vua.

(6) Nguyễn Sĩ Giác, dịch giả, Đại Nam Điển Lệ, Saigon: Viện Đại học Sàigòn, 1962.

(7) & (9) Concours triennal du Tonkin, 1909. Hanoi-Haiphong: nhà in Extrême-Orient, tr.7 "Cette épreuve (facultative) de francais, de même que la troisième épreuve de langue annamite était une innovation car dans les précédents concours toutes les compositions étaient rédigées en chinois." (Kỳ thi chữ Pháp (tình nguyện) này cũng như kỳ thi trường ba bằng chữ quốc ngữ là một điều mới lạ vì trong các khoa thi trước, tất cả mọi bài làm đều viết bằng chữ Hán).

(8) Cao Xuân Dục, Quốc Triều Đăng Khoa Lục, dịch giả Lê Mạnh Liêu. Saigon: Bộ Quốc gia Giáo dục, 1962.

(10) Robert de la Susse, "Les concours littéraires en Annam", Revue Indochinoise No. 2, 1913.

(11) Một số người Pháp biết quốc ngữ được cử ra phụ giúp quan chấm trường.

(12) Thượng Chi (Phạm Quỳnh) "Chữ Pháp có làm quốc văn An Nam được không?" Nam Phong số 22, 5-1919, tr. 279-86.

(13) Nguyễn Tất Tế, "Bàn về việc học của quốc dân. Chữ Nho có bỏ được không?", Nam Phong số 21, 3-1919, tr. 197-201.

(14) Trần Duy Nhất, "Tại sao mà sự quốc dân giáo dục không có cơ tiến bộ?" Nam Phong, số 47, 5-1921, tr. 286-405.

(15) Nguyễn Văn Xuân, Phong trào Duy Tân, Saigon: Lá Bối, 1970.

NHÃ CA, TRONG NỖI BUỒN MỘT MÌNH

QUỲNH GIAO

Hãy thử hồi tưởng Sàigòn, vào cuối thập niên 60. Thành phố, chiến tranh, lính Mỹ, quán rượu, văn chương, đại bác, pháo kích, tiểu thuyết, những nhà văn nữ . . . Hồi tưởng Sàigòn và các nhà văn nữ là nhớ lại đến văn chương thành phố và những tác phẩm thuộc khuynh hướng phản ứng với chiến tranh thô bạo bằng những hình ảnh táo bạo. Trong các nhà văn nữ đó, Nhã Ca đã nổi danh với khuynh hướng tả thực và phẫn nộ. Nhưng, bà cũng có một vị trí riêng, trong những tác phẩm lãng mạn viết cho lứa tuổi nữ sinh, lứa tuổi còn *hiền như mực tím*.

*

Thời đó, khung cảnh văn chương thành phố là xe nhà binh ồn ào trên đường phố bụi bậm, là những ngày nghỉ phép của người lính chiến, là chung cư, những tòa *bin đinh* cho thuê, là tiếng đại bác ầm ì dội về từ xa, nhưng chưa át nổi tiếng nhạc xập xình. Những mối tình thành phố, những ngang trái trong đời, có nước mắt và rượu mạnh, có tiếng cười trong trẻo, và cả tiếng chửi thô tục. Theo cảm nghĩ của riêng tôi, văn chương thành phố có chỗ đứng của nó, vì xã hội ta trong không gian thành phố cũng có đời sống của nó, ở bên lề chiến tranh, như một âm bản màu hồng của chiến tranh. Cũng có những vết nám đen của khói lửa đấy, nhưng, có lẽ chỉ là những điểm xuyết cho màu hồng thành phố thêm rực rỡ, rực rỡ như Sàigòn ban đêm.

Thời đó, những nhà văn nữ nổi tiếng nhất đã là một hiện tượng văn chương của miền Nam. Họ là một hiện tượng vì viết rất bạo, do sự thô bạo của chiến tranh. Họ viết cũng rất bạo vì cái thác loạn của một thành phố bị chấn động, với binh lính Mỹ ngả nghiêng ngoài đường, đi giữa những "bar" rượu và kẽm gai. Thời đó là thời thịnh đạt của các cây bút xông xáo phái nữ, họ viết về chiến tranh, gia đình, tình yêu, phụ nữ . . . bằng những ý rất mới và bút pháp rất mới.

Theo một khía cạnh nào đó, nếu lối thời thượng của một vài cây bút phái nam là luận về triết lý hiện sinh, về sứ mệnh của văn chương, hay là về nét độc đáo của *tiểu thuyết mới*, thì có lẽ, trong văn chương miền Nam, các cây bút nữ lưu đã tự động đi hàng đầu trong "triết lý hiện sinh" hiểu theo kiểu Sàigòn - và trong kỹ thuật gọi là *tiểu thuyết mới*, nếu người ta hiểu Nguyễn Thị Vinh, Linh Bảo — xa hơn, bà Tùng Long — tiêu biểu cho . . . tiểu thuyết cũ. Theo một khía cạnh nào đó, qua những tác phẩm tiêu biểu này, người ta có thể nghĩ đến những Francois Sagan đi guốc, mắt một mí, ngồi ăn bún ốc ngoài chợ, trong tiếng nước chảy rào rào từ chung cư bên cạnh. Vì vậy mà nếu các tác phẩm văn chương của phái nữ cuối thập niên 60 có những nét dữ dội với những mối tình "phá thể" nhiều khi bạo tợn thì cũng là một hiện tượng có thể hiểu được.

*

Thời đó, Nhã Ca lại có chỗ đứng riêng trong tâm hồn các độc giả thiếu nữ. Trong các tác phẩm Bà viết cho họ, người ta ít thấy mùi rượu mạnh, hay những lời đối thoại rất Vũ Trọng Phụng của các nhân vật nữ. Cũng ít có những chán chường lạc loài, những cảnh ái ân nóng bỏng, những mối tình éo le, những chất liệu đã trở thành nhãn hiệu cho một số tác giả. Người ta càng không phải đọc một loại tự truyện với ít nhiều tưởng tượng về những mối tình đầy khiêu khích của một vài tác giả. Những độc giả thiếu nữ có yêu thích những tác phẩm Bà viết cho tuổi con gái thì cũng vì bắt đầu thấy những nhân vật trong tiểu thuyết có những tình cảm và đời sống thật gần gũi với mình.

Trước đó một thế hệ, đối với các thiếu nữ sớm mê đọc truyện, tiểu thuyết thường là những chuyện tưởng tượng do óc phong phú của tác giả thêu dệt và khéo léo diễn tả cho người đọc mê say, chứ ít giống với sự thật ngoài đời.

Mối tình của Loan và Dũng trong *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh đẹp lắm. Nhưng đẹp nhất ở hình ảnh Dũng viết thư cho Loan trong một đêm trăng

mờ trên sông Đà, và hình ảnh của Loan đi trong mưa gió mà quên cả mưa ướt, gió lạnh. Rồi về sau họ sống ra sao? Dũng có còn tiếp tục cuộc đời rày đây mai đó với mái tóc bồng lộng gió bốn phương, hay đã trở thành một ông công chức sáng xách ô đi tối cắp về? . . . Mối tình Lan và Ngọc trong *Hồn Bướm Mơ Tiên* của Khái Hưng cũng đẹp vô cùng. Lan vẫn cứ nương náu cửa từ bi, dùi mài kinh sử và thỉnh thoảng có Ngọc phóng xe đạp lên chùa ghé thăm. Họ yêu nhau trong tâm hồn, trong lý tưởng. Hình ảnh Lan chắp tay tụng niệm, mắt mơ màng ngó xuống con đường dài quanh co lượn khúc dưới chân đồi, khi gió chiều hiu hiu điểm vài chiếc lá rụng, là hình ảnh hoàn toàn phù hợp với sự mong muốn của độc giả tuổi nữ sinh trung học. Quan trọng nhất là đừng để cho sư cụ chùa Long Giáng biết, và Ngọc đừng bao giờ lấy vợ . . . Mối tình của Thiệu và Yến trong *Dòng Sông Định Mệnh* của Doãn Quốc Sĩ mới đẹp và thanh cao làm sao! Chúng tôi cứ mong họ được lấy nhau kiếp sau, còn kiếp này Thiệu cứ yêu người vợ Suzanne qua hình ảnh của Yến — là được rồi . . .

Sau đó một thế hệ, phái nữ trong tầng lớp độc giả hình như ngày càng đông càng trẻ, so với phái nam. Và các độc giả ở lứa tuổi thiếu nữ cũng có cái nhìn khác hơn về đời sống, có những đòi hỏi khác hơn ở văn chương. Nhã Ca, với những tác phẩm loại *Trăng Mười Sáu* là người đáp ứng được những đòi hỏi đó.

*

Các thiếu nữ đã tìm đọc Nhã Ca và sống với không khí tiểu thuyết của Bà bằng những cảm nhận mới mẻ. *Mưa Trên Cây Sầu Đông* vẫn được viết bởi lối hành văn trong sáng, nhẹ nhàng, như những tác phẩm thời tiền chiến. Trong loại truyện này, Nhã Ca không cố tình tả chân hay ra sức sử dụng ngòi bút một cách táo bạo như một vài tác giả cùng thời, mà vẫn gây cảm giác sống động nơi độc giả. Truyện Bà viết trở thành những câu chuyện có thật, đôi khi còn khiến người đọc liên tưởng đến chính tác giả hay gia đình của Bà. Văn Nhã Ca êm, xuôi và nhẹ như một bài thơ, mà vẫn tha thiết và lôi cuốn. Nhân vật của Bà đa số được mô tả là những thiếu nữ mới lớn, nhiều mộng mơ. Nhân vật phụ, xoay xung quanh người thiếu nữ là thầy, bạn, cha, mẹ, anh em, người làm và . . . người yêu. Khung cảnh trong truyện vẫn là một góc thành phố, một góc sân trường, một thế giới bé nhỏ, mà đầy đủ những biến động quay quắt, những uẩn khúc bi thương . . .

Tình cảm của Đông Nghi là tình cảm của lũ học trò mới lớn, có những xôn xao về tình yêu đúng hơn, những dao động tưởng như là tình yêu — có những xung đột với cha mẹ, hay những bỡ ngỡ trước trường đời . . . Nhã Ca rất sành tâm lý của lớp tuổi này, và viết cho họ với sự thương yêu của một người mẹ, một người chị lớn, tự nhiên mà thấm thía. Vì vậy, bà thành công trong khuynh hướng lãng mạn con gái.

*

Trước sự thành công của Bà, những người khắt khe có thể vội luận là Bà sớm biết chiều thị hiếu của một lớp độc giả mới, những độc giả tuổi con gái, mới có tiền túi và thích đọc tiểu thuyết. Nhưng, trước khi tạo được cho mình một lớp độc giả nữ sinh. Nhã Ca đã thành danh với những tác phẩm thuộc khuynh hướng tả thực, viết về tình yêu, gia đình, chiến tranh và thành phố như *Giải Khăn Sô Cho Huế, Đoàn Nữ Binh Mùa Thu, Tình Ca Trong Lửa Đỏ* ...

*

Một thế hệ đã qua, kể từ *Mưa Trên Cây Sầu Đông* tới nay . . .

Mười lăm năm sau cuộc đổi đời 75, người ta thấy mực tím đã chan hòa thành máu, và khuynh hướng văn chương lãng mạn cho tuổi mười sáu của Nhã Ca đã bị xô đẩy và nhận chìm trong khuynh hướng tả thực, tả thực đến phũ phàng. Ngày nay, được đọc lại Nhã Ca sau gần một phần tư thế kỷ, sau những biến động và đổi thay khốc liệt của cả một dân tộc, người đọc phải thấy Bà là cây bút phái nữ số một của chúng ta. Nhất là khi đọc lại Nhã Ca ở một không gian hoàn toàn khác lạ, viết về một thế giới đã trở thành xa lạ cho không gian hải ngoại. *Hoa Phượng Đừng Đỏ Nữa* của bà vẫn viết về thành phố, nhưng, một thành phố đã mất tên; vẫn viết về trường học và bầy con gái, nhưng trường học đã biến thành trại nuôi heo, và bầy con gái đã được "nàng tiên cách

mạng" với cây đũa thần của hộ khẩu biến thành những đứa trẻ tật nguyền của một xã hội què cụt.

Với *Sàigòn Cười Một Mình*, Nhã Ca càng đi xa hơn, và độc đáo hơn, thấm thía hơn.

Tập truyện mới nhất này gồm có chín truyện ngắn, kể cả truyện được Bà dùng như lời *Tạm Kết*. Với chín truyện, cây bút sắc sảo nhất của phái nữ ngày nay đã từ từ dẫn ta ra khỏi thành phố, nhìn rộng ra cả một xã hội rữa nát. Người ta vẫn còn thấy sự hiện diện của lớp nữ sinh ngỗ nghịch mà chân thật. Hòa, bạn của Phương, trong *Vẫn Có Mùa Xuân Tới* là một điển hình. Quỳnh Hương trong *Coi Chừng, Cái Búa!* là một điển hình khác. Nhưng họ hiếm hoi làm sao trong cảnh đổ nát của mái trường và thảm thương của xã hội. Họ bị "cách mạng" *dứt đẹp* và đạp xuống đáy sâu của thành phố. Lớn tuổi hơn thì cũng chẳng may mắn hơn, có Sương bắt đầu sa đọa và hết lối thoát, đánh em như đánh kẻ thù vì chiếc xe đạp bị mất cắp, có Thu bán chợ trời bỗng thấy đời mình đứt ngang khi nghe tin người tình vượt biên mà không thoát.

Ngày xưa, một số nhà văn nữ từng viết về Sàigòn trong bóng tối của tội lỗi. Nhưng, với Nhã Ca trong *Gia Đình Chị Mười Một* làm người đọc nổi gai ốc có thể là *Trong Nhà Ngoài Phố* (bà nội sống với thằng cháu sửa xe đạp, chờ con học tập về, không dám nhớ tới con dâu đã lăn xả ra buôn bán và cặp bồ với cán bộ), hoặc truyện ngắn thứ bảy lấy tên làm tiêu đề cho cả tập truyện *Sàigòn, Cười Một Mình* (nỗi bơ vơ của người cải tạo được về, tới nhà mới thấy không còn nơi về, lẩn thẩn cười một mình giữa phố xa lạ).

Nhưng, bi thảm nhất và kinh tởm nhất vẫn là *Gia Đình Chị Mười Một* . . .

Ngày xưa, *Nhà mẹ Lê* trong Gió Đầu Mùa của Thạch Lam chỉ là sự bức bí của một gia đình trong một xã hội nghèo khó. Chỉ qua một cuộc cách mạng, người ta thấy sự nghèo khó đã tràn ra vỉa hè, suy đồi thành một sự hư hỏng không lối thoát. Mẹ Lê thời Tự Lực Văn Đoàn đáng thương chừng nào thì chị "Mười Một" đáng khinh chừng đó. Ngày xưa, người đọc khó nhìn ra thủ phạm đích thực trong nỗi cơ cực của gia đình mẹ Lê. Thời nay, thủ phạm của hè phố nhầy nhụa này có mặt ở khắp mọi nơi. Gia đình mẹ Lê có lầm than đến đâu, người ta cũng còn nhìn ra sự cứu vãn. Với *Gia Đình Chị Mười Một*, người ta bó tay . . . Thằng con bụi đời của chị "Mười Một" ăn cắp, giết người đâm ra vẫn là đứa có lương tri nhất trong cả gia đình.

Đậy sách lại, người đọc có thấy lối thoát nào cho những người lẩn thẩn cười một mình trong thế giới văn chương mới của Nhã Ca không?

*

Tôi nghĩ đến những đoạn làm mình rơi nước mắt và hình dung được những nụ cười méo mó nở ra giữa khổ đau.

Trẻ em đi học, học sao không biết, nhưng phải lao động tới nơi tới chốn: lên tàu Liên Xô lấy búa tạ nện cho bong hết rỉ sắt, dưới sự giám sát của những tên thủy thủ thô lỗ người Nga. Người đọc nghĩ đến đàn con của Nhã Ca và càng thương những cánh tay bé nhỏ xưa nay quen bóc ô mai và đánh đàn hơn là nện búa. Và rớt nước mắt khi thấy tình thương vẫn có trên boong tàu xa lạ. Đánh rớt búa là các em phải đền Liên Xô, bằng hai ba tháng lương của cha mẹ. Quỳnh Hương bị rớt búa, một đứa bé trai lặn tìm. Cả người lẫn búa đều mất tăm trong vùng nước bẩn thỉu của bến Ba Son . . .

Tôi đặc biệt yêu không khí của *Vẫn Có Mùa Xuân Tới* và tình cảm chân thật của Hòa, bạn Phương. Hai chị em vào tận nghĩa địa thăm cha Phương trốn trại về, vào ngày giáp Tết. Nhã Ca làm người đọc rớt nước mắt với lời *Dạ Lai Hương* âm vang trong nghĩa địa. *Đêm thơm như một dòng sữa* . . ., người tù cải tạo chỉ thấy bình yên giữa những người chết.

Những độc giả từng biết mùi thăm nuôi chắc sẽ không quên được *Vĩnh Biệt Hương*. Truyện viết như một bi kịch bốn hồi: thành phố bệnh hoạn — đoạn đường nhọc nhằn trên quốc lộ 19 đến trại tù — người vợ ngã bệnh qua đời ngay nơi cổng trại — người tù sống chôn người vợ chết, lặng thinh như người chết . . . Tình thương trong truyện vẫn có: Dung và các bạn tù khác của Phước. Tình thương đó càng làm nổi bật vẻ dửng dưng đến man rợ của người cán bộ quản giáo.

Sự dửng dưng man rợ là không khí bao trùm lên trên mọi truyện ngắn của Nhã Ca. Ở bên ngoài thế giới đó, có lẽ nhiều người sẽ không chịu nổi những nhắc nhở của Bà về vùng đất ngày hôm qua còn là quê hương của chúng ta. Không chịu nổi chẳng vì ta muốn dửng dưng, mà vì thực tại thê thảm quá, khủng khiếp quá.

*

Cuối thập niên 60, Nhã Ca là nhà văn làm chúng ta có những lúc khóc cười giữa thành phố. Khóc vì chiến tranh, vì những ước mơ hòa bình chẳng bao giờ tới. Cười vì những ngây thơ ngộ nghĩnh của lớp tuổi con gái. Hai mươi năm sau, Bà không làm chúng ta cười được nữa. Lối chẳng vì văn chương của Bà kém sắc sảo duyên dáng. *Của Nợ* là một chứng minh lỗi lạc về khả năng châm biếm của Bà đối với cái chế độ "của nợ". Nhã Ca không còn làm chúng ta cười được nữa, vì những cảnh đổi đời mà Bà và gia đình cũng là những nạn nhân hàng đầu.

Trong thế giới của Bà, mong Nhã Ca không cười một mình . . . K

QUỲNH GIAO

Tháng Chín, 1990

VIẾT CHO AI ĐỌC?

THỤY KHUÊ

Hơn hai mươi năm trước, học giả Nguyễn Hiến Lê kể chuyện một hôm ông nhận được thư của ông bạn Tạ Trọng Hiệp, bên Paris, nhờ Nguyễn Hiến Lê vô Chợ Lớn lùng hết *thơ* và *thơ hậu* gửi sang Pháp cho ông. Đọc thư, cụ Nguyễn chả biết *thơ hậu* là quái quỷ gì. Lần theo địa chỉ trong thư, đến tiệm Hồng Dân đường Khổng Tử, Nguyễn Hiến Lê tìm thấy *thơ* và *thơ hậu:*

"Coi bảng thư mục, tôi đếm được năm chục thứ thơ và thơ hậu, non bốn mươi thứ thơ lịch sử và dã sử. Thơ và thơ hậu (tức thơ tiếp theo: có thơ Vân Tiên rồi thơ Hậu Vân Tiên, cũng như truyện Tàu có Tam Quốc rồi hậu Tam Quốc, kiếm hiệp có Cô Gái Đồ Long rồi hậu Cô Gái Đồ Long) đều in thành những tập 16 trang bìa mỏng dính, màu lòe loẹt, hình vẽ vụng về, ngây ngô: họa sĩ cắm ngay một cây thánh giá trên mộ nàng Đạm Tiên. Hầu hết là thơ lục bát, ngoài ra là điệu "phú", điệu hò, điệu tuồng. Lời rất bình dân. Nội dung rút trong truyện tàu, dã sử của ta, truyện cổ tích, tiếu lâm, cả những việc xảy ra hồi nửa thế kỷ trước".

(Nguyễn Hiến Lê, *Mười Câu Chuyện Văn Chương,* trang 49, 50, Văn Nghệ xuất bản)

Rồi Nguyễn Hiến Lê hỏi ông chủ: thơ này bán chạy không? Đáp: Lai rai vẫn có người miệt tỉnh lên mua. Lại hỏi: Những người miệt tỉnh lên có mua sách của tôi (Nguyễn Hiến Lê) không? Đáp: Sách ông tôi mua để bán cho "các thầy các cô" ở đây.

Nguyễn Hiến Lê ngỡ ngàng: Sao tôi ngốc vậy? Có bao giờ tôi nghĩ tới họ (người miệt tỉnh) khi viết đâu? Mà bảo họ mua sách của tôi. Tất cả chúng ta đều viết cho "các thầy các cô".

Rồi Nguyễn Hiến Lê ngậm ngùi: "*Có lẽ không tới mười năm nữa đâu loại thơ và thơ hậu này sẽ không còn ai in nữa. Ông Tạ Trọng Hiệp lúc này mới nhờ tôi kiếm nó, e cũng trễ rồi đấy".*

Tôi quay lại, nói với chủ tiệm:

"Xin ông cho tôi thêm mỗi thứ một bản nữa."

(Nguyễn Hiến Lê, *Mười Câu Chuyện Văn Chương,* trang 51)

Nếu Nguyễn Hiến Lê đoán đúng, đến nay "thơ hậu" chết cũng được hơn mười năm rồi.

Bản Nguyễn Hiến Lê giữ chắc cũng đã thất lạc khi cụ Nguyễn vĩnh viễn ra đi. Còn chăng, là bản của học giả Tạ Trọng Hiệp và dư vị nuối tiếc, ngậm ngùi: "Chúng ta chỉ viết cho các thầy, các cô".

Từ lâu rồi, chúng ta chỉ viết cho "các thầy các cô" đọc, ngay cả những truyện viết về xã hội thôn quê, miệt vườn, chài lưới . . . cũng để cho "các thầy, các cô" đọc.

Cái nghịch lý của văn chương đã có sẵn, và còn hiện diện không biết tới bao giờ. Chỉ có truyện Kiều thoát khỏi biên giới ngang trái ấy: thần tình và ngoạn mục.

Văn chương bắt nguồn từ xã hội trưởng giả, thời nào, nước nào, cũng có mối tương quan mật thiết giữa ba yếu tố: tác phẩm, con người và hoàn cảnh của tác giả, giống như: chủ từ, động từ, túc từ, ba yếu tố của một mệnh đề, không thể chia rẽ ra được.

Là "sản phẩm" của xã hội như trăm nghìn sản phẩm để có, con người chúng ta, nói chung, cũng bị xã hội điều kiện hóa như những "sản phẩm" khác, kể cả tư tưởng. Điều kiện xã hội là một trong ba thành phần tất yếu, cũng quan trọng như khả năng sáng tác, cũng quan trọng như tác phẩm đã viết ra. Do đó:

"tự do cầm bút tàng ẩn tự do của người công dân. Người ta không viết cho những người nô lệ. Nghệ thuật văn xuôi liên quan mật thiết với chế độ duy nhất ở đó văn xuôi có thể có một ý nghĩa: chế độ dân chủ. Khi dân chủ bị đe dọa, nghệ thuật sẽ tiêu tan (. . .) vậy, viết tức là một cách đòi hỏi tự do".

(Sartre, *Qu'est-ce que la Littérature,* trang 82, Gallimard xuất bản).

Đọc, viết và tự do là ba yếu tố song song, đồng tiến. Người viết cần tự do, đã hẳn. Và người đọc cũng phải có tự do, mới có sự cộng tác thông cảm, để hoàn tất tác phẩm. Khi cả tác giả và độc giả đều không nắm vững yếu tố tự do, chữ viết không còn nghĩa lý và văn chương trở nên phù phiếm, nếu không muốn nói là giả trá, lừa lọc.

Đối với chúng ta, trong và ngoài nước, cho đến nay, cả hai vấn đề: tự do và dân chủ, hoặc bị phủ nhận hoàn toàn, hoặc hiện diện một cách mơ hồ, hoặc có mà không thực dụng.

Chúng ta hăng say viết, nhưng nếu có ai hỏi: viết cho ai đọc? Đối tượng của chúng ta là ai? Chúng ta bối rối, cũng như:

— Không có tự do, chúng ta đau khổ, vật vờ,

tìm lối thoát.

— Nắm được tự do, chúng ta hoang mang, ngần ngại, không biết thế nào.

*
* *

Hiện trạng hai mươi năm phân chia đất nước, mang lại những kết quả thảm khốc trên phương diện chiến tranh, tàn phá quê hương, kiệt quệ con người. Nhưng sự phân hóa tinh thần còn có phần khốc liệt hơn: chia đôi tư tưởng làm hai vùng có ranh giới vô hình ngăn cách, sau mười lăm năm thống nhất đất nước, vẫn không muốn hay không thể hàn gắn với nhau. Đến nay (1990), cả hai miền "tư tưởng" vẫn chưa "công nhận" sự hiện diện của nhau như một sự thực, không có sự "giao thông" vẫn "bế quan tỏa cảng".

Không những chúng ta chỉ viết cho "các thầy các cô" đọc. Mà còn đẩy xa hơn nữa: miền Bắc không viết cho miền Nam (ngụy) đọc và ngược lại, miền Nam (trước đây) hay hải ngoại (hiện giờ) không viết cho "cộng sản trong nước" đọc, ngoại trừ một số tác giả hiếm hoi, giá trị, cố gắng vượt ra khỏi phạm trù, quy luật, này, để đưa tác phẩm của mình vượt lên trên sự xâu xé nhất thời của dân tộc, và viết nên những tác phẩm gần cận với con người, không phân biệt hai miền, không phân biệt giáo điều chính trị.

*
* *

Để tìm hiểu lối viết của các nhà văn, có lẽ chúng ta nên đi sâu hơn nữa vào môi trường xã hội của họ:

Thanh Tịnh thuật lại trong tập hồi ức *"Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học: (1945-1954)*: sau cách mạng tháng Tám, ông được Hải Triều dặn dò: *"Khi nào muốn viết hay muốn nói thì nên tự đặt trước cho mình câu hỏi này: "Tại sao mà viết hay nói, cho ai và để làm gì, khắc tìm ra được cách viết đúng, nói đúng".*

(trang 61, quyển I, Tác Phẩm Mới xuất bản).

Ngụ ý của Hải Triều, hay lối diễn tả nôm na hệ thống chỉ huy tư tưởng "viết cho Đảng đọc" trong lý thuyết cộng sản, đã ám ảnh các nhà văn theo kháng chiến suốt đời; và sự lựa chọn, phải đến với họ, cũng mang nhiều đớn đau, ray rứt, không kém:

"Kỳ tình tôi vẫn biết đứng chỗ cũ không thể được nữa, tuy nhiên, lại ngại sang đứng chỗ mới; tâm trạng tôi như người bị chẹt, tinh thần bất ổn, vẫn gần với quá khứ, vẫn xa với tương lai. Cứ chạy sang bên này rồi chạy sang bên kia, thật là đau đớn."

(lời Xuân Diệu, trích bài Hoàng Trung Thông giới thiệu tuyển tập Xuân Diệu I).

Thanh Tịnh cũng không thoát ra khỏi những sự dày vò ấy:

"Hơn nữa sau khi đã được học tập rồi tôi thấy khó viết hơn vì sợ sơ hở, mất lập trường".

(*Cách Mạng Kháng Chiến và đời sống văn học*, quyển I, trang 75).

Sau đó, Thanh Tịnh chỉ viết những bài hát ngắn, phục vụ: tăng gia sản xuất, động viên đóng thuế nông nghiệp, bài trừ hàng xa xỉ phẩm, chống tư tưởng sợ Mỹ . . .

Hoàng Trung Thông kể lại không khí những ngày xa xôi ấy:

"Lần đó, tôi và Chế Lan Viên được ngồi nghe đọc trong một không khí rất cởi mở bốn tập truyện, nhưng chỉ có hai tập còn ở dạng bản thảo là được mọi người chấp nhận. Đó là Xung kích của Nguyễn Đình Thi và tập truyện ngắn Xuống làng *của Tô Hoài. Còn truyện dài của Ngô Tất Tố mới viết xong một nửa cũng như một truyện dài khác của Nam Cao cũng mới chỉ xong một nửa thì mọi người lắc đầu. Cả hai người đã xé đi bản thảo của mình. Rất tiếc là vì vậy chúng ta không còn những bản thảo đó."*

(*Cách Mạng Kháng Chiến và đời sống văn học*, quyển I, trang 191)

Về việc này Tô Hoài cũng viết:

"Nam Cao đã xé bỏ cả những trang bản thảo đó. Qua hiện tượng trên, có thể cắt nghĩa vì sao giai đoạn sôi nổi ấy lại vắng mặt tiểu thuyết."

(Sách đã dẫn, trang 86)

Trong tất cả, phản ứng Thâm Tâm gây những cảm xúc âm thầm, cay đắng và sâu đậm nhất.

"Thâm Tâm trước cách mạng là một người sống rất tự do, làm rất nhiều nghề, duyên văn chương phát lộ ra rất sớm. Nhưng đến cách mạng, mới vào kháng chiến, Thâm Tâm phủ định mình hết sạch. Mới hơn ba mươi tuổi mà như ông già, tự rèn mình hết sức nghiêm khắc, không bao giờ nhắc đến thơ mình ngày trước. Có hôm chỉ hai anh em ngồi với nhau, tôi mới đọc lại cho Thâm Tâm nghe hai bài thơ của anh là Tống Biệt Hành *và* Vọng Nhân Hành.

Nghe tôi đọc đến những câu:

Mẹ thà coi như chiếc lá bay
Chị thà coi như là hạt bụi
Em thà coi như hơi rượu cay.

Tống Biệt Hành)

hay:

Ngoài phố mưa bay: xuân bốc rượu
Tấc lòng mong mỏi cháy tê tê.

(Vọng Nhân Hành)

thì anh bật khóc và sau đó lại càng trầm lặng hơn. Thâm Tâm mất sớm sự nghiệp sáng tác văn học sau cách mạng tháng Tám của anh chỉ còn để lại bài thơ Chiều Mưa Đường Số Năm."

(Vũ Cao kể, *Cách Mạng Kháng Chiến và đời sống văn học*, quyển II, trang 135)

Thâm Tâm mất vì sốt rét ở Quảng Yên năm 1950 và được chôn tại bản Nà Pò.

*
* *

Cho dù sự lựa chọn đến với các nhà văn theo kháng chiến có khó khăn, day dứt, đôi khi mang dấu vết cay đắng như chia lìa, xóa bỏ chính con người và tác phẩm của mình. Việc phải đến đã đến. Sau giai đoạn thử thách cam go: người về thành, kẻ ở lại, và nền văn học nước ta thực thụ chia đôi Nam - Bắc từ đấy.

Những người theo cách mạng từ 1945 và sau 54 ở lại Bắc, chia làm nhiều thành phần:

— Có những người trở thành những cây bút công cụ của Đảng.

— Có những người chống trả mãnh liệt:

"Cuộc đấu tranh tư tưởng duy nhất ở liên khu Bốn trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp là cuộc đấu tranh với một số quan điểm của Nguyễn Mạnh Tường. Trong một cuộc nói chuyện Nguyễn Mạnh Tường cho rằng văn nghệ ta như một cái chuồng nhốt các văn nghệ sĩ trong đó."

(Hoàng Trung Thông kể, *Cách Mạng Kháng Chiến và đời sống văn học*, quyển I, trang 187).

Tư tưởng của Nguyễn Mạnh Tường, Trương Tửu, Phan Khôi . . . gieo mầm cho phong trào phản đối, đòi tự do tư tưởng và bị đàn áp khốc liệt Nhân Văn Giai Phẩm sau này:

— Phần đông lựa một đường lối trung dung: để được tiếp tục nghề cầm bút, hoặc tránh tù tội, văn nghệ sĩ phải sáng tác theo lối xôi đỗ:

— Có những sáng tác văn nghệ thuần túy

— Có những sáng tác tuyên truyền thuần túy

— Có những sáng tác văn nghệ xem lẫn tuyên truyền.

Do đó, văn học miền Bắc trước đây, và trong nước sau này, thoát thai những tác phẩm khó định nghĩa, khó xếp loại, vì xếp loại một tác phẩm, bình thường đã không hiển nhiên.

Cocteau chia văn phẩm của ông làm nhiều loại: thơ kịch (poésie de théâtre), thơ tiểu thuyết (poésie de roman) hay thơ phê bình (poésie critique) . . . đã có vẻ lạ kỳ, nhiều người cho là lập dị. Nhưng nếu phải xếp loại một phần không nhỏ các tác phẩm văn học miền Bắc, có lẽ chúng ta cũng phải sáng chế ra những thể loại mới: thơ tuyên truyền, truyện ngắn tuyên truyền, truyện dài tuyên truyền, hồi ký tuyên truyền, phê bình tuyên truyền v.v. . .

Hệ thống chỉ huy tư tưởng, nằm trong chủ nghĩa mác-xít, đã đưa văn học miền Bắc nước ta tới những sáng tác văn nghệ, đôi khi cả những công trình biên khảo, có tính cách nhất thống như vậy. Chúng ta không thể, vì tính cách tuyên truyền ở rải rác trong các tác phẩm văn học miền Bắc mà phủ nhận giá trị hiển nhiên của nó: những nhà văn, nhà thơ lớn như Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Xuân Diệu, Huy Cận, Quang Dũng, Nguyễn Đình Thi . . . và ngay cả những nhà văn nhà thơ chuyên phục vụ đảng như Tố Hữu, Chế Lan Viên . . . cũng để lại những tác phẩm giá trị cho văn học Việt Nam hiện đại. Mặc nhiên, người đọc phải lựa lọc, nhận định chân giá trị của những điều dùng được, sau khi gạt bỏ khía cạnh thặng dư, phù phiếm; khía cạnh truyên truyền.

Như thế, độc giả phải có một căn bản tri thức vững vàng: văn học miền Bắc trước kia, và trong nước ngày nay, do đó, không viết cho toàn thể quần chúng đọc, mà chỉ nhắm vào một thiểu số:

1/ Số người làm công cụ cho Đảng.

2/ Số người thức thời, có khả năng đào thải khía cạnh tiêu cực của bộ mặt tuyên truyền.

Đối với quần chúng, nền văn học giăng mắc những cạm bẫy xuyên tạc sự thật như thế, sẽ đưa đến những hậu quả thảm hại: trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn dắt quần chúng tới những nhận định xuyên tạc hoặc giải thích các vấn đề trong sự xuyên tạc tư tưởng.

Tôi xin lấy thí dụ, bằng cách trích dẫn một đoạn văn:

"Quan hệ tình ý bên trong, quan hệ đối thoại bên ngoài, quan hệ giữa thằng ngụy và người dân; quan hệ giữa chúng nó với nhau v.v. . . tất cả cứ đan chéo qua lại, tạo ra cái quang cảnh láo nháo lộn ẩu một cách vừa bỉ ổi vừa khôi hài vốn là bản chất của chính quyền ngụy (. . .)

Mà anh cũng chưa nói gì về những hành vi ghê gớm của chúng như thường thấy ở nhiều cây bút khác viết về những lực lượng đen tối này: uống máu, ăn gan, hãm hiếp v.v. . . Vậy mà bản chất của một chế độ chính trị tàn bạo vẫn lộ ra rõ nét. Hai thằng, hai tính cách, gầm ghè ganh đua nhau đàn áp bóc lột người dân Trung Nghĩa đến trơ trụi, tiêu điều, con lìa cha, vợ lìa chồng, đến trong giấc ngủ cũng chập chờn ác mộng. Một thằng thì nham hiểm, xảo quyệt một thằng thì trắng trợn, hung hãn. Cũng là cướp đất, moi tiền cả, nhưng một thằng thì mồm miệng toe toét, nói năng sởi lởi, một thằng thì súng lục kè kè, động mở miệng là văng ra đủ thứ tục tĩu trên đời. Cũng là rình mò người dân yêu nước, nhưng một thằng thì luồn lỏi trong bóng tối như rắn độc, một thằng thì quét đèn pha xe máy, lồng lên trong thôn xóm như con chó dại. Một thằng đúng là yêu quỷ hiện hình — phù hợp với bộ áo trắng xác như giấy của nó. Một thằng hoàn toàn là một cái máy, một con rối, bằng nhẵng, ngu xuẩn — rất phù hợp với cái xe máy hạng bét và cái hình đàn bà khỏa thân cũng rất máy móc của nó. Đó chẳng phải là những sản phẩm điển hình của chế độ Mỹ-Ngụy sao?"

(Nguyễn Đăng Mạnh: *Sự sống và ngòi bút Nguyễn Thi*, trích trong *"Nhà văn tư tưởng và phong cách"* trang 92, Văn Học xuất bản)

Tôi trích trên đây một đoạn văn trong bài phê bình tác phẩm Nguyễn Thi của nhà phê bình có nhiều uy tín ở trong nước: ông Nguyễn Đăng Mạnh, viết năm 1971.

Khi viết những dòng trên, ông Nguyễn Đăng

Mạnh đã phạm nhiều lỗi trong nguyên tắc phê bình:

— Có những xác quyết hấp tấp vội vàng về *một xã hội ông chưa bao giờ đặt chân tới:* xã hội miền Nam dưới chính quyền "ngụy".

— Cả tin (crédule) tin ở những "hành vi ghê gớm như uống máu, ăn gan, hãm hiếp . . ." của một lực lượng đen tối nào đó trong chính quyền miền Nam mà nhiều ngòi bút khác, đã tả.

— Sau khi đã lập lại những gì Nguyễn Thi viết về tính chất "những thằng tay sai của chính quyền ngụy" như: trắng trợn, hung hãn, ngu xuẩn, yêu quỷ hiện hình . . . một cách rất máy móc, ông còn thêm: Đó chẳng phải là những sản phẩm điển hình của chế độ Mỹ-Ngụy sao?

Ở đây, nhà phê bình đã đi quá tác giả trong sự phóng đại và xuyên tạc nhân tính con người: không có người nào hoàn toàn xấu: kể cả "ngụy" lẫn "cộng sản".

Khi phê bình văn thơ Hồ Chí Minh, ông cũng đã để quan điểm chính trị và tình cảm độc tôn lãnh tụ (thực tâm hay giả tạo) của ông lên trên sự ngay thẳng và khách quan của một nhà phê bình trước một tác phẩm. Do đó, phê bình trở thành công việc tuyên truyền cho Đảng và lãnh tụ: lẫn lộn hai vấn đề đó với nhau, đi trước ông, đã có Hoài Thanh.

Tôi không nghĩ Nguyễn Đăng Mạnh chủ ý làm những việc ấy. Trong những bài khác, ông là một cây bút có hệ thống lý luận vững chắc, có những nhận định sâu sắc, đứng đắn, cẩn trọng: một nhà phê bình có biệt tài.

Rất có thể: sống trong xã hội miền Bắc, được nhồi nhét "cái xấu xa của ngụy" từ lúc sinh ra, các tác phẩm tuyên truyền về xã hội miền Nam: đen tối, lừa lọc, đầy ắp hận thù, đã điều kiện hóa tư tưởng của ông. Do đó, những sai lầm trong phán đoán và những nhận định đôi khi cố ý xuyên tạc sự thật chỉ là hậu quả tất yếu của một nền văn học tuyên truyền.

Hoặc cũng rất có thể: phải viết như vậy. Để sống. Thế thôi.

Ngoài mục đích đen tối hóa xã hội miền Nam, văn học chỉ huy còn có nhiệm vụ tốt đẹp hóa xã hội miền Bắc, lý tưởng hóa con người sống trong chế độ cộng sản: những mẫu mực con người chúng ta thấy hiện diện trong văn thơ, không hề có tính cách tiêu cực (négatif) lúc nào cũng tích cực (positif). Nói tóm lại, rất nhiều anh hùng: từ anh hùng Côn Đảo những năm kháng chiến, sang anh hùng xung phong bắn máy bay Mỹ-Ngụy, những năm nội chiến . . . Một nền văn chương đầy những hình ảnh gồng mình như thế, rất cần cho việc xô đẩy con người xông ra chiến trận. Khi đất nước đã thanh bình, trở thành vô dụng, và nền văn chương ấy cũng không tìmthấy độc giả trong nửa phần phía Nam của đất nước.

Riêng đối với miền Bắc, con người khi trực diện với thực tế phũ phàng, khi giao tiếp với xã hội miền Nam, cũng không còn tin ở sách vở: chữ nghĩa đã trở thành phù phiếm, xa cách và đôi khi phản bội lại con người.

Sau 76, nẩy sinh một tầng lớp văn nghệ sĩ mới, tiếp xúc với con người, văn hóa miền Nam, và văn hóa nước ngoài, qua trung gian sách vở phát hành tại miền Nam, nhận thức hiện trạng cuộc sống, sự giả trá trong văn nghệ tuyên truyền, họ trở thành những văn nghệ sĩ của sự thật, dám viết nên sự thật và trình bày sự thoái hóa của đất nước, tình trạng kiệt quệ của thế hệ hiện thời trong tinh thần và vật chất, đòi hỏi quyền tự do tư tưởng, dân chủ hóa quê hương: Trần Văn Thủy (điện ảnh), Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương (nhà văn) v.v. là những người tiêu biểu cho lớp văn nghệ sĩ mở đường này.

Lớp nghệ sĩ mới không còn sáng tác cho Đảng. Họ đã thay đổi mục tiêu: sáng tác cho quần chúng đọc. Họ trở về với quần chúng, với nỗi khổ hàng ngày của quần chúng, mà từ lâu rồi, lớp nghệ sĩ cũ vẫn nhắm mắt, hoặc vẽ lên một lớp sơn màu, lòe loẹt che giấu thực tại, nặn ra những tác phẩm vừa lòng Đảng.

Họ được độc giả trong và ngoài nước tìm kiếm, ủng hộ.

Sự thành công của họ chứng tỏ: không một thể chế độc tài nào có thể nắm vững mãi mãi được tư tưởng con người.

Thập niên cuối cùng của thế kỷ 20, sẽ cho chúng ta thấy diễn biến của trào lưu tư tưởng đang bùng lên trong nước, theo với trào lưu hiện thời của thế giới.

*

* *

Ở hải ngoại, vấn đề không bi quan đến thế, mà cũng không lạc quan thái quá như nhiều người tưởng.

Văn học hải ngoại thoát thai từ văn học miền Nam, từ những người đã sinh trưởng trong xã hội miền Nam. Sau biến cố 75, có những người vẫn tiếp tục cầm bút, sáng tác, sáng tác hăng say. Và thêm những cây bút mới, trước 75, chưa hề viết. Những biến chuyển của đất nước là động cơ thúc đẩy họ xông vào viết: viết như một nhân chứng, viết như để tỏ miền Nam còn hiện hữu và viết để không quên nguồn cội của mình.

Nhưng viết cho ai đọc?

Một số viết cho chính họ. Số đông viết cho đồng bào di tản đọc. Một vài nhà văn lớn, vượt qua tầm giới phân chia tư tưởng để viết cho tất cả mọi người: trong nước và ngoài nước, họ thầm ước, trong tương lai, tác phẩm của họ sẽ đến tay mọi người.

Ở hải ngoại, người cầm bút có tự do viết hay không? Không chắc lắm. Cộng đồng người Việt hải ngoại (tôi muốn nói cộng đồng di tản) đọc và viết, thoát thai từ xã hội miền Nam cũ. Tuy ở

trong "thế giới tự do", nhưng thực ra miền Nam là một trong những nấc thang cuối của thế giới tự do. Nói cách khác: miền Nam sống liên tiếp dưới những chế độ độc tài phía hữu: được hưởng một chế độ tự do tương đối, trên phương diện tư tưởng.

Nguyễn Hiến Lê viết về sự kiểm duyệt sách ở miền Nam:

"Cũng vào khoảng ấy, tôi còn lại thăm một nhà văn nữa ở ngoại ô Sàigòn. Ông này mới nổi danh chút chút từ vài năm, nhờ viết được vài tập mỏng tôi nhớ đâu như về kinh tế. Tôi nghe nói các nhân viên phòng kiểm duyệt thời đó tôn ông là 'đại ca', nên nhờ một người bạn giới thiệu để xem ông có thể nhấn bọn 'tiểu đệ' của ông nới nới tay trong sự kiểm duyệt bộ Đại cương Văn học sử Trung Quốc của tôi được không, vì bộ này có trích một bài hịch, nhiều bài thơ chống chiến tranh, nhất là có nhắc tới một số cây bút Trung Hoa hiện đại không theo họ Tưởng qua Đài Loan.

Nhưng tôi thất vọng: từ đầu tới cuối ông chỉ biết khoe tủ rượu rồi đến khoe ông, khoe tác phẩm của ông, coi tôi như hàng em út ngờ nghệch. "Làm văn mà không biết nhậu nhẹt thì làm sao mà giao thiệp?" và đánh trống lảng về cái việc tôi muốn nhờ ông. Ra về tôi tiếc đã mất một buổi chiều vô ích. Nhưng tôi không trách ông ở địa vị 'đại ca' thì phải để cho 'em út' làm ăn chứ!"

(Mười Câu Chuyện Văn Chương, trang 39)

Dù Nguyễn Hiến Lê viết rất "nhẹ tay"; cái không khí ngột ngạt và tư cách của người kiểm duyệt, cũng không khỏi làm người đọc ngậm ngùi cho nền "văn học có tự do" của nửa phần đất nước.

Tự do tư tưởng ở miền Nam cũng chỉ là "tự do trong vòng được cho phép", nhất là về mặt chính trị.

Ngoài ra, chúng ta còn bị kiềm chế bởi những giáo điều, luân lý, đạo đức, tôn giáo . . . đè nặng và đôi khi làm lũng đoạn tư tưởng con người.

Yếu tố thứ ba: miền Nam cũng bị ảnh hưởng của sự tuyên truyền chống Cộng thái quá của bộ Thông tin, in những sách báo xuyên tạc về con người cộng sản, thể hiện cán bộ cộng sản như hạng "ăn gan, uống máu người". Sự xuyên tạc ở miền Nam, có lẽ không đưa con người tới chỗ mê muội và có hậu quả tai hại như ở miền Bắc, vì trình độ văn hóa miền Nam cao hơn, nhưng đã đẩy mạnh chiến tranh và đào sâu hận thù.

Yếu tố thứ tư: sau khi thắng trận. Miền Bắc đã dùng chính sách "đô hộ khắc nghiệt" đối với miền Nam: một nửa phần đất nước lâm vào cảnh phân ly, tan tác, tù tội. Chính sách "tù cải tạo" và "kinh tế mới" là những yếu tố nghiệt ngã đẩy sâu dân tộc vào hố hận thù, nghi kỵ, một còn, một mất.

Thoát thai từ những yếu tố trên, con người mặc nhiên bị chi phối trong hành động và trong chữ nghĩa, tự đặt cho mình những giới hạn không nên vượt qua:

Giới hạn luân lý:

Tôi còn nhớ khi nhà văn Nguyễn Mộng Giác sang Paris để giới thiệu bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động* của ông, trong buổi nói chuyện, một nữ độc giả nghiêm khắc hỏi: "*nhà văn là nhà giáo, mà tại sao lại cho Ngữ làm những việc ngược luân lý trong* Mùa Biển Động *như thế?")* (Vị độc giả này muốn nói đến những trang tả tình "vượt chỉ tiêu" mà Ngữ đã trải qua trong *Mùa Biển Động*).

Ý kiến trên chỉ là trường hợp cá nhân của một độc giả chăng? Không đâu. Tôi gặp vài nhà văn khác, họ cũng phàn nàn bị độc giả gửi thư về tòa soạn "đe dọa", hoặc văn bản bị kiểm duyệt trước khi đăng báo v.v. . .

Thậm chí có nhà văn còn không dám viết những gì "quá trớn", e sợ độc giả không mua sách của mình nữa.

Với quan niệm: nhà giáo thì phải viết như thế này, bác sĩ thì phải viết như thế kia, thầy tu không được làm việc nọ, đàn bà ngoại tình phải kết án ra sao? Chúng ta trở về thế kỷ 18, 19 . . . khi các tiểu thuyết gia như Flaubert bắt Mme Bovary phải tự tử cho hợp luân lý. Tolstoi cũng cho Anna Karénine tự tử và Nguyễn Du thêm vào truyện Kiều đoạn Kim-Kiều tái hợp để kết thúc có hậu.

Tất nhiên, viết những trang về tình dục, đi xa, đi sâu, mà không thô, rất khó. Ít nhà văn vượt được những giới hạn trên để đạt tới nghệ thuật, đó là việc riêng của họ.

Viết về tình dục, thiếu cảm xúc và tế nhị, dễ đưa đến chỗ thô tục, vụng về, xa nghệ thuật: người đọc có thể đánh giá nhà văn một cách dễ dàng, trong những xen "điển hình" ấy. Công việc của người đọc là lựa lọc giá trị nghệ thuật của nhà văn để thụ hưởng, không nên đòi hỏi nhà văn phải viết theo quan niệm luân lý của mình.

Nhầm lẫn hai cương vị ấy với nhau, người đọc đã từ chối cả hai thứ tự do: tự do của tác giả và tự do của độc giả. Tự do không phải ngẫu nhiên mà có: phải tìm tòi, lục lọi, tra vấn chính mình.

*
* *

Giới hạn chính trị:

Thập niên 80, hai nhà văn Nguyễn Mộng Giác và Nhật Tiến thường hay bị cộng đồng "lên án".

Ở đây tôi không đánh giá sự "lên án". "Lên án" một tác phẩm, đó là quyền của độc giả. Sự "lên án" ấy có giá trị gì không lại là việc khác.

Việc "lên án" hai nhà văn thoát thai từ những quan niệm chính trị vạch sẵn:

— "Chúng ta đang chống Cộng": vậy không nên có các tác phẩm "hòa giải" hoặc "trung lập", coi đối phương như những "con người". Phải viết những tác phẩm có sức "công phá", "đả thương"

cộng sản. Tương tự như thời trước, không thích văn, thơ, nhạc phản chiến: đang đánh nhau, kêu gọi ngừng chiến, tức là đầu hàng rồi còn gì!

— Chúng ta không nên viết những điều có ý "bôi nhọ" chế độ Việt Nam Cộng Hòa, quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

Quan niệm "tốt đẹp khoe ra, xấu xa đậy lại" có vẻ rất "tích cực" ấy dẫn con người đến những lập luận cực đoan, nguy hiểm: mình tốt, chỉ có đối phương mới xấu. Quan niệm ấy không xa với đường lối tuyên truyền Đảng trị của miền Bắc nước ta: cái xấu đến từ xã hội ngụy, chúng ta là thiên đường, và lối viết như thế chỉ sản xuất ra một thứ văn chương giả trá, ru ngủ, chống lại con người.

Nhiều tác giả, vì sợ sự "lên án" ấy, đã ngại ngùng, không dám đả động đến những vấn đề "tabou" của cộng đồng người Việt hải ngoại, e sợ va chạm đến cơ quan này, tập đoàn nọ . . .

Đáng tiếc cho văn học và đáng tiếc cho người đọc.

Do đó, nhà văn, đôi khi muốn bảo tồn tự do của mình, cũng phải tranh đấu với chính mình, tránh lối viết làm vừa lòng dư luận, nếu muốn tác phẩm của họ vượt ra khỏi tầm mức cộng đồng để trở thành tác phẩm chung của tất cả mọi người trong và ngoài nước.

Đến đây, tôi chợt nhớ tới một giai thoại: trong *Les Mots*, Sartre kể chuyện hồi nhỏ, từ 7, 8 tuổi, ông đã thích viết truyện. Cậu bé Sartre "sáng tác" liên miên, những truyện dài phiêu lưu mạo hiểm, nửa bịa, nửa cóp, hết cuốn vở này đến cuốn vở khác, tràn ngập chữ nghĩa.

Tâm lý cậu bé: Tôi — độc giả — khi đọc sách rất ngán ngẫm những đoạn Boussenard hay Jules Verne giáo dục người đọc về các thứ kỳ hoa dị thảo, tới những đoạn đó, tôi nhảy cóc. Tôi — nhà văn — đang kể chuyện, đến chỗ bí, bèn vác cuốn tự điển Larouse tổ chảng ra, cóp một đoạn dài, nhồi nhét độc giả tất cả những điều mình không biết về cây cối, hoa cỏ, trên đời và lấy làm khoan khoái lắm, thấy mình cũng "lối lạc" như Boussenard, Jules Verne.

Tâm lý cậu bé Sartre hơi giống tâm lý chúng ta:

Chúng ta không thích đọc văn thơ tuyên truyền của miền Bắc ca tụng cộng sản, chống Mỹ-Ngụy, nhưng chúng ta thích "nhà văn của chúng ta" viết văn thơ tuyên truyền chống cộng sản và nếu có thể ca tụng thành tích của Việt Nam Cộng Hòa, vì "lập trường của người quốc gia" phải vậy.

Còn chúng ta có thích đọc loại văn thơ đó hay không, lại là chuyện khác. Ý niệm *hận thù* nung nấu chúng ta giữ mãi "lập trường" này, dường như "bỏ nó" là một điều "bội ước".

Trong Thần Tháp Rùa, Vũ Khắc Khoan viết: "*Bây giờ là lúc con phải học quên. Có quên được thì cái nhớ mới là có nghĩa. Và có như thế thì mới có thể bắt đầu học nhạc*".

(Lời thầy dạy, giảng cho Trương Chi, *Thần Tháp Rùa*, trang 40, Nguyễn Đình Vượng xuất bản)

Phải chăng, thời nào cũng thế, người nghệ sĩ chân chính vẫn phải "học quên"? Có quên được thì cái nhớ mới là có nghĩa; và trong những điều nên quên ấy, có lẽ *hận thù* đáng quên hơn cả.

*

* *

Dường như nhà văn lớn nào cũng có mộng ước: muốn biết hậu thế nghĩ sao về mình.

Nguyễn Du:

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

Cuối đời, Proust nuôi một tin tưởng mãnh liệt: "*Người ta sẽ đọc tôi, vâng, nhân loại sẽ đọc tôi . . . Stendhal mất một trăm năm mới được mọi người biết đến, Marcel Proust chỉ cần năm mươi năm*".

Sáu mươi năm sau khi Proust mất, các nhà văn lớn của thế kỷ này dùng Proust làm cái mốc để đánh giá trị mình. Người ta nói đến văn học trước Proust và văn học sau Proust.

Nhất Linh:

"Sự lầm lẫn thứ nhất của tôi là lúc mới viết sách tôi chỉ để ý đến cái ý thích của riêng mình".

Nhất Linh câu nệ quá: viết cho cái "ý thích của riêng mình" mà viết hết lòng, viết hay, cũng đã là viết cho người đọc và độc giả sẵn sàng chia sẻ với tác giả "niềm riêng" ấy.

Nhưng trong câu nói khiêm tốn, chứa bao nhiêu ý tình tha thiết với người đọc, gửi gấm người đọc nỗi quan tâm của một tác giả lớn, lớn cả về giá trị các tác phẩm lẫn giá trị con người.

Ngày nay, những người cầm bút trong chúng ta, có được bao nhiêu quan tâm đến độc giả như thế?

Theo một số thống kê xã hội mới đây của Pháp (1984): 80% tác phẩm in ra bị lãng quên ngay trong năm vừa xuất hiện. 99% bị lãng quên sau khi hai mươi năm. (Littérature francaise, tome 9, Germaine Brée và Eduard Morot-sir).

Nhà văn nào chẳng muốn tác phẩm của mình sống lâu hơn hai mươi tuổi? Nhưng sự lựa lọc của thời gian đôi khi khe khắt đến tàn nhẫn và không chừa bất cứ ai.

Văn chương chỉ có thể vượt thời gian khi người viết đặt nó lên trên những giá trị giai đoạn: phục vụ một chính thể một đảng phái, một chủ nghĩa một dư luận và đem nó trở lại với giá trị vĩnh cửu: phục vụ con người.

Khi đó, vấn đề viết cho ai đọc? không nhất thiết phải đặt ra nữa. K

Yên Cơ, tháng Giêng 1990

GIỚI THIỆU HỒI KÝ ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI

VÕ PHIẾN

*T*rong ngày đầu năm Mậu Thân, các đài truyền thanh và báo chí loan tin vị đại diện Chính phủ Việt nam Cộng hòa tại Trung nguyên Trung phần vừa bị cộng quân bắt trong cuộc tấn công vào thị xã Huế. Giữa cảnh khói lửa bom đạn tơi bời khắp nước, tin ấy vẫn gây xúc động, lo lắng, và thắc mắc trong dư luận. Cho đến bấy giờ, đó là nhân vật cao cấp nhất của ta sa vào tay đối phương: Ông sẽ bị đối xử như thế nào? sẽ đối phó ra sao? sẽ phải tiết lộ tới đâu? bảo vệ được gì? số phận ông rốt cuộc rồi ra sao? v.v....

Hai mươi năm sau, chúng ta có lời giải đáp. Tức cuốn hồi ký Ánh sáng và bóng tối này.

Hồi ký là bộ môn phong phú nhất, bộ môn chủ yếu của văn học Việt nam lưu vong sau 1975. Xưa nay chưa bao giờ người Việt nam kể chuyện mình nhiều như thế. Thực ra, ở Đông phương cổ nhân không mấy sốt sắng tự mình kể lại chuyện đời mình. Mãi gần đây, những người Pháp và người Mỹ có tham gia chiến cuộc ở Việt nam khi về nước cũng nhiều người viết hồi ký hơn là chiến sĩ và tướng tá của chúng ta. Chúng ta liều thân chiến đấu, vào sinh ra tử, chết đi sống lại, làm chuyện trời long đất lở, và khi xong việc thì... bỏ qua. "Thôi, không nói đến nữa. Hãy lo việc khác".

"Việc khác" của mỗi chính khách, quân nhân chúng ta vị tất đã quan trọng cả. Trong nhiều trường hợp, đó chẳng qua là trở về quê xưa với công việc đồng áng để nuôi thân, là trở lại trường để học thi cho xong cái bằng trung học, là chọn cưới cô vợ rồi dắt nhau lên tỉnh làm ăn, là tiếp tục con đường hoạn lộ v.v... Sự im lặng của các lớp người trước gây thiệt thòi cho hậu thế. Quá khứ thành ra nhạt nhòa.

Thỉnh thoảng bắt gặp một vài dòng hay dăm mười chữ nhắc nhở rất đại khái về một cảnh chinh chiến xa xưa:

"Dưới trướng nức mùi chung đỉnh, sực nhớ khi chén rượu rót đầu ghềnh; Trong nhà rỡ vẻ áo xiêm, chạnh nghĩ buổi tấm cừu vung trước gió." (Nguyễn văn Thành)

chúng ta đọc đi đọc lại, tha hồ nghĩ ngợi mông lung. Và ngậm ngùi, và xúc cảm. Càng nghĩ ngợi càng thấy mông lung thêm, càng ao ước những điều cụ thể. Các quân sĩ từng có mặt ở chỗ đầu gành rót rượu năm nọ, chén cơm miếng mắm hàng ngày của họ ra sao nhỉ? đám sĩ tốt từng ngắm tấm cừu của chủ tướng phất lên trước gió năm nọ: áo xống họ mặc, cái giày dưới chân, phương thức và tốc độ di chuyển của họ ra sao? họ cùng lặn lội với chủ tướng trên các chiến trường mà trong đầu họ họ nghĩ thế nào về chúa Nguyễn, về vua Lê? về chúa Trịnh? về vua Quang Trung, về thế cuộc nước nhà nhỉ? giữa các trận đánh họ ăn nói đùa giỡn ra sao? họ nói năng về những đề tài gì? sự đối xử với nhau trong quân ngũ ra sao?

Giá có ai tiết lộ những điều như vậy, thích biết chừng nào. Cũng như giá có ai nhặt được cuốn sổ tay của đại đô đốc Bửu hay đại đô đốc Lộc, ghi chép vội vàng về cuộc hành binh trên mặt trận Thăng long năm 1789, ghi vội cái cảm tưởng chớp nhoáng buổi sáng ngồi trên lưng ngựa bên này sông Nhị hà trông qua cảnh quân lính Tôn Sĩ Nghị tất tưởi kéo chạy bên kia sông, cảnh dân chúng cảnh phố phường Thăng long lúc bấy giờ v.v... Hoặc giả (đừng quá tham lam) giá bắt được lá thư của một quân nhân cấp nhỏ – không đại đô đốc hay đô đốc gì cả – chỉ là kẻ chỉ huy một cơ hay một đội cũng được, một quân nhân nặng tình gia đình, viết về cho vợ dăm ba trang kể lể chuyện di hành mấy ngày đêm từ Nghệ an ra kinh đô, kể về cái đêm tết mất ngủ ở Hà hồi, về buổi sớm trời còn tờ mờ đã đặt chân tới Ngọc hồi v.v..., chúng ta biết ơn những tiết lộ ấy biết bao nhiêu.

Sự vắng thiếu hồi ký, đặc biệt trong thời kỳ trước 75 vừa qua, càng là một tai hại lớn cho miền Nam.

Trước 1975 Miền Nam lâm vào cuộc chiến khốc liệt nhất trong lịch sử nước nhà; sau 1975 chính phủ Miền Nam không còn nữa, Việt nam Cộng hòa thua trận, và tệ hơn nữa, lại mất dạng luôn. Việt nam Cộng hòa không còn tiếng nói. Miền Nam Việt nam không còn tiếng nói. Cuộc chiến vừa ngưng chúng ta

chưa kịp tổng kết, càng chưa kịp viết sử, đã bỏ chạy, đã biến mất khỏi ngoài tầm lịch sử chính thống nước ta. Về cuộc chiến tranh vừa qua, chỉ có hai cách trình bày: một của Hoa kỳ, một nữa của nhà cầm quyền cộng sản Việt nam. Trên sách báo, phim ảnh, đó là cuộc chiến giữa Ri-Ai với Vi-Xi. Ông Ri-Ai khoe ông Ri-Ai khỏe; ông Vi-Xi khoe ông Vi-Xi khôn. Hai bên đối chiếm diễn đàn, tha hồ khoác lác. Người lính cộng hòa không hề có đánh đá với ai bao giờ! Việt nam Cộng hòa họa hoằn có được nhắc tới là chỉ để nêu lên dăm ba hoạt động lẻ tẻ: lính có tục ăn thịt người, nhà cầm quyền có tục tham ô, thanh niên nghệ sĩ có tục trụy lạc, dân chúng có tục mơ... cộng sản v.v....

Các sử gia, các văn gia nghệ gia khắp các bộ môn ở Hoa kỳ và ở Việt nam hăng hái viết tới tấp về chiến tranh Việt nam theo đường hướng ấy. Nếu không có biến cố lớn xảy ra bên phía cộng sản, nếu sự đời tiếp tục diễn biến ngon lành như hồi các ông Staline, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh còn sống, thì chẳng bao lâu nữa người đời sẽ không tài nào hiểu nổi sự thực ở Miền Nam trước 1975 nó như thế nào.

Trong hoàn cảnh ấy, sự phát triển đột ngột của bộ môn hồi ký ở hải ngoại thật là quí hóa.

*

Hồi ký lao tù của người Việt lưu vong sau 1975 xuất bản đầu tiên ở hải ngoại có lẽ là cuốn sách mỏng manh của ông Trần Huỳnh Châu: Những năm cải tạo ở Bắc Việt, trăm rưởi trang, in vào khoảng 1981 ở California. Từ đó hồi ký mỗi lúc mỗi dày mỗi đồ sộ, hình thức mỗi đẹp thêm, nội dung mỗi phong phú thêm. Thường thường là phong phú về tài liệu, về dữ kiện ghi nhận.

Đọc hồi ký của ông Hoàng Liên tất nhiên chúng ta cũng biết thêm được rất nhiều sự việc lý thú. Chẳng hạn thấy cung cách, mánh lới thẩm vấn cùng thủ đoạn khai thác tù binh của cộng sản đối với từng thành phần trong từng giai đoạn có khác nhau. Trong Đại học máu của Hà Thúc Sinh có những buổi "làm việc" đầy máu me, có những tên công an quen "làm việc" với gậy gộc, trong Đáy địa ngục của Tạ Tỵ (cũng như bao nhiêu hồi ký lao tù khác) nạn nhân bị mắng nhiếc sỉ nhục, nhưng ở Ánh sáng và bóng tối khi một thẩm vấn viên toan lên giọng nặng lời với can nhân tức thì đã có cán bộ cấp trên kín đáo ra hiệu nhắc nhở y đổi thái độ ngay. (Chương I, đoạn 3)

Lại chẳng hạn thấy tất cả cái nọa lực ù lì của guồng máy thư lại cộng sản bị khua động một cách ngộ nghĩnh: Trong đêm khuya giữa tiếng kẻng cầm canh của trại tù, giữa hai đợt gió đông vùng núi rừng Hoàng liên sơn, bỗng nổi lên tiếng gõ vào thùng sắt tây nghe như tiếng phèng la. Gõ một hồi chín tiếng, ngừng một lát, rồi lại một hồi chín tiếng, cứ thế tiếp tục. Tiếng gõ dứt hẳn thì tiếng người cất lên vang vang:

"Kêu trời, trời không thấu,
Kêu đất, đất không hay.
Kêu ông giám thị,
Thì ông giám thị ngủ say..."

(Chương VII, đoạn 33)

Đó là cách thức "Sinh cùi" liều mạng đòi giám thị cứu xét trường hợp mình. Sinh làm như thế hết đêm này sang đêm khác, tháng nọ qua tháng kia.

Sinh hơi ồn ào, Mão lễ phép hơn. Sau khi bị giam mãi ba năm trời không có án tù, "một buổi sáng, lúc anh em tù nhân tập hợp để đi lao động, Mão ôm quần áo đứng ở cổng và "báo cáo" với cán bộ là anh xin được trả lại tự do. Anh không bị khủng hoảng tâm thần, mà trái lại, tỏ ra rất bình tĩnh, ăn nói rất rõ ràng, gãy gọn. Người cán bộ ra lệnh cho anh xếp hàng để đi làm. Anh ngoan ngoãn chấp hành. Nhưng sáng hôm sau, rồi những hôm sau nữa, anh lại đứng ra báo cáo như ngày hôm qua. Mỗi buổi sáng, những bạn tù của anh được dịp cười đùa, chế giễu, nhưng anh vẫn kiên nhẫn thực hiện kế hoạch. Đến tháng thứ tư, anh được phóng thích thật." (Chương VII, đoạn 33).

Lại nữa, chẳng hạn mấy ai ngờ trên đời có những chính sách lao tù ngộ nghĩnh này:

— Đến một lúc nào đó tù được bảo cho biết họ đã hóa thành công nhân, họ không còn là tù nữa, thế nhưng họ phải ở một chỗ chỉ định làm công việc chỉ định, họ không được về nhà, không được đi đâu cả: thế gọi là tù được tha mà không được thả! (Chương VII, đoạn 36).

— Tù nhân có thể được phóng thích với điều kiện... phải lấy chồng. Không lấy chồng thì chịu khó tiếp tục ở tù dài dài. Đó là trường hợp của một số nữ tu sĩ. (Chương VII, đoạn 36).

— Tù nhân giam giữ vô hạn kỳ, nhà nước bịn rịn mãi không muốn thả, chỉ cho tù "đi phép" xa hàng nghìn dặm, từ Bắc về Nam chơi dăm bảy tuần một đôi tháng, rồi tự dẫn thân trở lại... vào tù! (Chương VII, đoạn 38), vân vân và vân vân.

Chuyện ngộ nghĩnh, chuyện kỳ cục, chuyện hài hước, chuyện bi thương..., tất nhiên có cả trong Ánh sáng và bóng tối. Nhưng đó không phải là đặc điểm của cuốn hồi ký này. Đặc biệt không phải là sự việc được kể, mà là cái cách nhìn sự việc của tác giả.

Thật vậy, mỗi một cán bộ không phải chỉ được ghi nhận hình dáng cùng dăm ba câu trao đổi qua lại mà thôi: tác giả nhớ rõ từng màu da, mái tóc, y phục, nhớ từng cử chỉ, từng giọng nói... Tác giả nhớ trận mưa nơi này, buổi sáng chỗ kia, ánh tà dương chiếu xuống góc sân trại nọ, nhớ tiếng gió hú, tiếng nai kêu đây đó trên giải Trường sơn... Sau hai mươi năm tác giả còn nhớ rõ mồn một đoạn đường sỏi mình đã giẫm chân qua trong ngày rời cố đô Huế vào đầu năm Mậu thân xa xưa (Chương I, đoạn 2). Sau mười mấy năm trời ông nhớ như in trong trí những con kiến đen kiến vàng, con châu chấu, trong sân trại Phú

sơn (Chương IV, đoạn 22), nhớ cái vỏ bao thuốc lá sản xuất ở Albany có in hình một lâu đài cổ (Chương III, đoạn 18), ông nhớ một chiếc lá đu đủ tình cờ một hôm trại tù ở Thái nguyên đã dùng gói ít muối phát cho tù: "Hơn một nửa ngọn lá còn xanh tươi; phần còn lại đã ngả sang màu vàng nhạt như màu hoàng yến" (Chương IV, đoạn 22). Ông đã nâng niu, gắn ngọn lá ấy lên tường để ngắm nghía cho đến khi chiếc lá tàn úa khô héo, v.v...

Tự nó, chiếc lá cũng như mảnh giấy, như tia nắng v.v... không có nghĩa gì. Cái nhìn của tác giả đã trao cho nó tầm quan trọng đặc biệt. Tác giả đã nhìn, đã nghe thế nào mà chuyện tù không chỉ "hấp dẫn" vì những cái chết, cái khổ, cái đói, cái hiểm ác v.v... mà còn hấp dẫn vì những tiếng gà, tiếng chó, màu lá xanh, tiếng chim gù v.v...

Thành thử đọc hồi ký lao tù thường thường người ta chỉ chờ đợi những dữ kiện, ở đây chúng ta còn gặp một tâm hồn.

*

Có thể nói đặc điểm ấy một phần do ở hoàn cảnh riêng: tác giả bị cấm cố trong xà lim, luôn luôn cô độc, không làm việc, không có sự tiếp xúc với người và ngoại cảnh trong một thời gian dài, nên hồi ký chứa đựng ít hoạt động mà nhiều trầm tư.

Có thể như vậy. Nhớ trong vở kịch Ba chị em của Anton Chekhov, nhân vật nào đó đã nói đến trường hợp một vị bộ trưởng trong tù: qua cửa sổ nhà giam ông trông thấy con chim bay quá đẹp, ông vội ghi vào nhật ký. Chưa vào tù ông bộ trưởng không thấy chim, sau khi ra khỏi tù có lẽ rồi ông lại không còn trông thấy chim bay đẹp nữa. Công việc hàng ngày, các mối ưu tư bận rộn hằng ngày của một bộ trưởng lôi cuốn ông, không cho phép ông nhìn chim, thấy chim. Khi hoạt động bị chận đứng, kẻ bị câu thúc chợt nhìn kỹ vào ngoại giới và vào cả tâm tư mình.

Tuy nhiên, đó chỉ là một lý do. Không phải tất cả mọi tù nhân cấm cố đều tha thiết với một chiếc lá, đều có những suy tưởng miên man từ một hình vẽ trên mảnh giấy lộn. Không phải sau cái hôm phát muối cho tù, giám thị trại vào mỗi phòng đều thấy mỗi lá đu đủ căng lên tường. Chắc chắn là không.

Dù cùng một cảnh cô tịch không phải ai cũng chất chiu từng sự vật cỏn con; cũng như ở ngoài cõi đời tự do, trong cuộc sinh hoạt hàng ngày không phải ai nấy đều cùng một thái độ trìu mến cảnh vật quanh mình. Người đời đa số đi mà không thấy cây dẹp bên đường, không nghe mùi cỏ thơm trong không khí, không nghe tiếng chim kêu; đa số nghe tiếng cãi nhau chửi nhau mà không trông thấy hạt mồ hôi cùng mấy sợi tóc xù trước trán đối thủ chẳng hạn... Trong khi ấy người viết văn làm thơ đi đường mà nghe tiếng chim hót cao thấp, thấy những sợi mây trời đậm nhạt, nghe tiếng kêu khóc cách tường mà tưởng chừng chứng kiến cả một thảm cảnh trước mắt... Người đời đa số bám lấy những lo toan thực tế về đời sống của mình, cơ hồ không còn tâm trí để biết đến xung quanh: cả vũ trụ đều... thừa thãi. Người nghệ sĩ nhẩn nha, không bị cuộc sống thực tế thu hút: đối với họ mọi cái quanh mình, từ hình mây dáng khói đến... chiếc lá đu đủ, không cái gì thừa thãi. Tất cả trở nên linh hồn của cuộc sống.

Ấy vậy cho nên Ánh sáng và bóng tối có phong cách của một tác phẩm nghệ thuật chứ không phải chỉ là một sưu tập tài liệu.

Simone de Beauvoir có lần biện giải về chuyện ấy. Bà từng viết cả một bộ hồi ký năm cuốn thật súc tích về đời mình, bà lại viết hồi ký về cái chết của mẹ già, về những ngày cuối cùng của J.P. Sartre. Những sách ấy là gì? Có kẻ cho rằng ghi chép sự việc không phải là chuyện văn chương. Tác phẩm văn nghệ phải là một công trình vận dụng ngôn ngữ trong tinh thần sáng tạo cơ.

Bà Beauvoir lắc đầu (Tout compte fait). Ô kìa, thế hồi ký cấm vận dụng ngôn ngữ có nghệ thuật à? Hồi ký kể sự việc. Sự việc tự chúng nó không quyết định cách kể lại: cách thức kể việc là do ta, lời văn là của ta, cách nhìn đời là của ta, nghệ thuật vận dụng ngôn ngữ là của ta. Tác phẩm nọ có phải hay không phải một công trình sáng tạo là do ta, không phải do nó.

Vì thế, đọc hồi ký Hoàng Liên chúng ta hiểu vì sao ông đã làm thơ, rất nhiều thơ, ông viết bao nhiêu truyện ngắn, truyện dài trong tù. Và chúng ta tiếc ngẩn ngơ về sự mất mát tất cả những công trình ấy, cũng trong tù □

ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI

Hồi ký của Hoàng Liên

Văn Nghệ xuất bản 1990. Đã bày bán khắp các nhà sách

Sách dày gần 600 trang

Giá $23.00 MK. Ngoài nước Mỹ $25.00MK

THỜI SỰ THÁNG QUA

LÊ THỤY

Chiều hướng bình thường hóa bang giao vẫn tiếp diễn . . .

Thời sự trong tháng qua có nhiều biến chuyển quan trọng, từ việc Tổng thống Hoa Kỳ George Bush ký lệnh cấm vận thêm một năm nữa đối với cộng sản Việt Nam cho đến việc ngoại trưởng Mỹ James Baker lần đầu tiên nói chuyện thẳng với Nguyễn Cơ Thạch, Ngoại trưởng của Hànội ở New York, Bắc Kinh và Hànội đang đẩy mạnh việc bình thường hóa bang giao, trong khi các thuyền nhân ở Hong Kong — lên đến hơn 50,000 người — được UNHCR (Cao ủy Tị nạn Liên Hiệp Quốc) khuyến cáo nên tự nguyện hồi hương trong danh dự, nếu không cũng sẽ bị . . . đẩy về trước cuối năm nay!

Hoa Kỳ gia hạn cấm vận thêm một năm

Hôm 7 tháng Chín, Tổng thống G. Bush ký quyết định kéo dài lệnh cấm vận thêm một năm nữa đối với cộng sản Việt Nam, kể từ ngày 14 tháng Chín, là thời hạn đạo luật trước đó, hết hiệu lực.

Với thời hạn cấm vận được kéo dài thêm cho đến năm 1991 này, có nghĩa là các thương gia Hoa Kỳ cũng như các công ty của Hoa Kỳ không được phép giao dịch thương mại với cộng sản Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào.

Hậu quả thấy ngay của lệnh cấm vận được gia hạn này là, hôm 18 tháng Chín, một phái đoàn thương mại quan trọng của Hoa Kỳ ở Hong Kong, đã hủy bỏ chuyến thăm Việt Nam, để thăm dò thị trường và đầu tư, dự trù được tổ chức vào giữa tháng Mười 1990, thể theo lời mời của nhà cầm quyền Hànội.

Sau ba phiên họp "thăm dò" ở cấp đại sứ (Trịnh Xuân Lãng với phụ tá thứ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ Kenneth Quinn, trong hai lần họp) rồi cấp thứ trưởng ngoại giao (Lê Mai với phụ tá ngoại trưởng Richard Solomon, hôm 20 tháng Chín) đều diễn ra ở New York, lần đầu tiên Hoa Kỳ và cộng sản Việt Nam họp cấp ngoại trưởng hôm 29 tháng Chín, tại khách sạn Waldorf Astoria, New York.

Đây là cuộc gặp gỡ cao cấp nhất từ trên 17 năm nay giữa hai nước, sau cuộc họp lần sau cùng tại hòa đàm Paris, Pháp, hồi năm 1973, giữa ngoại trưởng Hoa Kỳ Henry Kissinger và Lê Đức Thọ, cố vấn cao cấp của Hànội.

Trong phiên họp kéo dài 30 phút này, Ngoại trưởng James Baker đã yêu cầu Nguyễn Cơ Thạch, vừa giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao kiêm Phó Thủ tướng cộng sản Việt Nam, giải quyết cho xong trường hợp của khoảng 2,400 quân nhân Hoa Kỳ còn bị ghi mất tích ở Việt Nam cũng như giúp cho Cam Bốt sớm đạt đến một giải pháp chính trị, "trước khi tính đến việc bình thường hóa bang giao giữa hai nước".

Tiếp theo cuộc họp, hai bên cùng loan báo là Nguyễn Cơ Thạch sẽ đến Washington, thủ đô Hoa Kỳ, trong vòng hai tuần lễ sau đó (vào ngày 17 tháng Mười 1990), để gặp gỡ cựu tướng John Vessey Jr., đặc sứ của Tổng thống Bush trong các mối liên lạc với Hànội, hầu giải quyết tiếp vấn đề POW/MIA (Tù binh/quân nhân mất tích của Hoa Kỳ).

Bắc Kinh - Hànội đẩy mạnh việc bình thường hóa bang giao

Để tránh sự suy sụp kinh tế cũng như tình trạng bị cô lập của mình, cộng sản Việt Nam không chỉ mong mỏi được bình thường hóa bang giao với Hoa Kỳ mà họ còn muốn tái lập được các mối liên hệ ngoại giao cả với lân bang khổng lồ là Bắc Kinh nữa.

Khởi sự là trong các ngày đầu tháng Chín (3 và 4 tháng Chín), Nguyễn Văn Linh, tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam; Đỗ Mười, thủ tướng; Phạm Văn Đồng, cựu thủ tướng, nay giữ chức cố vấn cao cấp của Hànội, đã bí mật sang gặp Lý Bằng, thủ tướng, cũng như Giang Trạch Dân, tổng bí thư đảng cộng sản Trung Hoa.

Các tin tức cho biết hai bên đã thảo luận về việc giải quyết cuộc chiến Cam Bốt, dựa trên giải pháp hòa bình cho nước này, do năm nước hội viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc đưa ra, cũng như cải thiện bang giao giữa Hànội và Bắc Kinh.

Các nguồn tin cho biết thêm là hai bên thảo luận việc giúp đỡ nhau về mặt kinh tế cũng như phối hợp để duy trì chế độ cộng sản tại cả Việt Nam lẫn Trung Quốc, sau khi chế độ này lần lượt bị . . . xóa sổ dần trên thế giới, tại các nước Đông Âu, tại Nicaragua, tại Mông Cổ và cả tại . . . Liên Xô nữa!

Việc bình thường hóa bang giao giữa Bắc Kinh và Hànội, được đẩy thêm bước nữa, nhân khi khai mạc Á vận hội lần thứ 11, được tổ chức tại Bắc Kinh, hôm 22 tháng Chín. Nhà cầm quyền cộng sản Trung Quốc đã mời Võ Nguyên Giáp, cựu đại tướng, đương kim phó thủ tướng Hànội, sang tham dự với tư cách "khách quý".

Đây là cuộc viếng thăm chính thức đầu tiên của một nhân vật lãnh đạo của Hànội đến Bắc Kinh, kể từ khi cuộc chiến tranh biên giới bùng nổ hồi đầu năm 1979 giữa hai nước. Trong thời gian ở Bắc Kinh, Võ Nguyên Giáp đã liên tiếp gặp gỡ các lãnh tụ hàng đầu của cộng sản Trung Quốc như Giang Trạch Dân, Lý Bằng và các ủy viên Bộ Chính trị, Ủy ban Trung ương Đảng, mà Võ Nguyên Giáp gọi một cách thân mật là "các người bạn cũ" . . .

Tin buồn cho các thuyền nhân Việt Nam

Hôm 23 tháng Chín, tiếp theo hai ngày họp ở Hànội, một thông cáo chính thức được phổ biến cho biết Anh quốc, cộng sản Việt Nam và Cao ủy Tị nạn Liên Hiệp Quốc (UNHCR), đã đạt đến được một thỏa hiệp về việc hồi hương các thuyền nhân Việt Nam đang sinh sống trong các trại tị nạn đông nghẹt ở Hồng Kông.

Một viên chức Bộ Ngoại giao Anh quốc nói:

"Mục tiêu của chúng tôi là hồi hương tất cả các thuyền nhân Việt Nam đã trải qua cuộc thanh lọc nhưng không được công nhận là tị nạn chính trị. Anh quốc sẽ cộng tác chặt chẽ với UNHCR để thực thi các thỏa hiệp đã đạt được".

Theo thỏa hiệp này, Hànội đồng ý nhận lại các thuyền nhân Việt Nam "không tự nguyện hồi hương, nhưng cũng không chống lại việc phải trở về", sau khi biết rằng không thể nào được đi tái định cư ở các nước Tây phương.

Người ta cho rằng Hànội đã bằng lòng nhận lại số thuyền nhân từ Hong Kong (lên đến khoảng 50,000 người), để mong nhận được sự viện trợ của Anh quốc cũng như của cộng đồng kinh tế Âu Châu, tiếp đó cải thiện bang giao với các nước trong vùng, khi mai đây họ cũng bắt đầu nhận lại các thuyền nhân từ Phi Luật Tân, Thái Lan, Mã Lai Á, Indonesia . . .

Tuy chưa công bố cụ thể ngày hồi hương . . . cưỡng bách của các thuyền nhân từ Hong Kong, song Thống đốc David Wilson hé lộ rằng các đợt hồi hương này sẽ được khởi sự trước cuối năm 1990, với mỗi tháng ít nhất 1,000 người sẽ được chở về quê cũ.

Phản ứng đầu tiên từ các thuyền nhân ở Hong Kong, là họ đã liên tiếp tổ chức các cuộc biểu tình ngồi để phản đối kế hoạch hồi hương" không tự nguyện" này!

Vùng Vịnh vẫn . . . nhì nhằng!

Tình hình vùng vịnh Perse (Ba Tư) vẫn . . . án binh bất động giữa phía Hoa Kỳ và lực lượng đa quốc gia một bên và phía Iraq một bên, tuy các cuộc đấu khẩu, chiến tranh tâm lý . . . giữa hai bên vẫn tiếp diễn.

Hôm 9 tháng Chín, hai vị Tổng thống Hoa Kỳ G. Bush và Liên Xô M. Gorbachev đã gặp gỡ thượng đỉnh . . . bất thường tại Helsinki, Phần Lan để bàn về một chính sách chung đối đầu với Iraq và muốn cho nước này thấy rằng hai siêu cường đoàn kết với nhau để giải quyết các cuộc khủng hoảng trên thế giới.

Tối 11 tháng Chín, lên tiếng trước Lưỡng viện Quốc hội Hoa Kỳ và thế giới (nhờ được truyền hình trực tiếp!), Tổng thống Bush đã hân hoan khoe rằng "cuộc khủng hoảng vùng vịnh Perse đã tạo nên một *trật tự thế giới mới* trong đó các siêu cường đối nghịch trong cuộc chiến tranh lạnh, giờ đây lại đứng liên kết với nhau chống lại cuộc xâm lăng của Iraq vào Kuwait".

Ngày 12 tháng Chín, Tổng thống Bush cũng đã cho thu hình bài diễn văn gởi cho dân chúng Iraq, theo lời đề nghị của phía Iraq.

Bài diễn văn tám phút của Tổng thống Bush đã được phát trên các hệ thống truyền hình Iraq, cho dân chúng Iraq thấy rằng vì sao thế giới đã ào ạt đứng lên chống lại cuộc xâm lăng của Iraq vào Kuwait, và chính Saddam Hussein (Tổng thống Iraq) đang đưa dân tộc Iraq đến bờ vực của một cuộc

chiến tranh.

Hôm 25 tháng Chín, Saddam Hussein đã yêu cầu các đài truyền hình Hoa Kỳ cho ông được dịp "trả lời" Tổng thống Bush cũng như trình bày với dân chúng Mỹ về lập trường của Iraq, trong cuộc khủng hoảng vùng Vịnh hiện nay.

Trong bài diễn văn kéo dài đến 75 phút — lẽ dĩ nhiên chẳng mấy người dân Mỹ nào có đủ thì giờ hay lòng kiên nhẫn để theo dõi — S. Hussein lớn tiếng đe dọa rằng Tổng thống Bush đang gởi các quân nhân Mỹ đến một cuộc chiến tranh còn thảm khốc hơn cuộc chiến Việt Nam".

"Ông Bush hiện nay đã tự đặt mình trong tình thế hết sức bối rối . . . bên bờ vực thẳm không hề có đáy, khi ông đi bảo vệ cho một chính phủ phản dân chủ, như Kuwait . . ."

Hôm 25 tháng Chín, Liên Hiệp Quốc tiến thêm một bước nữa trong việc phong tỏa kinh tế Iraq, là ban hành lệnh phong tỏa mọi liên lạc hàng không với Iraq và Kuwait, sau khi đã phong tỏa bằng đường biển, từ hồi tháng trước, không bao lâu sau khi Iraq mở cuộc xâm lăng lân bang Kuwait.

Các nguồn tin có thẩm quyền Hoa Kỳ cho rằng nếu các cuộc phong tỏa này không mang lại hiệu quả mong muốn, có thể Hoa Kỳ và các lực lượng đa quốc gia, như: Pháp, Anh, Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập, Syria . . . sẽ sử dụng đến biện pháp quân sự.

Các tin tức cho biết hồi cuối tháng Chín Iraq không chỉ chuẩn bị cuộc chiến tranh hóa học mà họ còn chuẩn bị cho cả một cuộc chiến tranh vi trùng nữa.

Các giới chức quân sự quốc tế tiên liệu rằng một cuộc chiến tranh thực sự sẽ bùng nổ vào tháng Mười Một hay tháng Mười Hai 1990 tại vùng Vịnh này.

Các tin khác

* Trận bão Ed, theo đài phát thanh Hànội, khi thổi qua các tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và Quảng Trị trong các ngày 18 và 19 tháng Chín, đã làm hư hại hay thổi bay hơn 140,000 căn nhà, làm thiệt mạng 18 người, 11 người mất tích và 39 người bị thương. Các thiệt hại về mùa màng, cầu cống, đường xá, trường học . . . cũng vô cùng nặng nề.

* Hôm 8 tháng Chín, Hội đồng Nhà nước Cộng sản Việt Nam, ra lệnh kiểm soát chặt chẽ hơn nữa các dịch vụ tín dụng, ngân hàng cũng như xuất bản sách, sau khi nhiều vụ bê bối đã xảy ra cả năm nay.

* Nghiêm Xuân Tuệ, Bộ trưởng Lao động, thương binh và xã hội của cộng sản Việt Nam, trong một cuộc phỏng vấn dành cho hãng thông tấn Pháp (AFP), nhìn nhận hiện nay tại Việt Nam có khoảng sáu triệu người thất nghiệp — tức bằng 20 phần trăm lực lượng lao động toàn quốc.

Tuệ nhìn nhận số bộ đội giải ngũ, nhất là từ chiến trường Cam Bốt trở về, số thuyền nhân và "công nhân xuất khẩu" hồi hương và số học sinh đến tuổi rời trường . . . mà không có công việc làm, càng làm cho khối người thất nghiệp tăng thêm.

* Các chương trình H.O (tù chính trị định cư tại Mỹ) và ODP (chương trình đoàn tụ gia đình) sẽ được cả hai phía Hoa Kỳ và cộng sản Việt Nam đẩy mạnh hơn nữa trong thời gian tới đây.

Theo báo *Tuổi Trẻ*, phát hành tại thành Hồ, thuật lại lời đại diện Sở Ngoại vụ thành Hồ, một thành viên của phái đoàn cộng sản Việt Nam, sang họp với phía Mỹ tại Bangkok, Thái Lan, về hai vấn đề trên, thì:

— Đối với những người đi theo chương trình ODP, phía Mỹ sẽ tăng số lượng phỏng vấn từ tháng Mười 1990, chủ yếu ưu tiên cho những đối tượng sau: vợ chồng, con cái độc thân, dưới 21 tuổi, cha, mẹ già của những người đã có quốc tịch Mỹ.

Phía Mỹ cam kết cố gắng giải quyết nhanh số 160,000 người đã được phía Việt Nam cấp xuất cảnh và trao danh sách cho phía Mỹ. Những người không đủ tiêu chuẩn để được phỏng vấn, phía Mỹ cũng sẽ thông báo sớm.

* Báo *Sàigòn Giải Phóng* ngày 6 tháng Chín cho biết Cục Xuất bản thuộc Bộ Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch của cộng sản Việt Nam, ra lệnh tạm ngưng in các sách phát hành trước ngày 30 tháng Tư 1975, của các tác giả miền Nam Việt Nam, kể cả những tác phẩm đã được Cục Xuất bản ký duyệt trước đây.

Cho đến nay các sách phát hành dưới chính thể Việt Nam Cộng Hòa đã được cộng sản Việt Nam cho tái bản, và được độc giả cả nước đón đọc một cách say mê, là các tác phẩm sau đây:

Đường tơ đứt nối của bà Tùng Long, *Nửa Mảnh Trăng Thề* của Thanh Trúc, *Tình tuyệt vọng* của An Khê, *Yêu trong hoàng hôn, Bây giờ em ở đâu,* Về một chỗ nào đều của Ngọc Linh, *Hoa nở về đêm, Nhang tàn thắp khuya, Chiều xuống êm đềm, Khung rêu* của Nguyễn Thị Thụy Vũ, *Một chuyện tình 15 năm trước* của Lưu Thị Hạnh, *Cho buồn lòng ai* của Dương Trú La, *Duyên tình lạc bến, Mười hai bến nước* của bà Tùng Long, *Phấn trang lầu* của La Quán Trung, *Dòng máu võ sĩ đạo* của Lê Minh Hoàng Thái Sơn, *Thâm cung bí sử* của Nguyễn Hữu Lương, *Đất Kỷ* 2 tập của Tạ Duy Chân, *Vợ kẻ khác* của An Khê, *Một mình tôi bước đi* của Từ Kế Tường, *Người đao phủ thành Đại La* của Hoài Điệp Thứ Lang, *Cánh chim trong giông bão* — phóng tác từ phim Đài Loan của Liêu Quốc Nhỉ! v.v.

LÊ THỤY

NHÂN VỤ KÝ GIẢ LÊ TRIẾT BỊ ÁM SÁT

PHẢI LÊN ÁN BẠO LỰC

LAM SƠN

Tin vợ chồng ký giả Lê Triết bị ám sát chết vào đêm 22 tháng Chín 1990 vừa qua trước cửa nhà ông ở Falls Church, Virginia, miền Đông Hoa Kỳ, đã gây chấn động trong cộng đồng tị nạn Việt Nam, nhất là giới cầm bút và báo chí Việt ngữ. Đây là vụ ám sát thứ hai đối với nhân viên báo *Văn Nghệ Tiền Phong*, vì cách nay mấy tháng, ông Đỗ Trọng Nhân, một nhân viên kỹ thuật, cũng đã bị giết chết.

Tại miền Nam California, các cơ quan truyền thông Việt ngữ độc lập gồm 25 đại diện đã hội họp tại khu Little Saigon ngày 24 tháng Chín 1990 đưa ra kháng thư lên án vụ khủng bố ám sát người cầm bút.

Trong số những giả thuyết về nguyên nhân, người ta nghĩ đến âm mưu nhằm triệt hạ người cầm bút, muốn bóp nghẹt quyền tự do báo chí và quyền tự do phát biểu tư tưởng của người dân trong một xứ sở tự do, pháp trị.

Ông Lê Triết bút hiệu Tú Rua, phụ tá chủ nhiệm tạp chí *Văn Nghệ Tiền Phong*, đã viết rất nhiều bài trong mục "Ngày Lại Ngày" gây nhiều tranh cãi trong số những độc giả của ông vì những lời lẽ, chỉ trích gay gắt của ông đối với các lãnh tụ của cộng đồng, các lãnh tụ tôn giáo và đoàn thể chính trị. Một số người đồng ý, hoan nghênh tính cách quá khích và bảo thủ của ông. Nhưng cũng có một số khác tỏ ra không ưa thích vì ông đã viết hẳn lên báo những nhược điểm, đời tư, quá khứ của những người bị ông xem là đối tượng công kích. Dù ưa hay ghét, ai cũng phải nhìn nhận chính lối viết với lập trường quá khích bảo thủ đã tạo cho ông nhiều kẻ thù, có thể là cộng sản, có thể là những kẻ bị ông đả kích, và ông đã nhận được nhiều lần đe dọa mạng sống của ông.

Không phải một mình ông Lê Triết bị đe dọa an ninh bản thân. Những người cầm bút khác có khuynh hướng ôn hòa hơn có quan niệm khác hơn lập trường quá khích cũng bị đe dọa ám sát hoặc giết chết. Một bản án tử hình đối với một số người cầm bút ngày 30 tháng Tư 1990 vừa qua nói lên tính cách quá khích của một số người (người viết bản án) và tính cách thiên lệch của một "sự im lặng đồng lõa". Đối với người cầm bút chân chính, mọi tranh cãi về lập trường về quan điểm trong cuộc tranh đấu chung là một vấn đề "tự nhiên" để làm sáng tỏ, tìm ra sự thật trong một xã hội tự do, dân chủ, tôn trọng quyền phát biểu tư tưởng của mình. Người cầm bút chân chính không thể vì khác biệt tư tưởng, lập trường mà kích động gây tội ác, muốn bóp nghẹt tiếng nói đối lập với mình. Chúng ta không thể sống trong mảnh đất quê hương vì có những kẻ "thề phanh thây uống máu quân thù", thì nay hoạt động trên một môi trường tự do lại phải cứ bị ám ảnh bởi những đe dọa an ninh cá nhân, đe dọa mạng sống, bị đẩy vào hàng ngũ kẻ thù "chỉ vì bất đồng chính kiến, lập trường chính trị". Tổ chức giải phóng Palestine (PLO) vì chiến đấu tìm một mảnh đất lập xứ, lẽ ra họ có chính nghĩa để được thế giới ủng hộ, chỉ vì dùng những biện pháp khủng bố, ám sát những người cản trở họ, ngày nay họ bị cộng đồng thế giới xem như một tổ chức khủng bố bị Interpol bám sát truy lùng.

Chúng ta tranh đấu chống cộng sản độc tài, áp bức, hi vọng tạo lập một nước Việt Nam tự do dân chủ, công bằng pháp lý. Chúng ta đòi "dân chủ đa nguyên" thì ngay tại xứ tự do, pháp trị này chúng ta không thể dung túng một người, một số người, đòi "đứng trên luật pháp" để phán xử ai có tội ai đáng bị loại khỏi cộng đồng và ai đáng bị xử tử. Hành vi đó chỉ có ở những kẻ độc tài, mọi người dưới một người hoặc một nhóm người.

Tranh luận, chỉ trích để làm sáng tỏ sự thật, để tìm ra sự thật trong tinh thần dân chủ, thượng tôn pháp luật chứ không thể dung nạp tính thuyết phục bằng vũ lực bằng súng đạn, bằng chụp mũ.

Chúng ta lên án sự việc ám sát những người cầm bút thì chúng ta cũng có bổn phận cổ võ thượng tôn pháp luật, sử dụng đệ tứ quyền một cách nghiêm chỉnh, không mạt sát, mạ lỵ cá nhân, chụp mũ đối tượng không đồng chính kiến hay chạm đến quyền lợi của mình.

Người cầm bút phải chứng tỏ tự mình có tinh thần đa nguyên, mở rộng cánh cửa tự do dân chủ đích thực, chứ không đưa dư luận vào ngõ cụt, đưa tập thể vào sự oán ghét, ghê tởm của người bản xứ. Hành động dũng cảm của người cầm bút trong việc cổ võ loại trừ bạo lực chính là biện pháp hữu hiệu nhất để tự bảo vệ trước khi đòi nhà cầm quyền bảo vệ mình.

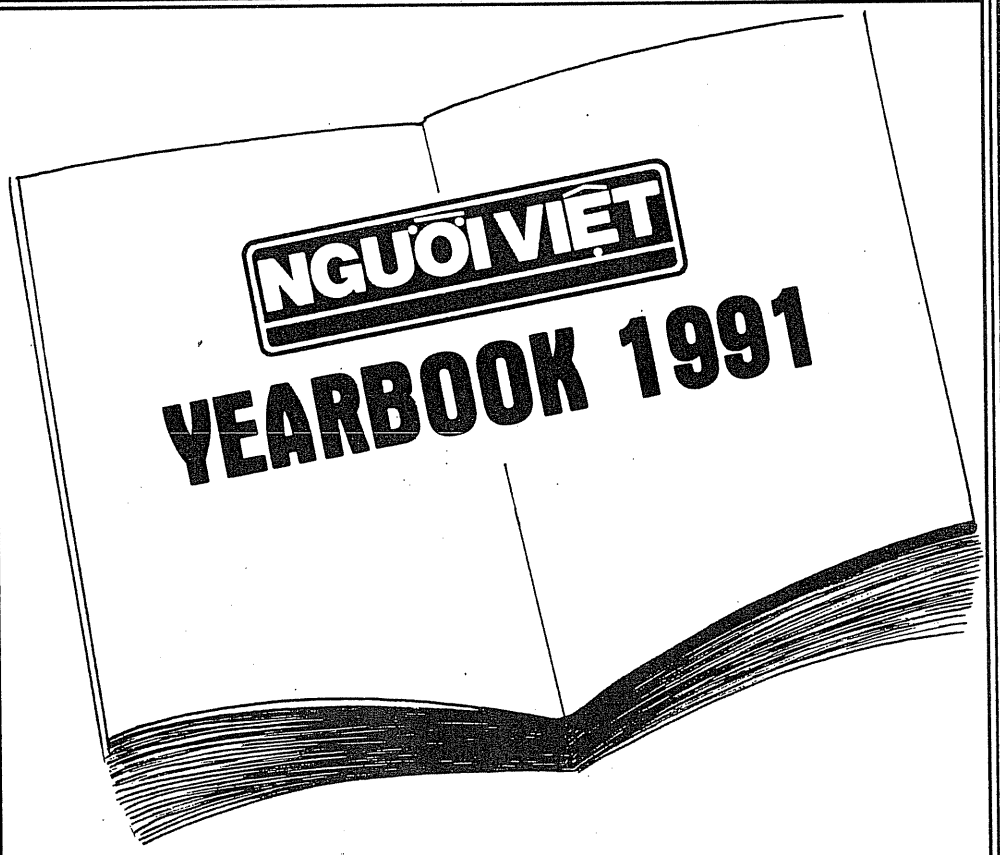

Với gần 500 trang gồm hàng trăm
tài liệu, bản đồ, hình ảnh, đề mục tra cứu
thực dụng.

NGƯỜI VIỆT YEARBOOK 1991

là
cẩm nang chung
của
mọi gia đình
Việt Nam

đã phát hành khắp nơi

TÁC PHẨM MỚI NHẤT CỦA NHÃ CA

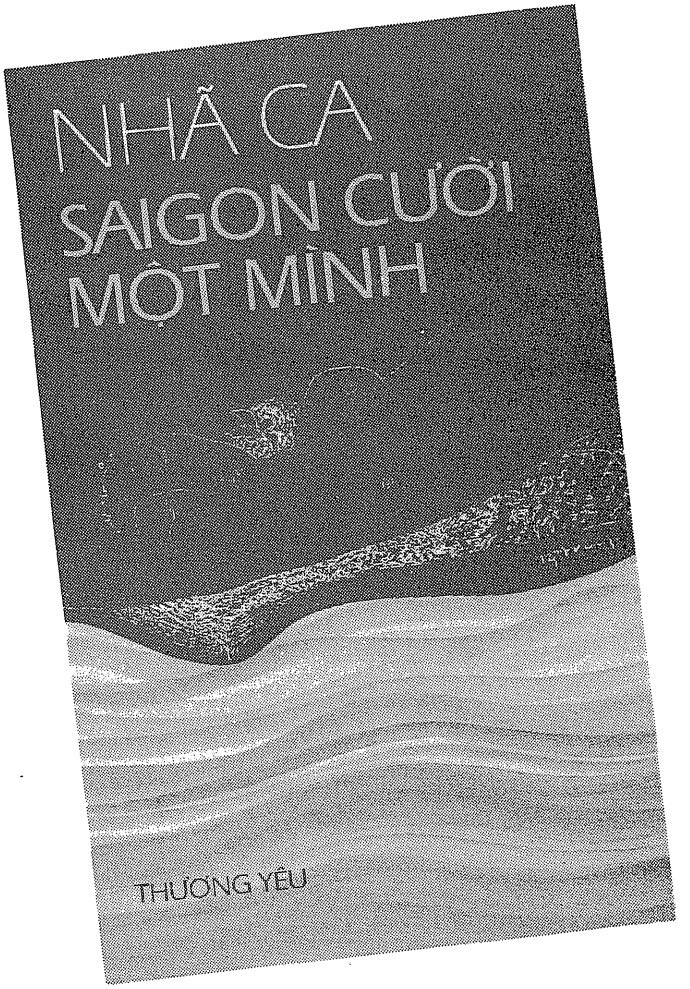

* Lần đầu tiên được viết ra, những chuyện về Saigon đổi đời: Saigon *xếp hàng cả ngày,* Saigon *xuống hố cả nút...*

saigon cười một mình

tranh bìa: Nguyễn Trung. Phụ bản: Bé Ký. 264 trang. Giá US$12.00

NGƯỜI VIỆT tổng phát hành
14891 Moran Street
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-9414

Dân **Chu Văn An**

khắp nơi trên thế giới phải tìm đọc cho bằng được:

Đặc san CHU VĂN AN
Xuân 1990 *(đã ra tháng Hai 90, còn ít)*
do nhóm CVA Nam Cali thực hiện

Đặc san CHU VĂN AN
Hè 1990 *(đã ra tháng Bảy 90, còn ít)*
do nhóm CVA San Jose thực hiện

Đặc san CHU VĂN AN
Thu 1990 *(sắp ra tháng Mười Một 90)*
do nhóm Bưởi - CVA Paris thực hiện

Liên lạc: **Nhà Phát Hành Người Việt**
14891 Moran St., Westminster CA 92683,USA
ĐT (714) 892-9414

Đặc san Chu Văn An **Xuân 1991** do nhóm CVA Nam Cali thực hiện chờ đón bài vở, tin tức, hình ảnh của các bạn. Liên lạc LONG ÂN, 14541 Brookhurst, Suite A-4B, Westminster, CA 92683. ĐT (714) 839-5844.

Bộ Chữ Việt Nam

©VN Labs 1984,1990

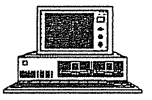

Trên IBM PC & PS/2

Do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Computer tiếng Việt và Bộ Chữ Quốc Tế.

Dbase III&IV
Foxbase
Microsoft Word V4&V5
Norton Editor
PC-Write
Personal Editor
Professional Write
Quattro & Quattro Pro
Volkswriter V1&2&3&4
VP-Planner
Wordstar V4&V5
WordPerfect V4&V5
Works V1&V2
Ventura Publisher V1&V2
vv..

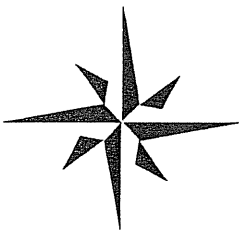

VN Labs
3700 Campus Drive, Suite 202
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Hệ thống Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường.

- ❑ **VN.COM version 7.5:** dùng tiếng Việt với Wordstar V4 & 5, Microsoft Word V4 & 5, Volkswriter V3 & 4, PC-Write, WordPerfect V4.2 & 5.0 & 5.1, Ventura Publisher V1.1 & 2.0, Dbase, Spreadsheets, vv.. trên mọi loại IBM PC/XT/AT và PS/2, in trên hầu hết các loại dot matrix và laser printers cùng Postscript printers. Chạy với mọi loại display adapters: EGA, CGA, MCGA, VGA, Hercules, Genius, Taxan, WYSE, vv.. Cách xử dụng vô cùng dễ dàng và tiện lợi.
- ❑ **VN Labs Word Processor**: đầy đủ tiện nghi, menu tiếng Việt, dùng mouse.
- ❑ **Nơi duy nhất chế tạo tiếng Việt đánh chữ trước, dấu sau trong các software thị trường**, không bị hạn chế vào một word processor.
- ❑ Nơi duy nhất chế tạo tiếng Việt có thể in trên tất cả các loại máy in hiện đại, kể cả Postscript printers và phototypesetters.
- ❑ Bộ Chữ Việt Nam do VN Labs hiện đang được xử dụng tại nhiều cơ sở báo chí và các tổ chức Quốc Tế: Người Việt, SàiGòn Nhỏ, Thế Kỷ 21, Ngày Nay, Lý Tưởng, Liên Hiệp Quốc, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, World Vision International, vv..
- ❑ **Font tiếng Việt in nền đen chữ trắng từ Ventura ra Laserjet.**

Software lấy bản An Sao $25
(dùng code Bộ Chữ VN Labs)
Nhìn, đánh, in tiếng Việt cho tên tuổi vào Computer và in ra Bản An Sao trong hạn lịch sách 1901 - 2000. In trên dot matrix hoặc Laserjet printer. Vui lòng liên lạc:

Thày Bói tại gia

Lá Số Tử Vi Computer $15
Do Cosmos Systems. Lời giải vô cùng tinh tường. Vui lòng gửi $15 cùng tên, tuổi, địa chỉ, nam hoặc nữ, về Cosmos Systems.

COSMOS SYSTEMS
P.O.Box 2482
Mission Viejo, CA 92690-0482
(714) 582-8233

VN FontsCD 55 kiểu chữ Việt tuyệt vời $195
Dùng với Corel Draw và Windows. Fonts lớn, nhỏ, đủ kiểu, đủ cỡ, tiện cho việc làm tựa đề, ấn loát, bích chương, vv.. có thể chuyển vào Ventura Publisher.

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

Điện Thoại (714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA NỮ BÁC SĨ

HỒ THỊ ÁNH NGUYỆT, M.D.

AMERICAN BOARD OF OB — GYN

Tốt nghiệp Y Khoa Đại Học U.C.L.A.

Tốt Nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại University of Texas

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

PHỤ KHOA
* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn.

SẢN KHOA
* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

CƠ SỞ THẰNG BỜM Ở NHẬT NHẮN TIN

Cơ sở duy trì và phát triển văn hóa Việt tại Nhật Bản muốn nhận thư mục mới nhất của các nhà xuất bản, cơ sở phát hành sách báo và băng video nhạc, CD Mỹ, và sẵn sàng cộng tác với quý vị để phổ biến, phát hành những ấn phẩm của quý vị tại Nhật. Có những ấn phẩm mới nhất xin vui lòng giới thiệu ngay với cơ sở Thằng Bờm:

THẰNG BỜM (PHẠM NGỌC THANH)

262-72-918 Shimowada, Yamato-shi, Kanagawa-ken t242 Japan. Tel: 0462(68)1792, 0467(78)8146
Fax: 0462(68)4293

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T.: (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên khoa Sản **Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans,LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

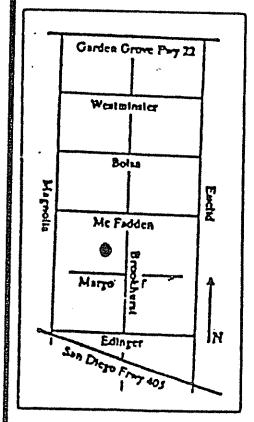

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988

Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

Nhận Medical và Bảo Hiểm

Hướng Dẫn:

* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

Chuyên Trị:

* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt khắp năm châu với các món ăn thuần tuý miền Bắc:

1. *Bún chả "Chợ Đồng Xuân"*
2. *Chả cá Thăng Long*
3. *Bún vịt xáo măng*
4. *Bánh Tôm "Cổ Ngư"*
5. *Bún Bung*
6. *Bún Riêu*
7. *Bún giả cày*
8. *Bún Thang*
9. *Bún Mộc*
10. *Bánh cuốn "Thanh Trì"*
11. *Bún ốc*
13. *Bánh đúc đậu rán*
14. *Đu đủ bò khô "Viễn Đông"*
15. *Miến gà*
16. *Miến lươn*
17. *Chả giò*

ĐẶC BIỆT: CHẢ CÁ THĂNG LONG
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
8966 E. Garvey #C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9 AM - 9 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ
Nghỉ ngày Thứ Ba

TUYỂN TẬP Thi Viết Văn Hè 88

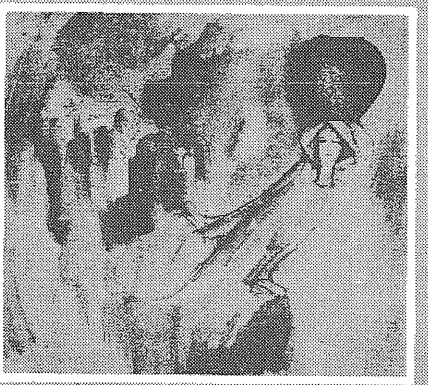

NGƯỜI VIỆT

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ VỚI TẦM VÓC QUỐC TẾ

PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

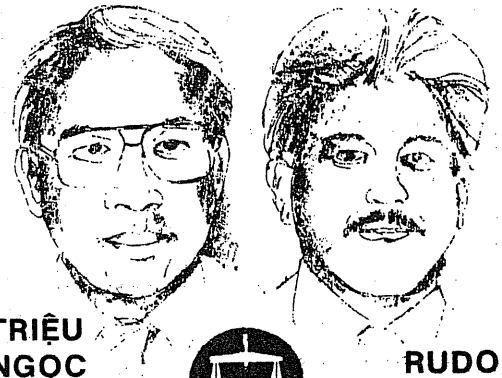

TRIỆU NGỌC TOÀN, J.D.

* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.)
* Giáo Sư 11 Năm Hành Chánh Hoa Kỳ
* Điều Hành Văn Phòng

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA

* Giáo Sư Đại Học Luật Khoa W.S.U
* 6 Văn Phòng Đại Diện tại Đông Nam Á
* 5 Văn Phòng tại Orange County, Los Angeles
* Một tổ hợp Luật Sư Chuyên Nghiệp Tai Nạn (P.I
* Uy Tín Nhiều Năm Với Các Cộng Đồng Á Châu

- **ĐỀN BỒI THƯỜNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH**
  - **Vì Xe Cộ:**
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
    - Tham khảo miễn phí
  - **Trượt Ngã Siêu Thị**
  - **Sơ Xuất Y Tế**
- **HÌNH LUẬT**
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị
  - Các tội Tiểu hình, Đại hình
  - Thiếu nhi phạm pháp
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
- **DI TRÚ, ĐOÀN TỤ:**
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
- **KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN:**
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản
- **DI CHÚC THỪA KẾ**

(714) 892-2154
Giờ làm việc
Thứ **2-7: 10AM-7PM**
Chủ Nhật: Theo hẹn.

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LÝ CỦA QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

Los Angeles Office
3807 Wilshire Blvd., Suite 500
Los Angeles, CA 90010
Toll Free: **1-800-331-4725**

Westminster Office:
9211 Bolsa Ave., suite 222
Westminster, CA 92683
(Cạnh Siêu Thị 99)

Chỉ cần mua (dài hạn)
một tờ báo
bạn được đọc
14 tờ báo mỗi tuần

Chuyện khó tin, nhưng có thật.

Nhật báo

NGƯỜI VIỆT
CƠ QUAN TRANH ĐẤU THỜI SỰ VĂN NGHỆ GIÁO DỤC

Tờ báo tràn ngập
tin tức Việt Nam,
Đông Nam Á, và Quốc tế

NGƯỜI VIỆT
CƠ QUAN TRANH ĐẤU THỜI SỰ VĂN NGHỆ GIÁO DỤC

Tờ báo của
mọi gia đình Việt Nam hải ngoại

Nhật báo NGƯỜI VIỆT
14891 Moran St., Westminster, CA 92683
ĐT: (714) 892-9414 / (714) 892-9316
FAX: 894-1381

TRUNG TÂM CHUYÊN TRỊ ĐAU NHỨC, Y KHOA CHỈNH XƯƠNG

BOLSA CHIROPRACTIC CLINIC

Bác Sĩ NGUYỄN BẢO LỘC, D.C.
Bác Sĩ ÔN JACQUELINE TRINH, D.C.

CHUYÊN TRỊ

- Nhức đầu cấp tính và kinh niên
- Sai trật xương quai hàm
- Cổ, vai đau nhức, giới hạn sự cử động, tê, bại chuyền xuống cánh tay, tê các ngón tay
- Sai trật các khớp xương bả vai, khuỷu tay, cổ tay, đầu gối, mắt cá.
- Tức ngực, khó thở, khó ngủ, mỏi mệt, tiêu hóa kém.
- Đau nhức giữa lưng, ngang lưng, bên hông, bàn tọa, đau nhức lưng chuyền xuống chân, bàn chân, ngón chân.
- Đi chân thấp chân cao, hay bị vọp bẻ.
- Bị phong thấp, tê thấp kinh niên.

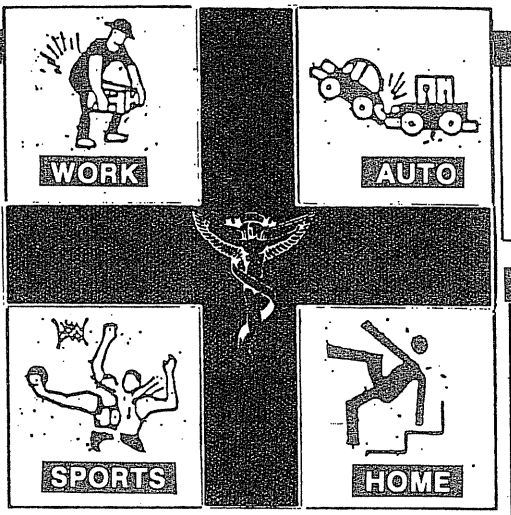

TRỊ LIỆU

* Điều chỉnh các hệ thống xương, thần kinh và bắp thịt.
* Dinh dưỡng và thể dục trị liệu.

PHÒNG MẠCH

Trang bị nhiều dụng cụ Y Khoa vật lý trị liệu tối tân như:
Ultrasound, Diathermy, Transcutaneous Electrical Nerve Stimulation (TENS), Interferential, Intersegmental, Traction Therapy Table, Low Voltage Muscle Stimulation ,Parabath, Hydrocollator, Cryotherapy, Massage Machines...

(714) 839-6068

9361 Bolsa Ave., Suite 201
Westminster, CA 92683
(Khu Lê Lợi, trên lầu nhà hàng Song Long)

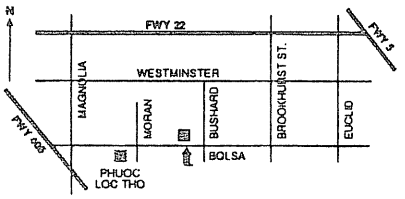

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10AM - 7PM
Thứ Bảy: 10AM - 3PM
Chủ Nhật: Theo hẹn

XIN QUÍ VỊ ĐẾN THAM KHẢO, CHỮA TRỊ QUA KHÓA CHỈNH XƯƠNG TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH GIẢI PHẪU!

(714) 839-6068

NHẬN BẢO HIỂM 100%
Có chương trình đặc biệt cho các bệnh nhân có Medical, Medicare và đồng hương mới qua Hoa Kỳ

ĐẶC BIỆT ĐIỀU TRỊ TAI NẠN XE CỘ LAO ĐỘNG VÀ THỂ THAO

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA PERMIT 23

Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT
hân hạnh giới thiệu

VƯỜN DÂU XANH

* Tuyển tập 22 ca khúc của Trần Đình Quân
* Bìa của Nguyễn Trọng Khôi
* Phụ bản của Nguyễn Thị Hợp và Nguyễn Trọng Khôi
* Nguyễn Đức Quang, Khánh Ly, Trầm Tử Thiêng, Nhật Ngân và Trần Dạ Từ giới thiệu
* Người Việt xuất bản 1990

Giá 3.00 MK Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK